

- 103 — Xuân hề xuân bắt tái lai,
Thầy răng thầy chẳng ăn khoai bao giờ.
- 101 — Xứ Nam nhất chợ Bình-Bồi,
Xứ Bắc Trần-Khám xứ Đoài Hương-Canh.
- 105 — Xưa kia ăn những của chồng,
Kiếm được một đồng dũng-dinh ăn riêng.
- 106 — Xưa kia nói nói, thè thè,
Bây giờ bẻ khóa trao thia cho ai.
- 107 — Xưa kia ăn dâu, ở đâu,
Bây giờ cò bí, chè bầu răng hôi.
- 108 — Xưa kia nó cũng là hoa,
Bây giờ nó rách, nó ra bông tàn.
- 109 — Xưa kia em cũng lượt là,
Bây giờ nó rách, nó ra thân tàn.
- 110 — Xưa kia ngọc ở tay ta,
Bởi ta chênh-mảng, ngọc ra tay người.
- 111 — Xưa kia ai cầm duyên bà,
Bây giờ bà già, bà cầm duyên tôi.
- 112 — Xưa kia có thể này đâu,
Bởi vì sợ vợ, nên râu quặp vào

15 chữ

- 113 — Xấu hổ nhưng mà tốt long,
Đến khi no lòng tốt cả long, lẩn hổ.

Câu Đôi

NGUYỄN-VĂN-NGỌC

ÔN-NHƯ

BIÊN-TẬP

• • • In lần thứ nhất • • •

Người làm sách giữ bản quyền



VĨNH-HƯNG-LONG THƯ-QUÁN
49-51, Phố Hàng Đường, Hà-nội.

1931

TỰ A

Câu đối cứ kẽ, không đáng đứng làm một
loài văn riêng như Thơ, Phú, Văn bia, Văn tế,.....

Câu đối, chẳng qua, chỉ là một lối văn vụn-vặt,
tinh tảng chữ, chờ không đếm từng trang, từng tờ.

Tuy vậy mà câu đối là một thể văn rất cần. Phản
các lối văn vần của ta, bắt cứ là Thơ hay Phú,
Văn tế hay Văn bia, cho đến cả văn Lục-bát hay
Song-thát-lục-bát cũng không vượt được câu đối,
cũng đều có câu đối lẩn ở trong.

Người ta có biết làm câu đối, nhiên-hậu mới
học làm thơ, làm phú được. Câu đối khác nào
như a, b, c của quốc-ngữ, như bước đầu vào
làng văn.

Nói rộng nữa, cả các lối văn xuôi cho đến
một câu nói thường, làm khi cũng phải mượn

đến văn câu đối. Tiếng ta vốn là tiếng đan-âm, nên bài văn hay câu nói của ta, muốn cho xinh đẹp, giòn giỏi, nhiều khi phải gióng chữ đi đôi, cùng nhau sánh cạnh cho đều như đoi ngựa thăng vào xe cộ. Ấy cái nghĩa hai chữ «biển ngẫu» 駢偶, cái lối gọi là «biển-văn» 駢文, «đôi-ngẫu» 對偶 là như thế (1).

Vì câu đối là lối văn đơn-giản, mà công-dụng của câu đối thành rất to. Quả vậy, người ta, bắt cứ về dịp nào, mỗi thất tình đã động, là cũng nên câu đối được cả. Dịp vui có câu đối mừng, dịp buồn có câu đối viếng; hết một năm, hơn một tuổi có câu đối thường xuân, qua mươi năm, lên một giáp có câu đối chúc thọ; mến cảnh, chiều dời mà làm câu đối được, thì ghét người, giận thân cũng làm được câu đối; ở nơi đình chùa, miếu mạo oai-linh, trịnh-trọng mà dễ được câu đối, thi ở chốn anh em bè bạn chơi đùa, cợt nhả cũng ngâm được câu đối.

Lại xem các truyện xưa, có khi chỉ vì một câu đối khảng-khai, tài tình mà nên danh nèn già, nên vợ nèn chồng, thì lắm khi cũng chỉ vì

(1) Pháp-văn, về Tu-từ học cũng có lối gọi là anti-thèse, parallélisme, tức là phản-ngữ, đối-ngữ.

một đôi câu đối túc khi, xô-xiên mà đánh nhau đến vỡ đầu, xé tai hay thù nhau đến chết cũng chưa quên.

Lại, người ta, bắt cứ về hạng nào, vết mực, nét bút còn biết lấy làm trọng, là còn ra chuông câu đối, thích dùng câu đối cả. Từ nơi cung-diện nguy-nga của Vua, Chúa cho đến chốn nhà gác (1) lều gianh của Mường, Mán, qua bao nhiêu nhà quan, nhà dân, nơi thành-thị, chốn thôn-quê, nhà nào, là nhà không có, il ra, cũng một vài đôi câu đối. Trước cổng ngoài: đối câu đối; ở giữa sân: đối câu đối; vào trong nhà, nhà thờ, nhà khách bao nhiêu câu đối; có khi che kín cả cột, lắp cả trường đồng-đúc nghìn-nghịt như cây trong rừng, như bông lúa ngoài ruộng. Nào câu đối chữ Hán, nào câu đối chữ Nôm, nào câu đối cụ đồ viết, nào câu đối quan Nghè soan, nào câu đối đi kèm với bức hoành-phi hay bức quấn-thư treo trên, nào câu đối đi lồng với bộ túc binh hay bốn bức tranh sơn thủy vào giữa. Câu này tân tung bốc lên tần giờ xanh; câu kia sáu sắc, đậm đà chọc đèn gan ruột, câu này viết lối đỉnh-chung (2) thật cổ từ bên Tàu mua sang, câu kia viết lối hành-thư thật sắc từ đời Lê dè lại, câu này lối chữ thảo khó đọc

(1) Nhà gác đây túc là nhà sắn.

(2) Lối hình cái vạc, cái chuông thuộc về thể triện.

cho ra như chữ A ti-cáp (1), câu kia lối chữ chẵn, ngang, số nét bút trong như thần.

Xuềnh-xoàng, chỉ tờ giấy đỏ, giấy hồng-hoàng cũng đủ câu đối. Giản-dị, chỉ và vuông vải tây, vải cát-bá cũng xong câu đối. Xa-hoa gấm vóc cũng thành câu đối; tì-mùi thêu cắt cũng là câu đối Nhã-nhận mà ra lối Tàu, thì còn gì thay được đối câu đối viết vào liên giấy mép viền lụa, hay vạch vào cây trúc, đốt nỗi từng đoạn; lịch-sự mà vẫn của ta, thì còn gì bằng được đối câu đối gỗ trơn luột, hay vỏ măng son then thép vàng, hay thép bạc, phủ son, hay chữ son nền gấm, hay chữ khâm, nền mộc hay chữ đồng nền đánh bóng. Muốn cho lâu dài, thì dắp ngay câu đối bằng mảnh sành, mảnh sứ; muốn cho bền chặt, thì đúc ngay câu đối vào tảng đá hoa, đá vôi (2). Cái lối câu đối đóng khung ngoài lồng kính trang-hoàng, rực-rỡ bao nhiêu, thì cái lối câu đối mài ở trong gương soi chiếu ra lạ mắt mới-me bấy nhiêu, mà cái lối câu đối lấy chữ quốc ngữ thay vào chữ Hán, chữ Nôm duy-tân và chưa được thuận mắt bấy nhiêu.

Nói tóm lại, câu đối có công dụng hơn là thơ, một đối câu đối dễ nghĩ, dễ làm, dễ nhớ, dễ viết hơn.

(1) — Hiéroglyphe.

(2) — Chỉ chưa ai nghĩ đúc câu đối bằng gang, bằng sắt vì nghè, đã kim dàn ta còn kém.

một bài thơ, (1) câu đối là đồ trang sức trong nhà có một không hai trường bức tranh khung ảnh không thể nào bằng. Có được một đôi câu đối hay treo trên tường, khác nào như có một ông thầy nghiêm, người bạn tốt ở trước mắt, ý nghĩa nó như biết nói năng, nét bút nó như muốn cử-dộng, lại nhờ thêm được tay thợ khéo khắc, nước sơn tốt mầu, thì thật là khiến cho người tặng, lúc đưa cũng phải hãi lòng, người nhận, lúc treo cũng phải thích trí, và sau, bao nhiêu người trông, người đọc cũng phải tấm-tắc khen như láy làm ra chuông quyển luyến, như láy làm khoai lạc say mê vậy. Văn-chương tuyệt cú đắt, bức họa thần bút đấy, kỹ-thuật đấy, kỷ-niệm đấy, lưu danh thiên cổ cũng đấy.

* * *

Thể văn câu đối cần như thế, công dụng câu đối to như thế, cho nên cách học tập làm câu đối, các cụ xưa thật là dào luyện hết phép, theo đuổi đến nơi vây.

Ngay từ lúc bé, học chưa hết quyển Tam tự kinh, viết còn mới đậm chữ son, các cụ đã phải tập làm ngay câu đối. Bắt đầu còn một chữ, dần dần hai chữ, ba chữ, sau lên đến năm, bảy chữ, ngoài mười chữ, thế là đủ các lối tiêu đối, câu đối

(1) — Có làm bài thơ mà lưu lại được là chỉ nhờ ở hai câu luận hay hai câu thực, tức là mấy câu đối trong thơ mà thôi.

thơ, câu đối phù các cụ khéo tập theo cái luật tuân tự nhí tiến lâm. — Trước còn lấy những chữ sẵn trong sách ra, lại tìm những chữ sẵn trong sách đối lại, sau mới đặt những câu tự nghĩ ra để tìm lại, những câu tự nghĩ lấy mà đối lại, các cụ thật biết cách cầu đến Thánh hiền trước rồi sau mới cây đến chính mình. — Buổi sáng đến trường đọc bài, nghe nghĩa bài, buổi chiều đến trường, viết xong trang phóng hay trang buông, là mài-miệt vào câu đối, chưa đổi xong, là chưa được về nhà, các cụ thật khéo tập cái trí tim-tỏi, bắt phải tìm, mà tìm cho kỹ thay mới nghe.

Cách học tập công phu bao nhiêu, thi cách chấm chẽa phải phân-minh, cách trùng phạt cũng phải nghiêm-nhặt bấy nhiêu. Câu đối hay được khuyên, câu đối khá được chấm, câu đối dở thì số, đến như câu đối mà thất luật, thì nào phải mắng, phải đánh, nào phải vòng mép, phải luôn chôn thật là đê nhục, các cậu học trò bây giờ tất cho là những cách hình-phạt quá ư nặng-nề làm mất phẩm giá con người. Mà dễ cả ông thầy dạy các cậu bây giờ cũng kêu là học câu đối như thế không được lợi gì cho phần tri dục, mà mất bao nhiêu công phu, uổng mất bao nhiêu thời giờ.

(1) — Lối này tức là lối Tập cũ. Người Tàu có câu đối lập cũ đủ các lối văn bia, cõi văn, cõi-nhạc phủ, kinh Thi, kinh Dịch v.v...

Đó là xét về mặt phương-pháp giáo-dục tối tần. Nhưng thật kẽ ra xưa kia, cách tập làm câu đối cũng là một cách luyện trí khôn rất hay, bắt trí khôn nào phải nghĩ phải tìm, nào phải cân nhắc phải so-sánh, nào phải nhớ cho được, phải đặt cho nên, thật là đủ cách. Cái sự thể-thao tri-tuệ nhỏ mọn áy thế mà cần : một đôi câu đối năm, bảy chữ làm mà nên, thì nhiên-hậu mới bảo hòng làm thơ, làm phú, bài đoạn, văn sách, tinh-nghĩa tràng-thiên, nghĩa là cả các loại văn khác cho nên được.

* * *

Văn câu đối tuy vụn-vặt, mà không phải là khinh thường, cứ kẽ ra lại thật là rất khó, Chữ câu đối đã ít mà lại phải đi đôi với nhau, nên tất phải kén chọn, lựa-loc, cân-nhắc, so-sánh sao cho chắc chắn chín nục, già-giặn, giòn-giỏi và chơi nhau thật cân xứng mới được. — Câu câu đối phải rõ, nên tất phải xếp đặt, mài rũa, gọt tủa, trau giồi sao cho thật phân-minh, sáng-sủa, gọn-gàng mạch nào, áoan áy cho đâu ra đấy mới được. — Ý câu đối phải sâu xa, nên tất phải đào-luyện, nung-nấu sao cho dồi-dào, thâm-thúy có hưng-thú mới được... Nói tóm lại, một đôi câu đối hay phải khác nào như một câu phương-ngôn, ngắn-ngữ, chữ rất ít, rất gọn mà ý nghĩa bao-hàm

rộng-rãi, càng xem càng nghĩ mới càng rõ được hết cái hay.

* *

Bởi vậy làm một đôi câu đối cho nên, xưa nay hờ dẽ đã được mấy người. Cứ như chúng tôi sưu-tập trong quyển sách này, đếm kẽ có hàng ngót ba trăm câu (1) mà tựu trung, cái số câu khiến cho ai nấy cũng phải kính-phục và đáng lưu truyền đời này sang đời khác dẽ không được là bao.

Quả vậy, gác những câu đối chữ Hán ra, và không kẽ quá lên tự đời Trần là lúc văn quốc-âm mới phôi-thai, thì về mấy thế-kỷ gần đây, ngoảnh đi, ngoảnh lại, may cũng chỉ được độ và bốn chục câu là thực hay chói-lói mà thôi. Trong những câu đó, không kẽ năm ba câu, chưa rõ đích ai làm, thi dẽ ta lại cũng chỉ gấp một và cự mà ta từng được làm quen ở các loại văn khác, như cụ Nguyễn-công-Trí, cụ Cao-bá-Quát, cụ Nguyễn-Khuyển, cụ Phạm-Thái (tức là Chiêu-Lý), ông Trần-kế-Xương, ông Nguyễn-định-Tân... ông Trang-Quỳnh hay bà Thị-Diệm mà thôi.

(1) Chúng tôi hiện còn thu nhặt nứa cho nhiều thêm lên và chúng tôi dám mong các độc-giả biết được câu nào trong sách chúng tôi chưa có vui lòng mà gửi cho chúng tôi, chúng tôi sẽ lấy làm hoan nghênh lắm.

Trong vòng năm bảy mươi năm nay, những người văn-câu đối đã hay, chữ câu đối lại tốt là ai? — Hay nỗi danh chỉ có cụ Nguyễn-tư-Giản. Những người đỗ về khoa bút thiếp là ai? — Hay nức tiếng chỉ có ông Nghè-Dụ, ông Nghè Tuyền. Hay lại phải cầu đến những ông người Tàu, chữ tự bên Tàu gửi sang như ông Đào-lập-Kinh, ông Tăng-quốc-Phiên? . . .

Nhưng dù sao nứa, được như thế cũng là hay lắm. Vì hiện nay ta cũng còn có những đôi câu đối nên trang tuyệt bút đáng ngâm đọc, đáng ghi chép để lưu truyền cho con cháu, cũng còn có những đôi câu nét viết thản bút đáng yêu, đáng quý, cố mà giữ lấy để ngâm-nghĩa đời đời.

* *

Cái hiện trang câu đối như thế thì rồi ra cái tương-lai của câu đối làm sao? — Cứ xét như bây giờ, bề ngoài thì thật là hào-nháng, nướm sơn bóng bẩy, vàng bạc rực-rỡ, nhưng cắt, chỉ thêu, gấm vóc xa-hoa, gương lồng nhấp-nhoáng. Lại thật là tiện việc: ở nhà quê, chợ nào về dịp Tết mà không được một vài ông viết thuê nhấp-nhôm ngồi chờ khách đến mua chữ, xung-quanh, ngay dưới đất, cảng bao nhiêu câu đối nét mực còn viết và đủ các khổ dài ngắn, rộng hẹp, đủ các thứ giấy hồng-diều, hồng-hoàng hay chỉ-chu. Ở tinh-thanh bất cứ lúc nào, mấy nơi, mà không có những hàng dày là « Tả tự » 寫字 đó là « Hiếu hỉ

đối chướng » 孝喜對幃 của những ông khoa-mục, những nhà văn-sĩ mờ, trong nhà treo la-liệt những câu đối, vải có, vóc có, dán có, thêu có, sơn khảm cũng có, tiền càng nhiều, thì câu đối càng đẹp. Ở Hà-nội thì vào ngay hiệu các chủ câu đối trúc, câu đối liên thiên-thung và lảng-lắng treo ngay áp ván gác, hay cứ ngồi nhà cũng có chủ ôm tùng ôm đi rong các phố và mang vào tận nơi ta xem, ta lựa, ta mua, cùng với bao nhiêu sách vở, tranh vẽ khác. Còn đâu đâu, có dịp phải mừng ai, hay pháng ai, mà lại không tìm được một vài cụ đồ săn chữ, săn nghiên, chỉ dem cơi giấu hay bao chè lại, là cụ đã nghĩ cho được một đôi câu đối (1) cụ vừa rung đùi, vừa ngâm, vừa viết, tưởng chừng như không còn ai bằng, không ai chữa được nữa.

Cái bè ngoài thì như thế. Nhưng tựu trung thì có nhẽ vì gấp cái buổi giáo-thời tập-nham, mà câu đối cũng sinh ra biến đổi tập-nham, khiến cho người hoài cổ phải phản-vân không rõ cái thực hay bấy giờ là ở đâu. Câu đối chữ Hán, thì sản ra những câu rất lả-lủng như câu:

Thiên tích thông minh Hà-nội
天錫聰明河內

(1) Nói Tàu có xuất-bản một quyển nhan đề là «Cô kim doanh liên đại quan» 古今楹聯大觀 trong có đủ cả các hạng câu đối, trường, các nhà bán câu đối cứ theo đó mà dùng tưởng cũng là tiễn lầm.

Thánh phù công dụng Đồng-xuân

聖扶功用同春

Ấy là chữ dẫn tự trong kinh Tam-tự ra, ấy là đối câu đối để bên một cái chợ to nhất ở chốn «Nghìn năm văn vật»!

Câu đối chữ Nôm, thì hiện ra những câu đặc-biệt như câu :

Cuối thu ngày chín, lên chơi núi,
Đầu trống canh năm, gọi thửng đồi.

Ấy là những chữ thuần nôm, ấy là lại thêm được cả cái tài nói lái không kém chi Trạng Quỳnh !

Câu đối như thế, thì người làm nên câu đối còn ai là Ngộ-Trai với Yên-đỗ ? — Người viết ra câu đối còn ai là Nghè-Dụ với Nghè-Tuyễn. — Đến như người treo câu đối, thì còn được mấy người là thực biết dùng ? — Hay ý nghĩa có khi sai lạc hẳn, khóc cha thì hóa ra khóc mẹ ? — Hay lạc-khoản có khi nhầm lẫn quá, tôn là cháu, mà diệt cũng là cháu ? — Hay ngày tháng có khi đảo ngược, đầu xuân thì là qui xuân, mà cuối thu thì lại là mạnh thu ? — Hay trái phải có khi lẫn lộn, câu trắc thì treo bên tay trái mà câu bằng lại treo bên tay phải ? — Lại đến cả như người đọc câu đối, nếu chữ tác chẳng đánh ra chữ tò, thì nhiều khi dễ cũng ngập ngừng mà :

Trên thì dán nhấm vứt đi,
Dưới thì.....gi gi.....ấy gi gi....xuân.

câu đối, họa may nối gót được các bức tiền-bối chút nào chăng ?

Câu đối ngày nay mà đã như thế, thì trong khoảng vài ba mươi năm nay, thử hỏi còn gì là câu đối nữa chăng ? Hay, vì chữ Hán không còn mấy ai theo học, chữ Nôm chưa được mấy ai chịu học, mà rồi câu đối, cùng bao nhiêu lối văn cũ như câu đối, dễ hờ cũng đều theo ngọn nước thủy-triều mà trôi đi mất sạch ?

Nếu quả vậy, thì cũng là một mối nén lo, cũng là một điều đáng tiếc.

Mà ấy cũng chỉ vì sự lo, sự tiếc ấy, mà chúng tôi mới cất công suru-lập làm ra quyển Câu đối này.

Quả vậy mục-dịch của chúng tôi cho xuất-bản quyển Câu đối này trước hết là tồn-cố, nghĩa là chúng tôi cố sức mà gop nhất, mà giữ-gìn những câu văn qui-hoa của ông cha khi trước còn để lại, sau nay, là chúng tôi dám mong cho các bạn thiếu-niên, nếu quả được chút bụng dạ nào với Văn-Nôm, thi cũng chưa nên với sao nhăng Văn Câu đối, mà lại nên lưu tâm đến, lập luyện lấy, biết đâu sau này vừa chấn-chỉnh được câu đối, lại vừa sản-xuất ra

Trong quyển Câu đối này, trên chúng tôi nói lược qua phép làm câu đối, dưới chúng tôi ghi chép những câu đối mà chúng tôi đã nhất nhạnh được trong mấy năm nay.

Cách xếp đặt trong quyển sách dài-dề như sau này :

Câu đối đáng lẽ không có đầu-dề như Thơ, Phù, cùng các thể văn khác. Nhưng chúng tôi cũng lấy một vài chữ đầu của mỗi vế mà làm đầu-dề. Như thế khi làm, chúng tôi vừa dễ bồ-mục, mà sau này, người xem sách cũng dễ đường tra-cứu.

Câu đối bao giờ cũng phải hai câu đi giống nhau, hai hay nhiều dòng,— dày tuy không phải dòng đi đọc, nhưng dòng đi ngang,— chúng tôi cũng cho in ngăn làm hai bên đối nhau, dòng bên này bao nhiêu chữ, thì dòng đối bên kia cũng đủ bấy nhiêu chữ. Như thế, người xem dễ nhận ngay ra chữ nào đối với chữ nào, mạch nào đối với mạch nào.

Trừ ra những khi đối câu đối di lẩn vào trong truyện kẽ, thì câu đối tất phải theo truyện mà đi một vế ở trên, một vế ở dưới.

Trong các câu có chữ nào khó, chúng tôi giải nghĩa thật phân-minh, thường khi truy đến tận nguyên-ûy. Như thế, người xem vừa hiểu rõ hết nghĩa các chữ, vừa biết thêm ra được nhiều chữ mới.

Mỗi câu chúng tôi lại có một và nhời gọi là phê-bình qua cả về mặt ý-túc cả về mặt chữ dùng, như thế người xem mới rõ được câu văn sở-dĩ hay là ở chỗ nào, và hoặc còn chỗ nào chưa được ồn cho lắm.

Khi chúng tôi giải nghĩa trước, rồi sau mới phê-bình; khi chúng tôi lại phê-bình trước, rồi sau mới giải nghĩa, là chỉ tùy theo cái thề-bài, sau nào được thuận thì thôi, chứ không chấp-nê theo một trật-tự nhất-định nào.

*

Còn cách bồ mục các câu trong sách, thì chúng tôi xếp theo trật-tự như sau này :

- I. — Câu đối toàn nôm.
- II. — Câu đối nôm pha chữ.
- III. — Câu đối chữ Hán.
- IV. — Câu đối liều.
- V. — Câu không đối được.
- VI. — Câu đối không giải nghĩa.

I. — Trong những Câu đối toàn nôm lại phân ra :

- 1) Câu đối Tết hay gọi Xuân-liên ;
- 2) Câu đối mừng hay gọi khánh-hạ, gồm cả những câu mừng tuổi, mừng thọ (niên linh), — mừng thi đỗ (đăng khoa), — mừng đèn mới, nhà mới (tết vỹ, đê trạch), — mừng đám cưới, (giá thú) mừng các nghề (bách nghiệp). . . .

3) Câu đối phùng hay gọi ai-văn, gồm cả những câu con khóc cha mẹ hay cha mẹ khóc con, vợ khóc chồng hay chồng khóc vợ, cháu khóc ông bà, cháu khóc chú, rể khóc cha mẹ vợ, cùng những câu viếng người ngoài.

4) Tập-liên, là những câu đối không vào các mục trên, người ta thường làm để vui chơi, gồm cả những câu tự-thuật, tự-thán, — để hay tặng, — trao phùng đối đáp nhau, — cùng những câu tập-cú về lục-ngữ, những câu linh-linh...

II. — Trong những Câu nôm pha chữ lại phân ra :

- 1) Những câu trong có chữ Hán lẫn trong chữ nôm, hay chữ nôm lẫn trong chữ Hán và những câu dùng nghĩa nôm mà âm là chữ Hán.
- 2) Những câu phàn trên chữ nôm, phàn dưới chữ Hán, hay phàn trên chữ Hán, phàn dưới

chữ nôm, hay chữ Hán lén vào giữa chữ nôm.

3.) Những câu có thể cho như là Chiết-tự, nghĩa là tách chữ ra mà đặt nên câu đối.

III.—Những Câu đối chữ Hán kẽ ra thiên van không tài nào ghi cho hết. Đây chúng tôi chỉ nhặt ít câu lưu truyền trong sử sách và thiên-hạ xưa nay đều truyền tụng. Những câu ấy cũng phán làm những câu Chiết-tự và những câu linh-tinh.

IV.—Những câu đối liều túc là những câu chỉ một vế ra là có nghĩa, còn vế đối, tuy gọi có, là chỉ cứ tìm từng chữ một đối liều với có, từng chữ một cho chơi, chờ chắp lại, không có nghĩa lý gì cả. Trong mục cũng có một đối câu thật là đối nhảm, đối lão.

V.—Những Câu không đối được túc là những câu chỉ có một vế ra, xưa nay ai cũng chịu là khó, không tài nào đối được. Hoặc có người cậy là đối được, nhưng cũng là ép-uồng chưa xuôi.

VI.—Những Câu đối không giải nghĩa là những câu thuộc về cả mấy hạng trên, nhưng chưa gọi là hay, chúng tôi chỉ ghi chép vào đây, cho khỏi sót mà không chủ-thích, phê bình gì cả.

PHÉP LÀM CÂU ĐỐI

Câu Đối. — Câu Đối là những câu văn đi đôi với nhau.

Đối 對 túc là *ngẫu* 偶, mà *ngẫu* nghĩa là *đối*. Vậy *đối* túc là một *đối*; tiếng *đối* nôm như ta nói: *đối* dũa, tốt *đối* vốn gốc ở *chữ đối* mà ra.

Liễn. — Lối thơ, văn các câu đi đôi với nhau gọi là *Liễn*.

Chữ *liễn* là đọc trạn ở chữ «liễn» 聯 ra. Ta thường dùng chữ *liễn* để chỉ hai bức dài làm bằng giấy bồi, bằng vóc lúa, dưới cỏ trực dùng để viết câu đối. Khi nói một *đối* *liễn*, túc là chỉ một đôi câu đối viết vào bức giấy ấy.

Người Tàu thường dùng hai chữ *doanh liên* 檻聯 hay *doanh thiếp* 檻帖 để chỉ câu đối và nghĩa là *liễn* hay giấy dán cột nhà.

Về câu đối. — Câu đối có hai câu, mỗi câu gọi là một *vế*.

Khi mình tự làm lấy cả hai câu, muốn phân biệt câu nọ với câu kia, thì gọi một *vế* là *vế trên*, một *vế* là *vế dưới*. — Khi người ta làm một *vế* để cho mình làm *vế* kia, thì *vế* người ta làm gọi là *vế ra*, *vế* mình làm gọi là *vế đối*.

Số chữ trong câu đối. — Kẽ ra, thì có thể đối từ một chữ giở lên đến nhiều chữ.

Những câu đối từ một chữ đến ba chữ gọi là *câu tiêu đối*.

Những câu đối *năm* chữ hay *bảy* chữ, thuộc về thể Thơ, nên gọi là *câu đối thơ*.

Những câu đối *bốn* chữ hay *sáu* chữ cũng là câu đối thơ, vì thơ cũng có lối *tứ ngôn* và *lục ngôn*. Nhưng những câu ấy không theo luật thơ.

Những câu đối *tám* chữ, thì cho thuộc về thể thơ hay thể phú cũng được.

Những câu đối từ *chin* chữ giờ lên thuộc về thể phú (Song-quan, cách-cú) nên gọi là *câu đối phú*.

Câu đối phú thường chia làm hai đoạn, hoặc đoạn trên ngắn *bốn*, *năm* chữ, đoạn dưới dài *bảy*, *tám* chữ, hoặc đoạn trên dài *bảy*, *tám* chữ, đoạn dưới ngắn *bốn*, *năm* chữ.

Những câu đối dài có khi đến *sáu*, *bảy* mươi chữ cũng thuộc về hạng câu đối phú.

Những câu đối bắt-cú mấy chữ mà lấy chữ sẵn ở trong sách ra lại lấy chữ sẵn ở trong sách đổi lại thì gọi là *câu đổi súc*.

Luật bằng trắc. — Cú kẽ, thì đáng nhẽ chữ về bên này *trắc*, thì chữ về bên kia phải *bằng*, hay chữ về bên này *bằng*, thì chữ về bên kia phải *trắc*. Thi dụ :

Tôi tôi voi | Bác bác trúng

Ba chữ *Tôi* *tôi* *voi* bằng cả đối với ba chữ *Bác* *bác* *trúng* trắc cả.

**Lác - đặc mưa sa | Ỳ - ầm sấm dậy
làng Hạ - vũ đất Xuân - lôi**

Lác-*đặc* đối với *Ỳ*-*ầm* bằng, *mưa* bằng đối với *sấm* trắc, *sa* bằng đối với *dậy* trắc, *làng* bằng đối với *đất* trắc, *Hạ*-*vũ* trắc đối với *Xuân*-*lôi* bằng.

Nhưng cái luật không bắt buộc bao giờ cũng phải nhất định như thế. Lắm khi những chữ ở trong câu, bằng đối với bằng, trắc đối với trắc cũng được. Thi dụ :

**Thiên hạ xác rời | Nhân tình trắng thế
còn đốt pháo lại bôi voi**

Thiên bằng đối với *nhân* cũng bằng, *xác* trắc đối với *trắng* cũng trắc cũng được.

Những câu đối thơ, thì luật *bằng*, *trắc* theo như luật *bằng*, *trắc* hai câu thực hay hai câu luận trong bài thơ và cũng được cái lệ trừ *nhất, tam bất-luận*.

(Xem rõ những biểu về luật bằng trắc trong sách *Nam thi hợp tuyển* quyển I trang 12, 13, 14 và 15).

Những câu đối *tám* chữ không còn về thể thơ, mà cũng chưa vào thể phú, nên luật bằng trắc có khi theo như thơ, có khi lại theo như phú. Thi-dụ :

Thánh-tồ bảo Thánh- | **Thần hồn nát thần**
tôn ra mở nước. | **tinh chạy về nhà.**

Câu này cho là theo thể thơ được vì nó thuộc về thể thơ *bát ngôn* và đi quẩn một hơi, thi chỉ cốt ở chữ cuối câu đúng bằng, trắc là được.

Mười răm giăng náu, | **Tháng chạp sấm ra,**
mười sáu giăng treo. | **tháng ba sấm dậy.**

Như câu này, thì lại cho như là thể phú, vì người ta có thể ngắt làm hai đoạn mà chấm đậu ở sau chữ *náu* và chữ *ra*, mà hai chữ ấy phải *trắc* đối với *bằng*, *bằng* đối với *trắc* cũng như hai chữ ở cuối câu mới được.

Những câu đối từ *chin* chữ giờ lên, thì những chữ ở cuối câu, cùng những chữ ở cuối các đoạn trong câu có thể chấm đậu được, thi phải theo bằng, trắc cho đúng. Thi-du:

Mở khép càn khôn, | **Ra vào tướng tướng.**
có ra tay mới biết. | **thứ liếc mắt mà coi.**

Mỗi câu đây có hai đoạn, có thể chấm đậu — tức như bây giờ đúng phẩy (,) chấm phẩy (;) hay hai chấm (:) — ở dưới chữ *khôn* (về trên) và dưới chữ *tướng* (về dưới), thi hai chữ ấy cùng hai chữ cuối câu là chữ *biết* với chữ *coi* phải theo đúng bằng, trắc.

Lại nên nhận, nếu đoạn trên chữ cuối *bằng*, thi đoạn dưới chữ cuối phải *trắc*, hay trái lại, đoạn trên chữ cuối *trắc*, thi đoạn dưới chữ cuối phải *bằng*.

Như câu trên đây đoạn trên chữ cuối « *khôn* » bằng, thi đoạn dưới chữ cuối « *biết* » trắc (về trên), đoạn trên chữ cuối « *tướng* » : trắc, thi đoạn dưới chữ cuối « *coi* » : bằng.

Những câu đối phú mà hoặc đoạn trên, hoặc đoạn dưới bảy chữ, thi đoạn bảy chữ ấy theo bằng, trắc như câu thơ thất-ngôn. Thi dụ :

Cung kiêm ra tay, | **thiên-hạ dỗ dồn hai**
mắt lại.

Rồng mây gặp hội, | **anh-hùng chỉ có một**
người thôi.

Như hai câu đây, đoạn dưới bảy chữ là : « *thiên-hạ dỗ dồn hai mắt lại* » đối với « *anh-hùng chỉ có một người thôi* » theo đúng luật bằng, trắc của thơ.

Những câu đối phú chia làm nhiều đoạn, thi những chữ cuối cả bao nhiêu đoạn trên mà bằng, thi chữ cuối đoạn dưới cùng phải trắc ; trái lại những chữ cuối cả bao nhiêu đoạn trên trắc, thi chữ cuối đoạn dưới cùng phải bằng. Thi dụ :

Đám công danh có chí
thì nên: ơn làng giấy
trắng, ơn vua giấy
vàng; chiểu trung đình
ngất-ngưởng ngồi trên,
ngồi tiên - chỉ đó cũng
là rất đáng.

Nhờ phúc ấm sống lâu
lên lão: anh cả bàn
năm, anh hai bàn
sáu; đàn tiểu - tử
xênh-xang múa trước,
tranh tam-đa ai khéo
vẽ nên tranh.

Mỗi câu đây chia làm bốn đoạn. Vẽ trên, ba chữ cuối ba đoạn trước là : *nên, vàng, trên* bằng, thì chữ cuối đoạn sau cùng là *đáng phải trắc*; — Vẽ dưới, ba chữ cuối ba đoạn trước là: *lão, sáu, trước* trắc, thì chữ cuối đoạn sau cùng là *tranh* bằng.

Những câu đối dài năm, bảy mươi chữ cũng theo luật *bằng, trắc* như những câu đối phú, nghĩa là những chữ cuối các đoạn có thể chấm đậu phải đúng bằng đối với trắc, trắc đối với bằng.

Nhưng có khi không theo đúng như thế cũng được. Cần nhất là chữ chấm đậu trước đoạn cuối cùng thế nào cũng phải giữ cho đúng bằng, trắc thì thôi.

Khô đọc. — Khô đọc tức là đọc không được xuôi tai. Như trong một câu, chữ *đáng* bằng mà làm ra trắc, hay chữ *đáng* trắc mà làm ra bằng thế là *khô đọc*.

Mười mấy khoa còn | *Năm mươi tuổi thành,*
gi, nhờ giờ có | tài, mừng ông càng
phúc, có phận. | đéo, càng dai.

Vẽ trên, chữ cuối đoạn trên « gi » đã bằng, vẽ dưới chữ cuối đoạn trên « tài » cũng bằng.

Thất luật. — Câu đối, mà vẽ trên chữ cuối cùng đã *trắc*, vẽ dưới chữ cuối cùng lại *trắc*, hay vẽ trên

chữ cuối cùng đã *bằng*, vẽ dưới chữ cuối cùng cũng lại *bằng*, thế gọi là *thất luật*. Thi dụ :

Lúa tám, gặt chín | Nói tư, mua năm
tháng một. | quan sáu.

Vẽ trên chữ cuối « *một* » đã *trắc*, vẽ dưới chữ cuối « *sáu* » cũng *trắc*.

Câu đối chính minh làm cả hai vẽ, thi vẽ trên chữ cuối cùng bao giờ cũng phải *trắc*. Cho nên câu đối treo bao giờ cũng treo vẽ *trắc bên tay phải*, mà *tay phải của người đứng ở ngoài trông vào trong nhà*.

Nhưng khi mình ra một vẽ cho người ta làm, thì chữ cuối câu *trắc* hay *bằng* cũng được.

Một đôi câu đối hay. — Một đôi câu đối hay thì :

Tu-tuồng phải cho tự-nhiên,
Ý-nghĩa phải cho minh-bạch.
Mạch-lạc phải cho liên-tiếp.

Nhưng vì văn câu đối ít chữ, cho nên một đôi câu đối hay lại cần nhất ở *chữ dùng* và *âm-hưởng* các chữ ấy.

Chữ dùng trong câu đối cốt phải cho:
Chỉnh, nghĩa là đều nhau, bằng nhau,

Như chữ danh-từ phải đối với danh từ; *nhân* đối với *nghĩa*, — hình-dung từ phải đối với hình-dung từ; *xanh* đối với *vàng*, hay *dò*; động-từ phải đối với động-từ; *ăn* đối với *nóng*—phó-từ phải đối với phó-từ. *võ-cùng* đối với *bắt-tri* vân vân.....

Cân, nghĩa là chữ nặng phải đối với chữ nặng, chữ nhẹ phải đối với chữ nhẹ cho xứng đáng.

Như sắc phải đối với sắc: trắng đối với đen, vị đối với vị; chua đối với ngọt, số đếm đối với số đếm: năm đối với tám chữ Nôm đối với chữ Nôm: lao đối với nó, chữ Hán đối với chữ Hán: Hạ-vũ đối với Xuân-lôi, thành-ngữ đối với thành-ngữ: săn vây quai cồng đối với buồng quần lá tơa, tục-ngữ đối với tục-ngữ: lâm kẽ yêu hơn nhiều người ghét đối với một câu nhện là chín câu lành v. v.....

Khi nào các chữ đối như đối đầu hẳn được với nhau Phật đối với ma, người đối với vật, hay đối với dở, lành đối với dữ, giàu sang đối với nghèo khổ như thế thì nói là đối chơi nhau.

Âm hưởng các chữ dùng trong câu thi phải cho giòn, nghĩa là khi đọc lên, tiếng nghe kêu sang-sảng.

CÂU ĐỐI TOÀN NÔM

CÂU ĐỐI TẾT

1. — THỊT MỠ — CÂY NÊU

Thịt mỡ, dưa hành, | Cây neu, tràng pháo,
câu đối đỏ. | bánh chưng xanh.

Hai câu đối Tết này không ai là không thuộc, không ai là không, hàng năm, cứ tối ba mươi Tết, được nghe trẻ nô nghêu-ngao ở trước cửa, nó tán tụng chúc mừng xong, rồi nó ngồi xó đối, nó đối một câu, là cái câu kết bài Khóa-sắc, khóa xé của chúng nó.

Tết là cái gì? Cái gì làm nên tết? — Hay chẳng qua, rút lại, Tết chỉ ở một cái mồm được ăn thịt mỡ với dưa hành, với bánh chưng, tai được nghe tiếng pháo nổ, mắt được trông cây neu giồng ở ngoài sân, ngoài ngõ? — Ấy Tết đấy. Cái đặc-tính của Tết chỉ có thể. Không lap-xường, hạt dưa, không sỉ-gà, li-cơ vẫn không mất Tết, chờ không thịt mỡ, dưa hành, bánh chưng, không cây neu, tràng pháo, đôi câu đối, thi không còn có cái vị gì là Tết.

Nên đối câu đối này, tuy rất tầm thường, mà thực như đã dựng hẳn được cái cảnh Tết, vẽ

được rõ cái cách ăn Tết của cả dân-tộc Việt-Nam ta.

Về mặt văn, thì dễ chỉ có chữ *đổi* đối với chữ *xanh* là như có vẻ sắc. Còn thì tinh là những chữ danh-từ chỉ mấy thứ đồ-vật chắp lại cho đi với nhau mà thôi.

Về dưới đối câu đối này, hoặc có người còn đọc : « *Nêu cao, pháo nồ* » thay vào bốn chữ : « *Cây nêu, tràng pháo* ». Đọc như thế, không được chỉnh, vì chữ *cao* là hình-dung từ, chữ *nồ* là động-từ mà đổi với chữ *mở* chữ *hành* là danh từ không được chỉnh. *Thịt-mở dưa hành*, là hai danh-từ kép, thì lại phải đổi với *cây nêu, tràng pháo* cũng là hai danh-từ kép mới cần.

Tuy vậy, cái phép làm câu đối cho là : *Nêu cao pháo nồ*, cũng được. Vì nếu cho như thế, thì *thịt mở* đổi với *dưa hành* mà *nêu cao* đổi với *pháo nồ*. Cái phép đổi mấy chữ về trên đối với mấy chữ cũng về trên và mấy chữ về dưới lại đổi với mấy chữ về dưới như thế gọi là *Tiêu đối*.

Trong nhiều câu đối chữ Hán, người ta thường dùng cái lối tiêu đối ấy.

2 — DUYỀN — NỢ

Duyên với giang sơn | Nợ gì giờ đất
nên dán chữ. | Phải giồng nêu.

Câu này người ta thường truyền là của Bà Huyện Thanh-quan làm đề dán nhà về dịp Tết.

Về trên nói chính về việc *dán câu đối* ngày Tết cho như mình có *duyên* với *nước non* nhà mình, thì mình phải kiểm chữ để biều-hiệu cái duyên ấy ra.

Còn về dưới nói về sự *giồng nêu*, mà dùng chữ *nг*, là lấy cái điền, Tết đến, người ta sở-dĩ giồng nêu, là do cái tục cõi muôn giữ cho quỉ không dám đến đón đất của người ở, chỗ nào có cây nêu cắm là đất của nhà Phật, cây nêu tức đã như cái mốc phân địa-giới đất của Phật với đất của ma quỷ vậy.

Chữ *nợ* đối chữ *duyên* chỉnh lắm. Hai chữ *giờ* *đất*, tuy là nôm, đổi với hai chữ *giang sơn* nghe cũng được, vì hai chữ *giang sơn* tuy là chữ Hán nhưng ta dùng đã quen, cho như là nôm được.

3. — THIỀN-HẠ — NHÂN TÌNH

Thiên - hạ xác rời | Nhân tình trắng thế
còn đốt pháo. | lại bôi vôi.

Thiên-hạ : tức là thế-giới ; xưa cho rằng giới ở trên, đất ở dưới, nên gọi tất cả chõ dưới gầm giới là *thiên-hạ*. Lại vì cái nhẽ đời xưa giao thông không được rộng, nên người ta thường xưng

người một nước cũng là thiên-hạ; như người Tàu xưng thiên-hạ tức là xưng Trung-quốc vậy. Xác: kiệt hết cả, không còn gì nữa. — Nhàn-tinh: tinh nghĩa người ta. — Bôi vôi: cái tục ngày Tết hay rắc vôi bột xuống đất làm hình cung, tên, bàn cờ.

Đôi câu đối này là của ông Trần-kế-Xuong, mà có nhẽ là câu hay nhất trong cả bao nhiêu câu của ông. Ông cũng là nhân Tết mà ngâm vịnh, song câu của ông đây, không phải là vui, nhưng vì buồn mà ông ngâm. Hai câu của ông đã như hai nhời than vẫn rất là đau-dớn vậy. Chao ôi! túi đã rỗng, nợ như đia, sơ như giòng, xác như vò, mà Tết đến, còn cố lo tiền để mua pháo! Đáng tiếc thay một sự tiêu phi trong cơn bẩn túng.— Khốn chửa! con cãi cha, vợ đánh chồng, tôi đánh chủ, anh em, bè bạn lừa lọc nhau luôn, nhân-tinh đã bạc thế, lại còn bôi vôi vào cho nó bạc thêm sao! Đáng thương con người đã ở vào cái đời bạc, lại cứ làm cho bạc thêm!

Cái ý ông Tú cay đắng như thế, nên câu văn của ông rất là thảm-đạm. Hai câu văn đây thật là giản-dị, bình-thường, nhưng thật là gọn gàng, sáu-sắc, khiến cho người ta đáng ngâm đọc luôn, mà cũng nên khiến cho người ta, Tết đến, nên viết vào giấy đở mà dán trên tường để tỏ chút lòng ưu thời, mẫn thế vậy.

4. — AI NẤY — TA NAY

Ai nấy dại vô-cùng, | Ta nay nhàn bất-trị,
pháo pháo, nêu nêu chè chè, rượu rượu
kinh những quý. | sướng bằng tiên.

Nói pháo, nêu, rượu, chè, thế là đúng với cảnh ăn Tết. Nhưng cái cảnh ăn Tết đây, tác-giả chia rẽ ra làm hai đảng khác nhau xa.

Một đảng ăn Tết, chỉ cốt pháo đốt cho kêu, nêu giờ cho cao, không phải để vui chơi gì, nhưng chỉ vì sợ quỷ, muốn đuổi quỷ cho xa. Thiên-hạ ăn Tết thế, là thiên-hạ dại lầm, vì ăn Tết theo lối dị-doan, chỉ những quỷ với ma, có đâu nghĩ đến chính người.

Còn một đảng ăn Tết, lại chỉ lấy một người làm cốt, cầu cho người tha-hồ được nhân vui sung sướng. Nào chè cho ngon, nào rượu cho say, chè rượu, rượu chè thỏa thích mấy ngày Tết thật sướng bằng tiên. Ta ăn Tết thế, là ta biết hưởng nhàn, ta khôn đáo để, vì Tết chẳng qua là cái dịp để cho người biết cùng vui với con Tạo với cái tiết Xuân mới êm-đềm, đầm-ấm vậy. Ăn Tết cách này, tức là ăn Tết của các nhà tri-thức.

Về mặt đối, được những chữ vô-cùng đối với bất-trị, quý đối với tiên, thật là chơi và nghe giàn lầm.

5. — THIỀN-HẠ DẠI — ÔNG NAY KHÔN

Thiên-hạ dại vô-
cùng, pháo nổ đi đừng
thêm mất chó.

Ông nay khôn bát-
tri, rượu say túy-lý
lại nằm mèo.

Hai câu này người ta cho là của cụ Nguyễn-Khuyển làm và đại-dề cũng gần giống như hai câu trước.

Câu trên cụ nói thiên-hạ dại về cái gì? — Dại về cái đốt pháo, nổ điếc tai, nhức óc đã không có ích chi mà lại thêm cái thiệt nữa, là chó nở sọ, nó trốn đi mất.

Câu dưới cụ nói cụ khôn về cái gì? — Khôn về cái đê tiền mua rượu uống, uống đến say bét-nè, say bét-nè, rồi nằm một xó chẳng công truyện gì cả.

Cứ kẽ cái dại của thiên-hạ như thế cũng chưa phải là thực dại, mà cái khôn của cụ như thế cũng chưa gọi là thực khôn. — Đây chắc cụ có ý than đời, cái đời bây giờ, dù Tết đến, được gì là vui, mà còn đốt pháo ầm-ỹ như bộ lẩy làm mừng-rõ lấm. Chẳng thà, Tết đến, cứ rượu say rồi nằm ý một chỗ gác hẵn truyện đời ra ngoài cho xong. Nhưng dám hỏi những ai thanh-nhàn được như cụ và cho ai cũng được thanh-nhàn như cụ, thì phỏng có ích gì cho đời chăng?

Hai câu đối nhau thật chỉnh không phải chữ nào là ép cả. *Khôn* đối với *dại*, *bát-tri* đối với *vô-cùng*, *rượu say* đối với *pháo nổ*, *mèo* đối với *chó*, thật hay không còn gì hơn nữa. Lại được cái *âm-hưởng*, câu trên *đừng* đi với *cùng*, câu dưới *lý* đi với *tri* nghe giòn và khoái lắm.

Bát-tri nghĩa là không trị nổi, không ai bằng được nữa.

Túy lý: nói say lắm, say khuöt không biết gì nữa.

Nằm mèo: nằm xuống không có việc gì làm cả.

6. — TỐI BA MUOI — SÁNG MỒNG MỘT

Tối ba mươi, khép
cánh kiền khôn, nich
chặt lại kéo Ma-
vương đưa qui tới.

Sáng mồng một, lồng
then tạo-hoa mở
toang ra cho Thiếu-
nữ rước xuân vào.

Kiền khôn: kiền còn đọc là *càn*, càn 乾 quẻ trong bát quái chỉ giờ. — *Khôn* 坎 quẻ trong bát quái chỉ đất. Hai chữ *càn khôn* thường dùng nghĩa là giờ, đất. Đây nói cánh cửa là *cánh kiền khôn* là vì Tết đến, ở một cánh cửa thường người ta viết hai chữ *Càn khai* 乾開 nghĩa là giờ mở,

còn một cảnh người ta viết hai chữ *Khôn hạp*
 坤圖 nghĩa là đất đóng — *Nich*: đóng nêm thật
 chắc. — *Ma-vương*: theo sách Phật, là loài quỷ giữ
 cho người ta không làm được điều lành Ma-vương
 chính là kẻ cùu của đức Thích-Ca. Nói: *Ma-vương*
dura quí là do cái sự mê-tin xưa cho cứ ngày Tết
 ma quỷ đem nhau đến thế-gian để nhũng nhiễu
 loài người, tự tối hôm 30 đến ngày mồng bảy là
 ngày lê *Khai hạ* và tức là ngày thuộc về người
 (nhân nhật) thì mới thôi. — *Tạo-hóa*: nói giờ đất
 gây dựng lên vạn-vật trong thế-gian. *Lồng then tao-*
hóa: tức là mở lồng then cửa ra. — *Mở toang*:
 mở tung hết cả cửa ra. — *Thiếu nữ*: người con
 gái nhỏ, tức chỉ người làm hai câu đối này là một
 bạn gái. *Thiếu nữ rước xuân*: tức là nói tác-giả
 đón Tết, Tết ăn về mùa xuân hay gọi là *tân xuân*
 新春, mùa xuân mới (đúng nghĩa chữ renouveau).

Hai câu này là của thiếu nữ Xuân-Hương làm để
 dán nhà vào dịp Tết. Ta cứ xem ngay mấy chữ *nich*
chặt, *mở toang* thì có thể chắc là cái giọng văn của
 nàng họ Hồ không sai được. Về trên, ra cái ý kin
 đáo, khép nép, giữ gìn, sợ hãi bao nhiêu, thi về
 dưới lại ra cái ý long-leo, phỏng-tùng tha-hồ mà
 vui vẻ.

Chữ nào đối cũng cân xứng, già-giặn cả.

7.— CHIỀU BA MUOI — SÁNG MỒNG MỘT

Chiều ba mươi, nợ | *Sáng mồng một, rượu*
hồi tí-tít-mù, co cẳng | *say túy-lý, giơ tay*
đẹp thẳng Bắn ra | *bồng ông Phúc vào*
cửa. | *nhà.*

Về trên, nói hôm *ba mươi* Tết, thi rõ ra một
 kẻ cứng-kiết, *nợ* như Chúa Chồm, hết sức mà
 đuổi cái *Nghèo* ra khỏi cửa.

Về dưới, nói hôm *mồng một* Tết, thi lại rõ ra một
 người phong-lưu, *rượu* tí-cung thang, gắng công
 mà đón lấy sự *Hạnh-phúc* vào được nhà.

Hai câu này là của cụ Nguyễn-công-Trú làm vào
 dịp Tết. Mà lúc bấy giờ, chắc cụ đang gặp cái
 cảnh bắn tung khốn khổ đáng nên than thở lắm.
 Nhưng dù thế nào, trong lòng cụ cũng chưa-chan
 hi-vọng rồi làm nên sự-nghiệp to. Bởi vậy, cũng
 một đôi câu đối mà mỗi vế diễn ra một cái tu-
 tưởng trái hẳn nhau. Cái tiêu sứ của cụ thực
 chứng rõ ra như thế, trước cụ *lừng danh công-*
tử xác bao nhiêu, thì sau cụ lại *nổi tiếng trương-*
phu kền kền bấy nhiêu.

Hai câu này thật đối chan-chát từng chữ, chữ
 nào cũng cân xứng già-giặn lắm. *Chiều, sáng* —
co cẳng, giơ tay, — *đẹp, bồng*, — *thẳng, ông*, —
cửa, nhà là những tiếng phản-nghĩa rất tương-
 đương.

Tít mù : nhộn-nhip rối-rit cả trước mắt. — *Cảng* : đồng nghĩa với *chán* — *Bần* : chữ bần 貧 là nghèo — *Túy lý* : nếu có phải là hai chữ Hán *túy lý* 醉裏, thì là nói trong lúc say, còn ta thường dùng thì lấy cái nghĩa là say lắm, say khướt không biết gì nữa — *Phúc* : đây tức là hạnh phúc 幸福 sự may-mắn sung-sướng.

8. — BẬT CĂN NÈU — ĐÙNG TIẾNG TRÚC

Bật căn nêu đem
mới lại cho mau, già,
trẻ, gái, gai đều
sướng kiếp.

Đùng tiếng trúc đuỗi
cũ đi đã đáng, cỏ,
hoa, non, nước cũng
mừng xuân.

Đôi câu đối dân Tết này, người ta cho là của cụ Chiêu Lý làm. Câu đối làm về dịp Tết nhiều không biết bao nhiêu mà kể, nhưng được như hai câu này, tưởng cũng là hiếm, đáng nên ghi chép vậy.

Tóm ý hai câu thật đủ cả: *Nêu pháo*, (trúc, trúc là pháo), — *tổng cựu*: (đuỗi cũ đi đã đáng), *nghèo* *tân* (đem mới lại cho mau) — mọi hạng người đều *vui* *về* *Tết* (già, trẻ, gái, gai đều sướng kiếp), — *cả* *vạn-vật* *cũng* *lấy* *Tết làm vui* (cỏ, hoa, non, nước mừng xuân).

Ý-tứ đã đủ, chữ dùng lại nhanh-nhé và có sức mạnh lắm. Nói cần nêu mà hạ chữ *Bật*, nói pháo nồ, mà hạ chữ *Đùng*, — nói tổng cũ mà hạ chữ *đuỗi*, lại đệm hai chữ *đã* *đáng*, nói rước mới mà hạ chữ *đem* lại đệm *thêm* hai chữ *cho* *mau*, — nói vui mà hạ những chữ *sướng* *kiếp*, *mừng* *xuân*, bấy nhiêu chữ thật nàng bốc đưa đầy cả câu khiến cho thâm nhập vào óc người ta một cách dẽ-dàng mà mạnh-mẽ vậy.

Chữ đối cũng chơi nhau không phải chữ nào ép cả.

9. — BẦU MỘT CHIẾC — NHÀ HAI GIAN

Bầu một chiếc lăn
chiêng, mặc sύe: Tam

Nhà hai gian bỏ
trống, tha hồ: Ngũ
dương khai thái.

Bầu : tức là bầu rượu. — *Lăn chiêng* : bỏ ngả nghiêng. — *Tam dương khai thái* : 三陽開泰 ba khí dương mở sự thịnh vui, Tam dương tức là chỉ tháng một nhất dương sinh, tháng chạp nhị dương sinh, tháng giêng tam dương sinh. — *Bỏ trống* : bỏ không, không có đồ-dạc gì cả. — *Ngũ phúc lâm môn* : 五福臨門 năm điều phúc tới cửa. Năm điều phúc là: *Thọ* (sống lâu), *phú* (giàu có), *khang ninh* (mạnh khỏe, yên vui), *du hiếu đức* (ra làm việc phúc đức), *khảo chung minh* (sống cho hết số mệnh, nghĩa là chết già).

Hai câu này không có gì là lỗi-lạc. Tông ý chỉ nói một ông nhà nghèo không có gì, và ông chỉ cốt lấy rượu chè làm thích. Tết đến ông cứ bỏ mặc cả, rồi mà xuân, rồi mà phúc đấy. Nhưng được cách đặt câu thật là nhanh-nhé, gọn-gàng và chữ dùng cũng khéo. Phần trên câu, thì là những chữ nôm thường lại đối với nôm thường. Phần dưới dẫn mấy chữ Hán lại đối với mấy chữ Hán, mà những chữ ấy là những chữ Tết người ta thường vẫn viết ra giấy đỏ mà dán ở cánh cửa như câu đối, hay dán ở trên dầm chỗ cửa bước ra bước vào như lá bùa vậy. *Lần chiêng* đối với *bồ trống* nghe được; *Mặc súc* đối với *tha hồ* lại hay hơn, còn *Tam dương khai thái* đối với *Ngũ phúc lâm môn* rất chỉnh.

10. — LÁ PHƯỚN — TIẾNG CHUÔNG

Lá phướn phất ngang | Tiếng chuông kêu dậy
giời, bốn bề đều | đất, mười phuong cùng
trong nêu Phật. | tưởng pháo sư.

Ai đọc câu này cũng biết ngay là câu của nhà sư làm đề dán chùa về dịp Tết. Mà nhà sư đây tất là một người có tài văn-chương, lại có chí tang bồng lắm.

Tết đến, ở chùa, nhà sư cũng giống *nêu* như các nhà thường, nhưng trên cây nêu, đặc

biệt lại có *lá phướn*, mà lá phướn ấy *phất ngang* giờ đâu đó *bốn bề* như đều nướng vào bóng được cả.

Tết đến, ở chùa, nhà sư cũng *dốt pháo*, nhưng khác các nhà thường, là tiếng pháo của nhà sư không phải là tiếng đi-đạch ở cuộn giấy đỏ, giấy xanh nô ra, mà là tiếng chuông đồng inh-ỏi vang lừng, chuyên động cả mười phuong trên mặt đất.

Những chữ *chuông*, *phướn*, *Phật*, *sư*, — mười phuong (trong kinh Phật hay có câu « *Tháp phuong chư Phật* ») thế là nhắc rõ là câu đối của sư làm đề dán trước nhà Phật. Còn những chữ: *ngang giời*, *dậy đất*, — *bốn bề* thế là tố được nhà sư tuy ở trong tăng-gia mà có cái chí đại-dộ bao-la được khắp cả trần-gian.

11. — DOANH QUAN LỚN — TIẾT BA MUOI

Ông Nghè Tân, lúc bấy giờ đang làm Tông-đốc nức tiếng là hay Nôm. Tối ba mươi Tết, ông Nghè Cốc già làm học-trò nghèo, vào xin ăn, xin tiền. Ông Nghè Tân tưởng là học-trò nghèo thật, nhân nhà còn thừa cỗ, gọi lính dọn cho ăn uống tử-tế, rồi bảo ra cho đôi câu đối, hễ có đối được, thì mới cho tiền. Câu rằng:

“ Doanh quan lớn gọi là Dinh, vông long, hèo hoa ngù giáo đỏ, quân kiệu sắp hàng đối.”

Ông Nghè Tân ăn uống no-nê rồi, nửa tỉnh nửa say, gật-gù đọc đổi lại rằng:

« Tiết ba mươi gọi là Tết, chè lam, bánh chưng nhân đậu xanh, dưa hành đánh miếng một. »

Tiếng *dinh nôm* gốc ở chữ *doanh* 興 ra. Về phép binh chế, thì cứ năm trăm người là một doanh. Sau chữ *doanh* và tiếng *dinh* của ta dùng để chỉ nơi các quan ở.—*Hèo hoa*: thứ trượng, gậy của nhà quan thường làm bằng trúc có vân lên như hoa *Ngù*; năm cước ở trên một cái hèo hay cái giáo.—*Quân kiệu*: tức là quân khiêng kiệu.

Tiếng *Tết* nôm vốn ở chữ *tiết* 節 mà ra. Tiết tức là thời tiết. Theo âm-lịch một năm có tám tiết là lập xuân, lập hạ, lập thu, lập đông, xuân phân, thu phân, hạ chí và đông chí. Tết Cả thuộc về Tiết Lập xuân.—*Chè lam*: thứ chè làm bằng đường và đậu xanh già và nấu đặc.

Câu của ông Nghè Tân rõ ra phô cái bè hách dịch của một vị quan sang.—Câu của ông Nghè Cốc đổi lại rõ ra tả cái cảnh đổi khó của một anh học-trò kiết.

Vì cái tình cảnh mà nên văn, câu văn thế là chân thật. Câu ra đã hay mà câu đổi cũng khéo. Chữ *doanh* là chữ Hán lại đổi với chữ *tiết* cũng là chữ Hán, chữ *dinh* là chữ Nôm ở chữ *doanh* ra

lại cũng đổi được với chữ *Tết* là chữ Nôm ở chữ *Tiết* ra, thế là dùng công phu lắm; — Chữ *đổi* đối với *xanh*, sắc đổi với sắc thế là càn; — Chữ *hành* đổi với *kiệu* lấy ý cũ hành đổi với cũ *kiệu* thế là chọi; — *Hàng đổi* đổi với *miếng một*, số đếm đổi với số đếm thế là chỉnh.

Tự trung phải chữ *chè lam* là chỉ có một thứ chè đổi với *vồng, lọng* là hai đồ vật khác nhau, bánh *chưng nhân đậu* cũng chỉ là một thứ bánh với nhân nó mà đổi với cái *hèo hoa* và cái *ngù* của *giáo* là hai cái bình khí khác nhau không được xíng.

CÂU ĐỔI MÙNG

12. — ĐÁM CÔNG DANH — NHỜ PHÚC ẨM

Bàm công danh, có
chỉ thì nên, ơn
làng giấy trắng, ơn
vua giấy vàng, chiếu
trung đình, ngắt-
ngưởng ngồi trên,
ngồi tiên-chỉ đó
cũng là rất đáng.

Nhờ phúc ẩm, sống
lâu lên lão, anh
cả bàn năm, anh
hai bàn sáu, đàn
tiều tử xêng-
xang múa trước,
tranh tam đa ai
khéo vẽ cho nên.

Công danh: nói làm nên danh tiếng. Chữ trong Chiền-quốc sách: « Thành công-danh vu thiền hạ. » — Ông làng giấy trắng: khi được người làng

tin-nhiệm bầu cho làm một việc gì, thì thường đem cấp cho một cái giấy túc như cái bẳng, mà dùng giấy trắng. — *Ôn vua giấy vàng*: sắc vua ban cho phầm hám, chúc trước thường dùng giấy sắc vàng. — *Trung định*: nghĩa đen là trọng định — *Tiên-chỉ*: tiên : trước, chỉ : giấy : nói người tên đứng trước, đứng trên hết cả mọi người trong làng. — *Phúc ấm*: *Phúc* : những sự lành như giàu, sang, sống lâu ; *Ấm* : nghĩa đen là bóng cây, nghĩa mượn là che-chở ; *Phúc-ấm* : là nói phúc đức của cha mẹ để lại cho mình được hưởng đã như che-chở cho mình nương nhờ vậy. — *Bàn năm, bàn sáu* : bàn thứ năm, thứ sáu theo trật-tự chỗ ngồi ở tại đình làng khi hội họp cỗ bàn. — *Xêng-xêng* : có ý nói xứng-xinh ta dày. — *Tam da*: Tam : ba, đa : nhiều; nhời chúc tụng cho người ta được ba cái nhiều: nhiều phúc, nhiều thọ, nhiều con cái. Người Tàu thường vẽ tranh hay nặn hình ba người: một người mũ cao áo chùng, một người râu tóc bạc phơ, một người bồng đứa con, để bày tỏ cái ý tam đa. Cũng có người cho tam đa là: *phúc, lộc, thọ*, lấy lộc túc là có chúc-tước làm quan làm tư thay vào *đa nam*.

Đôi câu đối này, là của cụ Nguyễn-Khuyển làm để mừng, mà mừng chính cụ, về cái dịp cụ lên lão, ăn thọ năm mươi hay sáu mươi giẩy.

Đại ý câu này phát-phưởng cũng giống như câu

« Quan chẳng quan » (xem câu số 42 dưới). Vẽ trên nói cụ ăn tiền-chỉ, cụ chiếm cái địa-vị cao nhất trong làng, — Vẽ dưới nói nhà cụ đông-đúc anh em, con cháu, cụ được hưởng toàn cả ba cái nhiều ở đời. Ý nghĩa đã tương-tự, chữ dùng cũng trùng-kiến. Trong câu, cũng thấy nhắc những chữ: *Chiếu Trung định, ngắt-ngưởng ngồi trên, dàn tiều tử* như câu « Quan chẳng quan » vậy.

Về phần đối, thì câu này nghe được vui tai lắm. *Tựu-trung* phải mấy chữ: *thi nén* đối với *lên lão*, *nặng*, nhẹ không được cân, *trắng, vàng* đối với *năm, sáu* không chỉnh, vì là màu sắc đối với số đếm. Lại phải câu trên đã có *thi nén*, câu dưới lại có *cho nén* hai chữ *nén* thế là trùng-kiến.

13. — MUỜI MẤY KHOA — NĂM MUOI TUỔI

<i>Mười mấy khoa</i> còn	<i>Năm mươi tuổi mới</i>
<i>giờ</i> có	<i>đỗ, mừng ông càng</i>
<i>phận</i> .	<i>dẻo, càng dai.</i>

Câu này, người ta nói, là của ông Bùi-Hoàn (?) làm thay vợ để mừng chính khi minh đỗ cử-nhan. Kè thi không có ý gì là hay. Nhưng được hai câu thành-ngữ: có phúc có phận, đối với: càng dẻo càng dai dẵn vào cũng khéo. Câu này lại lưu lại được cho ta cái ảnh các cụ xưa thi hỏng hàng những mười mấy lần ba năm, dù đến năm mươi tuổi mới đỗ, mà cũng chưa lấy gì làm muộn.

14. — TRÊN QUAN — TRONG HỌ

Một người mới được làm lý-trưởng, có cù cũ làm đòi câu đối mừng rằng:

Trên quan dưới dân,
sao cho trên thuận
dưới hòa, làm kẻ
yêu hơn nhiều người
ghét.

Người làng trong họ,
quí hồ ngoài êm
trong ấm, một câu
nhịn là chín câu
lành.

Hai câu này, tuy không có gì là đặc-sắc, nhưng cái ý thật tóm được đủ cả bồn-phận của người đương chức lý-trưởng đối với quan, với dân, với làng, với họ, phải thế nào. Một đòi câu đối mừng mà thực rõ ra một bài châm, tưởng người nhất lý chỉ trưởng lúc nào cũng nên treo trước mắt để ghi nhớ luôn trong bụng vậy.

Được mấy chữ *Trên, dưới, ngoài, trong, thuận hòa, ấm, êm* đúng-dắn và thuần-thục. Đáng khen nữa là hai câu tục-ngữ dẫn vào cúng-cắt và ăn nghĩa lầm.

15. — NHẤT CẬN THỊ — SỐNG Ở LÀNG

Một người chánh-lồng bị cách, sau lại được phục sự và nhân tiện làm nhà mới. Có người nhà đến xin cù Nguyễn-Khuyến đòi câu đối để mừng. Cù làm cho rằng:

Nhất cận thị, nhị
cận giang, thứ địa
khả phong giai tí ốc.
Sống ở làng, sang
ở nước, mừng ông
nay lại vènh râu tôm.

Cận thị: gần chợ. — *Cận giang*: gần sông. — *Thứ địa*: đất này. — *Khả phong giai tí ốc*: nhà này, nhà khác đều đáng phong cả. — *Nhất cận thị, nhị cận giang*: 一近市二近江 câu tục-ngữ dịch nghĩa là *thứ nhất gần chợ, thứ nhì gần sông*, vì gần chợ, gần sông, thì buôn bán và đi lại được thuận tiện có lợi cho mình. — *Khả phong giai tí ốc*: câu này lấy chữ « *Tí ốc khả phong* » 比屋可封 trong kinh Thư, nghĩa thẳng là *liền nhà khả phong* và có ý nói đời Nghiêu, Thuấn phong-tục thuần hậu, nhà nào nhà nấy đều đáng khen cả.

Sống ở làng, sang ở nước: câu tục-ngữ ý nói người ta sinh trưởng ở chốn làng mạc và vinh hiển ở khắp cả nước. — *Vènh râu tôm*: nói râu túa cứng ra như râu con tôm.

Về trên toàn là chữ Hán. Về dưới toàn là chữ Nôm. Nhưng câu: *Nhất cận thị nhị cận giang*, tuy là chữ Hán, song ta dùng quen lâm có thể coi như là chữ nôm vậy. Câu tục-ngữ của Tàu ấy đối với câu tục-ngữ ta: *Sống ở làng, sang ở nước*, tuy phải hai chữ *nhất, nhị* đối với *sống, sang*, không được chính, nhưng cũng là nghe được. Còn đoạn dưới: *thứ địa khả phong giai tí ốc* mà đối với *mừng ông nay lại vènh râu tôm* thì ta không biết

cho là hay, hay dở. Ta chỉ nhận chữ thứ đối với *mìng, phong* đối với *lại, vền* đối với *giai, tị* đối với *râu* không được cản.

Còn ý-tưởng hai câu này, thi câu trên nói về việc làm nhà mới, câu dưới nói về việc phục sự như đắc-chi lăm.

16. — CÓ TẬT — ĐÚT TAY

Có tật giật mình,	Đứt tay hay thuốc,
cứu bệnh như cứu	làm phúc như làm
hỏa.	giàu.

Ai đọc dỏi câu đối này cũng biết là câu của thầy lang làm để dán nhà hay người ta làm để mừng thầy lang.

Quả vậy, câu trên nói đến tật bệnh, câu dưới nói đến thuốc thang, cái chức-vụ của thầy lang chẳng phải là bốc thuốc cho hay để chữa bệnh cho chồng, mà chữa bệnh là làm phúc, làm phúc tức lại là làm giàu là gì !

Hai câu này, tách ra từng chữ, được cẩn xứng cả không phải chữ nào non, ép. Khéo là hai câu cùng toàn lấy ở phuong-ngoan, tuc-ngữ ra, mà xa gần cũng thế ghép về việc làm thuốc được.

Cứu bệnh như cứu hỏa: ý nói chữa bệnh phải cẩn kíp như chữa cháy. — *Đứt tay hay thuốc:* Sách Tả-truyện có câu: « Tam triết quăng, tri

vi lương y» nghĩa là ba lần gãy tay rồi mới biết làm thầy lang hay.

CÂU ĐỐI PHÚNG

17. — KIẾM MỘT. — XIN ĐỐI.

Có ông lão hàng xóm bảo con kiếm một coi giàu sang thưa với cụ Nguyễn-Khuyển để xin một đôi câu đối về dán thờ ông bà, ông vải. Cụ Nguyễn-Khuyển nghe rõ cả. Nên lúc người con ông lão đem coi giàu sang, cụ bảo: « Thôi ta không phải nghĩ gì nữa. Đôi câu đối ấy chính lão nhà anh đã làm xong rồi, để ta đọc cho mà chép lại ».

Rồi cụ đọc rằng:

Kiếm một coi giàu	Xin đổi câu đối
thưa với cụ.	để thờ ông.

Ông lão bảo đi xin câu đối về thờ, thế là trong tâm kinh cần lăm. Cụ Yên-đồ nhắc lại những tiếng chinh ông lão đã dùng mà bảo đã thành câu đối rồi, thì hình như cụ ra dáng xem thường, xem khinh quá. Nhưng không phải. Cụ làm như thế, là cụ có ý muốn dạy rằng câu đối, câu đố, mà cả mọi thứ văn-chương, chẳng qua cũng chỉ là những tiếng rất thường chắp lại với nhau mà thành, miễn là biết khéo xếp cho đúng luật thi thôi.

Cứ thực kẽ về câu đối thờ tổ tiên, thì câu này không có gì là hay. Hoặc chỉ có mấy chữ *đóng*, *cụ* và *cơi giầu* là diễn được cái ý cúng lê tồ tiên mà thôi.

18. — GIẦU LÀM KÉP — CÁ KẼ ĐẦU

Giàu làm kép, hẹp làm | **Cá kẽ đầu, rau kẽ**
đơn, tống táng cho | **mớ, tình tang thêm**
yên hồn phách mẹ. | **tủi lũ đàn con.**

Đọc hai câu này, ai cũng rõ ngay là hai câu của con là ả-dầu làm đề thờ mẹ mới mắt. Quả vậy, trong hai câu này, ta lược thấy bao nhiêu chữ chị em thường dùng trong nghề hát xướng. Nào *dầu*, nào *kép*, nào *phách*, nào *đàn*, nào cả đến tiếng đàn *tình tang*, *tống*, *táng* nữa.

Chữ đã khéo nhặt được đủ và đối-dáp với nhau như thế, nghĩa dùng trong từng chữ và nghĩa cả câu giải ra nghe cũng xuôi lǎm.

Giàu làm kép, hẹp làm đơn (1): câu tục-ngữ đây có ý nói tùy của nhiều, ít mà làm ma, nhiều tiền thì ma to, ít tiền thì ma nhỏ, *Tống táng* 边葬

(1) Câu này có người cho là «*Dày lám kép, hẹp làm đơn*, và nghĩa là như vải lụa, tùy dày, mỏng mà dùng làm áo kép, hay áo đơn. Như thế thì được chữ *kép* đáp lại với chữ *dày*, nhưng dưới lại phải chữ *đơn* đáp lại chữ *hở* hông cân. Lại phải nói *mỏng* làm đơn mới xuôi được.

Cho yên hồn phách 魂 魘 mẹ: đưa ma cho hồn phách mẹ được yên.

Cá kẽ dầu, rau kẽ mó: cũng câu tục-ngữ, đây có ý nói mẹ mất đi, bây giờ con cái phải tính toán cẩn kẽ không tiền đâu mà rộng tiêu như trước. *Tình tang 情喪* thêm tủi lũ đàn con: tình nghĩa con chôn mẹ lấy làm cực khổ lắm.

Trong hai câu này có mấy chữ đối nhau như *kép*, *đơn* đối với *dầu*, *mớ* cũng là số đếm, *mẹ* đối với *con* hơt chính.

19. — MẸ SINH CON — CON CHỞ MẸ

Mẹ sinh con, cánh	Con chở mẹ, mǔ
ác, bồng gà, một	gai, áo bả, ba
tháng bốn mươi nhăm	năm hai mươi bảy
ngày thế mai.	tháng mà thôi.

Cánh ác: ác: con quạ, — giống quạ che-chở cho con dữ lǎm, hễ có việc gì nguy-hiểm đến tổ, hại được các con, là nó lấy cánh đánh rất dữ. *Bồng gà:* ý nói gà mẹ cho gà con nương nhờ dưới bồng, để che-chở cho con. — May chữ *cánh ác*, *bồng gà* là nói cái lòng mẹ nuôi con thật tận lâm kiệt lực vây. — Một tháng bốn mươi nhăm ngày; một tháng ta chỉ có 29 hay 30 ngày, nhưng đây nói tháng 45 ngày, là nói quá mạnh lên cốt ý

cho rằng ngày nào cũng thế, hay quá thế nữa, chờ không ngày nào là ngày không. — *Mũ gai* : mũ làm bằng sợi gai — *Áo bả* : chúng tôi chưa được rõ áo bả là thế nào. Có người cho là thứ áo làm bằng bả gai để chờ đai tang túc là áo quay. *Ba năm hai mươi bảy tháng* : ba năm thì 36 tháng hay có năm nhuận 37 tháng. Ta thường nói tang cha mẹ, gọi là đại-tang, phải để ba năm, nhưng thực chỉ có hai năm và ba tháng là 27 tháng mà thôi. Câu này có ý ngược với câu *một tháng 45 ngày* vì đây rút lại chờ không phải rồi ra.

Hai câu này, câu trên cốt ý nói công mẹ đối với con thực là đầy, mẹ săn sóc trông nom đến con không lúc nào nhăng; câu dưới lại cốt ý nói con biết ơn mẹ thực là bạc, khi mẹ mất, có để tang cho mẹ thì lại mong cho chồng hết. Một bên hậu hau bao nhiêu đối với bên kia bạc biết mấy! Ý cả hai câu thực đã như nhắc lại câu phong-dao cõ :

« *Mẹ nuôi con bằng giờ bằng bẽ,*
« *Con nuôi mẹ, con kẽ tùng ngay.* »

20. — NGHÌN NĂM — TRĂM TUỔI.

*Nghìn năm bia đá, Trăm tuổi, răng long,
bảng vàng, tiếc thay đầu bạc, khồ lầm
người ấy!* | *con ôi!*

Hai câu này là của cụ Nguyễn-Khuyển khóc con, mà con đã dỗ phó-bảng.

Về trên nói con dỗ đạt như thế mà sao vội mất, thật là đáng tiếc!

Về dưới nói chính cụ nhiều tuổi già yếu mà còn phải khóc con, thật là đáng thương. Bốn chữ « *Khồ lầm con ôi!* » ở về dưới thật là thống thiết, đọc nghe tưởng như dao sắc xả mấy miếng thịt ra vậy.

21. — ĐẤT CHẮNG — GIÒI MÀ.

Một thầy đồ người xứ Nghệ, vợ mất, làm đôi câu đối khóc vợ rằng:

<i>Đất chắng phải chồng.</i>	<i>Trời mà chết vợ,</i>
<i>đem gửi thịt xương</i>	<i>thử xem gan ruột</i>
<i>sao dặng?</i>	<i>mản răng?</i>

Ta đọc đôi câu đối này mà biết là của người Đàng-Trong làm, là vì có mấy chữ « *dặng* » nghĩa ngoài ta như được, « *mản răng* », nghĩa ngoài ta như làm sao, thế nào. Còn biết là câu đối khóc vợ, là vì bốn chữ « *Trời mà mất vợ* » đã rõ ràng lắm, nhưng cốt nghĩa ở cả về trên « *Đất chắng phải chồng, đem gửi thịt xương sao dặng* ». Người đàn bà đi lấy chồng, thường lấy câu tục-ngữ « *Sống gửi thịt, chết gửi xương* » nói với chồng, đã như đem cái tinh-

mệnh của mình mà phủ thác vào tay người chồng cả, sống cũng nhờ chồng, mà chết đi nữa, cũng còn nhờ chồng mãi. Thầy đồ bắt cái nghĩa vợ đã bảo gửi mình là chồng cả thịt lắn xương, mà bây giờ vợ chết, sao lại đem xương, thịt chôn vùi dưới đất, như gửi cho đất, thì đất có phải là chồng đâu? Nhận cái ý nói đến đất, tiếp luôn hỏi ngay giờ, già giờ có vợ, mà vợ giờ chết, thì không biết gan ruột của giờ ra sao, có nung nấu, nấu nã, héo hắt tim đen như gan ruột của người chăng?

Não nùng đau đớn thay câu khóc vợ của thầy đồ. Vợ vốn là người tự giờ đất chung đúc ra, bây giờ vợ chết, lại giờ về với giờ đất, thì chẳng trách đất, hỏi giờ sao đặng! Vợ tức là người chung tình với mình, gửi thịt, xương minh, sống, chết cậy minh, mà bây giờ vợ bỏ mình, chẳng khiến cho mình khổ gan, héo ruột làm sao đặng!

Cái cảnh của thầy đồ sầu khổ quá như thế, cho nên câu văn của thầy đồ thăm dạm đến như thế! Những chữ « đất, trời » tức là tiếng gào kêu to nhơn của thầy, những chữ « vợ chồng » tức là thầy nhắc lại cái tình ái ăn người gà nghĩa trăm năm cùng thầy, những chữ « thử gan ruột », tức là những tiếng khóc xót-xa đau đớn của thầy, cả đến những chữ đệm câu « sao đặng » với « mần rắng » cũng là những câu cay đắng não nột tự trong tâm can thầy vì khốn khổ quá mà phát ra vậy. Đôi câu đối này

của thầy quá đâ như hai đường huyết lệ rơi xuống dòng-dòng.

22. — NHÀ CỦA — CÔNG VIỆC

Người thợ rèn mới mất. Có người làm hộ người vợ đổi câu đối đề thờ chồng rằng:

**Nhà cửa để lầm than, Công việc đành bỏ bẽ,
con thơ đại, lấy vợ trẻ trung, lầm
ai rèn cặp.** **kẻ đe-loi.**

Lầm than: tức là đồ thán 灼炭 đồ : bùn lầy, thán: thán, nghĩa đen là nhém-nhuốc bùn-thủu, nghĩa rộng là vát-vã khồ-sở. — *Bỏ bẽ*: bỏ hẳn không ai nhìn nhận đoái hoài đến. — *Đe-loi*: dọa nạt úc hiếp.

Hai câu này ý-tưởng rất hay. Câu đối thờ chồng mà nói vì chồng mất để đến nỗi: *nha cửa* khổn khổ, *công việc* đình trệ, *con thơ* không ai dạy, *vợ trẻ* nhiều người nạt, đau đớn thật là đủ cả ý của hết, *việc bỏ*, *vợ hóa*, *con cỏi*, *cái nóng* nỗi khồ sở không còn gì hơn nữa.

Hai câu này chữ dùng lại rất khéo. Tuy là nhời than khóc đau-dớn mà trong nói đủ vừa công việc, vừa đồ dùng của người làm nghề thợ rèn; nào rèn-cáp, nào cái bẽ, cái đe, cả đến lò than, tưởng không quên không sót cái gì. Hoặc chỉ quên cái húa cũng là một đồ thiết dụng của nghề.

Câu đối nôm được như câu này thật là được toàn thể hiêm có vậy.

23.—THIẾP KÈ TỪ — CHÀNG Ở DƯỚI.

Thiếp kè từ lá **Chàng ở dưới suối**
thắm xe duyên, khi **vàng nghĩ lại, vợ**
vận tia, lúc con **má hồng, con răng**
đen, điều dại, điều **trắng, tim gan, tim**
khôn nhò bồ đỏ. **ruột với giờ xanh.**

Đọc hai câu này, ai cũng biết ngay là câu của người vợ khóc chồng hay đàn thờ chồng túc sinh thời làm nghẽn thơ nhuộm.

Quả vậy, trong hai câu, ta lấy được bao nhiêu chữ chỉ tinh về sắc nhuộm cả : nào *thắm*, *tía*, *đen*, *điều*, *đỏ*, nào *vàng*, *hồng*, *trắng*, *tim*, *xanh*. Những chữ này lấy rời cốt ý tuy dùng chỉ màu sắc, nhưng đi với những chữ khác, lại thành có nghĩa dù diễn được cảnh, một người vợ than thở khóc chồng. *Lá thắm* (*thắm*: đỏ thắm), dịch ở hai chữ *hồng-diệp* 紅葉 ra, mà hai chữ ấy là lấy ở cái diễn *hồng diệp lương mới*, nói hai người lấy được nhau thành vợ thành chồng vì một cái lá *thắm làm mới*. Bởi vậy trong câu, dưới hai chữ *lá thắm* mới hạ hai chữ *xe duyên*. — *Vận tia* : *tia* : sắc đỏ sẫm ; *vận tia* tức là *vận đỏ*. — *Điều* : sắc đỏ phơn phớt, đây dùng cái nghĩa như chữ *việc*. — *Bồ đỏ* : tiếng ở nhà quê vợ thường dùng để gọi chồng. — *Suối vàng* : dịch ở hai chữ *hoàng-tuyền* 黃泉 ra, và chỉ thứ suối chảy ở dưới đất ; *xuống suối*

vàng tức là chết rồi mà chôn ở dưới đất vậy. — *Vợ má hồng* : nói vợ còn trẻ đẹp má đỏ hồng-hồng, — *Con răng trắng* : nói con còn thơ dại ; trước kia, ta chỉ đề răng trắng lúc còn nhỏ, hế nhớn lên thì nhuộm răng ngay. — *Tim gan tim ruột* : ý nói đau-dớn khổ-sở lắm, gan, ruột trong bụng té-tái như tim bầm lại. — *Giờ xanh* : chỉ bầu giờ có màu xanh biếc, sắc nhuộm có sắc gọi là *thiêng-thanh* hay ta gọi nôm là *xanh da giờ*.

Về trên cốt ý nói xưa nay : thiếp lấy chàng, lúc sướng lúc khổ, điều hay điều dở là nhờ chàng cả. — Còn về dưới, thi hỏi : bày giờ chàng khuất đi, chàng để vợ dại con thơ lại, chàng có nghĩ gì đến cái nóng-nỗi đau-dớn cực khổ của vợ con chàng ?

Khóc chồng mà than thở đến như thế, chẳng cũng là thảm-thiết đáng nên thơ lắm ru !

Kè mặt đối, lấy toàn câu, thì nghe được lắm. Trừ trung, phải mấy chữ cân nặng, nhẹ không được xứng như : *lại đổi với duyên* ; *khi, lúc đổi với vợ, con*; *điều dại, điều khôn đổi với tim gan, tim ruột*.

24.—TRƯỚC CÙNG TUỔNG — NẾU CÓ BIẾT.

Một người đàn bà An-nam lấy chồng Khách. Chồng chết. Có cụ đồ làm hộ đôi câu đối khóc chồng rằng :

Trước cõng tưởng | Nào có biết
Tần, Tần một nhà, Bắc, Nam đối ngẫu,
vậy mệnh bạc phải đem gánh vàng đi
nhờ đất Khách. dề sông Ngô.

Tần, Tần: hai nước về đời Xuân-thu đời đời thường cứ người nước nọ lấy người nước kia. Bây giờ ta thường hay dùng hai chữ *Tần Tần* để nói hai người lấy nhau. — *Mệnh bạc*: bởi hai chữ bạc mệnh 薄命 ra, nói cái số mệnh người đàn bà mong-manh. *Tự cõ dai-nhân đà bạc mệnh*: câu cõ thi của Tô-Thức nói: «Tự xưa đến giờ, người đẹp hay bạc mệnh»; — *Đất khách*: đất xa lạ của người. — *Bắc, Nam*: nói hai người ly-biéte kẻ phương Bắc, người phương Nam, dày từ nói kẻ khuất, người còn. — *Sông Ngô*: thực không có con sông nào tên là sông Ngô, *sông Ngô* có nhẽ là nói sông của Tàu, như nói *người Ngô, nước Ngô*. Ta gọi người Tàu là người Ngô, có nhẽ từ cõi Tam-quốc Ngô-tôn-Quyền, về thời bấy giờ nước Nam thuộc về nước Tàu. Cả câu: «*Gánh vàng đi dề sông Ngô*» là trích ở bài ca-daò cõi «Ai lên thử Lang» mà ra.

Về trên giải nghĩa là: trước thiếp tưởng: thiếp lấy chàng, chàng lấy thiếp, đôi ta xum-hop một nhà, thì thiếp, phận gái mong-manh, cũng được nhờ chàng sống gởi thịt, chết gởi xương cùng chàng. Tâm lòng trinh-thuận xiết bao, đường hi-vọng nương cậy khôn nói!

Ôi thoi! nào ngờ! bây giờ chàng với thiếp ám, dương xa cách, khuất cõi ly-biéte, bơ-vơ một mình, thẳn-thor cùng bóng, bao nhiêu tình nghĩa thiếp dành giả lai chàng hết như đem đi dề sông, dề biển vậy. Ấy là cái nghĩa vế dưới.

Hai câu ý hay như thế, chữ dùng lại càng đắt nghĩa. Quả vậy, nói người ta lấy người Tàu mà dùng được những chữ: *Tần, Tần* đối với *Bắc, Nam, Khách* đối với *Ngô*, thế là dụng công lắm. Lại những chữ *một nhà* đối với *đôi ngẫu*, *bạc* đối với *vàng*, *đất* đối với *sông* rất khéo. Chỉ túc phải chữ *vậy* đối với chữ *đem* không được chỉnh. Hoặc có nhẽ bởi chúng tôi chép sai chǎng, đẽ sau nghiên cứu được rõ thì xin sửa lại.

25. — NHÀ CHỈN RẤT — BÀ ĐÌ ĐÂU

Nhà chỉn rất nghèo
 thay, nhở được bà
 hay lam, hay làm,
 thắt lưng bó que,
 săn váy quai cồng,
 tất-tưởi chân nam,
 chân chiêu, vì tó
 đỡ-dẫn trong mọi

việc.

Bà đi đâu vội
 mấy, đẽ cho lão
 vất-vợ, vất-vưởng,
 búi tóc củ hành,
 buông quần lá tọa,
 gật-gù tay đũa,
 tay chén, cùng ai
 kẽ-lẽ truyện trăm
 năm.

Chỉn: chỉ vì như thế, một nồng nỗi thế. — *Thắt lưng bó que*: lối thắt dây lưng bắt mui ra

đằng sau lưng và ra ngoài áo. — *Sắn vây quai cồng*: sắn chõ cap vây xung quanh dày lưng cho gọn để làm việc. — *Tắt-tưởi*: có ý nói làm ăn bẩn-bièu, lúc nào cũng như vội-vàng, như sợ không đủ thời giờ. — *Chân nam, chân chiêu*: *chân nam*: chân phải, *chân chiêu*: chân trái. Ta có câu thành ngữ: «*Chân nam đá chân chiêu*». — *Tớ*: tiếng tự xưng cũng như tao. *Mày tao chí tú*: câu thành ngữ. — *Vắt-vơ vắt-vuông*: Ý nói bơ-vơ khẽng biết dựa-dẫm vào đâu. — *Búi tóc củ hành*: nói tóc thưa búi lại nó chỉ bé như một củ hành. — *Buông quần lá tọa*: nói cap quần buông tỏa xuống chỗ dày lưng. — *Tay đũa tay chén*: một bên tay cầm đũa, một bên tay cầm chén, nói người nhâm rượu. — *Truyện trăm năm*: nói vợ chồng kè lèle những truyện về sau này.

Đôi câu đối này là câu của cụ *Nguyễn-Khuýển* làm để khóc cụ bà. Vẽ trên tă cụ bà, lúc sinh thời, vốn là người chịu khó làm ăn, không quản cái thân danh là một bức mệnh-phu, *thắt lưng sắn vây* lên mà coi sóc hết mọi việc trong nhà là một nhà rất thanh-bach. Vẽ dưới cụ ông than thân, vì cụ bà mất đi, mà dề cho cụ ông vắt-vơ vắt-vuông, cái búi tóc thì nhỏ, cái cap quần thi buông xuồng, cụ không biết cùng ai chuyện trò, cụ phải đành nhâm rượu một mình cho khuây-khoả vậy.

Hai câu này nhiều người thuộc và ai cũng chịu là hay cả. Hay là vì khi ngâm đọc, gập những chữ

âm giòn tan như *lan, làm bó que, quai cồng, nam, chiêu, củ hành*, và nhất là những chữ văn pháp bảy giờ gọi là phó-tù (adverbe): *tắt-tưởi, vắt-vơ, vắt-vuông, gắt-gù* khéo đưa đây rất là nhanh-nhẹn. Lại được câu tuy dài nhưng ngắt ra thành bao nhiêu đoạn, mỗi đoạn bốn chữ thành-ngữ song-song đi với nhau, hoặc chỉ năm đến bảy chữ chắp-lại là nhiều, mà đoạn nào đoạn này gãy-gon phán-minh dễ nghe lắm. Đọc những đoạn như *hay lam hay làm, vắt-vơ vắt-vuông, thắt lụa bó que, sắn vây quai cồng, búi tóc củ hành, buông quần lá tọa...* thật là khoái trá vây. Đoạn cuối, chữ *dỡ-dần* với hai chữ *kề lèle* đậm cho câu đã như hạ giọng rất êm-dềm, thú-vị vây. Hay hơn nữa, lại là được suốt trong hai câu, không thấy bóng một chữ Hán nào, toàn là chữ nôm, mà nôm thường, nôm tục hết cả. Nhưng có điều đáng tiếc, là vì trong câu có những chữ quá nôm-na, tục-tiểu như *bó que, củ hành, sắn vây, buông quần*, mà câu của cụ, tuy là câu khóc cụ bà mà không khỏi cái giọng trào phúng đã như câu văn hý-hước vây.

26. — MÃN RÚA — NHÃN HỎI

Một phú-ông, người xứ Nghệ, có một cô con gái rất đẹp. Phú-ông muốn gả cho một anh học-trò nghèo, nhưng hay chữ. Người con gái cũng thuận. Chỉ một bà phú-ông nhất định không chịu gả vì khinh là nghèo. Sau người con gái mang bệnh

tương-tử mà chết. Được một năm, bà phủ-ông sinh buồn, cũng chết.

Anh học-trò thấy cái tình cảnh làm vậy, bèn làm đổi câu đối phúng rắng :

Măn rúra cũng mụ gia, chút nghĩa đèo bòng còn nhớ mãi !	Nhắn hỏi thăm mẹ nó, khói tình mang xuống đã tan chưa ?
---	---

Măn rúra: tiếng Đàng-Trong cũng nghĩa như: *nurse*. -- *Mụ-gia*: cũng tiếng Đàng Trong gọi mẹ vợ. *Đèo bòng*: có ý nói như mang vác nặng. Hai chữ này có nhẽ ở hai chữ *deo* và *bòng* đọc tranh ra. Nên hiện có người nói *đèo bòng*, cũng có người nói *đeo bòng*. Người ta có thể *đèo bòng* về ái-tinh, danh-vọng, v. v. . . -- *Mẹ nó*: tiếng người chồng dùng để gọi vợ. Nó đây là ám chỉ con cái, mẹ dứa con của mình tức là vợ mình vậy. -- *Khói tình*: nói ái-tinh như kết tình lại thành một khối rắn ở trong người.

Về trên nói mẹ người con gái, đại ý than rằng dù bà không gả con bà cho tôi, nhưng tôi cũng kề bà như mẹ vợ, vì không bao giờ tôi quên được cái công theo đuôi, deo-đằng của tôi.

Về dưới nói chính người con gái, đại ý khóc rắng: bây giờ mẹ nó ở dưới suối vàng, tôi nhắn hỏi khói tình mẹ nó, vì tôi mà kết thành trong bụng, thì đã tan ra chưa? *Khói tình mang xuống*

đã tan chưa? trong truyện Kiều đã có một câu như vậy « *Khói tình đem xuống tuyễn-dài chưa tan* » mà hai câu cùng do ở một điền trong bộ *Tình-sử*, mục *Tình hóa* truyện một người con gái phải lòng một người đàn ông kia, không lấy được nhau, mà sau bị bệnh đến chết. Lúc chết, đem xác ra thiêu. Mọi phần đều tan duy có một khối gì như viên ngọc không sao tan được, lúc đem ra xem, thì trong có hình-ảnh của chàng đàn ông. Cái khối ấy, sau chỉnh chàng đàn ông xem, động lòng roi luy vào, thì lập tức tan ngay. Cứ kể về *« Khói tình »*, thì trong bộ *Tình-sử* còn một và truyện nữa. Như người con gái dày mắt không có để lại khói tình gì, nên anh học-trò mới hỏi rằng thế khói tình mang xuống — tức là mang xuống suối vàng — còn hay đã tan rồi?

Hai vế, đại-ý như thế, kè cũng là sàu-xa mà rõ ràng. Câu đặt cũng được nhanh-nhé và gọn-gàng. Chữ đổi thì được nghĩa đổi với *tình*, *nhớ mãi* đổi với *tan chưa* cân xứng lắm.

27. — CHỮ MGHĨA — RÈ CON

Chữ nghĩa có là Rè con không nỡ bao, nhà sám dám nín, nước người nén đầu đem trống đền. phải vác chieng đi.

Câu này có người cho là cụ Nguyễn-Khuyển làm đề viếng chính ông nhạc cụ. Có người lại cho là cụ làm hộ một viên chánh-tong viếng bồ vợ. Ta

không lấy gì mà quyết định được. Ta chỉ nhận hai câu này sở-dĩ cho là hay, là vì câu nào cũng dân ở một câu tục-ngữ mà ra. Về trên thì lấy ở câu: « Đánh trống qua cửa nhà sám ». Còn về dưới thi lấy ở câu: « Đem chiêng đi đánh mước nứơi, Chẳng kêu cùnж đánh một hồi cho kêu »

28.— HỒI THƯƠNG ÔI ! — Ờ QUÁI NHỈ

Hồi thương ôi ! hơn
một ngày chẳng ở,
kém một ngày chẳng
đi ! nghĩ rằng : (1) bà
năm mươi tám, bà
nhà tôi cũng sáu
mươi tư (2), xuân xanh
đã cao rồi, nọ
khéo dắt-diu chi (3), vẫn
mong bảy, tám, chín
mười mươi, đã vội
về chầu Phật, với
chầu Tiên, (5) giặc
bướm không nên ân
hận nữa.

Ờ quái nhỉ ! sống
mỗi người một nết,
chết mỗi người một
tật ! ai ngờ (1) : bà
tháng tư này, bà
nhà tôi cũng tháng
năm trước, tắc gang
không cách mấy, nào
có lâu-lai gì (3), vừa
mới (4) một năm, năm
bảy tháng, vì chẳng
phải dâu gia cùng
dâu - giáo, đường
mây sao khéo rủ-
rẽ nhau.

(1) Có bản không chép bốn chữ Nghĩ rằng với Ai ngờ (2)
Có bản chép ngược : Bà sáu mươi tư, bà nhà tôi năm mươi
tám. — (3) Có bản bỏ không chép cả đoạn: Xuân xanh đã
cao rồi, nọ khéo dắt diu chi,— tắc gang không cách mấy, nào
có lâu lai gì (4) Có ban không chép bốn chữ: Vẫn mong, vừa
mới. — (5) Giời.

Hơn một ngày chẳng ở, kém một ngày chẳng đi :
câu tục-ngữ nói người ta chết ngày nào, tháng nào
là đã có số nhất định trước, không thể mong chóng
chết hay lâu chết hơn được. — Xuân xanh đã cao : nói
đã nhiều tuổi, đã già rồi. — Vẫn mong bảy, tám
chín mươi mươi : vẫn mong sống đủ hạn một trăm
năm. Chữ có câu: « Bách tuế vi kỷ ». — Giặc bướm:
lấy ở chữ Diệp-mộng, nghĩa là giặc mộng bướm-
bướm ra. Hai chữ Diệp-mộng vốn là chữ của Trang-
tử xưa năm mộng thấy hóa ra con bướm rồi không
biết rõ ràng Trang-Chu (tức là Trang-tử) hóa ra
bướm-bướm hay là bướm-bướm hóa ra Trang-Chu.
— Ta hay dùng giặc diệp hay giặc bướm để chỉ
giặc ngũ hàng ngày và lấy rộng nghĩa chỉ cả giặc
ngũ trăm năm. Sống mỗi người một nết, chết mỗi
người một tật : câu tục-ngữ ý nói: các tinh nết
người ta lúc sống ở đời và các bệnh tật làm
cho người ta phải lia đời kể ra nhiều lắm, mỗi
người một khác, không ai giống ai cả. — Tắc gang
không cách mấy : nói gần nhau chỉ cách nhau một
lắc, một gang tay mà thôi. — Dâu-gia cùng
dâu-giao: dâu-gia hay thông-gia, thân gia, sui gia
là hai nhà có con gá cho nhau. Tiếng dâu-
giao là đặt đối ở tiếng dâu-gia ra chờ vốn không có.
Đường mây : nói người chết theo đường mây tức là
lên cõi Tiên, cõi Phật.

Đôi câu đối này là của cụ Nguyễn-Khuyễn làm đè
phùng bà dâu-gia. Năm trước cụ đã phải lấy văn

đề than khóc cụ bà của cụ, năm nay cụ lại phải lấy
văn đề than khóc cụ bà của dâu-gia. Lời than khóc
trước là đôi câu đối (xem số 24 trang...) lời than
khóc này tất cũng lại đôi câu đối. Đau đớn thay!
vì cái đau này mà cụ lại hối nhớ đến cái đau
trước. Tự-nhiên lầm bởi viếng bà nhà dâu-gia.
mà cụ lại như phải nhắc lại bà nhà cụ. Ủ, rút
nghĩa lại, đôi câu đối của cụ làm đây, là chỉ cốt
ở một cái ý so-sánh: bà nhà dâu-gia sống
bấy nhiêu tuổi, bà nhã tôi sống bảy nhiêu tuổi
bà nhã tôi chết tháng ấy, năm ấy, bà nhà
dâu-gia chết năm này, tháng này, rồi kết cục bảo:
Hai bà tại làm dâu-gia, dâu-giao với nhau sao khéo
dắt-díu, rủ rê nhau vào cái giặc *bướm*, đề noi
con đường mây mà về *chầu Phật, chầu Tiên* với
vàng quá như thế. Còn cái ý: mong sống trọn những
trăm tuổi, nhưng khuyên đã được, năm mươi tam,
với sáu mươi tư là mãn-nguyệt, rồi lại, nhẫn-nhű
yên-ủi không nén ăn-hận nữa, cùng cái ý mượn ở
hai câu tục-ngữ nói việc đời đương nhiên như thế,
đều là những ý phụ tùng vào cái ý chính ở trên cǎ.

Về mặt văn-tù, thì đôi câu đối khóc dâu-gia này
so với đôi câu đối khóc bà nhà kia, tuy số chữ rõ-
rào nhiều hơn, tuy lối điệu đứng-dắn phẳng-phiu
hơn, không dùng cái giọng cợt-nhả đùa bốn lăm.
nhưng xét ra, cái hơi câu dã không được mạnh-mẽ
bằng, các âm-thanh không được giòn-giã bằng, mà
cái ý-nghĩa không được gọn-gàng bằng, cả chữ đối

cũng không được cân-xứng bằng. Ta không chắc
câu này chép có được đúng như nguyên bản không.
Nhưng thực có mấy đoạn nghe không được lấy gì làm
xuôi tai, thích miệng. Như vẽ trên đã nói: *khéo*
dắt-díu chi, vẽ dưới lại kết: *khéo rủ rê nhau*, thì ta
tưởng cho là trùng kiến được.— Trên nói: vẫn mong
sống đủ trăm tuổi; dưới tiếp: sao năm mươi, sáu
mươi đã chết; mà cuối câu lại hạ mấy chữ: *không*
nén ăn hạn, ta tưởng hai ý không cắn với nhau,
không đối đáp với nhau; giá đây ngõ nhời than tiếc
có nhẽ hơn là lên giọng khuyên răn.— Vẽ sau: trên
nói tháng tư năm nay, dưới nói tháng năm
năm ngoái, mà lại kết là một năm, năm bảy tháng,
ta tưởng như tính không được đúng, gang tấc cách
nhau có một năm với một tháng chờ có đâu những
một năm năm bảy tháng. Chữ đối thi: *năm mươi*
tám đối với *tháng tư* này, sáu mươi tư đối với
tháng năm trước, bảy, tám, chín, mười mươi đối
với một năm, năm, bảy tháng không được chỉnh
cho lầm, vì số đếm đối với chữ thường, hay chữ
thường đối với số đếm không được cân. Tự trung
hai câu này chỉ hay ở mấy chữ than cất ở đầu câu,
hai câu tục-ngữ dẫn vào trong câu, cùng đoạn kết
nói *giặc bướm* với *đường mây* mà thôi.

29. — GIÀU CÓ — SANG KHÔNG ①

Giàu có thiếu chi tiền, đem một vài quan không phải nghĩa (1)	Sang không thì cũng bạc, kiếm năm ba chữ gọi là tinh (2)
--	---

Câu này người ta nói là của cụ Nguyễn-Khuyển làm để phúng một người bạn sơ ở xa.

Trong câu chỉ cốt gò mấy chữ đối nhau cho chơi: *giàu* đối với *sang*, *sang* chính nghĩa đây là đi đến, nhưng lại còn ngữ ý là sang trọng. — *tiền* đối với *bạc*, *quan* đối với *chữ*, chữ đây là chữ viết tức là câu đối, nhưng còn hiểu ngầm cái ý là tiền nong. Đáng Trong hay nói *mấy chữ bạc*. — *nghĩa* đối với *tinh*.

Về phần ý tưởng, thì về trên như muốn hắt cái tục xưa nay thường phúng bằng tiền nong, vàng hương đi, về dưới như cho cái sự phúng nhau bằng chữ, bằng câu đối là trọng lâm. Nhưng thiết tưởng phải có cái tài như cụ Nguyễn tư làm câu đối lấy để phúng người thi mới hay, chờ cứ đến hàng câu đối mượn thợ tim chữ nào, câu nào cũng được, thì còn gì gọi là hay nữa.

(1) Không phải nghĩa, có nơi chép là không phải nhẹ, hay: coi chẳng hiện.

(2) Gọi là tinh, có nơi chép là: đẽ làm duyên. Chép như thế thì đối câu đối này là đối câu đối mỉm cười chờ không phải đối câu đối phúng đam ma,

30. — VÙA MỚI — THẾ MÀ

Ông Tòng Cóc, người làng cũ Nguyễn-Khuyển mất. Ông có làm đối câu đối viếng rắng:

Vừa mới họp việc làng, mặc áo địa, giận giày tàu, đúng- định thật coi ra	Thế mà chết đầu nước, lắp ván thiên, vùi đất, sét, khôn- ngoan thì cũng đứt đuôi rồi.
---	---

Ý-tử hai câu này không có gì là sâu xa cả, vì có nhẽ lúc sinh-thời ông Tòng, địa-vi tẩm-thường, chưa làm được sự-nghiệp gì đáng ghi chép. Cụ Nguyễn-Khuyển có làm câu đối viếng ông, chẳng qua cũng như làm một câu văn chơi đùa, như nhiều câu chơi đùa khác, cụ vẫn hay làm nôm-na cho qua thời giờ vậy.

Về mặt văn-chương, thì hai câu này kể cũng là hay thực. Hai câu ý nói: ông Tòng, vừa hôm nào ông còn ra họp việc làng, mình ông mặc cái áo sa hoa bông tròn (*áo địa*), chán ông đi đòi ván-hai Tàu, đúng-da đúng-dịnh, ông rồ ra một bực người trông có dáng tự-phụ lâm (*ra dánj kẽ*). — Thế mà, bây giờ ông đã không còn ở đời, người ông đã bỏ vào áo quan (*ván thiên*: nắp dày áo quan), xác ông đã chôn xuống đất, ông có khôn-ngoan cho làm nữa, thì cũng đã xong cái đời ông rồi, còn gì là ông nữa. Rút lại, lúc sống ông lên mặt hách-dịch bao nhiêu, thì lúc chết ông lại lúi sùi, cụp tán tàn

bấy nhiêu. Cũng coi ra dáng kẻ đối với ai cũng dứt đuôi rồi cái ý cũ Nguyễn-Khuyễn miệt người cay độc lâm. Ông Tông tên là Cúc mà hạ mấy chữ dứt đuôi rồi chẳng là nhắc đến cái tên ông (nòng-nọc dứt đuôi) một cách rõ ràng quá lầm ư !

Trong hai câu được những chữ : *làng* đối với *nước*, *dịa* đối với *thiên*, *giận* đối với *vui*, *ra* *đáng* đối với *dứt* *đuôi* chơi nhau xứng đáng lâm.

31. — CỦA TRAI-THIỀN. — ĐƯỜNG TĨNH-ĐỘ.

Cửa trai-thiền nương tựa chửa bao lâu, dịp dàng sư dạy, kinh kệ sư rèn, hương thấp, đèn khêu, khấn nguyện những mong sư mạnh khỏe.	Đường tĩnh-độ xa khơi nên phút chốc, chuông trống vãi khua, chùa chiền vãi quét, hoa dâng, quả cúng, sớm khuya nỡ để vãi chờ - vờ
--	---

Trai-thiền : trai : vốn nghĩa là một lòng, một dạ, trước khi tế-tự phải trai giới, nghĩa là phải để tâm vào đấy. Chữ nhà Phật có nói trai tảng, trai phạt, *thiền* : nghĩa là tĩnh, Đạo Phật lấy thanh tĩnh làm tôn-chỉ nên gọi là thiền. Hai tiếng nôm *tray* *tịnh* ta thường dùng gốc ở hai chữ *trai-thiền* mà ra. — *Dịp* *dàng* : tức là nói sư dạy cho lúc cúng vái vào khuôn vào dịp. — *Tĩnh-độ* : tức là đưa về chỗ thanh tĩnh, cõi nhà Phật.

Đọc đôi câu đối này, ai cũng biết là của một bà vãi làm đề viếng một ông sư. Đại ý về trên vãi nói: vãi nương nhờ cửa Phật chưa được bao lâu, sư dạy vãi đủ lối kính kệ, tu cảnh (dịp dàng), vãi khêu đèn, thấp hương, thành tâm khấn khứa, cốt mong cho sư được mạnh khỏe. — Đại ý về dưới vãi than: Ai ngờ phút chốc sư đã tịch mà về cõi Phật xa xôi, khiến cho vãi bảy giờ lúc quét chùa, đánh chuông, cúng dàng hoa quả, chỉ chờ-vờ có mỗi một mình, biết lấy ai làm bầu bạn.

Hai câu này vẫn nghe được lâm. Dễ chỉ phải: *khấn* *nguyện* đối với *sớm* *khuya*, *mạnh* *khỏe* đối với *chờ*-*vờ* không được chỉnh, còn thì hay cả, cứ bên này mỗi chữ *sur*, thì bên kia lại mỗi chữ *vãi* đối lại rất xứng; lại được những chữ như *trai-thiền*, *tĩnh-độ*, *kinh kệ*, *chùa-chiền*, *hương* *āën*, *dâng* *cúng* thật bày rõ được việc làm của sư, của vãi trong một cảnh chùa vậy. Người làm đôi câu đối này tất am hiểu về đạo Phật lắm.

TẬP LIÈN

TỰ-THUẬT — TỰ-THÁN

32. — TRÓI CHÂN — RÚT RUỘT

Trói chân kỳ - kỳ	Rút ruột tang bồng tra vào rọ.
-------------------	-----------------------------------

giả nợ cơm.

Ký: giống ngựa sắc xanh đen; *ký*: giống ngựa chạy mỗi ngày một nghìn dặm. *Ký-ký* vốn là hai giống ngựa tốt, nên nhà văn-sĩ thường mượn hai chữ ấy để chỉ người tài giỏi hơn chúng. — *Rọ*: đồ làm bằng tre đan để giốt súc-vật hoặc khi cả người nữa. — *Tang-bồng*: xem ở bài dưới.

Hai câu này, có người cho là của ông Nguyễn-công-Trứ làm để tự vịnh khi ông còn hàn-vi. Có nhẽ ta nhận cho là phải được. Vì cái giọng văn thật là hùng-hỗn, cái ý trong văn thật là mạnh-mẽ. Tuy chán tra vào rọ, nhưng vốn vẫn là giống tuấn-mã; tuy phải giả nợ cõm, nhưng vốn vẫn có cái chí ở tú-phương. Bây giờ đang gặp lúc hoạn nạn vận đen, nghèo khổ bần túng, thì phải chịu vậy, nhưng biết đâu rồi không có một ngày được mở mày mở mặt, có danh với núi sông (1). Xem mấy câu luôn ở dưới của ông cũng có cái khẩu khí ấy.

33. — BA VẠN — CHÍN LẦN

Ba vạn anh-hùng | Chín lần thiên-tử
đè xuống dưới. | đội lên trên.

Hai câu này, có người cho rằng là ông Tả-quân Lê-văn-Duyệt bảo ông Nguyễn-công-Trứ vịnh cái cảnh ông đang nằm ở ồ rơm, trên đập chiếu.

(1) — Đã mang tiếng đứng trong giới đất,
Phải có danh gửi với núi sông.

Hai câu này cũng ở trong bài thơ « Phó thí nay ấu chiểu »⁹ của ông Nguyễn-công-Trứ.

Không biết ông Trứ có thật gặp ông Duyệt và có thật vịnh câu này không. Ta chỉ biết khi đức Cao-hoàng ngự giá Bắc tuần đến tỉnh Nghệ-an, thì ông Trứ có dâng một bài điều trần gọi là « Thái-binh tháp sách » được nhà Vua ban khen và dinh-thần chú ý. Bởi vậy mà ông Duyệt mới nghĩ đến ông Trứ và lúc cất quan ra chấm trường, ông Duyệt có dặn quan chủ-khảo nên lấy ông về dùng.

Ta lại nên nhận rằng, người làm ra bài câu đối này tất là người đang gặp lúc gian truân nghèo khổ, nhưng có cái khì-phách rồi sẽ làm nên những công nghiệp to lớn, lại có cái lòng trung-thành tận làm đối với vua, với chúa.

Quả vậy, nằm trên đống rơm, mà mượn ngay câu thành-ngữ « anh hùng rơm » để tả cái ý rằng một mình mình đè nén được bao nhiêu anh-hùng xuống dưới mình, thế là mình là người lối-lạc xuất chúng, hiền hách hơn thiên-hạ nhiều lắm. Trong khi mình kinh-doanh thao-lược đến như thế, mà mình vẫn một lòng, một dạ thờ bực chủ-chương minh một cách kinh-cần không hề dám sai bao giờ. Bực chủ-chương ấy, tức là Vua, là Chúa, là Thiên-tử, mình đội trên đầu chín lần đè béo đapse cái ôn sáu mình được nhuần gội. Vậy chín lần thiên-tử đội lên trên chính là bảy cái lòng tận trung ấy, mà xuất xứ ở như chữ « Cửu trùng thiên-tử chiểu » 九重天子詔.

Rút lại hai câu đối này chỉ cốt ở cái ý lấy trong hai chữ « rom » và chữ « chiếu » mà thôi.

31. — TIỀN BẠC — CÔNG-DANH

Tiền bạc của giờ chung, trống-trải thế mới lọt vành khuyên sáo | Công-danh đường đất rộng, kèn-cựa chí cho bận chí tang bồng.

Trống-trải : rỗng têch, trống không cả, không súc tích một tí gì. — Khuyên sáo: khuyên dày nghĩa là cái cùi đẽ giốt loài vật; sáo: lối cũ xưa nay theo đã quen; hai chữ khuyên sáo nghĩa là cái lồng, cái cùi dùng đẽ bao giữ, trói buộc các vật không đẽ nó ra được cái thế-lực, phạm-vi của mình. — Kèn cựa : cổ cựa-cây lồng-lộn cho ra khỏi vòng. — Tang bồng: tang: cây dâu, bồng: cổ bồng, nói đùi thì phải cả bốn chữ « tang hồ bồng thi,» hồ là cái cung làm bằng gỗ dâu, thi là cái tên làm bằng cổ bồng. Tục xưa, nhà thường đẽ con gai, thì ở ngoài cửa treo một cái cung bên tay trái, nhà vua đẽ con gai, thì cho người lấy cung tên bắn sáu phát ra bốn phương và trên giới, dưới đất. Thói tục như thế, là ngu cái ý mong cho con sau này có cái chi ngang dọc vùng vây trong khoảng giới đất bốn phương. Các nhà văn-sĩ thường dùng hai chữ « tang bồng » để chỉ công việc của người làm gai phải gánh xác ở đời tung hoành dày dò. (Xem rõ sách Nam-thi hợp-tuyển trang 24 bài 1).

Hai câu này là của ông Nguyễn-công-Trứ. Mà cái chí khí của ông thật rõ-rệt ra như vậy. Lúc ông bẩn túng, nợ như Chúa Chồm, ông không hề lo lắng sợ hãi, lúc ông làm đến Thượng-thư, Tòng-đốc, ông không hề súc tích làm giàu, lúc ông hàn-vi khoa cử châm-chạp, ông không hề giận dữ làm càn, lúc ông làm quan thăng, giáng bất thường, ông không chịu kêu nài luồn-lọt, ông cứ tự-nhiên-nhi-nhiên, thật là không có gì bó buộc được ông, bận-bịu đến ông, thật là ông ra được lọt vành khuyên sáo, và thỏa thích được cái chí tang bồng.

Cái chí của ông đã khác người như thế, nên cái văn của ông cũng lối-lạc hơn người. Hai câu của ông đây thật là nhẹ-nhàng thanh-thoát gọn-gàng và mạnh-mẽ lắm vậy. Chữ đối thật chỉnh, nặng, nhẹ bằng nhau không phải chữ nào non lép cả.

35. — CHỊ EM ƠI — GIỚI ĐẤT NHĨ

Chị em ơi ! ba mươi sáu tuổi rồi, khắp đồng, tây, nam, bắc bốn phương giờ, đâu cũng lừng danh công-tử xác. | Giới đất nhẹ ! gắng một phen này nữa, xếp cung, kiềm, cầm, thư vào một gánh, làm cho nổi tiếng trương-phu kenh.

Hai câu này là của ông Nguyễn-công-Trứ làm để tự vịnh mình. Câu trên ông than thân rằng ông đã luống tuổi mà vẫn nghèo khổ chưa làm

nên danh phận gì. Câu dưới ông lập chí đem cái tài văn vũ của ông ra thi thố với đời, cố làm cho nổi những thủ đoạn to nhơn. Chỉ hai câu này mà ông Trứ tả hết được cái tình cảnh thân thế của ông suốt một đời. Quả thê ông lǎng-dâng mãi đến năm 42 tuổi mới đỗ được giải-nguyên, nhưng từ năm đó đến năm ông mất, nghĩa là trong 38 năm giờ nã, ông đã làm nên bao nhiêu công việc thật là nổi tiếng cho ông vậy.

Công tử xác: tức là xác-xơ kiết cù, không có một đồng, một chũ nào (xem bài *Than nghèo* của ông trong sách « *Nam thi hộp tuyển* » trang 174.) *Cung, kiếm, cầm, thư* = cung, gươm, đàn, sách. Ông Trứ vốn là một nhà văn sĩ, lót thêm một nhà mỹ-thuật mà lại có đủ tài đi đánh dẹp như quan võ vậy. — *Xếp... vào một gánh*: không phải là xếp bô một xó, nhưng xếp để bắt tay vào việc cũng như người đi đường xếp đồ hành lý vào gánh để đem đi. — *Trương-phu kèn*: *trương-phu* tiếng người con già tự xưng; *kèn* to nhơn lắm.

36. — CHỮ-NGHĨA — RÂU-RIA

Chữ-nghĩa móm dǎn	Râu - ria đậm mãi
con trẻ hết.	cái già ra.

Đôi câu đối này rõ ra của một cù đồ già làm để tự vinh cái nghè-nghiệp và cái tình cảnh

của mình. Mình có biết được ít *chữ-nghĩa* nào, thì mình đem ra mà dạy trẻ, song lớp này đến lớp khác, như cho hết cả đi cũng không tiếc. Trong khi chữ của mình nó cứ cùn đi ấy, thì cái tuổi của mình cứ mỗi ngày một thêm ra, xem cái râu của mình nó cứ mỗi ngày một mọc dài mãi thi đủ biết. Cụ đồ như thế mới thực là cụ biết « hối nhàn hất quyện » và « cúc cung tận tuy » với cái nghè gõ đầu trẻ của cụ vậy.

37. — NHÀ DỘT — HỌC-TRÒ

Nhà dột đôi ba	Học trò năm bảy
gian, một thầy, một	đứa, nửa người, nửa
chó cái.	ngợm, nửa đười-ươi.

Người ta cho đôi câu đối này là của ông Ông Ich-Khiêm than thản, khi ông đang làm Huấn-Đạo ở một huyện kia tại Thanh-hóa. Ông vốn là một người Chàm, có khì khái, có văn-chương, có tài điều binh, khiên tướng, lâu mới đỗ cử-nhan, được bổ làm một chức Huấn-đạo nhỏ, nên ông làm hai câu này là có ý tỏ nổi bất-bình vậy.

Cái cảnh ông thầy dạy học, mà đến nhà ở (gồm cả tu-thất, gồm cả học-đường) chỉ có *đôi ba gian*, lại hế giờ động mưa, là dột túc tung, ngoảnh đi, ngoảnh lại chỉ thấy một *thầy*, một vợ thầy và con *chó cái*, — mà đến học-trò số

nhiều nhất chẳng hơn được *năm*, *bảy* đùa nhãi ranh, mà đùa nào, đùa nấy cũng ngày ngày; dại dại, nứa *người*, nứa *ngợm*, nứa *dưới-uôi*, cái cảnh đến như thế, thì còn gì đáng chán và đáng buồn hơn nứa !

Về trên nói *thầy* nói *cô*, rồi hạ ngay con *chó cái* (con cái chẳng có, đầy tớ cũng không) thảm-thiết chửa !

Về dưới, nói học trò, đã trưởng được bọn thiếu-niên thông-minh dĩnh-ngo, thần-đồng cả dãy, nào ngờ toàn là một lũ ngu-dần, dại-dột, không gọi được là toàn người, chỉ gọi được là *ngợm*, là *dưới-uôi*, đáng thương thay ! Tình cảnh của thầy như thế, thì còn mong-mỗi ở cái công-nghiệp giáo-dục sao cho được. Đọc hai câu này ta lại nhớ đến hai câu : « *Mỗi phạm năm ba thắn* » mắt trăng. *Đỉnh chung chiếc rưỡi cái lương vàng* » của ông Cao-bá-Quát dán ở Học đường và nhất hai câu trích ở một bài thơ cô : « *Miêng thèm, sờ rượu, bẽ hối rich ; giọng khát, tim chè, lợ mốc meo.* »

Về phần đối, thi hai câu thật chơi nhau từng chữ. Hay nhất, là được ba chữ *một* đối với ba chữ *nứa* di luồn một hơi mạnh-mẽ lắm.

38. — MỘT CHIẾC — BA VÒNG

Ông Cao-bá-Quát là người làng Phú-thị, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh. Cái tiếng ông lừng-lẫy

về văn-chương, trưởng ta không cần nhắc. Bốn chữ « *Thần Siêu*, (1) *Thánh Quát* (2) » đã thành như câu tục-ngữ cho ta truyền tụng rồi. Nhưng từ vi công-danh (3) ông không kịp văn-chương ông, nên ông phải đeo cái tiếng là tên tướng giặc chống cự với Triều-định (4). Than ôi ! chỉ vì thế, mà sau ông phải bắt giam bao lâu và xử tội trảm quyết. Song dù thế nào, ông vẫn là người có duyên nợ với văn-chương, lúc phải giam, lúc phải chém, ông vẫn còn ngâm vịnh những câu thật là tuyệt bút không phụ cái tiếng « *Thánh* » thiên-hạ đã phục ông, mà tặng ông vậy.

Người ta nói khi ông bị cầm ở trong ngục, ông có vịnh hai câu rằng :

**Một chiếc cùm lim, | Ba vòng dây sắt,
chân có đẽ. | bước thì vương.**

Kịp khi đem ông ra sấp chém, ông lại vịnh hai câu rằng :

(1) *Thần Siêu*: ông làm đến chirc Án-sát, người ở Hà-nội hiện nay có một phố gọi là Phố Án-sát Siêu tức xưa là Ngõ Gạch.

(2) *Thánh Quát*: kẽ văn-nom của ông thi không rõ còn lại những gì, nhưng vẫn chữ Hán thi nhiều.

(3) Ông dỗ cử-nhan làm chức giáo-thụ ở phủ Quốc oai, Sơn-tây.

(4) Ông tên một người tên là Lê-duy-Cự lên làm minh-chủ, rồi đem quân đánh phá tỉnh Sơn-tây và Hà-nội. Giặc của ông tức gọi là Giặc Châu-chầu.

Ba hời trông giục, | Một nhát gươm đưa,
đù cha kiếp! | deo mẹ dõi!

Hai câu trên của ông sở-dĩ hay, là chỉ vì hai chữ *vương*, chữ *dế* lót ở cuối câu, chân đã bị *cùm*, bị *xiềng* mà còn nghĩ đến *dế*, *vương*, cũng là sáu-xa lăm.

Còn hai câu dưới hay là ở mấy chữ rất tục người ta chỉ dùng để chửi, mà đem vào đây, lại rất thanh, khiến cho người đọc, phải lấy làm nǎo-nùng chua xót vây.

Kể về mặt đối thi cả hai câu, thật là chơi nhau tung chử. Theo lối văn pháp bây giờ, hoặc chỉ phải chữ *bước* là động-tự đối với chữ *chân* là danh-từ như chưa được điều luyện cho lăm.

39. — NGHÈN CÒ — LỦI ĐẦU

Nghèn cò eò, trông
bảng không tên : Giòi
đất hời ! văn chương
xuống bể ! | Lủi đầu cuốc, vè
nhà gọi vợ : Mẹ
dĩ ơi ! tiễn gạo
lên giòi !

Tả cái cảnh một thầy đồ đi thi hỏng mà đến như hai câu này, thực là tuyệt bút vây. *Cò* cò đã là cao, mà còn cõi *nghèn* cho cao nữa lên, nhưng cho cao bao nhiêu, cũng *không thấy tên*,

công học xưa nay thế là qui ư vô dụng, phải kêu đến giờ, vì giờ cho mình cái thông minh, mà mình đến nỗi thế đấy ! Đi đâu bây giờ ? Thôi đành lui *về nhà* như *cuộc lui*. Về nhà làm gì ? Về nhà *gọi vợ* (1) vì công của xưa nay vợ cắp cho ăn học thế là mất sạch. Hỗng thì mà trước gọi giờ, sau gọi vợ như *dè* cầu cứu, thực là cho như khốn cùng quá lăm vây.

Trong câu hai chữ *hởi ! ơi !* nghe đau-dớn lăm. Còn những chữ *nghèn* đi với *cõi* *cò*, *lủi* đi với *đầu* *cuốc*, *xuống* *bể* đi với *lén* *giòi* thực là đặc thế lăm.

(1) Không biết vợ nó có hoan nghênh không ? Cứ theo như một bài thơ trong Tùy-viên, thì lúc thi hỏng về, vợ con dồn tiếp cũng chẳng được vui chút nào. Bài thơ ấy như thế này :

Bất *dẽ* *viễn* *quí* *lai* 不 第 遠 歸 來
Thê *tử* *sắc* *bất* *hỉ* 妻 子 色 不 喜
Hoàng *khuyên* *cáp* *hữu* *tình* 黃 犬 怡 有 情
Đường *mòn* *ngoa* *giao* *vĩ* 當 門 臥 搖 尾

Và nghĩa là : .

Hỗng *thì* *giở* *về* *nha*,
Vợ *con* *sắc* *không* *vui*,
Chó *vàng* *thật* *có* *tình*,
Đón *cửa* *nằm* *vây* *duổi*,

40. — ĐƯỜNG THANH XUÂN — SÂN ĐAN TRÌ

Xưa ở làng Hạ-đình huyện Thanh-trì (Hà-đông) có một ông thi đỗ tiến-sĩ và nổi tiếng là hay chữ.

Cái trò «thầy dạy học, con bán sách», ông có một đứa con cực kỳ ngu xuẩn, không sao học nỗi được một chữ. Ông tức mình, cho đứa con về ở với anh ở nhà quê, và chỉ giao cho có mỗi một việc ngày ngày đem trâu ra đồng cho nó ăn cỏ.

Cậu cả chăn trâu hôm nào về cũng chậm, ông bác dò xem, thì ra cậu ngu đến nỗi không biết con trâu nào là con trâu của mình, chiều chiều cứ phải đợi cho các trẻ khác dắt trâu của chúng đi hết rồi, còn thửa con nào, thì mới biết con ấy là của mình mà dắt về.

Một chiều kia, bác thấy cháu về sớm, lấy làm lạ, hỏi.

«Sao hôm nay lại về sớm thế?

— Cháu đáp: Tôi đã lấy voi đánh dấu trâu của nhà, tôi nhận ngay được, nên tôi về sớm. »

Bác mừng thầm cho là cháu đã phá ngu, và nhàn hôm, ông nghè về chơi nhà, ông bác đem truyện ra kể rồi khen lấy, khen đẽ. Ông nghè không tin, mới gọi con ra, ra thử một đỏi cắn đỏi, bảo đổi. Cậu rằng:

«Đường Thanh Xuân, vồng giá nghênh-ngang.
người sao, ta vậy;

Con không cần nghĩ ngợi, ứng khẩu đáp ngay rằng:

« Sân Đan-trì, cân đai sắc sô ; cha trước
con sau ».

Ông bố phải chịu là hay, và bấy giờ mới lại cho con đi học. Quả-nhiên từ đó anh chăn trâu si ngốc quả lầm kia thành ra một người học trò thông minh rất mực, chẳng bao lâu cũng đỗ ông nghè, vồng giá nghênh-ngang, cân đai sắc sô không kém gì cha vậy

Câu ra có ý nói người ta đỗ đạt vể-vang làm sao thì ta đây đang độ trẻ, phải gắng theo cho kịp bằng người. Thanh-Xuân đây chỉ tên một khúc đường đi ở vùng Hà-đông, và trên đường ấy có cái *Chợ chùa* mỗi năm chỉ họp có một phiên vào ngày hai mươi tám tháng chạp. Nhưng hai chữ thanh xuân 靑春 lại còn chỉ cái tuổi trẻ lấy ý rằng người ta ở đời đang lúc thiếu niên, ví cũng như trong năm ở vào cái mùa xuân xanh ròn vậy.

Câu đỏi có ý nói cha hiện đang làm quan rực rỡ ở chốn Triều-đinh, thì tôi đây là con, tôi cũng theo được sau cha vậy. *Đan-trì*: *đan* 丹 là sắc đỏ phớt, *Tri* 壴 là nền; hai chữ *đan tri* dùng chỉ chốn cung điện nhà vua vì thèm những cung điện ấy thường son sắc đỏ phớt.

Hai câu này không có gì là tài-tinh, nhưng ý tú rõ ràng, chín nục không phi mất cái tiếng bố nghè, con nghè vậy.

41. — CŨNG MAY THAY — THÔI QUYẾT HẦN
 Cũng may thay, (1) | Thôi quyết hẳn (3)
 công đăng hỏa có | nợ (13) phong trần chi
 là bao (2), nhùng- | nứa tá (14) ngắt-
 nhắng (3) nhở (4) phận | ngưỡng chẳng tiền
 lại nhở (5) duyên, | mà chẳng tục,
 quan trong năm, bảy | hầu gái một và
 thứ (5), quan ngoài | cô, hầu giai
 tâm, chín phen (6); | năm bảy cậu (15),
 nào cờ, nào biển, | này cờ, này kiệu,
 nào mū, nào đai, | này rượu, này thơ,
 nào hèo hoa, gươm | này đàn ngọt, hát
 bạc, nào vōng (7) tía, | hay, này chè chuyên
 lóng (8) xanh, khách | chén mầu, tay
 (9) tài tình gấp hội | khí vũ (16) thoát (17)
 kiếm cung (10), khắp | vòng euong tỏa, lấy
 giờ Nam, bề Bắc | gió mát giảng thanh
 cung anh-hùng (11), | làm bạn lứa, (18)
 mùi thế xem ra | tuổi giờ thêm ít
 tung đã trải. (12) | nứa là hơn.

(1) Có bản chép: ba chữ này sót hẳn. — (2) Là bao = chỉ đâu hoặc gì đâu. — (3) Nhùng-nhắng = theo dõi. — (4) Nhở = vê hoặc vira. — (5) Thứ = tháng — (6) Phen = niên — (7) = vōng = tán — (8) Lóng = dù — (9) Khách = mặt — (10) Kiếm cung = công danh — (11) Anh hùng = tung hoành hoặc phong-lưu — (12) xem ra lứa, đã trải = trải qua coi đã đủ hoặc trải qua ngần ấy đủ.

(13) Nợ = cuộc — (14) Chi nứa tá = Không dẽ vướng —
 (15) Cậu = đứa — (16) Tay khi-vũ = tay thao-lực — 17

Đòi câu đối này có người cho là của cụ Nguyễn-công-Trú ra cho ông Nghè Tân dẽ thử tài nôm của ông Nghè. Như thế, thi vẽ trên là của cụ Thượng còn vẽ đối là của ông Nghè. Nhưng xét kỹ, ai nhận như thế là nhận nhầm. Câu dưới, câu trên cũng cùng theo một thể-văn, cũng chung một ngọn bút, cũng tả một tâm tình sự nghiệp, nghĩa là cũng cùng của một mình cụ Trú làm ra khi cụ về hưu-trí vậy.

Lại còn người dám cho: vẽ trên là của ông Siêu ra và vẽ đối là của ông Quát làm. Thật là bậy quá, tưởng không cần bẽ lại làm gì. Trong hai câu ấy có cái gì là của ông Siêu, ông Quát không ?

Đòi câu đối này, lại mỗi người chép một khác. Toàn thể câu dù không sai lạc hẳn, nhưng chữ dùng trong câu, mỗi nơi một thay đổi, khiến cho người khảo-cứu, trước khi cầm bút ghi chép, không khỏi không ngờ vực, và tự hỏi chữ nào mới là chữ của nguyên-bản, chữ chính cụ Thượng xưa đã dùng vậy. Như hai câu chúng tôi chép trên đây, là chúng tôi đã so sánh nhiều bản, tưởng như thế cho là đúng hơn, kỳ thực chưa lấy gì làm chắc.

Thoát = đã (hoặc bỏ hẳn) — (18) Bạn lứa = tri-thức hoặc thích tri.

Trong 132 chữ, mà sai quá 18 chỗ kẽ không phải là ít. Nhưng cái lỗi văn nôm minh xưa nay chỉ truyền khẩu, tam sao thất bản thi cũng không trách ai được!

Đáng hỏa: đáng: đèn, hỏa: lửa. Công đáng hỏa tức là công học-hành, nói chịu khó học ban đêm phải có đèn, có lửa. — *Nhùng-nhắng*: ý nói vừa phải thế thôi, không có gì là lôi-lạc hơn người cho lắm. *Nhùng-nhắng* đối với *ngắt-ngưởng* chỉnh hơn là *theo đòn*. — *Quan-trong*: quan Đàng Trong; — *Quan ngoài*: quan Đàng Ngoài; cai phép xưa người đỗ ở trong Trung-kỳ thì bồ ra làm quan ngoài Bắc, mà người đỗ ở ngoài Bắc-kỳ thì lại bồ vào làm quan trong Trung-kỳ. — *Tháng-niên*: có người chừa hai chữ này là *thứ*, *phen*, lấy ý rằng cu Trứ làm quan thăng, giáng luôn. Nhưng chúng tôi xét cái đường danh hoạn của cụ, dù có trắc trở ít nhiều cũng không đến nỗi bồ đi làm lại đến 13 19 thứ, phen được. — *Hèo-hoa*: một thứ roi của nhà quan. — *Khách tài tình gấp hội kiếm cung*: nói người tài giỏi gấp được cái dịp giờ võ đấu chiến cùng người. — *Mùi thế*: mùi đời. — *Trải*: biết qua cả không sót nữa.

Phong tràn: phong: gió, tràn: bụi. *Nợ phong tràn* tức là nợ những sự nhiều-nhiều khó chịu ở đời. — *Tay khi vũ thoát vòng cương tỏa*: nói người thời làm quan không còn gì bắt buộc vướng-viu được mình nữa.

Về trên đòn câu đối này đại ý nói cái thân-thế sự-nghiệp của cụ Thượng đủ cả tự lúc cụ còn làm anh học-trò hàn-vi, nghèo khổ, đến lúc cụ

thì đỗ làm quan, quan Trong, quan Ngoài đường-dường hách dịch, cả cho tới cái tài thao-lược của cụ đánh đồng, giẹp bắc, tiếng tăm lừng-lẫy một góc giời Nam.

Còn về dưới, thì đại ý nói lúc cu đã hồi hưu, cụ được hưởng cái cảnh an nhàn, nào đầy tờ một đoàn giai, gái đủ cả, nào tiêu khiển các món cầm, kỳ, thi, túr không thiếu thốn gì, công danh gác ngoài, ngao du phóng dâng, cụ chỉ bầu bạn với giảng cùng gió và mong sao cho giờ để sống được ít nữa để cùng vui với Tạo-hóa.

Rút lại, hai vế đòn câu đối này đã như tóm lược được hai cái mặt đời trái nhau của cụ: một bên chịu khó vất-vả bao nhiêu, thì một bên thư-thái nhàn-hạ bấy nhiêu; — một bên lấy cái đường sỉ-hoạn, cái bước công-danh làm trọng-vọng hống-bách bao nhiêu, thì một bên lại lấy các món tiêu khiển, các trò mỹ-thuật làm hứng thú, vui sướng bấy nhiêu... Nên chi, khi ta đọc về trên của cụ, thì đã hình như ta phải vào một chốn công-dường uy-nghi đáng sợ hay ra một nơi chiến địa sát phạt đáng ghê; — Kíp khi ta đọc đến về dưới của cụ thì ta hình như được đến một nơi phong-lưu tao-nhã đáng yêu, hay ở một chỗ thanh-thú tự-do đáng qui, càng ở lâu bao nhiêu, lại càng muốn ở lâu nữa.

Hai vế-ý tưởng đã trái nhau rõ-ràng như thế thì

văn tất phải chọi nhau không còn non yếu gì nữa. Cho nên chữ nào, mạch câu nào đối nhau cũng đều được cân xứng, ta không cần nhắc cho thêm rườm, ta chỉ nên nhận hai câu này, kẻ là hay là vì chữ dùng đọc giòn tan, hơi vắn đi cực mạnh, bố cục phân-minh, nên tuy mỗi về dài đến 66 chữ là câu đối dài nhất, mà người ta ngâm đi đọc lại, càng ngâm đọc, càng lấy làm thích vậy.

42. — QUAN CHẢNG QUAN — GIÀ CHẢNG GIÀ

*Quan chưởng quan thi
dân, chiểu trung đình
ngắt - ngưởng - ngồi
trên, nào lèn, nào
trưởng (1), nào bàn
ba, tiền (2) làm sao,
gạo (3) làm sao, củi
nước (4) làm sao,
một năm mười hai
tháng thành-thơi (5)
cái thủ lợn (6) nhìn
thầy dã nhẫn mặt.*

Có bản chấp = Vé trên: (1) trưởng = cǎ.— (2) Tiền = xôi.— (3) gạo = thịt.— (4) Củi, nước = củi, đuốc hoặc đóng góp.— (5) Một năm mười hai tháng thành-thơi = loanh quanh ba vạn sáu nghìn ngày.— (6) Cái thủ lợn = miếng má lợn.

Vé dưới: (7) Thi = với, hoặc: nhưng.— (8) Dân tiều-lữ

*Già chưởng già thi (7)
trẻ, dân tiều tử
nhấp - nhô đứng
dưới (8), nay phú, nay
tho, nay đoạn-
một, ngang (9) là thề,
sỗ (10) là thề, bằng
trắc (11) là thề,
ba vạn sáu nghìn
ngày thăm-thoát,
con mắt gà deo
kính dã mòn tai.*

Chiểu Trung đình: chiếu để riêng cho những người có chức sắc đàn anh ngồi tại đình làng.— Lèn: chức trọng trong dân từ 60 tuổi giờ lên.— Trưởng: người đứng đầu một phe, một giáp.— Bàn ba: người coi việc làm cỗ bàn cho làng.— Thủ lợn . . . nhẫn mặt: ý nói được người ta biểu nhiều thủ lợn, các thủ nó nhìn minh như nhẫn cả mặt.— Tiều tử: tử là học trò.— Đoạn một: lối văn-sách hỏi những câu ngắn.— Mắt gà . . . mòn tai: ý nói con mắt gà mờ phải đeo kính luôn làm cho tai đã như mòn đi vậy.

Dài câu đối này là của cụ Nguyễn-khuyển làm khi cụ đã hồi-hưu như câu của cụ Nguyễn-công-Trứ làm lúc hồi-hưu vậy. (Xem câu trên số 41)

Nhưng câu của cụ Tuần hồi-hưu với câu của cụ Thượng hồi-hưu, mỗi câu một thề, một giọng khác. Câu của cụ Thượng, chỉ có một vế dưới tả cảnh hồi-hưu, mà xem như vế ấy, thật lúc hồi-hưu, tuy cụ đã nhiều tuổi, mà cụ vẫn giữ được cái tính là một người tài-tinh, thanh-nhã, hào-hoa, khoáng-đat, nura tiên, nura tục, rất mực phong-lưu. Còn như hai câu của cụ Tuần đây, thì lại rõ ra

*nhấp-nhô đứng dưới = chủ tiều-dòng lau-nhau (hoặc lô
nhô) đứng trước.— (9) Ngang = bằng.— (10) sỗ = trắc.—
(11) bằng trắc = khuyên điểm.— (12) Ba vạn sáu nghìn ngày
thăm thoát = dằng dẵng một năm mười hai tháng.— (13)
Con mắt gà deo kính dã mòn tai = mắt gà deo mai mỗi bên
lại = đối với câu trên đối là: thủ lợn nhìn lâu tro cả mặt.*

một người lúc đã hồi-hiru, mà cũng chưa thoát hết được cái nợ phong-trần, chưa gỡ ra khỏi được cái vòng cương tỏa, thôi giúp việc nước, thì về quê lại giúp việc làng, thôi nghè làm quan, thì ở nhà, lại kham nghè dạy trẻ. Đối với dân làng, thì cụ chiếm cái ngôi thứ cao nhất, cụ là bực tiên-chỉ, ngắt-ngưởng cụ ăn trên, ngồi trống, thảnh-thơi cụ thu nhận cái thủ trâu, thủ lợn. Đối với lũ trẻ, thì cụ ngồi trên, nó đứng hầu dưới, nghiêm-nhiên cụ là một nhà giáo-đục dạy cho nó viết, nó học, đường-đường cụ là một bậc mô-phạm, mắt tuy kém, nhưng đeo kính vào, trông chữ mộc-bản hay thạch-bản bé li-ti mà vẫn rõ. Cái cảnh cụ cho là thảnh-thơi đây rút lại là cụ là một người thứ nhất trong làng, chứ không chịu là người thứ hai trong nước) và cụ được hưởng bao nhiêu quyền-lợi về cái địa-vị ấy; — cụ là một nhà gỗ đầu trẻ (chứ không chǎn dàn dàn) và cụ dạy trẻ thật hết lòng, không hề cho thế là vất-vả khó nhọc.

Cái ý của cụ Yên-dồ khác cụ Ngộ-trai như thế. nên cái văn của cụ cũng khác. Dễ chỉ có chỗ, kề ba chữ nào với ba chữ làm sao, ba chữ này với ba chữ là thế là giống như cái lối kẽ trong câu của cụ Ngộ-trai, chỗ kẽ cũng có đến sáu chữ nào với sáu chữ này mà thôi. Còn so-sánh ra, thì câu của cụ Yên-dồ hơi văn không được mạnh-mẽ, câu đặt không được rắn-giỏi, chữ dùng không được kêu

giòn như câu của cụ Ngộ-trai. Nhưng cứ kẽ như câu đối nôm, thì câu này là câu dài thứ hai, mỗi vế 44 chữ mà làm được như thế, cũng là tuyệt bút vậy. Những chữ đối nhau: *ngắt-ngưởng* đối với *nhấp-nhô*, *trên* đối với *dưới*, *lợn* đối với *gà*, *mặt* đối với *tai*, thật là chơi nhau chan-chát. Nhất là được trong câu, trừ ra có mấy chữ *trung-định*, *tiểu-tử* là phải mượn ở chữ Hán, còn toàn chữ nôm, mà lại là chữ nôm quê, nôm đặc của người Nam, của nước Nam, thật là quý hóa lắm. Đã gọi làm văn Nôm, cố dùng cho được chữ nôm, đề giữ lấy cái tiếng nôm, ấy là một điều đáng trọng, đáng khen nhất trong văn của cụ Tam-nguyên.

ĐỀ-TẶNG

43. — IN NHƯ — ĐEM CẢ

In như thảo mộc | Đem cả sơn hà
giời Nam lại. | đất Bắc sang.

Câu này, người ta nói là của Bà Huyện Thanh-quan vịnh cái chén uống chè tàu vẽ sơn thủy. Người ta sở-dĩ truyền tụng câu ấy và kính-phục cái tài của Bà Huyện, là vì trong có hai chữ *sơn hà* 山河 (núi, sông) đối với hai chữ *thảo mộc* 草木

(cỏ, cây) rất là đặc thể. Lại những chữ: *dắt đổi với giờ, Bắc đổi với Nam, sang đổi với lại* thật là càn xứng.

Không kể chữ dùng, trong lại ngữ được cái ý nói đến nước Tàu, nước Nam rất hay, Vịnh một cái chén uống nước mà thu được cả thảo mộc nước Nam, lại đem được cả sơn hà nước Tàu sang thật là một câu tuyệt cú, khiến người ta ngâm đi ngâm lại mãi được mà không chán.

44. — RA TAY — NGÂM KHÓI

Ra tay cầm cán | Ngậm khói phun mây
sôi trong nước. | sạch bụi trần.

Hai câu này người ta cho là của cụ Cao-bá-Quát ngẫu hứng làm khi cụ ngồi hút thuốc lào. Không rõ có thực chắc không. Nhưng xem cái khẩu-kí, tất cũng là một người có chí nhót, đã như muốn tạo thời-thể vậy. Chỉ có nói cầm cái xe diều (cầm cán) hút, nước điếu kèn lách-lách, rồi mồm thở khói ra, mà hả đến những chữ: *Ra tay, sôi trong nước, sạch bụi trần*, thì thực đã như thu cả quốc-gia (nước) và thế-giới (trần) vào trong ấy.

Ta xem hai câu vịnh hút thuốc lào này, chắc ta lại nhớ đến bài thơ vịnh *cái diều thuốc lào*

của cụ Lê-Thánh-Tôn. Hai bên ngâm vịnh cũng một cái dạng văn như nhau.

Tựu trung phải chữ *bụi trần* là hai chữ danh-từ nặng bằng nhau đối với hai chữ *trong nước* không được chỉnh, chữ *trần* đối với *nước* thì được, còn chữ *bụi* đối với *trong* thì chữ *trong* nhẹ hơn nhiều.

45. — BÁN GIÀU — BUÔN TRĂM

Người ta nói xưa ở trước một cái quán bán hàng có dán một đôi câu đối nôm rằng :

**Bán giàu, bán rượu, | Buôn trăm, buôn chục,
không bán nước. | chẳng buôn quan.**

Cái quán hàng lạ thay ! Thói thường đã bán *giàu*, thì tất có bán *nước*, vì chi gọi là hàng *giàu nước*. Nhưng dày lại không bán *giàu* với *nước*, chỉ bán *giàu* với *rượu* là *phù, lửu* thôi.

Đã là cái hàng giàu, thì người bán phải nhật tung đồng kẽm, đồng chính, mà dày lại nói ngược *buôn tung hàng trăm quan, chục quan, chớ không thêm buôn tung quan* mọt. Cái cửa hàng thật to và giàu có lắm !

Bởi đôi câu đối này, mà lúc bấy giờ có kẻ cho người chủ quán dày không phải là người tầm thường, tất có cái khí-phách to làm nên những

thủ-doạn lớn-lao, mà lại biết liêm sỉ, lấy sự *không bán nước, không buôn quan* làm trọng.

46. — NẾP GIÀU — VIỆC NUỚC

Nếp giàu quen thói kinh coi, con cháu nương nhờ vì ấm.	Việc nước ra tay chuyên bát, bắc nam đâu đấy lại hàng.
--	--

Hai câu này, người ta nói là của vua Lê Thánh-Tôn xưa vi-hành đi chơi làm hộ cho một hàng bán nước để dán ở trước cửa.

Không rõ có chắc hay không, nhưng xem cái thế câu thì thực rõ cái khẩu khí của một ông vua hay một người có khí-phách đáng làm vua.

Về trên nói đến *coi giàu* mà hạ hai chữ *kinh coi*, tức là có ý kênh-kiệu, hách-dịch, không cần đến ai cả; nói đến *ấm nước* mà hạ hai chữ *vì ấm* là có ý nhớ đến cái ấm-đức của tổ-tiên để lại cho mà bày giờ mới được như thế.

Về dưới nói đến *bát nước* mà hạ hai chữ *chuyên bát* nghĩa là xoay-xở bắt ra thế nào được thế ấy; nói đến lại *hang*, hang là hàng nước, nhưng lại ngu cái ý qui phục, thi thực rõ ra một người anh-hùng cái thế, bắc nam ai cũng phải chầu về mình cả.

47. — THIẾP VÌ — KHÁCH MUỐN

Thiép vì lòng trắng | Khách muốn môi son không thay hạt. | phải mượn màu.

Đôi câu đối này là của một cô hàng cau dán ở trước cửa, mà người ta nói là của ông Tú-Xương làm hộ. Cô vốn là một người hóa chồng nhưng còn trẻ tuổi và có nhan sắc. Học-trò đi qua thường hay vào chồng ghẹo, chê ý, chê eo nào những là cau long, cau diếc, cau chụt màu, cau nấu ruột. Cô vẫn một niềm giữ mục đứng-dắn, nhưng cô vẫn chiều khách không hề có giọng đong đưa chua ngoa bao giờ. Người ta nói từ khi có đôi câu đối của ông Tú dán cửa, thì bọn sĩ-tử không ai dám ngáp-nghé cô hàng cau nữa.

Nếu quả như vậy, thì đôi câu đối của ông Tú chẳng là một chiếc bùa trấn-trữ linh-nghiêm lắm ru ! Nhưng xét lại, hai câu này thật cũng không có gì là độc dữ lắm. Chẳng qua cô Hàng cau, chỉ có ý nói rằng cô giữ một niềm trinh-bạch không hề thay lòng đổi dạ đâu mà các bực sĩ-tử mong những nோ, kia. Ấy là ý vế trên, còn vế dưới không rõ cô nói *muốn môi son, mượn màu* là ý cô muốn nói gì.

Về mặt đối thi chữ nào nghe cũng được cả. Nhất là *trắng* đối với *són* (*trắng* tức là lòng trinh-bạch, *són* tức là còn nguyên vẹn), *thay* *hạt* đối với *mượn* *màu* nghe hay lắm.

48.—NGÀY NGÀY — CUỐI NĂM

Ngày ngày mồ bụng | Cuối năm bỗn đầu
con nhét chữ. | bỗ lầy tiền.

Đôi câu đối này là của cụ Nguyễn-Khuyến làm, khi cụ ngồi dạy học tại nhà một cụ Thượng. Mới nghe những chữ: *mồ bụng*, *bỗ đầu* thì như ghê că thịt. Nhưng nghĩ ra, thi chỉ là sự thường mà thôi. Về trên chỉ có ý nói dạy con người ta học, về dưới chỉ có ý nói ăn lương của bố đẻ ra người con ấy.

49.—GIANG SƠN — VĂN VŨ

Giang sơn tóm lại | Văn vũ đem ra
đôi sân khấu. | một khúc cầm.

Đôi câu đối này là của ông Nguyễn-quý-Tân làm để như tặng cụ Nguyễn-công-Trứ. Tả cái sự-nghiệp thàn-thế của cụ Nguyễn mà tóm lại được hai câu như thế, thực là đúng, là hay vậy.

Cái sự-nghiệp kinh nhẫn của cụ mà còn lưu ờn huệ lại cho dân được hưởng-thụ đến bây giờ và về sau này mãi-mãi chẳng phải là hai cái sân khấu, tức là hai huyện Kim-sơn (Ninh-bình) và Tiền-hải (Thái-binh) là gì? Cái công to nhất của cụ là cái công khẩn-hoang, cụ làm cho ruộng cây mở ra hàng bao nhiêu vạn mẫu, dân ờ hợp lại thành bao nhiêu làng, tông. Xưa nay ở nước ta, đã từng thấy một vị

quan nào, văn võ đã toàn tài, mà lại có cái tri kinh-doanh cho dân được nhờ như cụ? Nên tưởng dân Kim-sơn, Tiền-hải thờ cụ là có nhẽ, mà dân cả nước Nam thờ cụ cũng không phải là không nên.

Cái văn-chương, thao-lược của cụ mà còn sót lại đến ngày nay cho cả dân ta được học tập, càng học càng phục là hay chẳng là ở mấy sợi tơ, tức là những bài ngâm vịnh hát xướng đủ các lối, Nam, Bắc đâu đâu cũng biết là gì? Cái tài cao nhất của cụ là cái tài đặt những bài thơ, bài ca-trù... Ta được đọc một bài ca-trù dài hay chỉ một đôi câu đối ngắn của cụ, tức là ta vừa được rèn luyện về đường chữ nghĩa rất tài tình, vừa được hún đúc về đường tình-thần rất khảng-khai của cụ vậy. Văn Hán thế nào không rõ, nhưng trên cái đàn văn nôm còn vắng-vé của ta, mà tìm lấy một người được như cụ, tưởng cũng không còn mấy ai nữa. Nên tưởng ta bày giờ đã biết trọng quốc-văn, sùng bái cụ Nguyễn-Du, thì ta cũng chẳng nên quên cụ Nguyễn-công-Trứ mà không sùng bái vậy.

Trong hai câu đây, trên nói *giang-sơn*, *văn vũ* mà dưới rút xuống *sân khấu* với *khúc cầm* là cũng có ý vậy. Cụ Nguyễn sở-dĩ nổi danh là ở như huân công của cụ, công-nghiệp của cụ, nhưng còn ở như cái cách liêu-dao tự-tại, cái sự phong-lưu hào-phóng của cụ. Xem cái tiêu-sử của cụ, thì từ lúc cụ còn hàn-vi bắn túng, hạ thần làm anh kép cho nàng Xuân-Nga, qua lúc hiền đạt làm đến Tống-đốc, lại gọi Xuân-

nga vào hát, mà không nhận ra (1), cho đến lúc hồi
huru phóng-khoáng rao chơi các nơi nhậm lỵ mà đem
cả ti thiếp vào ở hẳn ngay những sinh-tử nhân-dân
làm đê phung sự, thì cụ quả là một người ta cái
sắc đẹp, thích nghe tiếng đàn, hay đặt bài hát, một
cách hơn người ta lắm vậy. Nên ngoại cái câu ông
Tân tặng cụ trên đây lại còn câu người ta tặng
cụ cũng rất đúng vậy. Câu rằng:

« Sư-nghệp kinh nhân thiên-hạ hữu
« Phong-lưu đáo lão thế-gian hỉ »
事 業 驚 人 天 下 有
風 流 到 老 世 間 希

50. — MỞ KHÉP — RA VÀO

Người ta nói ông Nguyễn-hữu-Chỉnh xưa có đối
câu đối làm dán cánh cửa rằng:

Mở khép cản khôn, | Ra vào tướng tướng,
có ra tay mới biết. | thử liếc mắt mà coi.

Câu đối dán cửa mà dùng bốn chữ Hán: *cản*, 乾
khôn 坤, *tướng* 將, *tướng* 相 là hợp cách lăm. Xưa
nay về dịp Tết ở hai cánh cửa người ta thường
viết bốn chữ *cản khai* 乾開 nghĩa là giờ mở, *khôn*

(1) Sau Xuân-Nga phải cát tiếng hát câu:

« Giang sơn một gánh giữa đồng,

« Thuyền-quyên ú-hụ, anh-hùng nhớ chặng !»

ý hỏi cụ có còn nhớ cái khi ở giữa đồng cụ làm gì mà đê
cho tôi phải «ú-hụ» nữa chặng ?

hở 坤 nghĩa là đất đóng, lấy ý rằng cánh cửa
lúc mở, lúc đóng tượng như giờ đất khi sáng
khi tối vậy. — Còn khi nào có hai bên cửa, thì
người ta hay viết một bên hai chữ *xuất tướng* 出將
nghĩa là tướng vồ ra, một bên hai chữ *nhập tướng*
入將 nghĩa là tướng văn vào, lấy ý rằng nhà đại
gia lúc ở triều ra thì là tướng vồ đánh dẹp giặc
giã, lúc về triều thì là tướng văn giúp giáp vua chúa.

Trong câu lại dùng bốn chữ nôm: *mở khép*, *ra vào* cũng là nhắm với cánh cửa *khi mở*, *khi khép*,
để cho người ta đi ra đi vào vậy.

Còn những chữ ở cuối hai câu: *có ra tay mới*
biết, *thử liếc mắt mà coi*, là ông Cống Chính tuy
làm câu đối để dán cửa mà lại tỏ được cái chí
khi cửa mình là người có tài kinh-luân, thao-lược
thiên-hạ ai cũng phải phục.

51. — HAI HẶP — BA BỊ

Hai hặt, bốn thủ, | Ba bị, chín quai,
một lũ nhà tor, ngồi | mười hai con mắt, hay
chò quan lớn. | bắt trẻ con.

Hai hặt: *hở* 坤 nghĩa là đóng, *hai hặt* là hai ông
bát (bát phẩm) coi việc đóng hộp ấn ở dinh quan
tỉnh. — *Bốn thủ*: *thủ* 守 nghĩa là giữ, bốn ông
cửu (cửu phẩm) coi việc giữ ấn. — *Nhà tor*: tiếng
chỉ gồm cả những người làm việc trong dinh một

đường quan, kè ngoài các ông hạp, ông thủ, còn
đô-lai, thư-lai, vị-nhập-lưu thư-lai, v v... *Ba bị*
chin quai mười hai con mắt: ông ngoáo đê dọa
trẻ con khi nó vòi khóc.

Hai câu này người ta nói là của ông Nguyễn-
công-Trứ làm dân tại công-đường khi ông ngồi
Tổng-đốc Hải-dương.

Về trên có ý nói chỗ quan ngồi xử việc rất
nghiêm, dưới thì ti-tào đông-dúc, trên thì quan
lớn bệ-vệ cao-xa.

Về dưới là câu đồng-dao, lại có ý như đứa bốn,
cho cái chỗ oai-nghiêm kia chẳng qua chỉ là một
chỗ dọa nạt dân như ông Ba-bị dọa trẻ vậy.

Những chữ số: *hai* đổi với *ba*, *bốn* đổi với *chin*,
một lũ đổi với *mười hai* thật chỉnh. Hai chữ *quan*
lớn đổi với *trẻ con* nghe cũng được, chỉ phải
chữ *ngồi* đổi với chữ *hay* không cân.

52. — GIÓ DỰA — GIĂNG NHÒM

Gió dựa tường ngang | *Giăng nhòm cửa sổ*
lung gió phẳng. | *mắt giăng vuông*.

Hai câu này thuộc về cái hạng những câu diệu-
luyện, đục gót, mài rữa, tường măt bao nhiêu
công phu mới thành. Thiên-hạ thường vẫn đọc
tung, vẫn ghi chép, vẫn viết vào giấy, vẫn dắp lên
tường, vẫn thảm phục là hay, là tài, là tuyệt, là

diệu. Thế mà thiên-hạ vẫn còn như chưa cho làm
vira ý, hoặc có khi còn muốn đục, gọt, mài rữa
nữa để cố làm cho hay, tài, tuyệt, diệu hơn. Cho
nên, dù có 14 chữ thế, mà người thi bảo là *lung*
gió, kẻ lại cho là *khuôn gió*; người thi cho là *gió*
dẹp, kẻ lại cho là *gió phẳng*; chỗ thi chép là *mắt*
giăng, hay *bóng giăng*, chỗ lại ghi là *mặt giăng*,
hay *nếp giăng*, hoặc khi lại đổi hẳn cả bốn chữ:
gió dựa tường ngang ra làm: *Đưa lợt kẽ mành*,
giăng nhòm cửa sổ ra làm: *Luồn qua cửa sổ*....
Vậy chính câu nguyên-văn như thế nào? — Không
ai biết. — Như câu chúng tôi chép đây, chẳng qua
là lấy phần thuận tai, thuận miệng làm chủ và
nghe nhiều người cũng nhận cho như thế là phải.

Gió làm gì có lung? Nhưng khi luồng gió thôi
tat vào bức tường ngang, bức tường ấy chắn gió
lại, và gây cho gió thành như có lung, mà một cái
lung thẳng tuột, vì bức tường thẳng tuột. — Giăng
làm gì có mắt? Nhưng khi ánh sáng mặt giăng
chiếu qua một cái cửa sổ vuông (phải nói rõ vuông
vì cửa sổ bất tất phải vuông cả), thì cái cửa sổ
ấy nhận được ánh sáng chiếu cho sáng trong buồng,
khác nào như chính mắt mặt giăng vuông vậy.
Cứ kẽ nghĩa, thi nghĩa về dưới cắt không xuôi
được bằng vẽ trên. Còn phần chữ dùng, ta đã cho
là diệu luyện, thi ta không cần canh nhắc nữa.
Nhưng như ta đã nói trên: *cửa sổ* đổi với *tường*
ngang, thi *số* với *ngang* không được chính mà

nghĩa hai chữ cửa sổ chưa đủ đối được với nghĩa
hai chữ tường ngang.

53. — ĐẤT E — NÚI SƠ

**Đất e bẽ eạn | Núi sơ giờ nghiêng
bù thêm nước. | đỡ lấy mây.**

Bề thì đời nào cạn được mà đất phải e? Thế mà
nước suối, nước sông ở trên đất vẫn cứ ngày
ngày tuôn nước xuống bờ, dẽ như bù nước vào
cho bờ. — Giờ thì bao giờ nghiêng được mà núi
phải sơ? Thế mà giải này, rặng khác núi cứ sững-
sững như muốn đỡ giờ không dẽ cho mây làm sụt
xuống được.

Hai câu này, chữ dùng rất tầm thường, tuy
thuần nôm cả, nhưng thật điều luyện đã đến bức,
khiến cho ta đọc phải lấy làm thú vị. Tiếng Nôm
mà được những câu như câu này, thì ai
dám cho Nôm-na là không có văn-chương. Có
người cho tác-giả làm ra hai câu này là Tuy-lý-
vương, không biết có thực được chắc không.

Đời bên các chữ đối nhau đều cân cả, không phải
chữ nào là ép hay non. Giờ đổi với bờ, mây
đổi với nước, đỡ đổi với bù nghe được lắm.

E: cùng nghĩa như sơ.

Bù: cho thêm vào sơ nó thiếu.

54. — GIÓ QUYẾN — GIĂNG LỒNG

**Gió quyển ngọt cây, | Giăng lồng đáy nước,
cây quyển gió. | nước lồng giăng.**

Quyển: yêu nhau khăng-khit không muốn rời bỏ
nhau. Lồng: nhận một cái hình bóng rồi chiếu giả lại.
Câu trên nói gió, cây đã như có tình với nhau,
câu dưới nói giăng, nước cũng như có duyên với
nhau. Hai câu số-dĩ hay, là chỉ vì mây chữ gió,
cây, giăng, nước đã nói xuôi xuống, rồi lại đưa
ngược lên; mà mây chữ lộn đi, lộn lại được khéo
như thế, là nhờ ở hai chữ quyển và chữ lồng, đảo
đi đảo lại mà vẫn có nghĩa hay vậy.

55. — MÙA XUÂN — MÙA HẠ

**Mùa xuân tươi-tốt, | Mùa hạ khô-khan,
bài cỏ xanh rì, | cánh-đồng đỏ chót,
cây nấm mọc. | lúa đâm bông.**

Hai câu này không có gì là đặc-sắc. Nhưng câu
trên tả mùa xuân mà dùng những chữ: tươi-tốt,
xanh rì, nấm mọc, câu dưới tả mùa hạ mà dùng
những chữ khô-khan, đỏ-chót, đâm bông thế là đúng
lâm.

Chữ đỏ-chót đổi với xanh rì nghe được; — chữ
khô-khan đổi với tươi-tốt hơi ép; — còn ba chữ lúa

dám bông mà đối với *cây nấm* mọc không thè
nào chịu được. Đáng nhẽ nói *bóng lúa* *dám* thi
mới chỉnh, nhưng nếu viết như thế thì lại quá ư
tục không còn gì là văn chương nữa.

VĨNH CHƠI

56. — GIO' TAY — XOẠC CẢNG

Một hôm, giờ mưa, Xuân-Hương đang gio' tay.
với cái gì, trượt chân ngã xoạc cảng xuống đất. Có
lũ học trò trông thấy cười ầm lên, tung hô, lêu hõ.
Nàng đỏ mặt tia tai, đứng dậy, đọc ngay một câu
để chừa thẹn rằng :

Gio' tay với thử | Xoạc cảng do xem
giờ cao, thấp. | đất vẫn, dài.

Ngã đã đau, mà úng-khẩu đọc luôn ngay được
hai câu này, thực là mau trí-khôn mà tài giỏi biết
chừng nào ! *Gio' tay, xoạc cảng* tả rõ ra được hình
cái *ngã*. Nhưng nào có phải *ngã*, đây là muốn *với*
xem giờ cao hay là *giờ thấp*, đây là muốn *do xem đất*
ngắn hay *đất dài* mà thôi. Vẽ trên nói chiều cao,
vẽ dưới nói chiều ngang, cả hai vẽ thực dã như nói
một người có cái chí anh-hùng tang-hồ bồng-thỉ, có
cái tài ngang đọc hợp tung liên hoành được.

Tay đối với cảng, cảng cũng nghĩa như chán:
giờ đối với đất ; — cao thấp đối với ngắn dài, thật

là đối chơi hằn nhau. Cả hai câu toàn nôm không
đến một chữ nào, thế mới lại qui hơn nữa.

Xem hai câu này, khiến cho ta lại nhớ đến hai
câu của vua Lý Thái-tô, lúc còn nhỏ, học ông Vạn-
Hạnh ở chùa Tiêu-Sơn, một hôm không thuộc bài,
phải bị trói nǎm dưới đất, mà ngâm rằng :

Đêm khuya không dám giang chân ruỗi,
Vì ngại non sông, xã-tác xiêu

Và có người đã dịch ra chữ Hán là :
Giá thâm bất cảm trường than túc,

夜 深 不 敢 長 身 足.

Chỉ khung sơn hà, xã tắc diên.

只 恐 山 河 社 稅 頤.

57. — ĐẬP CỒ KÍNH — XẾP TÀN Y

Đập cồ kính ra tim | Xếp tàn y lại để
lấy bóng. | dành hơi.

Hai câu này, ta đã từng thấy ở trong bài thơ đức
Dực-Tôn làm đề khóc Thị-Băng (xem sách « *Nam thi*
hợp tuyển » bài 82, trang 190.) Nhưng ta lại còn thấy
có sách cho hai câu ấy không phải là của Vua Dực-
Tôn, mà là của Hầu Ôn-Như, Hầu làm đề vịnh
Sương-phu tư khổ và ông Trần-danh-Án đã dịch
ra hai câu chữ Hán rằng :

Kích toái lăng hoa làm cựu ảnh,

擊碎菱花尋(1)舊影。

Trùng phong sam tử hộ dư hương.

重封衫子護餘香。

Vậy hai câu này ai làm ra trước và ai chép của ai. Hay lại cho rằng về mặt văn thi, dễ cũng như về các thủ-doan anh-hùng, các bực cao-nhân có khi cùng tim thấy cùng đặt ra, cùng sở kiến lược đồng trong cùng một lúc vậy. Nhưng đây không thể được. Cứ chiếu ngày tháng thì cụ Ôn-Như hầu có hơn vua Đức-Tôn những hon một trăm năm, thì hai người không thể sao cùng đặt ra một câu trong cùng một lúc được. Ta nhận qua như thế là đủ...

Cái điều là đáng nhận kỹ, là cái phần ý, phần chữ của hai câu này thật là hai câu kiệt-tác dễ trong cả áng văn-chương Nôm ta không được mấy câu điêu luyện hay đến như thế nữa.

Vợ mất ! Lúc nhớ vợ, lấy gì mà tự yên ủi. Đời xưa làm gì đã có ảnh như bây giờ và đã mấy ai gọi được thơ về truyền-thần để lưu cái hình của vợ lại. Ấy chỉ có cái gương, lúc vợ sống, vợ vẫn soi vào đấy, bóng vợ đâu vẫn ẩn ở trong ấy, chỉ bằng ta đập cái gương ấy ra, xem

(1). — Có nhẽ vì câu chữ Hán này chỉ có hai chữ *lăng hoa* và hai chữ *sam tử* không có cái gì là cỗ, là cũ, mà có người lấy hai chữ « *mảnh gương* » thay vào « *cỗ kính* », « *mảnh áo* » thay vào « *tàn y* ». Nhưng tưởng thay như thế, câu mất hay di nhiêu.

bóng vợ có còn đấy nữa không. — Vợ đã vùi sâu, chôn chặt rồi, bây giờ chỉ còn ít áo vợ để lại đó thôi. Những áo ấy vợ đã mặc, nghĩa là đã ướp cái hơi vào đấy, thì ta phải xếp lại cho tử-tế để cố giữ lấy cái hơi vợ lại, được chút nào hay chút này... Thương nhớ vợ mà đến như thế thực là thương nhớ quá vậy...

Còn về phần câu đặt, chữ dùng, thì thực khen hay không thè xiết. Trong câu có hai chữ *cỗ kính* là chữ Hán, thì lại đối với hai chữ *tàn y* cũng là chữ Hán, còn những chữ khác là Nôm đối nhau thật chơi, thật cân, tưởng không ai sửa thế nào cho gọi là hơn được nữa.

58. — TRẠNG - NGUYỄN — SỨ SỰ

Trạng - nguyễn tám | Sứ sự mười
tuổi thơm giờ Việt. | năm thét đất Ngô.

Trạng-nguyễn mới có tám tuổi mà đi sứ Tàu những mươi năm đây tức là Phạm-công theo như truyện « *Phạm-Công Cúc-Hoa* » là một câu truyện cổ của nước Nam ta đặt lối văn lục-bát rất là ly-kỳ áo-não, tưởng người nước Nam ai cũng nên đọc, nên biết. Truyền Phạm-Công, thường khi đem diễn ở các rạp Chèo, rạp Tuồng được nhiều người xem rất là thú vị.

Cứ như một câu này cũng đã gọi được là hay lắm. Tuy rằng chỉ là tả sự, không có ý-tưởng gì l

lừng sâu xa, nhưng thật được gọn-gàng, mạnh-mẽ, khiếu cho ta khi ngâm đọc, đã dường như được hưởng chút thơm lây ở dưới giới Việt, được có một phen lừng-lẫy ở trên đất Ngô vậy. Thế mới hay một người làm vinh cho mình, tức là làm vinh cho cả nước và cả bao nhiêu đời được. Trong câu có hai chữ *thơm và thết* là nhõn tự hay hơn cả. *Giới Việt* đối với *đất Ngô* thật chỉnh. Còn *Trang-nguyên* (người đỗ đầu đình-thì đời xưa) đối với *Sú-sự* (đi làm việc sứ) thì tạm dùng cũng xuôi.

59. — ĐƯỢC THÌ — ĂN LẤY

Được thì vờ, thua | Ăn lấy thuở, ở
thì chạy, ghét chứng | lấy thì, coi người
anh-hùng rơm. | ta như rác.

Đối câu đối này bày tỏ cái tâm-lý người đánh bạc rất là đúng. Cái trò đã họp nhau đánh cờ bạc, nếu được thi *vờ vét*, nếu thua, thi *chạy lảng* (miễn là đừng có cay cú) cái cách tiến thoái như thế, thi gọi là can-đảm sao được mà chẳng cho là bọn rủ-rát anh-hùng rơm. — Cái thói đã ngồi vào đám đèn đỏ, thi còn ai nể được ai, ông cũng như thằng con cũng như bồ, thi còn ơn tình gì nữa, thi chẳng phải là một lũ ăn thuở, ở thi với nhau, chỉ cốt ở đồng tiền mà coi nhau như rác.

Ôi! đám cờ bạc là thế, người cờ bạc là thế. Đối câu đối này thực đã như một bức chân-họa của cờ

bạc vậy. Trong câu, chỉ phải chõ : *chứng anh-hùng*, đối với *người ta* như có thể bắt bẻ cho là không cần, nhưng tìm kiếm những câu tục-ngữ chắp lại được như thế, và nhất là được chữ *rơm* đổi chọi với chữ *rác*, thi kẽ cũng là tài linh khéo lắm vậy.

Có người cho đối câu này là của cụ Nguyễn-công-Trứ làm, nhưng không lấy gì làm chắc.

60. — MỘT VÀ TUẦN — BA MUOI SÁU

Một và tuần chén	Ba mươi sáu tàn
trắng lấy làm vui,	vàng thì cũng vậy,
thuở trước có thờ	về sau không lẽ
chi Thánh Rượu.	dáng Thần Cơm.

Tuần: lợt. — *Chén trắng*: chén rượu trắng, không phải rượu mùi. — *Thuở trước có thờ chi Thánh Rượu*: tự đời xưa có ai coi rượu như bậc Thánh mà thờ. — *Ba mươi sáu tàn vàng*: mấy chữ này là trích ở một bài phong-dao cõ: « *Vua Ngô ba mươi sáu tàn vàng*; — *Chết xuống ám-phủ có mang được gi*. — *Chúa Chồm uống rượu ti-ti*; — *Chết xuống ám-phủ kém gi Vua Ngô* ». Đại ý muốn đem Vua nước Tàu (Vua Ngô) giàu sang đến bực nào (ba mươi sáu tàn vàng) so sánh với Vua Lê Trang-ton nước ta, trước khi lên ngôi, còn lưu lạc, tục danh là Chúa Chồm và đã từng nổi tiếng về hai món rượu và nợ. Tục-ngữ: « *Nợ như Chúa Chồm* »

hai người, giàu sang nghèo khổ khác nhau như thế, mà đến lúc chết cũng là chết cả, chẳng ai hơn ai cái gì.— *Dáng Thần*: dáng: xuống, *dáng thần* là mời thần xuống, mà hưởng các đồ cúng. Ba chữ *Dáng Thần Cơm* là do ở cái điện sau này: Xưa có một người lúc sinh-thời, không biết uống rượu, khi hấp-hối sắp mất, gọi các con đèn giổi lại rằng: « Khi thầy mất rồi, hễ các con cúng tế, thì lấy cơm mà dáng thần, chờ có lấy rượu. » Các con ý theo như nhời dặn. Một hôm cơm vừa đồ vào xa-mao (*dáng thần*, thường dùng cuộng chồi bó vào với nhau rồi xòe ra để xuống đất, khăn xong lấy rượu rót vào đấy) thì có con chó đầu chạy lại, đớp cơm ăn. Một đứa con giận dữ tìm gậy chục đánh con chó. Đứa khác cản lại, bảo rằng: « Ấy chết! chờ có đánh! *Ngài đang hưởng đấy.* » Câu truyện này có ý diễu người không biết uống rượu.

Đối câu đối này là của cụ Phạm-Thái người xã Yên-thường, phủ Từ-sơn, xứ Kinh-bắc làm. Cụ có cái tên tục gọi là Chiêu-Lý chờ không phải Chiêu-Nhè như có người gọi nhầm. Chứng rõ, trong một bài thơ tự-vịnh của cụ, có hai câu đầu rằng:

« Có ai muốn biết tuổi, tên gì?

« Vừa chẵn ba mươi, gọi chú Lý....»

Nhưng bởi chữ Lý nôm viết là 離, lại có khi viết là 離 mà có người đọc tên cụ là Nhè, thành ra Chiêu-Nhè. Mà gọi Nhè cũng phải, vì cụ xưa chắc

có tính hay đánh rượu ti-ti và bét nhè luôn luôn — Chẳng thế ta lại có cả một bài thơ yết hậu *Nhè* của cụ (xem Nam-thi hợp-tuyền bài trang 229) và đối câu đối này.

Chú ý của hai vế chỉ có một Rượu mà thôi. Vẽ trên nói lúc sống, chỉ lấy Rượu làm vui, thì vẽ dưới nói lúc chết cũng còn lấy Rượu làm trọng, chờ không phải lấy cơm.

Về mặt văn, thì hoặc phải *tuần đối* với *sáu*, *vui* đối với *vậy* như không được chỉnh. Còn *tráng đối* với *vàng*, *thuở trước* đối với *về sau*, *thờ* đối với *lẽ*, *thánh* đối với *thần* thế là hay lắm.

61. — ÔNG LÃO — TƯỚNG SĨ

Ông lão chẳng biết
chi, văn đánh ngược,
sách xem xuôi, giàu
tâm vạn, có
cô không không, dẫu
kẻ bắc thang không
nối gót.

Tướng sĩ coi cung
tốt, xe ăn liền,
pháo nhảy vọt, cưỡi
bốn tượng, ngang
ngang dọc dọc, dỗ
người kỵ-mã dám
ra tay.

Văn đánh ngược: lối đánh bài phu. Tuc-ngữ thường nói: « Hàng văn đánh ngược ». — Sách xem xuôi: xem tự trên xuống dưới. Kỵ-mã: cưỡi ngựa.

Đại ý vẽ trên nói: ông lão tuy chẳng biết gi,

nhưng ông giàu có lắm, không ai bằng được ông. Rõ ra một nhà đại phú.

Đại ý về dưới nói: quan sĩ tốt đẹp, có tài ngang dọc ở đời, đố ai dám chống chơi với quan. Rõ ra một bức anh hùng.

Cứ kè cái nghĩa của cả hai câu, vì hơi gò mà không được sáng, nhưng cắt ra cũng tạm cho là thông được.

Chữ đổi thì phải những chữ: *coi* cũng đổi với *chẳng biết*, *cưỡi* đổi với *giàu*, *tượng* đổi với *vạn*, *ky* (là chữ Hán) đổi với *bắc* (là chữ Nôm) *dám* đổi với *không*, không được cân xứng. Tuy vậy cái hơi vẫn liền không đến nỗi hỏng lắm.

Tóm lại hai câu này sở-dĩ người ta cho là hay, là vì về trên gồm được cả các quân trong cỗ tồ tóm đủ *óng-lão*, *chi-chí*, *thang-thang*, *hang-vạn*, *hang-sách*, *hang-vạn*, và về dưới gồm được cả các quân trong bàn cờ (hay cỗ tam-cúc) đủ: *tướng*, *sĩ*, *tượng*, *xe*, *pháo*, *mã*.

TRÀO PHÚNG

62. — GIỚI SINH — ĐẤT NỨT

Trạng Quỳnh (1) khi còn nhỏ, một hôm có ông tú, tên gọi Tú Cát, đến chơi nhà. Ông thấy Trạng

(1) Trạng người họ Nguyễn, tức Nguyễn-Quỳnh, người làng An-vực, tổng Tử-quang, huyện Hoằng-hóa, tỉnh Thanh-hóa.

tinh-nghịch quá gọi bắt ra đứng hầu. Rồi ông muốn thử tài học của Trạng, mới ra một câu, bảo Trạng phải đổi ngay. Câu rằng:

Giới sinh ông tú Cát

Trạng không cần nghĩ, đổi luôn rằng:

Đất nứt con bọ hung.

Ông Tú nghe giận lắm, nhưng phải phục tài Trạng.

Câu ông Tú ra có ý tự phụ rằng ta đây là ông Tú, mà lại là một ông tú đội cái tên Cát, cát 吉 nghĩa là lành.

Câu trạng Quỳnh đổi mà lấy *con bọ* đổi với *ông* *Tú* lấy chữ *Hung* 危 nghĩa là dữ đổi với chữ *Cát* thật là xược làm cho cụ Tú không còn vênh-váo được với đứa trẻ dĩnh-ngoệ nữa.

63. — ÁO ĐỎ — DÙ XANH

Một hôm, một ông quan cưỡi ngựa qua cánh đồng, thấy một thằng bé mặc cái áo nâu vừa rách vừa lấm, đang chăn trâu, lại còn cầm quyển sách đọc. Ông quan thấy vậy, bèn đọc một câu rằng:

Áo đỏ lấm phân trâu.

Thằng bé chăn trâu, nghe tiếng, liền đọc đáp lại rằng:

Dù xanh che đáy ngựa.

Câu của ông quan có ý diều cợt thằng bé rằng thân phận đã làm thằng chăn trâu khổ sở mà lại

còn đọc sách ngâm thơ. Trên nón áo dở là áo quí (chu tử) của bực quan sang, mà dưới hạ phân trâu là của ro ráy bùn thỉu, ông quan thực là ra giọng khinh miệt thẳng bέ vây.

Nhưng khinh miệt nó không được, vì câu nó đáp có ý kinh địch, xược lại rất là thầm thỉa. *Dù xanh* tức là lọng xanh là để che đầu bực quan sang, mà nay lại đem che cho đít ngựa. *Đái* là đồ để buộc yên vào mình ngựa. Nhưng *đái* còn có nghĩa là người đi theo hầu, như ta thường nói *theo đít ngựa* hay theo *chân voi, chân ngựa*.

Người ta còn nói câu cửa thẳng bέ chǎn trâu có khẩu khí lầm nén, và sau quả nó đỗ tiến-sĩ làm đến quan to ; nhưng chưa ai tra-cứu rõ chủ bέ ấy đỗ ông nghè và làm quan về đời nào.

64. — TRẠNG DỞ — KHÁCH QUEN

Người ta kể truyện rằng ông Dương-đinh-Chung tức là Trạng Lợn, từ thuở nhỏ đã thích làm Trạng, đã từ xung là Trạng-nguyên. Lúc chơi với trẻ ở ngoài đường, ông thường mua quà, mua bánh cho chúng ăn, rồi bắt chúng làm cờ biền võng lọng, làm ngựa cho cưỡi, y như rước vinh-quy. Một hôm ông đưa cả đám rước về nhà, gọi bố mẹ ra xem. Lúc bấy giờ có một ông khách đang ngồi uống rượu với ông bố ở trong nhà, thấy thế, lấy làm nực cười, mới nói bốn rằng :

Trạng dở chờ không phải Trạng-nguyên

Ông Chung ngoảnh vào nhìn, rồi nói luôn rằng : **Khách quen chẳng hóa ra khách lạ.**

Câu ông khách nói là có ý chẽ *Trạng* là trạng dở, *trạng dở* hoi, chờ không phải là trạng *nguyên*, 狀无 *nguyên* lành, *nguyên* vẹn, đỗ *nguyên* khôi.

Còn câu ông Chung đáp chơi lại có ý nói tôi tưởng ông là người quen biết đáng thân yêu, chờ ông là người lạ, thì ai biết là ai.

Lấy cái ý như thế thì chữ quen, chữ lạ đối với chữ *dở*, chữ *nguyên* nghe được lắm.

Kể mặt văn-tử, thì hai câu này thật không có gì rã, chỉ là câu nói như ta nói thường vậy. Nhưng vì thế mà đối-dáp với nhau được tự-nhiên, thì cũng là hiếm, đáng nên ghi chép vậy.

65. — NAY ĐÃ — RÀY THÌ

Xuân-Hương lừng tiếng là hay thơ ; Chiêu-Hồ nức danh là học giỏi. Hai người thường lui tới với nhau, thi-ông, mặc-khách, kẻ xướng, người họa tóm tắt như đặc tinh lầm,

Lúc Chiêu-Hồ phải ứng-triệu vào kinh, sắp được bồ di làm tri-huyện, Xuân-Hương có ý nhớ-nhung khao-khát, viết thư vào thăm hỏi. Trong thư có câu rằng :

Nay đã mẫn cha thằng xích-tử

Lúc tiếp được thơ giả nhời của Chiêu-Hồ, thi trong thư có câu đáp rằng :

Rày thì dù mẹ cái hồng-nhan.

Xích-tử là *con đẻ* nghĩa là đứa con mới đẻ, gọi thế, là tại trẻ con mới đẻ có *sắc đỏ* hồn-hồn, hoặc có người cho là tại trẻ con mới đẻ không có tóc và lông mày.— *Mẫn* tiếng Đàng-Trong nghĩa là làm, Tiếng xích-tử chỉ *dân*, tiếng *cha* chỉ *quan*, quan phải coi dân như con đẻ, thì dân phải coi quan như cha mẹ.

Câu của Xuân-Hương như có ý trách : nay ông đã lên mặt làm quan, ông không biết đến ai nữa, còn câu của Chiêu-Hồ đáp lại thì có ý khinh miệt nói : *Thì ta thèm vào không chơi gái nữa.* — *Dù mẹ*, là tiếng chửi ở Đàng-Trong, còn *Hồng-nhan*, là chửi người đẹp, *hồng*: đỏ, *nhan*: sắc mặt, người con gái đẹp má đỏ hồng.

Xích-tử đối với *Hồng-nhan* là chính ; *mẫn cha dù mẹ*, tiếng Đàng-Trong, tiếng tục, là câu chửi mà dùng trong hai câu này có cái vẻ thanh tú mà tài tình lắm vậy.

66. — QUAN HUYỆN —

Một hôm, quan Huyện Thạch-thành (Thanh-hóá) qua bến đò Thạch tỉnh (Thanh-hóá) thấy một thằng

bé cắp sách đi học ra dáng ngô-nghịch lắm. Quan Huyện gọi nó lại bảo : « Mày đã cắp sách đi học, tất mày biết dối. Tao ra cho mày một câu, nếu mày dối được, thì tao thưởng, bằng không, thì tao đánh cho mấy roi, không được khóc lóc. »

Thằng bé xin vàng. Quan Huyện bèn đọc câu rằng :

Quan Huyện Thạch sang bến đò Thạch.

Thằng bé cau mày nhăn mặt như lấy làm khó.

Quan huyện hỏi dồn : « Mày có dối được, thi đổi ngay đi.

Thằng bé thưa : « Bầm quan con đổi được, nhưng quan có cho phép, con mới dám đổi.

— Ủ cho phép.

Thằng bé liền đọc :

Con chó vàng ăn cục cứt vàng

Câu đổi của thằng bé thật quá ư láo xịrọc, khiến cho quan Huyện phải lấy làm tức giận. Nhưng càng nghĩ, càng giận bao nhiêu, quan Huyện lại càng khâm phục cái tài của thằng bé bấy nhiêu. Ứng khẩu mà tìm ngay được một câu trong có hai chữ *vàng* đối với câu kia trong có hai chữ *thạch* (đá) thế là nhanh và tài lắm thực.

67. — MIỆNG KẺ SANG — ĐỒ NHÀ KHÓ

Một ông quan bệ-vệ ngồi trong hàng nước, bóm-bém nhai giàu luôn. Trạng Quỳnh thấy vậy, giả

làm tên học-trò mon-men đến, hễ thấy ông quan
vứt cái bã giàu nào xuống đất, cũng lom-khom
cúi xuống nhặt, rồi đem lèn ngâm đi, ngâm lại
mãi không thôi.

Ông quan lấy làm lạ, quát hỏi làm cái gì, thì
Trạng cung-kinh thưa rằng:

Bẩm quan lớn, xưa nay chúng tôi thường nghe nói:
« *Miệng kè sang có gang, có thép* »,

Nên chúng tôi muốn thử xem có thật như thế
chẳng.

Ông quan mắng láo, và bảo:

— Ủ thầy đã nghe nói câu ấy, mà thầy là học-trò,
thì thầy phải tim câu đối ngay lập tức,
không thì có đòn.

Trạng làm ra dáng sợ hãi khép-nép, thưa rằng:

— Bẩm quan lớn, tôi xin đối được, nhưng sợ
quan lớn quá.

Quan bảo cho cứ đối.

Trạng liền đọc câu rằng:

« *Đồ nhà khó vừa nhọ, vừa thâm*. »

Ông quan nghe chết điếng, nhưng không nói
nặng gì được. Sau biết người học-trò ấy là Trạng
Quỳnh, chẳng những không dám giận mà lại còn
đem lòng sợ nữa.

Hai câu này cực hay. Vì câu trên là câu tục-ngữ,
câu dưới cũng tìm được câu tục-ngữ. Tục-ngữ lại

đối được với tục-ngữ mà chơi nhau được như thế
cũng là hiếm. Trạng Quỳnh khi đọc câu trên mà
tôn cái giá quan lên bao nhiêu, thì khi đọc câu
dưới lại hạ cái giá quan xuống bấy nhiêu. *Miệng*
mà đối với *đồ, gang, thép* mà đối với *nhọ thám*.
(Kè *gang, thép* là hai danh-từ (nom) mà đối với
nhọ, thám là hình-dung từ (adjectif) không được
xứng lâm), thì còn gì gọi là xược hơn nữa.

68. — NUỚC TRONG — GIỜI NẮNG

Người ta kè rằng ông Quát khi còn trẻ, một hôm
đang đi chơi, thấy quan quân thét đánh àm-àm. Ai
nấy đều tránh hết. Chỉ một mình ông nghiêm nhiên
cởi quần áo, xuống cái hồ bên vệ đường tắm, rồi lại
ngó đầu lên xem vua đi. Vua thấy vậy truyền quân
trói bắt điệu lại. Ông cứ tòng-ngồng thế đến trước
mặt vua. Vua tra hỏi, ông nói là giờ nực, ông đang
tắm mát, nên vô ý không rõ vua đi. Vua hỏi làm
nghẽ gì: Ông nói là học-trò. Vua bảo:

— Ủ có phải là học-trò, ta ra cho một đòn câu đối,
nếu mà đối được thì ta tha cho, không thì chém
chết.

Ông Quát xin vàng.

Nhân thấy nước trong, cá lội, vua mới ra câu
rằng:

« *Nước trong leo-léo, cá nuốt cá* .

Ông Quát không cần nghĩ, đối luôn rằng:

Giời nắng chang-chang, người trói người.
Vua nghe đổi, bèn tha ngay.

Mà không tha sao được. Vì câu ông đổi thật hay, thật chơi tưng chử, không một chút gì gọi là non nắng cả. Nhất lại được cái ý cũng già. Cái nuốt cá, tức là anh nhởn úc hiếp anh bé, thi người trói người tức cũng là người mạnh bắt nạt người yếu, như quan quân bấy giờ bắt nạt ông vây. Cái khẩu khí của ông như thế chẳng trách sau ông làm loạn được.

69. — ĐÁ XANH — NGÓI ĐỎ

Xưa có một ông quan là hương-cống xuất thân, lèn mặt là hay chữ không ai bằng. Nhưng trong hật có một người học-trò cũng có tiếng là hay chữ không chịu kém gì ông quan.

Một hôm, ông quan gọi người học-trò đến để thử tài, mới ra cho người học-trò đổi câu đổi nôm rắng:

Đá xanh xây cống, hòn dưới nồng hòn trên.

Người học-trò ứng khẩu đáp ngay lại rắng:

Ngói đỏ lợp nghè, lớp sau đè lớp trước

Về ra nghĩa là: người ta dùng đá xanh để xây cống, mà cái phép xây phải hòn dưới nồng (ké lén cho hồng ở dưới) hòn trên lén, thì dưới mới có đường cho nước chảy thoát. Còn về dưới, nghĩa là người ta dùng ngói để lợp nghè (đèn con đè thờ) mà cái

phép lợp ngói, thì những lớp ở sau bao giờ cũng lần lượt mà đè lên những lớp ở trước.

Dấy là nghĩa đen giải ra như thế. Nhưng hai câu này lại cốt ở cái ý ngoại, mà chính là cái ý của người ra và của người đổi. Câu ông quan ra là có ý nói: Anh có giỏi mười mươi nữa, thi anh cũng đỗ đến hương-cống (hương-cống đời Lê tức là cử-nhanh đời Nguyễn) như tôi là cùng, mà tôi đây đỗ trước anh, thi thế nào anh cũng phải đội nón gác tôi lên trên anh. Còn câu người-học trò đáp là có ý nói: Tôi đây chẳng chịu đỗ hương-cống như bác mà thôi, tôi đỗ đến tiến-sĩ, ông nghè, mà ông nghè tất hơn ông cống, lấn lèn, đè lèn trên ông cống. Một bên kiêu, một bên hách, đổi bên chơi nhau như thế thật là tài tình mà thanh-nhã vậy. Cả hai câu không phải một chữ nào non hay dùng ép. Được những chữ xanh đỏ, dưới trên, sau trước đổi với nhau rất cân.

70. — MUỜI RẰM — THÁNG CHẠP

Người ta thường truyền lại rắng:

— Khi Quận Hảo còn nhỏ học tại nhà Quận Đông, một hôm Quận Đông đọc chơi một câu và bắt đổi ngay.

Mười răm giăng náu, mười sáu giăng treo.
 Quận Hảo liền đổi lại rắng:

Tháng chạp sấm ra, tháng ba sấm động.
 Câu ra vốn là câu tục-ngữ, câu đổi cũng là câu

tuc-ngữ, tuc-ngữ lại đối với tuc-ngữ, ta không cần phải phê bình gì nữa.

Ta chỉ nên hiểu rõ nghĩa hai câu ấy như thế nào.

Câu trên nói: sáng hôm rằm lúc dậy, thì mặt giăng đã lặn xuống nắp-náu đâu ở chân núi, bụi cây rồi; sáng hôm mười sáu dậy, thì mặt giăng vẫn hẫy còn treo ở trên giờ.

Câu dưới nói: tháng một thì sấm ra, nghĩa là hết sấm, đến tháng chạp thì sấm lại bắt đầu dậy lên. Nhận nghĩa câu ấy như thế, mà Quận Đông đoán cái khầu khí của Quận Hẻo rằng, bây giờ hắn còn bé hắn chịu vậy, chờ khi nhỡn lên, tất có một ngày hắn dọc ngang với đời như sấm, như sét vậy.

Câu: Tháng chạp sấm ra, tháng ba sấm động còn có nơi dọc khác rằng: Tháng một hoặc tháng mười sấm rap, (nghĩa là dẹp đi) tháng chạp sấm dậy.

71. — CUNG KIẾM — RỒNG MÂY

**Cung kiêm ra tay | Rồng mây gặp hội
thiên hạ đồ dồn hai | anh-hùng chỉ có một
mắt lại. | người thôi.**

Nhiều người cho đối câu đối này là của cụ Nguyễn-Khuyển làm để tặng ông Long mới đồ phó-bảng võ.

Nhưng chúng tôi tra có sách lại cho là của ông Tú Quỳ, người Quảng-nam làm diễu một người bạn tên là Trần-Đỉnh làm bang-biện và có danh tiếng trong đám nghĩa hội lúc bấy giờ.

Tác-giả đổi câu đối mỗi người cho một khác như thế. Chính cả đổi câu đối cũng mỗi nơi cho một khác. Có nơi thi thay bốn chữ « Triệu-dinh cử mục » vào bốn chữ « Rồng mây gặp hội ». Có nơi lại rút bớt lại làm mỗi câu có bảy chữ là:

**Điều binh, khiền tướng | Nhám lại anh hùng
thiếu chi người. | có một người.**

Song rút lại như thế, thi không còn phải là một đời câu đối, mà chỉ là hai câu trích ở trong một bài thơ nào mà ra.

Như hai câu ta chép ở trên mà thiên-hạ cho là hay, bắt cứ là tặng ông Long hay ông Đỉnh, sở-dĩ là chỉ vì người được nhận đổi câu đối ấy là người chột, là người một mắt mà thôi. Quả vậy, tả người chột mắt, mà hạ những chữ « đồ dồn hai mắt lại » « chỉ có một người thôi », thật là tả đến nơi, bởi móc cái tật của người ta ra không còn cách gì độc ác sùi cay hơn nữa. Đồ dồn hai mắt lại tuy là câu thành-ngữ nói người khỉ lầm việc, làm ăn liu-liu vắt-vẩy, tuy có hai mắt, nhưng tướng dường như chung đúc nhau hợp lại làm một.

Chỉ có một người thôi: Người cùng nghĩa là người,

nhưng dày lại chỉ ngầm là *con người* trong mắt một người túc là một mắt vây. Ấy là cái phần thâm thiền trong câu. Ngọn bút của nhà văn-sĩ sao mà nhọn ghê thế!

Nhưng may thay, ngoài cái phần gọi là « *xuyên* » là ác khẩu ấy, trong hai câu còn cái phần « *tốt* » tảng bốc ông Long hay ông Bình lên hậu lâm. Quả vậy, bốn chữ « *Cung kiếm ra tay* » ở về trên chẳng là khen ông Bảng hay ông Bang có tài thao-lực rồi đánh được dòng, đẹp được bắc ru! Và hai chữ *anh-hùng* ở về dưới chẳng phải là tặng ông Bảng hay ông Bang một cái huy-hiệu đáng làm gai ở đời lâm ru! Còn bốn chữ *Rồng mây gấp hội* thì là nói cơ-hội tốt đến cõi như cõi đến tay thì phát vậy.

Về mặt văn, thi hai câu này được cái hơi đi rất mạnh, cái âm đọc rất giòn và chữ dùng chọi nhau cứng-cát lâm.

72. — AI CÔNG HẦU — THẾ CHIẾN-QUỐC

Ông Ngò-thời-Nhiệm và ông Đặng-trần-Thường là hai anh em bạn đồng-song, học cùng giỏi có tiếng cả. Nhưng chỉ mỗi ông một khác, ông Nhiệm sau làm quan với Tùy-sơn, còn ông Thường thi di theo chùa Nguyễn. Người ta nói, trước thi ông Nhiệm ra dáng làm kiêu với ông Thường, nhưng sau, biết ông Thường đặc thể, làm đến Tân-lý, thi ông

Thường lại trị lại ông Nhiệm, sai đánh đòn đến chết (1).

Ông Thường có ra cho ông Nhiệm một đôi câu đối rằng :

Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trấn ai, ai đã biết ai.

Ông Nhiệm đối lại rằng :

Thế Chiến-quốc, thế Xuân-thu, gặp thời thế, thế thì phải thế.

Câu ra thật hùng dũng có sát khí như gươm dao. Ý nói lúc còn hanh-vi, ai có coi ai ra gì, nhưng biết đâu, người hanh-vi ấy rồi mà không có ngày làm nên công hầu khanh tướng như ta đây.

Câu đối thật khiêm-nhường như muốn đánh chịu gấp phải cái thế nó bách như thế, thi cẩn rằng mà chịu thế, biết cưa cậy thế nào cho được.

Hai câu này tuy là hai câu thuộc về chính-trị, nhưng xét về mặt văn-chương thực cũng nên trang tuyệt bút đáng truyền tụng lâm. Mấy chữ *Ai nào ai nóm*, nào *ai chữ* vẫn di vặng lai lên xuống như thế, mà tim được mấy chữ *thế* cũng nôm, cũng chữ, đưa di dẫy lại và đối đáp được rắn giỏi như thế, thực là hay, là khéo, ai chẳng phải phục là tài.

(1) Ông Nhiệm cũng phải tội đánh một trạm trưởng với ông Phan-huy-Bích một lúc, nhưng khi đánh, ông Bích bị đòn nhẹ, nên không việc gì, còn ông Nhiệm thì bị đòn đau đến chết.

Câu ông Nghè ra hay, mà câu ông Nghè đổi lại cũng hay, vì hai ông, ông Thường với ông Nhiệm cũng cùng là ông Nghè cả.

Công hầu: 公侯 hai tước to nhất trong năm tước (công, hầu, bá, tử, nam). — *Khanh, tướng*: 卿相 *khanh*: chức quan trên chức đại-phu. — *tướng*: chức quan to đứng đầu cả trăm quân. — *Trấn ai*: 塹 埃 cõi bụi bặm, tức là chỉ thế-gian ta ở. — *Chiến-quốc*: 戰 國 khoảng sứ về đời Đông-Chu các chư-hầu tuy xưng bá, nhưng vẫn tôn nhà Chu. — *Xuân-thu*: 春 秋 khoảng sứ cũng về đời Đông-Chu, trước thời Chiến-quốc, các chư-hầu không tôn nhà Chu, nhưng đều xưng vương cả. — *Thời thế* 時 势 nói các cuộc xoay đổi của một thời nó thế nào.

73. — ĐỌC BA TRĂM — HAY TÁM VẠN

Một nhà sư dán ở trước cửa tam quan một vế câu đối rằng:

**Đọc ba trăm sáu mươi quyền kinh, chẳng
thần, thánh, phật, tiên, nhưng khác tục (1).**

Ông Nguyên-công-Trú thấy vậy, làm ngay vẽ bên này đổi lại :

**Hay tám vạn nghìn tư mặc kệ, không
quân, thần, phụ, tử, đêch ra người.**

(1) Câu này có bản chép : «Thuộc ba mươi sáu đường kinh, khôn thiêng, địa, thánh, thần, song khác tục».

Về của nhà sư có ý lên rằng: ta đây đã đọc nhiều sách nhà Phật, dù ta chẳng được lên bực Thần Thánh, Phật, Tiên thì ta cũng không còn như người thường nữa. Giọng nhà sư thật ra đáng khinh đời và khoe rằng mình là người đã thoát tục không còn gì liên-lụy đến mình được nữa.

Về của cụ Thường giải nghĩa là: cho học tài giỏi thế nào mặc, bác không có vua, tôi, cha con, nữa thì bác còn gọi là người sao được! Cụ Thường viết câu này, vì cụ là một nhà Nho, cốt lấy đao tam cương làm trọng, mà nhà sư đi đạo Thích, lại chính là người chẳng còn quân, thần, phụ tử gì nữa. Nên cụ như muốn mắng nhà sư thậm tệ.

Câu của nhà sư nhẹ-nhàng thuần-thục bao nhiêu, thì câu của cụ Thường kịch-liệt gay-gắt bấy nhiêu. Nhưng cụ đổi đến như thế, ai cũng phải chịu là hay vậy. *Hay tám vạn nghìn tư* là câu thành-ngữ, đối với *Đọc ba trăm sáu mươi*, số đối với số thế là chính. *Mặc kệ* tuy chữ *mặc* đối với chữ *quyền* không cân, nhưng được chữ *kệ* đối với chữ *Kinh* nhắc đến *kinh kệ* của nhà Phật thế là hay (*kinh*: những sách riêng của một tôn-giáo nào. Ta hay quen dùng chỉ nói riêng một sách của nhà Phật. *Kệ*: văn của đạo Thích làm lối văn vần.) — Chữ *đêch* khi tục nhưng đối với chữ *nhung* cũng cho là cân được và lại mạnh-mẽ lắm. (*đêch*: chẳng còn ra gì nữa). Chữ *người* đối với chữ *tục* cũng được (*tục*: nói cái gì tràn-phàm đối với Tiên Phật).

Đéch ra người còn có thể cho là chính chữ Phật, 佛 涅槃 là phật nhán.

74. — TRÊN CÂY — NGOÀI SÂN

Trên cây có hoa,	Ngoài sân có dỗ,
dưới cây có hoa,	trong nhà có dỗ,
ông vinh-hoa, tôi	người muốn dỗ, ta
thám-hoa, Thư viết:	cho dỗ, Thi viết:
« Trùng - hoa » thử	« Đẽ dỗ » bắt
chi vị giā.	kỳ nhiên hờ.

Chúng tôi chưa tra được, dỏi câu đối này, về ra là của ai, vẽ đối là của ai. Nhưng cứ xem văn, thì ta biết câu trên là của một ông dỗ Thám-hoa và lấy sự dỗ-dạt làm qui báu, sung-sướng lắm, còn câu dưới lại là câu của một ông, dù có hay chữ, cũng khinh cái dỗ, không cho cái dỗ ra gì.

Quả vậy, câu trên có đến năm chữ Hoa, nào hoa là hoa kết quả, nào hoa là vẻ-vang, nào hoa thám-hoa, nào hoa là Trùng-hoa chữ dẫn tự trong kinh Thư ra.— Còn câu dưới đáp đủ lại năm chữ dỗ : nào dỗ là đậu đen, đậu đỏ, dỗ là dỗ các khoa cử, dỗ là muốn dỗ, thì cho dỗ, dỗ là Đẽ dỗ, chữ dẫn tự trong kinh Thi ra để đổi lại với kinh Thư.

Đỏi câu đối này thật nghe được lắm. Phần trên là nôm lại đối với nôm, phần dưới là chữ lại đối với chữ. Riêng phần nôm vẽ dưới phải hai chữ, muốn dỗ đối với vinh-hoa, cho dỗ đối với thám-hoa

như không được cân, nhưng cũng cho là được. Phần chữ có mấy chữ giải nghĩa như sau này : Thư viết « Trùng hoa » thử chi vị giā : 書曰《重華》此之謂也 Kinh Thư nói rằng : « Trùng hoa » (hai lượt vinh-hoa) ấy cái nghĩa rằng như thế — Thi viết « Đẽ dỗ » bất kỳ nhiên hờ « 詩曰杕杜不其然乎 ». Kinh Thi nói rằng « Đẽ dỗ » (tên một thứ cây) chẳng phải thế vậy ôi ! .— Còn chữ vinh-hoa tức là vẻ-vang rực-rỡ.— Thám-hoa là bức thư ba dưới Trạng-nguyễn và Bảng-nhân

TỤC — NGỮ

75. — GÓP NHẶT — NÂNG NIU

Tục-ngữ phong-dao ta có lăm câu rất hay. Nên các nhà văn-sĩ xưa nay ưa nôm, thường đem từng câu ra mà thích-thực đẽ ngâm-vịnh vui chơi lấy làm khoái-trá lăm.

Thích thực đây túc như tập văn cổ như ta quen tập Kiều và người Tàu quen tập kinh Thi, kinh Dịch Nhạc-Phủ, Đường-luật vậy. Cái lối văn làm tập ấy tồng danh gọi là *tập cú*.

Như câu tục-ngữ.

« Bán hàng giàu miếng mà nuôi thợ kèn ».

Có người đã thích-thực thành đôi câu đối rằng :

Góp - nhặt mấy đồng Nâng-niu một miệng
môi bóm-bém. lưỡi tò-te.

Vốn câu tục-ngữ có ý nói vợ làm nghề bán từng miếng giàu để kiếm tiền nuôi chồng làm nghề thổi kèn, mà thích-thực đến như hai câu trên này, thì ai cũng phải chịu là tài tình, nghĩa đã đủ không sót tí gì, vẫn lại hay không bắt-hé vào đâu được.

Góp nhặt mây đồng: tức là nhặt từng đồng kẽm một. — *Môi bóm bém*: tức là bán hàng giàu người ta nhai hai môi chum lại với nhau mà đưa lên đưa xuống — *Nâng niu một miệng*: tức là diễn chữ Nuôi, nuôi chồng một cách âu yếm lắm. — *Lưỡi tò-te*: tức là mượn thanh-âm mà tả anh thợ kèn, tiếng kèn nghe chỉ có tò-te ti-te mà thôi.

Góp nhặt hai chữ nghĩa liền đối với *nâng niu* cũng là hai chữ chấp liền nghe được. — *Mây đồng* đối với *một miệng*, số đối với số thể là cân. — *Môi bóm-bém* đối với *lưỡi tò-te*, môi đối với lưỡi đã hay. *bóm-bém* đối với *tò-te* lại càng hay, vì hai bên chữ cũng nối liền nhau mà cũng là do thanh âm tai nghe thấy mà đặt ra thành chữ cả.

(Xem mây câu cũng thích-thực tục-ngữ phong-dao như câu này ở cuối sách mục: *Những câu không giải nghĩa*.)

76. — ĐÃ CHÓT — QUÍ HỒ

Đã chót dung tay, | Quý hồ thuận mắt,
xấu đều hơn tốt | thăm lầm lại phai
lỗi. | nhiều.

Đôi câu đối này là của nhà thơ nhuộm dán. Kèm cũng không có gì là hay lắm. Nhưng được bao nhiêu câu, chữ đều mượn ở tục-ngữ, phong-dao cả nên ai cũng phải biết là dụng công và cho là tài-tinh đáng nên ghi chép.

Quả vậy: *Đã chót dung* hay *nhúng tay*: tức là tay đã đưa vào thùng chàm không rửa sạch nữa thì đã nh vậy. Trong Kiều có câu: « *Chót tay dung phải thùng chàm; Đại rồi còn biết khôn làm sao đây* ». — *Xấu đều hơn tốt lỗi*: lỗi: tốt đột-ngoét hơn cả những cái kia. Cả câu ý là trong bao nhiêu cái cứ cùng xấu cả còn hơn rằng có một cái tốt ở trong đám xấu ấy, vì như thế thành mất đều mà con mắt khó coi. — *Qui hồ thuận mắt*: câu thành-ngữ ý nói mắt trông cho là được rồi. — *Thắm lầm lại phai* nhiều: cái trò đời bao giờ cũng thế, sắc lúc trước càng đậm bao nhiêu, thì về sau lại càng chóng phai bấy nhiêu, tinh-tinh nồng nhạt cũng như hương sắc thắm, phai vây. Ta có câu phong-dao: « *Xin anh đừng thăm chó phai, Thoang-thoảng hoa nhài mà lại thơm lâu* ». —

Câu đối làm cho nhà thơ nhuộm mà lấy được những chữ dung tay, thuận mắt, đều, lỗi, thắm, phai, thể là đúng cảnh lầm.

77. — CÒ LÔ — NHảy LÊN

Một cò có tinh đồng bóng đến xin Trạng Quỳnh một đôi câu đối để dán nhà. Trạng chỉ cho mỗi về có năm chữ là:

Cô lô, cô lõe,	Nhảy lên, nhảy xuống, ong....
----------------	----------------------------------

Hai câu này Trạng không viết hết chữ, nhưng ta nhớ tục-ngữ phong-dao cô, thì tự khắc ta diễn vào đủ được. Rút lại, Trạng có ý diễn cô là người đồng bóng, chỉ thích nhảy mà thôi.

Có người đổi mấy chữ:

với	
Cô lô, cô lõe,	Năm mới, năm me, ong....
que....	

78. — MỘT MẶT NGƯỜI — MẨNH CHỒNG QUAN
 Một mặt người bằng | Mảnh chồng quan hòn
 mười mặt của. | dàn chồng dàn.

Vẽ ra là câu tục-ngữ săn, vẽ đổi cũng là câu tục-ngữ săn, mà so từng chữ một, hai câu đổi nhau thật là tương-đương không phải chữ nào là non hay ép cả.

Nhất được chữ *mảnh* là số một đổi với chữ *một*, chữ *dàn* là số nhiều đổi với chữ *mười* lại càng hay lắm.

79. — GÁI CÓ CHỒNG — CON CÓ CHA
 Gái có chồng như | Con có cha như
 rồng có vây, gái | nhà có nóc, con
 không chồng như cối | không cha như nòng-
 xay không ngõng. | nóc đứt đuôi.

Ngõng: đoạn tre hay gỗ ở thớt dưới cối xay nhỏ lên và để tra thớt trên vào mà xay, không có ngõng thi hạt thóc chật ra không tài nào xay được.

Nòng-nọc: nói loài ếch nhái mới nở và còn ở dưới nước, khi đứt đỏi, thi lên ở trên cạn.

Ý nghĩa rõ-ràng lắm. Rút lai thi là dàn bà có chồng sướng như thế nào, không chồng khổ như thế nào, thì con cái có cha mẹ sướng thế nào, không cha mẹ khổ như thế nào cũng vậy.

Tím được những câu phong-dao đổi đáp với nhau được chỉnh như hai câu này cũng là rất nhiều công phu lắm.

80. — BÁN HÀNG — HỢP CHỢ

Bán hàng chiều khách,	Hợp chợ lấy người,
khách nhớ nhà hàng,	người làm nên cửa,
nhà hàng không nhớ	cửa chẳng làm nên
khách.	người.

Đổi câu đổi này làm dán trước cửa hàng nhà buôn-bán. Mà sở-dĩ cho là khéo, là vì mượn được chữ, được câu ở tục-ngữ, phong-dao cả. Vẽ trên là ghép câu: « *Bán hàng chiều khách* » với câu « *khách nhớ nhà hàng, nhà hàng không nhớ khách* » mà thành. — Vẽ dưới cũng ghép hai câu: « *Hợp chợ lấy người* » và « *Người làm nên cửa, cửa chẳng làm nên người* » mà nên.

Câu chọn đã khéo, chữ đối với nhau lại chỉnh
lắp. *Bán hàng* đối với *hop chợ* rất xứng, ba chữ
khách đối với ba chữ *người* nghe hay. Tựu trung,
chỉ phải chữ *nà* (nhà hàng trên) đối với *nên* (nền
của), chữ *hang* (nhà hàng dưới) đối với *chẳng* (cửa
chẳng) hơi ép, vì chữ nặng, chữ nhẹ không bằng
nhau. Song cứ kẽ lấy cái hơi câu đối đáp với nhau,
thì thật là liền-tiếp, không thể bắt-bé được.

Về mặt ý-tưởng, thì cứ kẽ một nhà hàng đã biết
được cái khéo buôn « *chiều khách* », hiểu được cái
tâm-lý khách « khách nhớ mình, mình không nhớ
khách » lại chịu so-sánh *của* với *người*, biết *trọng*
người hơn *trọng của*, thì nhà hàng ấy chẳng là nhà
hang rõ cách buôn bán mà lại buôn bán một cách
trung-hậu bền-chặt ru !

81. — AI LÈN — NHẮN NHỦ

AI lén thú Lạng cùng anh, công eán ấy dạ-chàng xe cát bè.	Nhắn - nhủ nàng Tô cho chí, nồng nỗi này cái cò lội bờ sông.
--	---

Kè hai câu này thì chữ đối có hai chỗ không được
chỉnh là *Nhắn-nhủ* đối với *Ai lén*, *cái cò* đối với *dạ*
chàng. Hoặc chỉ được chữ *chị* đối với *anh*, chữ *ấy*
với chữ *này*, chữ *sông* với chữ *bè* là hay. Cả nghĩa
câu cũng hàn gắn làm sao không được rõ-ràng.

Nhưng hai câu này, sở-dĩ nên ghi chép, là vì
lột ở những câu phong-dao mà đặt ra.

Ta, ai cũng biết những câu :

Ai lén thú Lang cùng anh,

Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em.

Dạ-chàng xe cát bè Đồng,

Nhọc mình mà chẳng nên công cán gi.

Đồng-dặng có phố Kỳ-lừa,

Có nàng Tô-thị, có chùa Tam-thanh.

Cái cò lặn-lội bờ sông,

Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ-non.

82. — NHẤT SĨ — TRÈN SƯ

Ông Hòe cùng mấy người bạn học vào một cảnh
chùa, đã được sư cho ăn uống no-nê, lại còn
bảng-bồ cả sư. Sư tức minh mắng là vô-lê, rồi bảo
ra một đôi câu đối, nếu đối không xong, thi sai tiểu
đánh đuổi.

Câu rằng:

**Nhất sĩ, nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất
nông, nhì sĩ.**

Ông Hòe liền đối ngay lại rằng:

**Trên sư, dưới vãi, ngoảnh lưng giờ lại, trên
vãi, dưới sư.**

Về của nhà sư ra là câu phong-dao, thường nói
đến luân, ai cũng hiểu rằng: kè trật tự ra, thì người
đi học là nhất, người làm ruộng là nhì, nhưng đến

lúc hết gạo, bụng đói, thì trật-tự lại lộn ngược lại, người làm ruộng nhất, người đi học nhì.

Vẽ của ông Hòe đối là câu ông tự đặt ra, mà lại là câu đặt hợp cảnh nhà chùa có sư, có vãi. Ừ, lúc tụng kinh niệm Phật trước cửa Tam-bảo, cái lệ thường sư ngồi ở trên, vãi ngồi ở dưới, nếu bảy giờ cả sư cả vãi ngoảnh lưng lại ban thờ một lượt, thì có phải cái lệ thường trái hẳn lại, vãi trên mà sư dưới hay không?

Üng khầu đặt ra được câu đối với một câu sẵn có như thế, thật là tài-tinh, sư đã phải chịu, mà ai chẳng phải chịu.

83. — YÊU NHAU — LẤY ĐÂY

Yêu nhau như bâu, như dót, như hót vào thúng, như búng con quay, như xoay thợ tiện, như bện hang to.	Lấy đây có bâu, có bạn, có ván cơm xôi, có nồi cơm nếp, có đẹp bánh chưng, có lung hũ rượu.
---	--

Người ta cho câu trên là câu của một cô con gái ra cho bọn học-trò cù Nghè Tân. Cả bọn học-trò không ai đối được, sau phải nhờ chính cù Nghè đối hộ.

Câu ra khó là vì đầu cất lên hai chữ *yêu nhau*, rồi dưới đưa luôn sáu chữ *như* cùng nhau theo đuổi như một nhịp dàn, nói yêu như thế này, như thế nọ, như thế kia, như thế khác, như thế ấy, như thế

dẩy. Câu đặt thật khéo và đọc rất giòn, vần điệu lồng nhau như thế vòng xích: trên đã có *dót*, dưới theo luôn *hót*, trên hạ chữ *thúng*, dưới tiếp chữ *búng*, trên đề chữ *quay*, dưới gieo chữ *xoay*, trên đặt chữ *tiện*, dưới đệm chữ *bẹn*, *dót*, *hót*, *thúng*, *búng*, *quay*, *xoay*, *tiện*, *bẹn*, chuyển vần đi theo nhau khác nào như các vần trong một bài thơ vậy. Vần *đã* hay, ý cũng sâu; yêu nhau mà đến như *bầu* bám vào, như *dót* đỗ vào, như thu *hót* cả tâm tình lại, thế là yêu chỉ có một người không yêu ai khác nữa; yêu nhau mà đến *xoay* tít như con *quay* như con *tiện*, thế là yêu nhau mè-mệt, say nhau quá lầm; yêu nhau mà đến như *bẹn hàng to*, thế là yêu nhau bền chặt không sao dời bỏ nhau ra được nữa. Cô con gái ra đòi câu đối quả là người văn đã hay, từ lại sâu, tình lại càng nồng-nàn lắm. Chả trách cả bọn sĩ-tử phải chịu cô, dù có muốn ve-vãn cô, mà không dám mon-men ngáp-nghé nữa.

Trò không đối được, tất thầy đối phải được. Câu của thầy làm gà, không phải là câu của thầy tự đặt ra, nhưng là câu vốn sẵn có. Hoặc thầy chỉ đặt có hai chữ đầu câu « *Lấy đây* » đối lại với « *Yêu nhau* » mà thôi. Còn bao nhiêu chữ đều lấy ở bài đồng-dao bài ông giảng cả. Trẻ An-nam ta đứa nào là không thuộc bài : « *Ông giảng, ông giảng, xuống chơi cùng tôi, có bâu, có bạn, có ván cơm xôi.... v.v.* » (1) Câu

(1) Trong các câu đối nôm, hiện có đến mấy câu đều mượn câu đồng-dao này, nhưng xem còn có ý nghĩa nghe hay hơn nhiều. Xem ở cuối sách.

đã là câu cồ, lại là câu trẻ hát ông giảng, nên thật không có một chút ý từ gì là đối đáp được với câu ra. Chẳng qua dẽ chỉ được sáu chữ có đối với sáu chữ *như* mà tinh cờ cũng đi luôn một điệu, một nhịp, như sáu chữ *như* gọi là đối đáp lại được chút chữ mà thôi. Còn như: *bàu* đối với *bàu*, *ban* đối với *dót*, *ván cơm xôi* đối với *hót vào thùng*, *nồi cơm nếp*, đối với *búng con quay*, *đèp bánh chưng*, *lưng hũ rượu* đối với *xoay thơ tiên*, *bện hàng tơ* thì nghe sao được, chữ đối không chỉnh mà ý dùng cũng lạc đi đâu cả. Câu đối như thế chẳng rõ có thật chính cụ Nghè Tân mượn chữ sẵn để đối hộ học-trò hay chẳng?

LINH — TINH

84. — *TÔI* — *BÁC*

Tôi | *tôi* | *vôi*. | *Bác* | *bác* | *trứng*.

Vẽ ra chỉ khó về hai chữ *tôi* đi liền nhau tuy đồng âm nhưng khác nghĩa, *tôi* (1) trên chỉ vào mình, *tôi* (1) dưới chỉ việc làm.

Vẽ đối thật tài, vì tìm ra hai chữ *bác* đối với hai chữ *tôi* rất xứng, mà lại được cái âm tuy là giống mà cái nghĩa vẫn khác, tiếng *bác* (1) trên chỉ *bực anh*, tiếng *bác* (1) dưới chỉ việc làm.

(1) — Theo văn-pháp bây giờ thì tiếng *tôi* và tiếng *bác* trên gọi là đại-danh-từ (pronom), tiếng *tôi* và tiếng *bác* dưới gọi là động-từ (verbe).

85. — *ĐẦU GỐI* — *TAY MANG*

Đầu gối | *đầu* | *gối*. | *Tay mang* | *tay* | *mang*.
hoặc *đối* với.
Chân | *quì* | *chân-quỳ*.

Vẽ ra hiềm vì có hai chữ *gối*, chữ *gối* trên là động-từ, chữ *gối* dưới đi với chữ *đầu* thành tiếng danh-từ kép.

Trong bốn chữ mà tìm được hai chữ đi với nhau thành nghĩa như thế, không phải là dẽ vậy.

Nên hai câu đối, tuy không chỉ được hai phần thuộc về cả thân-thề người ta; *đầu* và *đầu gối* như câu ra, nhưng cứ kẽ tim được như thế cũng mất công lắm. *Tay mang* *tay mang* tức là tay xách cái tay nải, *chân quỳ* *chân quỳ* tức là chân mình quỳ vào cái chân-quỳ ghế hay sập mà đối với *đầu gối* *đầu gối* là cái đầu mình gối vào cái đầu gối mình cũng thật là hay.

86. — *CHÈ* — *XÓI*

Chè | *ăn* | *mắt* | *ngọt*. | *Xôi* | *ăn* | *chả* | *ngon*.

Vẽ trên, vẽ ý-tưởng thi là chè ăn không còn thấy vị ngọt nữa; vẽ chữ dùng, thì hai chữ *mắt ngọt* lai nói đến *mứt ăn ngọt*. Tiếng *mứt* có nhiều người đọc tranh ra *mắt*.

Còn vẽ dưới, vẽ ý-tưởng thi là xôi ăn không

thấy ngon miệng nữa ; về chữ dùng thì lại là *xôi* mà ăn với *chả* rất ngon vậy.

Che đổi với *xôi*, *ngọt* đổi với *ngon* thật chỉnh.

87. — CON RUỒI — CÁI KIẾN

Con ruồi đậu mâm | Cái kiến bò đĩa
xôi đậu. | thịt bò.

Hai câu này chỉ tài-tinh về vế ra có hai chữ *đậu*, vế dưới lại tìm được hai chữ *bò* đổi thật chọi nhau. Chữ *đậu* trên là động-từ đổi với chữ *bò* trên cũng là động-từ; chữ *đậu* dưới là danh-từ đổi với chữ *bò* dưới cũng là danh-từ, thế là chỉnh. — *Ruồi* đổi với *kiến*, *xôi* đổi với *thịt* cũng cân.

88. — KIẾN ĐẬU — NGƯA VỀ

Kiến đậu cành cam | Ngựa về đường bưởi
bò quấn-quít. | chạy lanh-chanh.

Quấn-quít: ý nói có nhiều và bịn-rịn với nhau. — *Lanh-chanh*: ý nói ganh đua mà hấp-tấp muốn được trước người. — *Đường bưởi*: có nhẽ nói đường lên làng Bưởi là một làng thuộc về huyện Hoàn-long tỉnh Hà-đông.

Hai câu này chỉ cốt, vế trên đã có chữ *cam* lại hạ chữ *quít*, mà *quít* đi với *quấn* có nghĩa khác là bịn rịn đèo bòng nhau. Vế dưới đã có chữ *bưởi*, lại hạ chữ *chanh* mà *chanh* đi với *lanh* cũng có

nghĩa khác là hấp-tấp muốn tranh cho được trước. Ta thường nói: *lanh-chanh lành-chói*. *Cam* *quít* hai thứ quả mà đổi với *bưởi*, *chanh* cũng hai thứ quả thế cho là hay.

89. — PHÈN ĐAN — NGHÉ LỘI

Phèn đan mắt cáo, | Nghé lợi ao sen,
mèo chui lợt. | ngó nồi lén.

Đan mắt cáo: đan thưa có những lô hồng vuông. — *Nghé*: trâu con. — *Ngó*: đây là ngó sen, tức củ sen.

Vế trên chỉ khó ở chữ *mèo* đi theo liền chữ *cáo*, cáo với mèo, ta cho cùng một loại, ta lại còn cho là *mèo già hóa cáo* nữa.

Vế đổi tim hai chữ *sen*, *ngó* đổi với hai chữ *cáo*, *mèo* tuy không hay lắm, nhưng cũng có thể cho là được. Hai chữ *nghé*, *ngó* đi với nhau đọc nghè cung thích tai.

90. — PHƯỢNG-HOÀNG — MÂM THAU

Phượng-hoàng đua, | Mâm thau nhịp,
chim-bíp cũng đua. | mâm nan cũng nhịp.

Phượng-hoàng: tên chim con đực gọi là *phượng*, con cái gọi là *hoàng*, đổi xua cho chim phượng-hoàng là một giống chim linh-thiêng có điểm lành, bao giờ sắp có thánh-nhân ra đời, thì chim phượng-hoàng mới xuất hiện. — *Chim-bíp*: hay còn gọi *chip-*

bịp: giống chim lông đỏ như lông gà sống, hay ở các bụi cây và hay bắt rắn — *Mâm thau*: tức là mâm đồng. — *Nhip*: đánh nhịp nói về âm-nhạc. — *Mâm nan*: tức là thứ mâm làm bằng tre đan như cái mèt.

Hai câu này tuy đối nhau, nhưng cùng một ý nói về sự bắt chước đáng nực cười. Chim-bịp là giống chim hèn lủi ở bụi cây, thấy phượng-hoàng là vua các giống chim đua ở trên đầu non, cũng bắt chước đua; mâm nan đan bằng tre không có giá nào, thấy mâm thau làm bằng kim thuộc đánh ra tiếng vào nhịp cũng muốn bắt chước đánh lên tiếng và vào nhịp. Thật là bắt chước mà bắt chước sao nèn!

Về mặt đối đá, thì hai câu này chỉ khó ở hai chữ *nhip* đối với hai chữ *đua* mà thôi.

Người ta nói hai câu này đã có người thích ra hai câu Đường-luật rằng :

« Vuốt-vé lồng cánh theo ngàn nhận,
Chung-chạ thanh ám đủ tám nghìn. »

91.— LÚA TÁM — NỒI TƯ

Lúa tám gặt chín | Nồi tư mua năm
tháng mười. | quan sáu.

Về ra khó vì ba chữ : *tám*, *chín*, *mười* đều là số đếm.

Về đối lùm được ba chữ : *tư*, *năm*, *sáu* cũng đều

là số đếm để chơi lại thật là khéo. Cả bắng, trắc cũng được dùng luật lắm.

Tựu trung, phải chữ : *lúa tám* là nói một giống lúa hạt gạo nhỏ, trắng và thối cơm có hương thơm mà đối với chữ : *nồi tư* là một thứ nồi-thồi độ bốn bát gạo, cho độ bốn người ăn đủ, không được cặn, vì một đàng là tên riêng của một thứ gạo gọi là gạo *Tám-thơm*, có thể viết chữ hoa được, còn một đàng thì rõ ra số đếm : *bốn* bát gạo, *bốn* người ăn. — Trái lại, chữ *năm* chính là số đếm, thì lại đối với chữ *chin*, nói lúc lúa đến ngày gặt được, *chin* đây kẽ đối với *xanh* mới đúng.

92. — ĐI ĐẤT — NGỒI GỐC

**Đi đất thịt, đường | Ngồi gốc da, gió
chơn như mỡ. | mát tận xương.**

Đất thịt ; thú đất, đủ các chất, giống giọt tốt. — *Đường chơn như mỡ* : câu thường nói vì đường đi có nước xuống chơn lấm, như có mỡ vậy. — *Da* : cây da, tiếng Đàng-Trong, tức ngoài ta là cây da.

Hai câu này chỉ tài về hai chữ *thịt*, *mỡ* đối chơi với hai chữ *da*, *xương*. Hai chữ *mỡ xương* dùng có một nghĩa, còn hai chữ *thịt da*, đã chỉ *đất thịt* với *cây da*, lại còn ám chỉ *thịt da* người hay súc vật.

93. — VỢ CẢ — QUAN THỦA

Vợ cả vợ hai,	Quan thừa, quan thiếu,
hai vợ cùng là	thiếu quan sao gọi
vợ cả.	quan thừa.

Về ra thật là thần-tinh, bốn chữ *vợ* theo nhau một chap rất thông, chữ *cả*, chữ *hai* trên đã có, dưới lại nhắc lòn lại gieo câu rất mạnh.

Về đối, cứ kẽ tim được bốn chữ *quan* đối với bốn chữ *vợ* và hai chữ *thừa*, *thiếu* đối với hai chữ *cả*, *hai* như thế, cũng là khéo lâm, trưởng không tìm được câu nào cho hơn nữa. — Cái nghĩa giải ra cũng xuôi: chữ *thừa*, chữ *thiếu*, tuy chỉ ngầm là *thừa-phái* và *thiếu-bảo*, nhưng lại ngụ cái ý thừa là quá nhiều và thiếu là không đủ. Cái số quan sung vào các công vụ, kẽ ra còn như thiếu, thì sao lại cho là thừa ?

Tựu trung cũng có chỗ khi ép, người sung chức *thừa-phái*, thuộc về hàng nha-lại, chưa có bao giờ gọi là *quan* thừa, thói thường chỉ gọi là *thầy* thừa, *ông* thừa, hay *cụ* thừa (lấy tuổi già) là cùng. Nhưng ta chẳng thấy, những đám đông người, khi chỉ có thầy thừa có cái địa-vị cao hơn cả, người ta vẫn tôn thầy lên địa-vị quan mà gọi thầy là *quan* thừa là gì ? Thừa-phái tuy nhỏ, nhưng cũng là một chức trong hàng quan-lại.

94. — THÁNH TỒ — THẦN HỒN

Thánh-tồ bảo Thánh- | Thần-hồn nát thần
tôn ra mở nước. | tinh chạy về nhà.

Hai câu đối này nguyên-lai không biết lấy tự đâu.

Về ra, cứ theo Nam-Sử, thì không có đời nào là có niên-hiệu vua *Thánh-tồ* với *Thánh-tôn* đi kế-tiếp nhau cả. Nhà Lý thì chỉ có *Thái-tồ* với *Thái-tôn*; nhà Lê thi :*Thánh-tôn*, nhưng vua trước lại là *Thái-tồ*; Nhà Trần thì chỉ có *Thái-tôn*; nhà Nguyễn có *Thánh-tồ*, nhưng vua trước là *Thái-tồ*. — Kẽ cả việc làm, thì cũng không có *Thánh-tồ* nào bảo *Thánh-tôn* nào ra mở nước.

Còn về dưới thì cũng không biết ám chỉ về triều chính nào có ghi chép trong lịch-sử. Chẳng qua chỉ là một câu nói đến người thường thôi.

Về mặt đối đáp thì có nhẽ chữ *nát* hơi nặng, đối với chữ *bảo* hơi nhẹ. Còn hai chữ *thần* đối với hai chữ *thánh* và ba chữ *chạy* *về* *nha* đối với ba chữ *ra* *mở* *nước* thật là chỉnh, rất tài tinh vậy.

Lại nhận : *Thánh-tồ* bảo *Thánh-tôn* là câu đặt mới chứ *Thần hồn* nát *thần* tinh là chữ sẵn lấy ở tục-ngữ ra.

95. — CON CÔNG — CON CÓC

Hai tiếng «coc-cach» «cồng-kèn» là những tiếng thường tục hay nói. *Coc-cach* là chỉ cái gì hình như so-le khác thường không được vào khuôn, vào phép.

Như người Nam-kỳ nghe người ngoài Bắc nói hay kêu là *coc-cach*. — Còn « *cồng-kèn* » là chỉ cái gì то nhón, hình như lấy mắt nhiều chỗ mà làm vướng, làm phiền người ta. Như ta hay nói *cồng-kèn*, ngôn ngữ, nhằm nghĩa với chữ *encombrant* của Pháp.

Có người oái-oăm lấy 8 chữ:

« *Cóc-cách coc-cach; cồng-kèn cồng-kèn* » làm đối câu đối rằng:

Con cóc leo cây vọng cách, nó rơi xuống,

Con cồng đi qua chùa Kèn, nó nghe tiếng đất (1) nó each đến già.

Cây Vọng-cách là cây người ta vẫn dùng lá để ăn gỏi. — *Cách*: tức là *kèch*, nghĩa là sợi — *Chùa Kèn*: không rõ là chùa ở bên Gia-lâm, Bắc-ninh, hay chùa ở làng Hàng-kèn, huyện Hải-an tỉnh Kiến-an bảy giờ. — *Cồng*: cái chiêng có vú đánh để ra hiệu hay đánh lúc tết lễ. — *Kèn* cỗ : ngoảnh cỗ.

Hai câu này không có ý-tứ sâu xa gì cả. Tự trung lại có nhiều chữ đối không được chỉnh, như: cây đối với qua, vọng-cách đối với chùa Kèn, xuống đất đối với tiếng cồng, đến đối với cỗ, già đối với lại. Tuy vậy, tưởng ép được tam chữ khéo đột tinh chữ c — k tức cũng như c — đứng đầu cả trong 28 chữ thành hai câu có chút nghĩa mà đứng đối được với nhau cũng là tử công-phu lắm vậy.

(1) Có người nhớ bốn chữ: nó rơi xuống đất là: rơi phải cái cọc.

96. — CON GÁI — ÔNG LÃO

Một cô con gái ở làng Cầu Cây, cây là hay chữ, có ra một câu đối, bảo ai đối được, thi lấy làm chồng. Câu rằng:

Con gái Cầu Cây, má đỏ hồng-hồng, muốn đi lấy chồng, để mà trồng cây.

Mãi không ai đối được. Vì câu ra hiềm hóc rất khó. Trong câu trên có chữ *Cầu cây* (tức là làng Kiều-ky thuộc *huyện Gia-Lâm* tỉnh Bắc-ninh bảy giờ) cuối lại đậm chữ *cây* là cây nhờ. Hai chữ hồng-hồng nói má hồng lại có ý nhắc đến sắc đỏ của quả cây, quả hồng.

Sau có ông cụ già bán mây đánh liều đến, đối rằng:
Ông lão hàng mây, da xanh mai-mái, thích chơi con gái, sướng đại cung mây.

Câu này phải hai chữ « *hàng mây* » là tiếng chung đối với hai chữ « *Cầu Cây* » là tên riêng và bốn chữ « *sướng đại cung mây* » đối với bốn chữ: « *để mà trồng cây* » không xứng. Nhưng được chữ « *gái* » đối với chữ « *chồng* », mấy chữ *da xanh mai-mái* đối với *má đỏ hồng-hồng* nghe thật là hay.

97. — CON NGƯA ĐÁ — THẮNG MÙ-NHÌN

Con ngựa đá con	Thắng mù-nhin thắng
ngựa đá; con ngựa	mù-nhin; thắng mù-
đá không đá con	nhìn không nhìn thắng
ngựa.	mù.

Hai câu này thật là thuần nôm và chỉ tài tình về mỗi câu lồng-cứng nhắc đi, lắp lại hai chữ, mỗi chữ bốn lần. Vẽ trên thì bốn chữ *ngựa*, bốn chữ *đá*, *đã* *đá* là loài khoáng-vật lại *đá* là láy chân mà hất vào mình người ta.—Vẽ dưới thì bốn chữ *mù*, bốn chữ nhìn *đã* *nhìn* đi liền với mù thành *mù-nhin*, lại nhìn là giương mắt trông chòng-chọc vào một vật gì.

Cái ý thì vẽ trên chỉ cốt nói một đằng *có đá*, đá thật vì là *ngựa* thật, còn một đằng *không đá* được vì là *ngựa* giả. Vẽ dưới chỉ cốt nói một đằng *có nhin*, nhìn thật, vì là người thật, còn một đằng *không nhin* được, vì là người giả.

Nhưng cái ý vẽ trên hay và rõ bao nhiêu, thì cái ý vẽ dưới, kề ra, tưởng đáng bật cười, bắt bẻ được. Thẳng mù nó là người thật, người ấy có hai con mắt thật, nhưng hai con mắt ấy đã mù mất rồi, thì nó nhìn sao được mà bảo rằng nó có nhìn? — Tựu trung lại còn *mù-nhin* là một danh-từ kép mà đối với *ngựa đá*, thì *ngựa* là danh-từ mà *đá* là tiếng làm cho lộn nghĩa tiếng danh-từ trên không được chỉnh. — Còn chỉnh chữ *mù-nhin*, ta thường hay nói là *mồ-nhin*, hay *bồ-nhin*?

98. — TA NAY QUAN — TÔI HỌC TRÒ.

Một viên quan Thị đang đi đốc đường, một hôm, thấy một người mím gày, áo rách cứ nắn-

nì đến xin tiền. Quản, lính đuổi đi không được. Sau quan cho gọi người ấy vào hỏi có làm nghề gì không. Người kia nói chỉ có nghề đi học, mới nên nỗi đói rách. Quan bảo có phải là học-trò, thì quan ra cho một đôi câu đối, nếu mà đối được, thì quan cấp tiền cho, nếu không đối được thì phải đánh đòn. Quan liền đọc rằng:

Ta nay quan Thị, đi đốc Đường Da, trợ hồng-thủy cho thiên hạ cậy.

Người kia nghĩ qua một lúc, rồi đọc đối luôn lại rằng :

Tôi học-trò Quất, rắp mong Bảng-nhân, công đèo bòng phỉ chí mới cam.

Câu của quan Thị : trước tự xưng ta làm chức quan hầu gần vua, sau tự-phụ ta đang những công việc đại-dỗ, cả thiên-hạ mong nhờ về ta. *Quan Thị* là thị-cẩm hay thị-vệ coi việc trong cung cẩm nhà vua. — *Đường Da*: không rõ con đường này ở vào đâu. — *Hồng-thủy*: nước lên to, tràn ngập cả.

Câu của người học-trò : trên cung khai quê quán ở đâu, dưới bày tỏ cái chí mong ở đường khoa-cử có đỗ đạt được, thì mới thỏa cái công theo đuổi học hành. *Quất* không rõ có phải là làng *Gia quất* ở về huyện Gia-lâm, Bắc-ninh không.

99. — CON GIAI — CON GÁI

Con **giai** **Văn-cốc**
lên **dốc** **bắn** **cò**,
đứng **lăm-le**, **cười**
khanh-khách

Con **gái** **Bát-tràng**
bắn **hang** **thịt** **éch**,
ngồi **chầu-chầu**, **nói**
uong-uong.

Văn-cốc: tên làng, chúng tôi chưa tra được ở vào tỉnh nào. — *Lăm-le*: ý nói chỉ những sự muôn có cò mà bắn. — *Khanh-khách*: tiếng cười kêu giòn tai nghe thấy âm thanh như thế. — *Bát-tràng*: tên làng ở trên sông Hồng-hà đối ngay với Hù-nội hiện thuộc về huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh và chuyên nghề nung gạch lát và đồ sành đồ sứ. — *Chầu-chầu*: ngồi đưa cái mặt ra như chực đợi gi. — *Uong-uong*: có ý gàn bướng khó chịu.

Hai câu này ý nghĩa thẳng tuột, không có gì là sâu-sa, éo-le như nhiều câu khác. Nhưng chữ dùng dưa đầy thật khéo, và đối nhau thật chơi. Oái-oăm nữa, là câu ra có bốn chữ chỉ tên bốn loài chim là con *cốc*, con *cò*, con *le* và con *khách*, mà câu đối cũng nhất được bốn chữ chỉ tên bốn loài cóc nbái là con *chầu-chàng*, con *éch*, con *chầu-chuộc* và con *ênh-uong*. Tự trung, trong câu ra có bốn thứ chim, nhưng không thuộc cùng một loài: chỉ có con *cốc* và con *le* là chung một loài là loài chán-vít (*palmipède*) mà thôi; còn con *cò* thuộc về loài cao cẳng (*échassier*) và con

khách thuộc về loài chim sẻ (*passereau*). Khách là thứ chim cánh dài, đuôi dài, lông đen và trắng, ta só-dĩ gọi tên thê là tiếng nó kêu nghe ra « *khách khách* » lại vì có sự tin rằng hễ nghe thấy tiếng chim khách kêu, thì nhà tất có khách lạ hay bà con xa đến chơi. — Còn, trong câu đối thi cứ kè được cái hơn là bốn con *chầu-chàng*, *chầu-chuộc*, *éch* và *ênh-uong*, thuộc về cùng một loài, nhưng lại phải con *chầu-chuộc* và con *chầu-chàng* hay còn gọi *chảng-chuộc*, cũng là một con mà thôi. Vậy đáng nhẽ bốn con mà rút lại có ba. Lại còn phải chữ *Bát-tràng* thì *tràng* viết *tr* mà *chầu-chàng* thì *chàng* lại viết *ch*.

II.— CÂU ĐỐI NÓM PHA CHỮ

NÓM CHỮ LĂN LỘN

100. — Ô ! — XÀ !

Ô ! Quạ tha gà ! | Xà ! Rắn bắt ngóe !

Hai câu này chỉ khó vì hai chữ đầu câu Ô và Xà nóm thi là tiếng kêu gọi, mà chữ, thi là chữ 烏 (ô) là con quạ và chữ 虍 (xà) là con rắn.

101. — THỦ - THỈ — HUNG-HỒ

Thủ-thỉ chén dầu lợn. | Hung-hồ vỗ bụng hùm.

Ý nghĩa hai câu này thật là rõ : vẽ trên nói một người hiền lành, ngù-ngờ mà được ăn dầu lợn ; vẽ dưới nói một người khỏe mạnh, táo-tợn dám vỗ vào bụng hồ.

Chữ dùng trong hai câu thật là tài.

Vẽ trên, vốn là câu tục-ngữ thì Thủ-thỉ hai chữ nôm lại nhầm đúng âm hai chữ Hán : Thủ 首 là đầu, thi 犀 là con lợn. Vậy hai chữ dầu lợn ở dưới chỉ là nghĩa hai chữ thủ-thỉ ở trên mà thôi. Hoặc cái ý còn cho thủ thi túc là thủ-chỉ người đứng đầu giấy trong làng túc là ông thủ-chỉ làng chia phần khi, vẫn được một mình hưởng cả cái dầu lợn.

Vẽ dưới là câu mới đặt thi hai chữ Hung-hồ nôm cũng đúng với âm hai chữ Hán : hung 胸 là bụng, hồ 虎 là con hồ, vậy hai chữ bụng hùm ở dưới cũng chỉ là nghĩa hai chữ Hung-hồ ở trên mà thôi. — Con hùm túc là con hồ hay còn gọi con cop, con khái.

102. — KÈ LÀ GÀ — ẤU LÀ TRẺ

Kè là gà, gà | Ấu là trẻ, trẻ
ăn kè. | ăn ấu.

Vẽ ra khó về cái chữ kè 鷄 đầu là chữ Hán mà chữ kè cuối, tuy đồng âm, nhưng là chữ nôm và chỉ hạt kè.

Vẽ đổi tài tình, vì chữ đầu tim được chữ Hán Ấu 𠂇 nghĩa là trẻ, chữ cuối lại tim được chữ ấu là chữ nôm chỉ cù ấu.

103. — CHUỒNG GÀ — CÁ DIẾC

Chuồng gà kê áp | Cá diếc túc phường
chuồng vịt. | cá mè.

Hai câu này, kẻ vẽ mặt chữ dùng, cả về mặt ý-tưởng thật là tầm thường, không có gì đáng nên ghi chép. Nhưng người ta sở-sĩ lấy làm thâm phục hai câu này, là vì tuy là tiếng Nôm, nghĩa Nôm cả, nhưng tựu trung lại có chữ Hán ẩn ở trong chữ Nôm.

Quả vậy, vẽ trên nói đến gà, vịt mà trong có chữ kê 雞 là con gà và chữ áp 鴨 là con vịt; Vẽ dưới nói đến diếc, mè mà trong có chữ túc 鮋 là cá diếc và chữ phường 鮋 là cá mè. Chọn được bốn chữ đổi đáp nhau mà đủ cả nghĩa Nôm, chữ Nôm, chữ Hán như thế, ai chẳng chịu là tài tình.

104. — LỘC LÀ HƯOU — NGƯ LÀ CÁ

Lộc là hươu, hươu đi lộc-cộc.

Ngư là cá, cá lội ngược-ngư.

hoặc đổi với :

Long là rồng, rồng chạy long-đong.

Vẽ ra ra chữ lộc 鹿 nghĩa là con hươu, và nói con hươu chán đi đập xuống đất nghe tiếng kêu lộc-cộc.

Về đối trước có chữ *ngư* 魚 nghĩa là con cá và nói con cá bơi lội dưới nước trông ra dáng *ngắc-*ngư**.

Về đối sau có chữ *long* 龍 là *con rồng* và nói con rồng chạy trên mây trông như long-dong vậy.

Cứ xét hai câu đối lại, thì câu trước hơn câu sau. Vừa được cả chữ theo luật băng trắc đúng câu đối thơ bảy chữ, vừa được cả nghĩa nói con cá lội ở dưới nước có dáng ngắc-*ngư*. Nhưng phải chữ *ngư* nhắc xuống chữ thứ bảy không nhầm với chữ *lộc* ở câu ra ở vào chữ thứ sáu. — Còn câu dưới được chữ *long* đúng vào chữ thứ sáu, nhưng phải cái nghĩa nói rồng *chạy* mà lại chạy một cách *long-dong*, thi nghe như không được hay vậy.

105. — DẦU VƯƠNG — IẢ VÃI

Người ta kể truyện một hôm ông Thái già làm người học trò vừa kiết, vừa què, vào một chùa kia xin tiền. Lúc đó, sư cụ đang ngồi lau đèn thờ, bên cạnh có một quan tiền để sắp giả hàng củi. Sư cụ thấy người học-trò cắn-nhắn nói mãi, tức mình vứt quan tiền ra hè, bảo rằng :

— Ủ, có phải là học-trò, ta ra một câu đối, hễ đối được, thì ta cho quan tiền này, không thì đi ngay.

Ông Thái xin vắng. Rồi lân-la đến gần chỗ quan tiền.....

Lúc bấy giờ nhân sự dót dầu, dầu rây ra cả đế đèn, sư mới ra câu rằng:

« DẦU VƯƠNG CẨ ĐẾ »

Ông Thái làm bộ gãi đầu, gãi tai một lúc, rồi vừa sờ lấy quan tiền, vừa đọc :

« IẢ VÃI VÀO SỰ »

Đọc xong, ông vác quan tiền, ủ-té chạy.

Sự vừa không ngờ người què bỗng chạy được, vừa tức vì câu đối nói xược đến mình, đành chịu ngồi nhìn cho ông Thái chạy thoát.

Câu ra khó, vì chữ *vương*, chữ *đế* dày tuy là nghĩa nôm nhưng lại còn là hai chữ Hán Vương 王 Đế 帝 nói vua chúa. Còn câu đối tuy phải chữ *iả* đối với chữ *dầu* vừa tục, vừa không được chỉnh, nhưng thật tài-tinh, vì trong dùng được hai chữ *vãi* *sự* đối với hai chữ *vương* *đế* rất hay.

106. — LỢN CẤN — CHÓ KHÔN

Trạng Quỳnh, khi còn ít tuổi đã thông-minh có tiếng. Nên ai cũng có lòng yêu, thường khi hay tròng ghẹo.

Một hôm, nhân nhà Trang có giỗ, đang làm thịt lợn, có ông Tú Cát đến chơi, chạy lại beo tai Trang, bảo ra cho đôi câu đối, nếu có đối được, thì ông mới tha.

Trạng xit-xa đau quá, giục bảo ra ngay.

Ông Tú đọc rằng:

« Lợn cắn ăn cám tốn. »

Trạng không căn nghĩ, đổi luôn rằng :

« Chó khôn chó cắn càn »

Ông Tú khen hay, buông ngay Trạng ra.

Câu ông tú ra nghĩa thẳng là *lợn cắn* (lợn cái cộc) *ăn tốn* hết nhiều cám. Câu trạng đổi nghĩa *t hắng* là *chó khôn* thì không *cắn càn*, cắn bậy bao giờ. Nhưng khó vì cái nỗi câu ông Tú ra có hai chữ *cắn*, *tốn* tuy nghĩa Nôm như đã cắt trên, mà lại còn ám chỉ quẻ *Cấn 坎* và quẻ *Tốn 漚* trong *bát quái*. Ông Tú mà phải chịu Trạng là vì Trạng tim ngay được hai chữ *Khôn 犬* *Cắn 坎* cũng là tên hai quẻ trong bát quái để đổi lại với *cắn*, *tốn*. Ấy là không nói Trạng lại còn có ý xược với cụ Tú, muốn bảo cụ Tú, *khôn* ra, thi từ rày đừng ra câu đổi *cắn* nữa.

Câu của Trạng tuy hay nhưng phải hai chữ *chó cắn* đổi với hai chữ *ăn cám* không được chỉnh. Chữ *chó* là phó-từ (adverb) mà đổi với chữ *ăn* là động-từ, chữ *cắn* là động-từ lại đổi với chữ *cám* là danh-từ. Giá tim được chữ khác đổi với chữ *cám*, mà để chữ *cắn* đổi với chữ *ăn* thi hay lắm.

107. — ĐÚNG GIỮA — DẤY TRƯỚC

Đúng giữa làng	Dẩy trước	Phủ
Trung-lập.	Tiên-Hưng.	

Câu này có người cho là ông Kỳ-Đồng đối đáp với một ông phủ. Không biết rằng có đúng sự thực không. Ta ghi chép câu này là chỉ vì chữ nghĩa văn-chương khiết thật giỏi. Hai chữ *Đúng giữa* tức là nghĩa hai chữ *Trung 中* là giữa, lập *立* là đứng; *Dẩy trước* tức là nghĩa hai chữ *Tiên 先* là trước, *Hưng 興* là đẩy.

Làng Trung-lập và Phủ Tiên-hưng hiện thuộc về tỉnh Thái-binh.

108. — HỌC-TRÒ — QUAN HUYỆN

Học-trò	Phú-khé	Quan huyện
ăn cơm cháy.	Thư-trì	uống nước ao.

Vẽ ra chỉ cốt lấy một chữ *khé* và chữ *cháy*, cháy chẳng qua là lượt cơm ở dưới đáy nồi, giáp lửa khé quá mà hóa cháy vậy.

Phú khé 富溪 thuộc về huyện Thần-khé, tức là phủ Tiên-hưng, tỉnh Thái-binh bấy giờ.

Vẽ đổi lấy hai chữ *Thư-trì* 師池, mà dưới hạ chữ *ao*, tri nghĩa là ao, thế là đổi chơi lầm. *Tri* đổi với *khé*, *ao* đổi với *cháy*, ai cũng phải chịu là được,

Huyện Thư-trì cũng thuộc về tỉnh Thái-binh.

109. — CON RÈ — ÔNG CHỒNG

**Con rè nết-na xem | Ông chồng cay đắng kè
tử-tế. | công-phu.**

Hai câu này ý nghĩa rất tầm-thường. Văn-chương cũng không có gì là đặc-biệt. *cay đắng* đối với *nết-na*, *công-phu* đối với *tử-tế* lại càng khó nghe lầm.

Nhưng người ta sờ-dì ghi chép hai câu này, là tại về trên trước nói *con rè* mà dưới hạ được hai chữ *tử-tế* 子 壽 (1) nghĩa là con rè, về dưới trước nói ông chồng mà dưới hạ được hai chữ 工 夫 *công-phu* là công của người chồng.

110. — LÁC-ĐÁC — Ỷ-ẨM

Ông Nguyễn-tự-Cường người làng Xuân-lôi mãi đến năm 30 tuổi mới đi học. Ông học dốt quá, có mấy chữ, năm, bảy ngày cũng không thuộc.

Ông thầy là ông Nghè, người làng Hạ-vũ, đợi khi vợ ông gánh gạo lên cho ông ăn học, mới gọi ra, bảo thòi cho về, chờ không sao dạy được.

(1) Con rè thực thi là *tế tử* 子 壽 không, chờ không mấy khi nói *tử tế* 子 壽. Đây dùng hai chữ *tử tế* chữ thi ám chỉ con rè mà nôm thi lại nói là tốt bụng. Ta xưa nay dùng quen hai chữ *tử-tế* cho là cách ăn ở tốt bụng. Nhưng thật thi sai nghĩa lắm. Vốn hai chữ *tử tế* viết 子 細 hay 仔 細 chỉ có nghĩa là cần thận quá có thể cho như phiền toái được.

Lúc hai vợ chồng về tới một chỗ có núi đá và có dòng nước, ngồi nghỉ chân, vợ trông thấy nước chảy xiết qua đá, mới chỉ mà nói rằng:

— Nước mềm chảy thế kia mà đá cứng cũng phải mòn; người ta đi học mà không nên công cán gì, thì chẳng cũng đáng hổ thẹn lắm ru!

Ông Cường nghe nói, đỏ mặt, đáp rằng:

— Thì người ta đang thích học, sao lại bắt người ta về?

Rồi đó, hai vợ chồng lại đưa nhau đến, cố năn-ni xin thầy dong cho ít lâu nữa.

Thầy tức minh, có ý muốn đuổi, bảo ra cho một đòn câu đổi, nếu có đổi được, thi thầy mới nhận cho ở. Nhận lúc bấy giờ đang mưa, thầy ra câu rằng:

“ **Lác-đáx mura sa làng Hạ-vũ** ».

Ông Cường liền ứng khẩu đổi ngay rằng:

“ **Ỷ-Ẩm sám dậy đất Xuân lôi** »

Câu đổi thật hay, mà lại có khí phách anh hùng, (1) thầy phải chịu và cho ông lại được học. Từ đó ông học rất mau, và sau ông đỗ đến Tiến-sĩ.

(1) Có người tin rằng: phút chốc mà ông Cường thành giỏi ngay như thế, là vì khi ông ngồi nghỉ chỗ núi đá, Thần Núi nhập vào ông.

Câu ông thầy ra khó về cái: trên có chữ *mưa* dưới có chữ *Hạ-vũ 夏雨* là tên làng, mà nghĩa chữ *vũ* lại là mưa.

Câu đối trên đã có chữ *sấm* đối được với chữ *mưa*, dưới lại có chữ *Xuân-lôi 春雷* cũng là tên làng đối được với *Hạ-vũ* cũng tên làng mà chính chữ *lôi* lại còn nghĩa là sấm.

Cả mấy chữ *ý-đam* là tiếng sấm đối với *lác-dáć* là tiếng mưa, *dày đất* là làm sỏi nồi đất lên đối với *sa làng* là roi tung hạt xuống làng hật là chỉnh và hay lầm.

111. — NUỐC GIẾNG — LỬA CẦU

Nước giếng rồng pha | Lửa cầu rắn thắp
chè Long-tinh. | hương Xà-kiều.

Đối câu đối này chỉ khó về cái: trên có chữ *nôm*, dưới có chữ Hán, mà chữ Hán cái nghĩa ra, lại là nghĩa chữ *nôm* ở trên.

Về trước, trên có hai chữ *giếng rồng*, cuối có hai chữ *Long-tinh* mà *long 龍* nghĩa là rồng, *tinh 井* nghĩa là giếng. Giếng rồng thì nhiều nơi có, cho là rốn con rồng, mạch ở dưới đất. Còn chè Long-tinh thì có một thứ chè tàu tên đặt như thế.

Về sau, trên có hai chữ *cầu rắn*, cuối có hai chữ Xà-kiều, mà Xà 蟒 nghĩa là rắn, kiều 橘 nghĩa là cầu. Hiện ở về huyện Thanh-oai, tỉnh

Hà-đông có một làng tên gọi Xà-kiều chuyên nghề làm hương thấp. Về địa phận làng ấy hiện có một cái cầu liền với đường cái tên gọi là *Cầu rắn*.

112. — LỖI NGƯỜI — TƯ CHÚ

Một ông Huyện người Đàng Trong trị dân rất ngọt, lại còn trách dân phạm nhiều tội lỗi lắm.

Ông có làm một vế câu đối, dán trước cổng huyện rằng :

« *Lỗi người ta chất bằng ba thạch* » (1)

Trong câu có ý nói tội lỗi của người ta chất nặng bằng ba tảng đá chồng lên nhau. Còn chữ thì chữ *lỗi 犯* viết ba chữ *thạch 石* nghĩa là đá chồng lên nhau.

Câu đối dán đã lâu không ai đối được. Mãi sau mới có một người làm được vế kia đề đối lại rằng :

« *Tư chú min xem đáng nửa đồng* » (1) »

Về đối này rất tài tình, vừa được cả ý nói là cái nha thư của chủ, ta cho chỉ đáng độ nửa đồng tiền. Vừa được cả chữ là chữ *tư 司* chỉ là một nửa

(1) Hai câu này có nơi chép là :

« *Lỗi kia dã chất bằng ba thạch*,

« *Tí nợ xem khinh đáng nửa đồng* »

Nhưng xem thế hai câu như đây thi đã như hai câu trích ở một bài thơ ra, chứ không phải hai câu đối rời đôi bên đối đáp đề khích bác nhau.

chữ đồng 同 mà thôi. Từ hay đọc ti đây nghĩa là nhà thư của quan. Min tiếng Đàng Trong nghĩa như ta, tôi.

113. — CHÀY CHÁY — HÔM MAI

Chày cháy trôi sông	Hôm mai vượt bờ
chú ngư - ông ngô	người tinh tướng xem
cá.	sao.

Đại ý về ra: cái chày (chày cối) cháy dở trôi ở dưới sông mà người đánh cá tướng rắng là cá.

Đại ý về đổi: nhà thiên-văn buỗi sớm buỗi chiều đi qua bờ để xem sao.

Giải cái nghĩa xuôi như thế, thì hai câu này không có gì là tài tinh cả. Hai câu sở-dĩ cho là tài tinh là cốt ở những chữ đã có cái nghĩa như trên nói, lại còn thêm có cái ý khác. Về trên tuy nói cái chày cháy trôi sông, nhưng lại còn ám chỉ ba thứ cá : cá cháy, cá cháy và cá trôi. — Về dưới tuy nói buỗi sớm buỗi chiều nhưng lại còn ám chỉ ba ngôi sao : sao Hôm sao Mai và sao Vượt. Cả chữ cá ở cuối câu về trên lại đáp với chữ ngư vì ngư 魚 nghĩa là cá, (ngư ông 渔翁 : người đánh cá); — chữ sao ở cuối câu về dưới lại đáp với chữ tinh, vì tinh 星 nghĩa là sao. (Tinh tướng 星相: người xem sao tức là nhà thiên-văn)

Kè chữ đổi thì vượt đổi với trôi, bờ đổi với sông t hật chơi và hay lắm.

114. — AO THANH-TRÌ — SÔNG NGÂN-HÀ

Một thầy đỗ ngồi dạy học tại làng Thanh-trì, nhân đêm thu tết cảnh, ra cho học-trò một đố câu rắng:

« Ao Thanh-trì, nước trong leo-léo, cá lội
ngắt-ngắt ».

Học-trò đáp lại câu rắng:

« Sông Ngân-hà, sao bạc chan-chan, vịt nằm
ám-áp. »

Về ra: Thanh-trì là tên làng ở Hà Đông (1), mà chữ thanh 淸 lai nghĩa là trong, chữ tri 池 nghĩa là ao ; ngắt-ngắt nói dáng cá lội mà chữ ngư 魚 lai nghĩa là cá.

Về đổi: Ngân-hà là con sông ở trên giời mà chữ ngán 銀 lai nghĩa là bạc, chữ hà 河 nghĩa là sông; ám-áp nói ôn-độ vừa ám mà chữ áp 噗 lai nghĩa là vịt.

Về ra oái-oăm, vì có mấy chữ vắn đi vặn lại khi là chữ nôm, khi lai chữ Hán, đã ao lai tri, đã thanh lai trong, đã cá lai ngư. — Về đổi tìm được cũng đủ những chữ : đã sông lai hà, đã ngán lai bạc, đã vịt lai áp, chơi lại với những chữ kia cân xứng như thế thật là tài tinh vậy. Hoặc còn phải chữ bạc đổi với chữ trong hơi túc một chút.

(1) Nếu thực là làng Thanh-trì ở huyện Thanh-trì, tỉnh Hà Đông, thì Thanh-trì thường viết 靑池 nghĩa là ao xanh, chữ thanh này không có chấm thủy bên và nghĩa là xanh.

Còn ý tưởng thì hai câu được cả, thật tả rõ được cái cảnh mùa thu nước trong, mây tạnh.

115. — PHỤ LÀ CHA — MÂU LÀ ME

Phụ là cha, tử là Mẫu là mẹ, tử là
con, công cha con | con, biết mẹ con
không dám phụ | còn nói mẫu.

Phụ = 父 : cha ; Tử = 子 : con ; phụ = 負 : phụ bạc

Mẫu = 母 : mẹ, tử = 子 : con, mẫu : kiều mẫu.

Câu ra chỉ khó về hai chữ *phụ* : chữ phụ trên 父 là cha, chữ phụ 負 dưới là phụ bạc.

Câu dưới đối được trên chữ *mẫu* 母 là mẹ, dưới chữ *mẫu* là mẫu-mẽ, thật là khéo, nghe rất thuận tai. (Nói mẫu còn có chỗ gọi là *nói kiều* và nghĩa là tuy biết là xấu, nhưng cũng cứ nói cho hay, cho đẹp.)

116. — PHU LÀ CHỒNG — NGĀ LÀ TA

Một viên quan bắt một người học-trò đi phu. Người học-trò trốn tránh, quan bắt vợ phải đi thay. Người học-trò chạy đuổi theo, thế nào vấp ngã. Quan liền cho lính dẫn lại, sai nọc đánh. Người kia kêu là học-trò không chịu nổi đòn. Quan bảo, nếu quả là học-trò, thì phải đối ngay đôi câu đối quan ra, quan mới tha.

Câu đối quan ra rằng :

« Phu là chồng, phụ là vợ, vì chồng vợ phải
đi phu. »

Người học-trò ứng khẩu đối ngay:

« Ngā là ta, nhī là mày, tại mày, ta nên
hóa ngā. »

Câu ra chỉ khó vì trên có chữ *phu* 夫 là chồng, dưới lại có chữ *phu* chỉ *phu-phen*.

Câu đối lại rút tài tình, vì trên tim được chữ *ngā* 我 là ta, đối với chữ *phu* là chồng, dưới lại tim được chữ *ngā* là té xuống đất, đối với chữ *phu* là *phu-phen*.

Câu đối lại được cái ý hay là quan ra nói đến *vợ chồng*, mà người học-trò đối lại nói đến, *mày, tao*, tuy rằng gọi vợ và tự xưng với vợ, nhưng tựa trung lại ngữ cái ý ngạo-nghê mày tao chi tờ với quan.

117. — CÂY XƯƠNG RỒNG — QUẢ DUA CHUỘT

Một hôm, ông Quỳnh mon-men đến ghẹo bà Thị Biêm. Bà tức mình ra cho một đôi câu đối và bắt phải đối ngay. Câu rằng :

« Cây xương-rồng giồng đất rắn, long lai
hoàn long. »

Ông Quỳnh lúng-lúng, nghĩ mãi không ra, sau phải đọc, đối liều rằng :

« Quả dưa-chuột, tuột thẳng gang, thử chơi
thì thử. »

Hai câu này, câu ra của bà Điểm vừa hay vừa chín-chắn bao nhiêu, thì câu đối của ông Quỳnh vừa bậy vừa chót-nhả bấy nhiêu.

Câu của bà, ý đã sâu-xa, vì bà có ý mắng ông Quỳnh *rắn* mày, *rắn* mặt, cứ giữ cái tinh chót-nhả mãi không sao chừa được, khác nào như cây *sương-rồng* là cây có gai góc, giồng vào chỗ đất rắn mà nó cứ *long* ra không sao chặt rẽ được. — Chữ lại khéo dùng: trên có chữ *rồng*, dưới có chữ *long* 龍 nghĩa là con rồng; trên có chữ *rồng*, dưới lại có chữ *rắn*, rồng, rắn ta thường nói đùi cho như đồng loại; trên có chữ *rồng*, một con vật trong tú linh, dưới lại có chữ *giồng* nghĩa là giồng giọt cây cối.

Còn câu của ông Quỳnh trên nói *quả dưa chuột*, *thẳng tuột* (hay thẳng buột) một *gang* rồi dưới tiếp *thứ chơi thi thứ*, thì không rõ ông có ý ám-chỉ cái gì hay ông vẫn quen cái tinh trùng ghẹo chót-nhả bà Điểm mà ông đâm liều, đâm lĩnh đối bậy, đối bạ, cho gọi là có đối thi thôi. Tuy vậy, cứ kề đối được như ông cũng là nhanh và tài lầm. Trên đã được chữ *quả* đối với chữ *cây*, chữ *chuột* đối với chữ *rồng* là chơi, dưới lại được chữ *thứ* tuy nôm nghĩa là thử thách, mà chữ lại là chữ thử 鼠 là con chuột. Chữ *thứ* đáp với chữ *chuột* cũng như chữ *long* đáp với chữ *rồng* vậy (1).

(1) — Chúng tôi biết có một người không chịu câu của Trạng đối và tự tìm ra một câu rằng: *Xe bộ ngựa dưa chuồng trâu mã còn tốt mã*, không biết nghe có được chăng.

118. — CHÂN ĐÌ — TAY HÁI

<i>Chân</i>	<i>đì</i>	<i>hở</i>	<i>hán</i> ,	<i>Tay</i>	<i>hở</i>	<i>rau</i>	<i>tần</i> ,
<i>tay</i>	<i>bán</i>	<i>kẹo</i>	<i>đường</i> ,	<i>chân</i>	<i>lăn</i>	<i>gốc</i>	<i>sở</i> ,
tinh tông tinh tống.				ký ngô ký ngô.			

Hài hán: *hở*: tức là giầy, *hở hán* một thứ giầy Tàu. Xưa người lịch-sự, ngày Tết, ngày hội, hay đi một thứ giầy gọi là giầy *văn hài* làm bằng vải vóc chứ không đóng bằng da. — *Rau tần*: một thứ rau mọc ở chỗ nước nông, bốn cánh xòe ra trông như cái hoa. — *Sở*: thứ cây lá như bàn tay, hoa nhỏ, cánh cứng, xưa hay dùng làm roi để đánh người có tội. — *Tinh-tông*, *tinh-tống*, *ký-ngô*, *ký-ngô*: có nhẽ là những tiếng đặt ra nói người bán kẹo liu-lo, và người hái rau hì-hụi như thế.

Ý nghĩa hai câu này không có gì là lạ. Vẽ trên chặng qua tả một chú Chiệc đi bán kẹo đường miệng nói liu-lo, liu-lường. Còn vẽ dưới, thì nói một người đàn bà đi hái rau tần, ra dáng vất-vả khó nhọc lắm.

Nhưng chữ dùng rất khéo. Trong câu ra có chữ *Hán* 漢 chữ *Đường* 唐 và chữ *Tống* 宋 chỉ ba Triều ở bên Tàu, thì trong câu đối cũng có đủ ba chữ chỉ ba triều khác đáp lại là: *Tần* 秦 *Sở* 楚 và *Ngô* 吳. Khéo nữa là bên ra là *chân*, thi bên đối là *tay*; bên ra là *tay*, thi bên đối lại là *chân*, bên ra có chữ *bán* bắt vần với chữ *hở*, thi bên đối cũng chọn được chữ *lăn* bắt vần với chữ *tần*.

Có sách cho câu này là của nàng họ Hồ ra cho một chú Ngõ, chú không đổi được, nên chỉ có một vế trên là :

«Chân đi hài hán, tay bán bánh đường, miệng hát líu-lúòng, ngày-ngõ, ngày-ngõ».

119. — MŨ LÔNG GÀ — ÁO CÁNH DIỆC.

Mũ lông gà ra khai | Áo cánh diệc về canh
quốc, công đã nén | nóng, quốc thì mặc
công. | quốc.

Về trên ý nói : Đầu đội mũ lông gà (hay lông công) ra mổ nước đã thành công.

Về dưới ý nói : minh mặc áo cánh diệc về cày ruộng, mặc việc nước.

Về trên tất là của một người vô giỏi thừa tài thao lược ra dẹp loạn và đã gây dựng lại được giang sơn.

Về dưới lại là của một người ăn-dát chán đời đành lui về cầy cấy, gác việc nước ra ngoài không hề mang đến.

Ý nghĩa hai câu trái hẳn nhau như thế. Còn chữ dùng thì khéo về cái, câu trên có ba chữ chỉ ba tên chim là : gà, cuốc (hay quốc) và công, thì câu dưới cũng có ba chữ chỉ ba loài chim là : diệc, nóng (bồ nóng) và cuốc.

120. — BỐN CỤ — MỘT ĐẠO

Người ta kể rằng một hôm, bốn ông cụ đạo đang ngồi chè chén hách-dịch lăm. Có một người ra dáng thư-sinh ngông-nghênh bước vào như muốn ngao-nghẽ với các cụ.

Các cụ híng chén, đọc một câu rằng :

Bốn cụ ngồi một cỗ, cụ dù điều, cụ chẳng sợ ai.

Chữ cụ thứ nhất : 具 là cụ già, chữ cụ thứ hai : 具 là dù, chữ cụ thứ ba : 懼 là sợ.

Người kia liền đọc một câu đối lại rằng :

Một đạo chẳng hai đường, đạo là trộm, đạo đừng nói láo.

Chữ đạo thứ nhất : 道 là đường, chữ đạo thứ hai : 盜 là trộm, chữ đạo thứ ba : 道 là nói.

Tím được ba chữ đạo đối với ba chữ cụ như đây là tài tinh lăm. Nhưng xét kỹ, thi câu ra hai chữ cụ trên viết giống nhau tức là một chữ, chỉ có chữ cụ thứ ba mới viết khác, mà câu đối chữ đạo thứ nhất với chữ đạo thứ ba mới là một, còn chữ thứ hai lại khác, thi không được cân. Lại còn chữ láo của câu đối đối với chữ ai của câu ra cũng không được chỉnh. Cả chữ chẳng đối với chữ ngồi cũng không xứng.

121.—HUYỆN TAM-DƯƠNG — QUAN TÚ-KỲ

Huyện Tam-dương có ba con dê, đứng núi đá trông về Lập-thạch.

Quan Tú-kỳ đi bốn xe ngựa, vâng mệnh giờ ra tri Thùra-thiên.

Huyện Tam-dương 三陽 hiện thuộc về tỉnh Vĩnh-yên. — *Huyện Lập-thạch* 立石 hiện cũng thuộc về tỉnh Vĩnh-yên. — *Huyện Tú-kỳ* 四岐 hiện thuộc về tỉnh Hải-dương. — *Thùra-thiên*: 承天 chõ vua đóng hay sinh trưởng ở đây. Hiện bảy giờ *Thùra-thiên* là tỉnh ở giữa Trung-kỳ về đời Lê, vua đóng ở Hà-nội, thì gọi là *Thuận-thiên* ở về phủ Hoài-đức tỉnh Hà-dông bảy giờ.

Hai câu này ý tưởng không có gì. Giải thăng ra, nghĩa cũng khó nói cho xuôi.

Nhưng về chữ dùng, thì thật khéo, mà cốt khéo ở cái chữ Hán, chữ nôm đã dùng về âm lại dùng về nghĩa vắn đi vặn lại mà thành câu.

Quả vậy, hai chữ Tam-dương 三陽 vốn nghĩa là ba khí dương, mà đây lại lấy nghĩa tam dương 三羊 là ba con dê, trên có chữ Hán *Tam-dương*, dưới lại có chữ nôm, ba dê như giải nghĩa. — Hai chữ Hán *Lập-thạch* 立石 nghĩa là đứng đá, mà trên có hai chữ nôm đứng đá như dịch chữ ra.

Còn về dưới hai chữ Tú-kỳ 四岐 vốn nghĩa là bốn ngã-ba, mà đây lại lấy nghĩa Tú-kỳ 四岐 là bốn

con ngựa tốt, trên có chữ Hán Tú-kỳ, dưới lại có chữ nôm bốn ngựa như giải nghĩa. — Hai chữ Hán *Thùra-thiên* 承天 nghĩa là vâng giờ, mà trên có hai chữ nôm vâng mệnh như dịch chữ.

Cái cách đổi lạ-lùng, cầu ra cầu kỳ như thế, mà cầu đổi tìm được như thế thực cũng là tử công-phu mà cho là thần tình lắm vậy.

122.—MẶC ÁO — LÀM ĐĨ

Xuân-Hương tiếp cái thơ của Chiêu-Hồ (xem ở trên) thấy Chiêu-Hồ lên mặt là mần cha thăng xích-lử mà ruồng rẫy chửi cái gái hồng-nhan, thi lấy làm giận lắm. Nàng liền gửi thư nữa vào, định mỉa lại, xem đối đáp ra làm sao. Trong thư có câu:

**Mặc áo giáp, giải cài chữ đinh, mậu, kỵ, canh,
khoe mình rằng quý.**

Lúc bắt được thơ giả nhời, mở ra xem, thì thấy câu đáp như sau này:

**Làm đĩ càn, tai đeo hạt khảm, tốn, lỵ, đoài
khéo nói rằng khôn.**

Xuân-Hương đọc thấy câu ấy, càng lấy làm bức minh, túi phận. Chẳng bức, chẳng túi sao được! Minh đã dung túm, lược những chữ trong thập can đề riệu Hồ là mới được tập-tọng mặc cái áo giáp, nghĩa là dì làm quan, chưa chi đã vội khoe mình là quý lâm; Hồ lại có ý, lược những chữ trong bát quái

dề mà mắng lại mình đã làm con đĩ *càn* mà lại còn nói rằng *khôn*, thì khôn với ai?

Áo giáp là áo trận đòi xưa làm bằng da loài vật hay bằng sắt lá đề giữ cho ngọn gươm, giáo không đâm được vào người. Nếu thật Chiêu-Hồ đi tri-huyện là làm quan văn, mà lại nói áo giáp là áo của quan võ thi tướng lù dùng ép chữ mà thôi chờ không được đúng. *Cái chữ định* là cái cái lối như chữ định 丁. *Hạt khảm*: tức là hạt sà-cù đàn bà trong Nam xưa hay đeo cái chầm có cuống trên có cái cúc to làm bằng mãn-não hay sà-cù. Xuân-Hương chọn được 6 chữ trong *thập can* (*giáp*, *Ất*, *bính*, *dinh*, *mậu*, *kỷ*, *canh*, *tân*, *nhâm*, *quí*) hiềm hóc, mà Chiêu-Hồ lại chọn được cũng 6 chữ trong bát quý (*càn*, *khám*, *cấn*, *chấn*, *tốn*, *ly*, *khôn*, *doái*) để đổi lại, mới lại là già hơn nữa. Khéo nhất là *đĩ càn* đổi với *áo giáp*, *hạt khảm* đổi với *chữ định*, *khôn* đổi với *quí*.

123. — THỊ VÀO HẦU — VŨ CẬY MẠNH

Một viên quan võ, một hôm ra về câu đối, trêu một viên quan thị rằng:

Thị vào hầu, thị đứng thị trông, thị cung muồn⁽¹⁾, thị không có ấy.

(1) Có nơi chép thêm chữ: rằng ở dưới chữ muồn.

Viên quan thị đáp ngay lại đề riêu viên quan võ rằng:

Vũ cạy mạnh, vũ ra vũ múa, vũ gấp múa⁽¹⁾ vũ ướt cả lồng.

Câu trên rõ ra chế một viên quan thị chỉ làm cái nghẽ hầu hạ, (thị: 倚 hầu hạ), đứng mà trông (thị: 視 trông) người ta làm, bụng thèm muồn đến chết (thị: 嗜 muồn) nhưng không làm gì được, vì không có cái ấy (thị: 是 ấy).

Câu dưới rõ ra bác một viên quan võ chỉ cạy ở cái síc khỏe (vũ: 武 khỏe) múa may quay cuồng (vũ: 舞 múa) gấp lúc mưa (vũ: 雨 mưa) ướt hết cả lồng (vũ: 雾 lồng) nghĩa là gấp kẻ khỏe hơn nó đánh cho xác cả người.

Một bên chế trước, một bên riêu lại như thế ^t là đổi đáp được với nhau bên tâm lặng, bên nứa câu vây. Hoặc chỉ phải chữ là *múa* đổi với *cung muồn*, *ướt cả lồng* đổi với *không có ấy* không được chỉnh lắm mà thôi.

124. — CÁI LÀ TƯỢNG — TU LÀ HỒ

Cái 益 là tượng, tượng 象 là voi, voi chầu	Tu 羞 là hổ, hổ 虎 là cọp, cọp bắt cửa cái.
--	---

Có người cho câu trên là cửa một nhà sura, câu dưới là cửa ông Hoàng-phan-Thái đổi lại.

(1) Có nơi chép thêm chữ: đứng ở dưới chữ múa.

Câu ra sở dĩ khó, là vì lấy chữ Hán dịch nghĩa ra chữ nôm, lại lấy chữ vừa Hán vừa nôm dịch ra hán nôm, xong lại đặt nối bốn chữ lộn ngược lên chữ đầu câu đem xuống thành làm chữ cuối câu.

Chữ *cái 盖* hoặc còn viết *蓋* là chữ mào đầu câu ở trong các sách Tàu mà xưa nay ta quen học nghĩa là *tượng 象*, chữ *tượng 象*, tiếng ta là con *voi* (hay *vàm*) Thế là chữ *tượng* lấy ở nghĩa chữ *cái* ra, chữ *voi* lấy ở nghĩa chữ *tượng* ra, rồi nối luôn mà đặt câu : *voi chầu cửa cái*. *Cửa cái* tức là cửa chính, cửa ra vào nhơn nhất, đối với *cửa con*.

Oái-oăm và xuyên-tac lắm! Đổi thế nào cho chơi được? Thế mà ông Thái ứng khẩu đổi liền ngay được, ấy mới là đại tài. Tài thực! câu ông đổi cũng đủ chữ Hán, nghĩa chữ Hán lấy làm chữ, chữ lại dịch ra nôm, mà câu đặt cũng nối, cũng lộn y như câu ra. Ông đã có tài nhanh về văn, ông lại thêm được cái tính đổi đầu với người, chơi người cho kỳ được hần người ông mới nghe. Kề câu ông đổi rõ ràng mạnh mẽ hay hơn câu nhà sư ra nhiều lắm. Nhà sư chắc không những phải phục ông là tài, mà lại còn chịu ông là xược đến nước nữa. Chữ *Tu 犹* nghĩa là *hỗ*. (*xấu-hỗ*), chữ *hổ 虎* nghĩa là *cọp* đổi với hai chữ *cái* và *tượng* thật chỉnh (*cọp* đổi với *voi* còn gì hay bằng!) *cọp bắt thay tu* đổi với *voi chầu cửa cái* thật là chơi tùng chử, hay hơn nữa, mà chắc khiến cho nhà sư nghe thấy tất phải giận

dữ đở mặt tia tai lèn không làm gì được, dành ngồi tắm-tắc khen mà chịu ông Thái vậy.

125. — BUÓM ĐẬU — GÀ ĂN

Bướm	bướm	đậu	Gà	sống	ăn
cành	sen,	liên	rẽ	thóc,	cốc
		chi		đế	
				hở-điệp.	hung
					kê

Hai câu này thần-tinh vì mỗi về bốn chữ đoạn dưới là bốn chữ Hán, mà bốn chữ ấy chính chỉ rõ cái nghĩa y như bốn chữ đoạn trên.

Liên 蓮 là sen, chi 枝 là cành, hở-điệp 蝴蝶 là bướm bướm. — Cốc 穀 là thóc, đế là rẽ, hung 雄 鷄 là gà sống.

126. — CỐC-CỐC — TÙNG-TÙNG

Cốc-cốc	đánh	mõ	Tùng-tùng	hở	trổng
định	cót	thóc,	đào	cây	thông,
nay	chuột	có	cành	nụ	quạ
					không
					đậu
					được

Về trên: *Cốc cốc* nôm là *tiếng mõ* kêu, mà chữ *cốc* 穀 lại nghĩa là *thóc*; — *thử* nôm là xem có được không mà chữ *thử* 鼠 lại nghĩa là con *chuột*.

Về dưới *Tùng tùng* nôm là *tiếng trổng* đánh mà chữ *tùng* 松 lại nghĩa là *cây thông*. — Ô nôm là *tiếng kêu* như ô *hay*, mà chữ ô 烏 lại nghĩa là con *qua*.

Hai câu này sở-lí hay là chỉ vì vặt chữ ra nòm, vặt nòm ra chữ lấy chữ Hán đọc ra âm nòm, đã dùng chữ Hán lại có cả nghĩa chữ Hán, mà đổi bên oái-oăm đổi-đáp chơi nhau được cân chỉnh như thế. *Tùng-tùng* mà đổi với *cốc-cốc*, *trống* đổi với *mõ*, *nợ* đổi với *nay*, *không* đổi với *có*, ai cũng phải chịu. Phải chữ *hỏi* đổi với *đánh*, ó đổi với *thử* nghe không được xuôi.

Còn ý nghĩa thì câu trên nghĩa là: *đánh mõ* để *dình* xem *đêm chuột* có *ra ăn thóc* *không* - và câu dưới nghĩa là: *đánh trống* để *đào* *cây thông* làm *cho qua* *không* *dậu* *được* *cánh thông*.

127. — ÔNG THÔNG — ÔNG TÚ

<i>Ông thông</i> <i>đến</i> <i>gõe</i>	<i>Ông tú</i> <i>đi</i> <i>qua</i>
<i>để</i> , <i>ông thông</i>	<i>cửa</i> <i>cổng</i> , <i>ông tú</i>
<i>không</i> <i>đi</i> <i>là</i> <i>ông</i>	<i>nhảy</i> <i>được</i> , <i>thì</i> <i>ông</i>
<i>thông</i> <i>lại</i> .	<i>tú tài.</i>

Về trên khéo là nói ông thông không *đi* nữa, tất ông thông giở *lại*, mà chữ *lại* đi theo luôn chữ *thông*, thành ra hai chữ liền « *thông* *lại* » 通更 chỉ người giúp việc ở nhà các quan. Trong câu có chữ *để* cũng có ý chỉ là « *đè* *lại* », ông thông, ông đè thường đi với nhau.

Về dưới khéo là nói ông tú đi qua cửa cổng, nếu ông nhảy được, thì ông là người *tài* nhảy, mà chữ

tài đi theo luôn chữ tú thành ra hai chữ liền « *tú tài* » 秀才 chỉ người đồ thi hương bậc dưới. Trong câu có chữ *cổng* cũng là có ý chỉ « *hương cổng* » ông tú, ông cổng, (tức là ông cử) thường đi với nhau.

128. — QUÂN TỬ — KHÔNG MINH

Một người học-trò nghèo, bần-túng quá, một hôm, không có gì ăn, phải đem quần áo đến một nhà kia cầm. Nhà ấy lại là một nhà của một vị quan hối hulu. Nhà nho thấy nhà nho gấp phải cài cảnh như vậy, lấy làm thương tinh, ông quan bèn gọi người học-trò vào bảo :

— Bác có thực phải là học-trò, tôi ra cho đòi câu đối này, nếu bác đổi được, thì tôi cấp tiền cho ăn học, không phải lo lắng cầm cố gì nữa. Rồi ông quan liền đọc câu rằng :

« *Quân-tử* *cố* *cùng*, *quân-tử* *cùng*,
君 子 固 窮 君 子 窮
quân-tử *cố* »
君 子 固

Người học-trò chỉ nghĩ qua, rồi đổi luôn rằng :
« *Khổng-minh* *cầm* *túng*, *Khổng-minh* *túng*,
孔 明 捏 縱 孔 明 縱
Khổng-minh *cầm* »
孔 明 捏

Câu của ông quan ra, là cốt mượn bốn chữ *quân-tử cố cùng* 父子固窮 ở câu *quân-tử cố cùng*, *tiều-nhân cùng tu lạm hĩ*, 父子固窮 小人窮斯濫矣 trong sách Luân-Ngữ. Chính câu ấy dịch nghĩa là: « Người quân-tử gặp lúc cùng khổ, thì giữ được bền lòng; chờ kẻ tiều-nhân gặp lúc cùng khổ, thì hay sinh ra làm sảng vãy ». Còn câu của ông quan đây ra. « *Quân-tử cố cùng, quân-tử cùng, quân-tử cố* » nếu dịch thẳng, thì nghĩa là: Người quân-tử lúc cố cùng giữ được bền lòng, người quân-tử cùng khổ, người quân tử bền lòng. Dịch như thế, thì thực chỉ có bốn chữ trên mượn ở sách là có nghĩa còn sáu chữ dưới tưởng đặt ra cái nghĩa chẳng ra sao cả. Nhưng ông quan sở-dĩ mà đặt câu như thế là cốt ông lấy cái âm chữ *cố*, dùng xuyên-lạc ra cái ý *cầm cố* mà cho cả câu thành cái nghĩa rằng: Người quân-tử, cố cùng, tại người quân-tử cùng (khổ) mà người quân-tử, phải (cầm) cố.

Câu của ông quan ra chữ mượn, câu đặt, ý nghĩa dùng oái-oăm lát-léo là như thế. Tưởng tim được một câu có đủ cả những tư-cách như thế để đổi lại cho thật chơi cũng không phải dễ. Thế mà người học-trò tim được, ấy mới giỏi, ấy mới tài. Quả vậy, câu của người học-trò cũng đủ cả chữ mượn ở trong sách Tam-quốc chỉ là chữ cầm擒 (nghĩa là bắt) và chữ縱 tung (nghĩa là tha), đủ cả cái âm cầm đối với cố, đủ cả cái ý xuyên-lạc chữ cầm là cầm bắt ra cái ý cầm là cầm cố, lại đủ cả

cái nghĩa câu thành ra rằng: ông Khồng-minh bắt, tha, tại ông Khồng-minh tung (tung tiền) mà ông phải (đem đồ đi) cầm. Lại cứ thực kề, về cái nghĩa chữ Hán thì câu của người học-trò có thể cho là hơn câu của ông quan, nói người *quân-tử cùng*, người *quân-tử cố*, thật ra cái nghĩa làm sao, không cắn, già đưa người Hán xem, thì họ không tài nào hiểu được. Chờ câu của người học-trò, thì hai chữ tung cầm sau, nói *Khồng-minh tung*, *Khồng-minh cầm*, cái nghĩa, bắt, tha vẫn ăn với chữ Khồng-minh mà lại đổi đáp được với hai chữ cầm tung trên là tha bắt vây; cả câu nghĩa: ông Khồng-minh bắt, tha, ông Khồng-minh bắt (rồi) ông Khồng-minh (lại) tha nghe thật xuôi tai mà rất hợp nghĩa. Thừa tướng nước Thực đời Tam-quốc xưa chẳng bắt bắt, tha tha những bảy lần bắt, lại bảy lần tha tên Mạnh-Hoạch là gì?

Về mặt chữ đổi, thì dù nghĩa có xuyên-lạc nhưng bằng, trắc thật là được cả, vì mỗi về tuy gọi là mười chữ mà những là nhắc đi, nhắc lại, chờ thực chỉ có bốn chữ mà thôi.

129. — TÚ THỜI — NGẠN LIÊU

Tú thời, bát tiết | Ngạn liêu, đài bồ
canh chung thủy. | dục diêm trang.

Hai câu này là câu hàng thịt lợn dán ở trước cửa nhà về dịp Tết.

Về trên ý nói: quanh năm, lúc nào cũng có bát tiết canh. — Về dưới ý nói: ngạn liễu, có đói bồ dục tò điểm đẹp đẽ.

Hai câu này lấy về mặt nôm, thì ý nghĩa như thế. Nhưng lấy về mặt chữ Hán, thì cái nghĩa lại khác hẳn. Vì hai câu này vừa là nôm mà lại vừa là chữ. Ấy mới oái-oăm mà tài tình, ấy mới lả lung mà thú vị.

Quả vậy, hai câu ấy viết ra chữ Hán, thì là:
 四 時 八 節 更 岸 柳 堆 蒲 欲
 Tứ thời, bát tiết, canh Ngạn liễu, đói bồ, dục
 終 始 點 糊
 chung thủy, điểm trang,

Và nghĩa là: về trên = bốn mùa, tám tiết đắp-dỗi sau trước; trong một năm có bốn mùa (tứ thời) và tám tiết (bát tiết) (lập xuân, lập hạ, lập thu, lập đông, xuân phân, hạ chí, thu phân và đông chí), bốn mùa, tám tiết ấy cứ đi luôn theo nhau, rồi lại quay trở lại (chung nhị phục thủy). — Về dưới = cây liễu ở bờ sông (ngạn liễu), cỏ bồ mọc ở đồng đất (đói bồ) muôn trang điểm (cho Tạo-hóa). Hai câu giải ra như thế thực rõ ra tả cái cảnh Tết, tòng ý câu trên nói năm mới, năm cũ đắp-dỗi, tòng ý câu dưới nói tiết xuân đậm ấm, liễu, bồ tươi-tốt.

Nên nhận: cách tiều đối hai chữ *tứ thời* đối với hai chữ *bát tiết*, hai chữ *ngạn liễu* đối với hai chữ *đói bồ*.

NỬA NÔM NỬA CHỮ

130. — CON CHIM ĐÁ — CON CÁ ÚC

Con chim đa mà đỗ | *Con cá úc mà năm*
cành đa, cất tiếng gáy: | *luồng úc, vẩy vẩy lên*
 « *đa đa ích thiện* » 多 | « *úc úc hổ văn* » 郁
 多 益 善 . 郁 平 文

Chim đa tức còn gọi là gà gô. — *Cá úc*: một loài cá bè giống cá nheo và to hơn. — *Luồng úc*: chúng tôi chưa tra được nghĩa là gì. — *Đa đa ích thiện*: bốn chữ này lấy ở sách Hán Cao-tô khi nói truyện dùng binh, Hán-Tín hỏi Hán Cao-tô, bấy giờ còn là Lưu-bang, thì Hán Cao-tô nói rằng: chỉ « *thiện trong tướng* » nghĩa là khéo dùng được tướng. Khi Hán Cao-tô hỏi lại Hán-Tín, thì Hán-Tín nói rằng: « *Đa đa ích thiện* » nghĩa là dùng binh càng nhiều lại càng hay. Vì câu ấy mà Hán Cao-tô sinh ra bụng hiềm Hán-Tín, sau đến giết chết Hán-Tín. Ta bảy giờ muốn cầu cái gì nhiều, càng nhiều được bao nhiêu cho là càng hay bấy nhiêu, thường hay dùng đến bốn chữ ấy. — *Úc úc hổ văn*: bốn chữ này lấy ở sách *Luân-nữ* nghĩa là rực-rỡ văn vẻ và có ý nói nhà Chu so với nhà Hạ, nhà Thương thì văn nhiều hơn chất. — Cả hai câu ý nghĩa không có gì là lỗi-lạc, chỉ khéo được cái chữ dùng, câu trên nói *chim đa*, *cành đa* lại hạ được hai chữ *đa đa* lấy ở « *đa đa ích thiện* » trong sách ra; — câu

dưới nói cá úc, luống úc, lại cũng hạ được hai chữ úc úc, lấy ở « úc úc hổ văn » cũng tự sách ra. Đối đáp được đủ lối như thế cho là hay.

131. — KHÁCH-KHÚA — TRAI-CHAY

Người ta kể rằng, lúc cụ Nguyễn-công-Trứ còn đang đi học, cụ nghe nói ở một chùa kia, có nhà sư cay là hay chữ, ra dáng khinh-rẻ học trò, thường làm câu đối mai-mỉa bọn nhà nho. Một hôm cụ đến chùa chơi, mũi không chịu về, rồi lán-la xuống cả bếp. Nhà sư thấy vậy, có ý tức mình, mới đọc một câu rằng:

« Khách-khúa kề chi ông núc bếp »

Cụ liền đọc đáp lại rằng:

« Trai chay nào đó vại cà-sư. »

Nhà sư giận quá, trỏ lén chùa, đọc câu nữa rằng:

« Xin chứng minh cho, Nam-vô A-di-dà Phật »

Cụ lại đọc đáp luôn rằng:

« Có giám-sát đó, Đóng-trù tư-mệnh Táo-quân »

Hai câu trên Câu của nhà sư có ý nói khách là dáng để người ta quý, mà lại vào bếp nhà người ta, thi hạng khách ấy có vào đâu, có kề chi. Ông núc bếp. — Núc: tiếng Đàng-Trong, tức ngoài ta gọi là ông dò rau. Nói bếp núc đúng hơn là bếp nước. — Câu của cụ Trứ có ý nói: chỉ có một cái vại cà đẩy thì đã gọi là trai giới sao được. Tiếng nôm

chay của ta là đọc tránh ở chữ *trai* 齋 mà ra. Vại: đồ làm bằng đất nung dùng để đựng gạo, nước hay muối cà, muối dưa. Chữ *vại* tiếng Nghệ Tĩnh đâu còn cùng một nghĩa như chữ *vãi* chỉ người đàn bà ở trong-nom giúp các việc trong chùa. — Cà: thứ quả muối để ăn với canh, cà còn nghĩa là sinh sự châm trọc. Nên ba chữ *vại cà sư* của cụ Thượng còn có ý cho là *vãi sư* còn như muốn *cà* nhau, thì sao gọi là trai giới được.

Hai câu dưới. Câu của nhà sư có ý nói: Cúi lay đức Phật A-di-dà chứng-minh cho. *Chứng-minh*: biết rõ cho. — *Nam mô*: 南無 tiếng đọc ở âm chữ

Phan ra và nghĩa như là chào, lay. A-di-dà Phật

陀 佛 阿彌 德 菩 提 A-di-dà. (Amida Amitābha)

— Câu của cụ Trứ có ý nói: Xin vua Bếp soi xét cho.

Giám sát: giám: xoi sát: xét. — *Đóng trù tư mệnh*

Táo-quân 東厨司命竈君 *Đóng trù*: bếp bên đông,

Tư mệnh: giữ việc, *Táo quân*: vua Bếp, xua nay

các nhà thường dùng cả sáu chữ ấy để thờ vua Bếp.

Kề về mặt đối thì hai câu trên, để chỉ được bốn chữ khiên tự nào đó đối với *kề chi* là rắn giỏi, hai chữ *trai chay* đặt ra để đối với hai chữ *khách-khúa* hơi ép, nhưng nghe cũng được.

Còn hai câu dưới thi: *giám-sát* đối với *chứng-minh* được, *Đóng* đối với *Nam*, trong kinh tuy đọc là *Na* 那 nhưng vẫn viết là *Nam* 南, *quân* đối với *Phật* cũng chính.

132. — BỮA SÁNG — NĂM XUẨN

Bữa sáng ăn, bữa trưa ăn, bữa tối lại ăn, ăn no bất ly Táo-quân nhất thốn.

Năm xưa tết, năm ngoại tết, năm nay lại tết, tết mai sống cùng thê tử bách niên.

Sáu chữ dưới vẽ ra « *bất ly Táo-quân nhất thốn* » là chữ Hán: 不 離 窮 君 一 寸 và nghĩa là không lia Vua Bếp một tấc.

Về đố, sáu chữ dưới lại chỉ có bốn chữ cuối « *thê tử bách niên* » 妻 子 百 年 nghĩa là vợ con trăm năm là chữ Hán mà thôi. Kè còn mấy chữ Tết là danh từ đối với mấy chữ ăn là *động-tử* cũng không được cản lầm.

133. — NGƯỜI NUỐC NAM — NHÀ HƯỚNG BẮC

Người nước Nam, hỏi tiếng Tây, chẳng biết tiếng Tây, hỏi tiếng Tàu chẳng biết tiếng Tàu, cho nên phải « minh tiên vương chi đạo, dĩ đạo ».

Hai câu này là của cụ Nguyễn-Khuyển làm để dán chõ cụ ngồi dạy học.

Phần chữ nôm trong hai câu, ý tuy sâu xa, nhưng chữ thật giản-dị, khiến ai đọc cũng phải hiểu. Còn

Nhà hướng Bắc, người chưa rét, thì mình đã rét, người chưa bức, thì mình đã bức, mới gọi là « tiên thiên-hạ chi ưu, nhi ưu ».

phần chữ-Hán ở cuối câu là dẫn chữ sách ra, và đại ý như thế này: Câu « *mính tiên vương chi đạo* » 明先王之道 là chữ sách Mạnh-tử, thầy Mạnh có ý nói đem cái đạo của các đế vương (tức là chỉ Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ) ra mà làm cho sáng tỏ. Hai chữ « *dĩ đạo* » 以道 là cụ Nguyễn-Khuyển thêm vào, có ý nói đem cái việc kè ở câu trên ra mà dạy bảo người ta. — Còn câu: « *tiên thiên-hạ chi ưu nhi ưu* » 先天下之憂而憂 là câu cửa ông Phạm-trọng-Yêm đời Tống có ý nói: trước khi thiên hạ lo, mình đã lo rồi. Lọn câu của cụ Phạm, thì còn một nửa dưới nữa là *hậu thiên-hạ chi lạc nhi lạc* » 後天下之樂而樂 nghĩa là sau khi thiên hạ vui, mình mới vui.

Cụ Nguyễn-Khuyển dùng hai câu này dán nhà học, là cụ bầy tỏ cái chí của cụ như muốn đem cương-thường đạo lý của Thánh hiền xưa mà dẫn dụ đàn em, đem lòng đại độ bác ái của một nhà nhân-tử đạo-đức mà thực-hành với thiên hạ.

Cụ nếu quả là một người được như thế, thi dù cụ chẳng biết tiếng Tây, tiếng Tàu, dù cụ ở nhà chóng rét, chóng bức mà hồ dã ai bằng được cụ?

Còn chữ đối, thi phải chữ *hỏi* đối với *người*, *chưa* đối với *tiếng*, không được chỉnh. Nhưng được những chữ như: Bắc đối với Nam, mới gọi là đối với cho nên phải nghe được; lại được cả cái hơi đi rất mạnh không có gì gọi lại chắp nhặt hàn nối không xuôi cả

134. — NỤC CUỒI THAY — THÚ TRUYỀN NHỎ

Nục cuồi thay! Đì thi
năm, sáu khoa, dạy
học chín, mười thu, kỷ
vị thành, nhân vị thành
kỷ sáng, tân văn,
thêm rỗi bét.

Thu: đây tức là năm, lấy mùa đê chỉ năm. — **Kỷ vị thành, nhân vị thành, kỷ sáng tân văn** 己未成, 人未成, 奇創新聞 = Mình chưa làm nên gì, mình chưa làm được gì cho ai, những điều dựng nên lả, những việc tai nghe mới. — **Ngưỡng bát túc, phủ bát túc chí tình chán lạc** 仰不足, 俯不足, 至情真樂: Ngửa lên không đủ, cúi xuống không đủ tình chí thám, vui chán thật.

Đôi câu đối này là của một nhà nho, lao-dảo trường ốc làm đê tự thân.

Về trên nói chính thân minh, thì than là đi thi
năm, sáu khoa nghĩa là mười lăm, mười tám năm giờ,
dạy học chín, mười thu, nghĩa là xoay tám nghẽ
gõ đầu trẻ đã chín mươi năm, mình chưa lập
kỷ nghĩa là mình chưa làm nên được việc
gi cho chính mình, mình lại chưa lập nhân,
thành nhân nghĩa là mình chưa làm nên cho ai
được việc gì, mà trong khi ấy, mình lại mất trông
thấy bao nhiêu việc đặt ra mới lạ (**kỷ sáng**: **kỷ**:
lạ, **sáng**: là dựng, sáng tạo, sáng tác) tai nghe thấy

Thú truyền nhỉ! Cha già
bảy, tám mươi, con tho
năm, sáu đứa, ngưỡng
bát túc, phủ bát túc,
chí tình, chán lạc
những mừng suông.

bao nhiêu việc mới-mẻ xưa nay chưa từng nghe
thấy bao giờ (tàn văn) nó làm cho mình bụng rỗi
lên như mối bòng-bong.

Về dưới nói đến cha mẹ con cái, thì than rằng:
cha già đã bảy, tám mươi tuổi, con tho những năm,
sáu đứa, ngưởng lên thi chưa có gì gọi là đê đủ thờ
cha mẹ, cúi xuống thi chưa lấy gì gọi là đê đủ
nuôi được vợ con, cái tình sâu đối với cha mẹ, cái
vui thực đối với vợ con, rút lại chẳng có gì là cái
vui thú chốn gia đình, dù có vui chẳng nữa, cũng
chỉ là vui suông, vui vậy mà thôi.

Hai câu này không có gì là hứng thú, nhưng than
thân mà nghĩ đến mình và gia đình nhà mình như
thế, cũng là chân tình đáng ái ngại vậy.

135. — CỨU NHÂN — KHUYẾN THIỆN

Ở một cảnh chùa, nhân dịp Tết, sư cù vốn người
hay chữ, dán ở hai cột trước tam-quan một đôi câu
đối, mỗi vế bốn chữ rằng:

Cứu nhân, độ	Khuyến thiện, trừng
thế 救人度世	dâm, 勸善徵淫

Ông Hoàng-phan-Thái thấy thế, đợi đêm khuya,
lần vào, viết nối thêm mỗi bên một câu như sau này:

Cứu nhân, độ	Khuyến thiện, trừng
thế, của ai vay, mất	dâm, con đâu đê tháng
một, đền mười.	tư, mồng tám.

Câu « Cứu nhân độ thế » của nhà sư có ý nói đạo Phật cốt là cứu người, và độ cho đời. Ông Thái thêm câu: « Của ai vay mất một đèn mươi » là dẫn câu tục-ngữ có ý hỏi ngược lại: But đã gọi là cứu nhân độ thế, sao lại còn có câu « của But mất một đèn mươi »?

Còn câu « Khuyến thiện trùng dâm » của nhà sư có ý nói đạo Phật cốt khuyên điều lành, dấn điều dâm. Ông Thái thêm câu: « Con đâu để tháng tư mồng tam » là dẫn chính điểm nhà Phật, có ý hỏi Phật đã khuyến thiện, trùng dâm, thì sao lại có người sinh ra Phật vào ngày mồng tam tháng tư?

Cứ kể hai câu của ông Thái thêm vào hai câu của nhà sư không lấy gì làm tuyệt cú. Lại phải chữ đầu đối với chữ ai, chữ tháng, mồng, đối với chữ mất, đèn không được cân lăm. Nhưng được cái hoi đì thật mạnh, và được cái ý trái hẳn với cái ý của nhà sư, mà chính là cái ý ông muốn trêu sur vậy.

136. — ĐỘI ƠN — NHỜ ĐẠO

Đội ơn Vua, bỗng bốn mươi quan, sách có chữ: « Hữu thời vị bần » khéo ăn thi no, khéo co thi ấm.

Bỗng : tiền lương của người làm việc quan. — Hữu thời vị bần bốn chữ này lấy ở câu: « Sĩ già, hữu

Nhờ đạo Thánh, biết năm ba chữ, truyện văn bảo: « Hối nhân bất quyên » ai hỏi thi no, ai gọi thi thưa.

nói, ai gọi thi thưa.

thời hồ vị bần », 仕也, 有時乎爲貧 trong sách Mạnh-tử và nghĩa là: làm quan vậy, có khi chỉ vì nghèo. Cắt cho rộng ra, thì là, người ra làm quan có phải là vì ý thích như thế cả đâu, có khi chỉ vì nghèo mà ép phải ra làm cho có miếng ăn thôi. — Khéo ăn thi no, khéo co thi ấm : câu tục-ngữ chủ nói về sự khéo thu xếp, định-liệu mà được đủ ăn tiêu. — Thánh : dày ám chỉ đức Khổng, Mạnh. — Truyền : tiếng chỉ gồm bốn tập sách gọi là tú-thư: Đại-học, Trung-dung, Luận-ngữ, Mạnh-tử, trái lại với ngũ-kinh là Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân-thu. Lối khoa-cử ta xưa, chỉ chuyên học có tú-thư, ngũ-kinh, nên thường gọi là kinh truyền. — Hối nhân bất quyên : chữ lấy trong sách Luận-ngữ, lần cả câu là: Học nhi bất yếm, hối nhân bất quyên, hà hữu u ngã tai 學而不厭, 諒人不倦, 何有於我 và nghĩa là: Học mà không lấy làm chán, dạy người mà không lày làm mỏi mệt, thì ta có đâu được điều ấy. Câu này là đức Khổng bẩn ý muốn nói việc minh học, việc dạy người, bắn tâm ngài cầu như thế, nhưng ngài lại nói khiêm rằng ngài chưa được thế. — Ai hỏi thi no, ai gọi thi thưa : câu tục-ngữ chủ ý nói đợi người ta có cần minh mà gọi, hỏi đến, thì mình hãy nói thưa, chờ không thì tự mình không được hấp-táp lanh-chanh nói càn.

Đôi câu đối này nghe như cái giọng của một nhà giáo, nhà huấn gi làm. Cứ xem về trên nói tuy là làm quan, nhưng thật không thiết gi làm

quan, tuy lương hổng ít nhưng thời khéo xoay, thì cũng túc dụng, và về dưới nói : là người học-hành chữ nghĩa chỉ chuyên nghề dạy bảo người ta và thuận chiều đời, chứ không ganh chơi đời, thi đủ biết.

Chữ đổi, thi hoặc chỉ phải : *chữ đổi với bão*, *khéo đổi với ai*, cản nặng nhẹ không xứng lầm. Nhưng được : *ơn đổi với đạo*, *Vua đổi với Thánh*, *sách đổi với truyện*, chữ Hán dẫn vào câu cũng đổi với chữ Hán, tuc-ngữ cùng đổi với tuc-ngữ, thế là khéo và dung công nhiều lắm vậy.

TRIẾT — TỰ

137. — THẮNG QUỈ — CON MỘC

Người ta nói xưa Trạng-Quỳnh cứ ngày ngày đến ngấp-nghé nhà bà Thị-Điềm, định tròng ghẹo bà.

Cụ Bảng thản-sinh bà thấy vậy, một hôm cho người bắt vào, rồi ra câu đổi bắt đổi.

Câu rằng :

Thắng quỉ ôm cái đầu, đứng cửa khôi-nguyên.

Trạng liền đổi rằng :

Con mộc dựa cây bàng, dòm nhà Bảng-nhân.

Khôi-nguyên 魁元: người đỗ đầu. Về cụ Bảng ra chỉ khó ở chữ *khôi* 魁, vì chữ khôi tách ra, thi một bên chữ *quỉ* 鬼, một bên chữ *dầu* 斗 mà trong câu có cả chữ *quỉ*, chữ *dầu* và chữ *khôi*.

Bảng-nhân 榜眼: bậc đỗ dưới Trạng-nguyên. Vẽ trạng đổi tài, là vì có chữ *bảng 榜* mà chữ bảng tách ra một bên chữ *mộc 木*, một bên chữ *bàng 旁*, mà trong cũng có đủ cả ba chữ *mộc*, chữ *bảng*, và chữ *bảng*.

Ý-tưởng hai câu này không có gì là cao xa. Cụ bảng thì như ý mắng trạng là thắng quỉ sao dám sừng-sừng đứng trước cửa nhà ta là bậc đỗ cao. Còn trạng thì chỉ nói tôi như con ma mộc (ma ở gỗ) đứng dựa cây bàng mà dòm vào nhà cụ Bảng.

Chữ nào đổi cũng được cân. *Dựa đổi với ôm*, *dòm nhà đổi với đứng cửa* nghe được lắm.

138. — TỰ LÀ CHỮ — VU LÀ CHUNG

Nguyễn-Hiền mới 12 tuổi đã đỗ trạng. Vua thấy bé không dùng, cho vẽ ba năm để học lễ phép. Sau vì có sứ Tàu sang đưa bài thơ, cả triều không ai giải được, lại phải sai sứ đi triệu Nguyễn-Hiền.

Lúc sứ-giả đến làng ông, là làng Hạ-dương (Nam-định) gặp ở nhà hàng một đứa trẻ mặt mũi sáng sủa, sứ giả hỏi. Đứa trẻ không thèm đáp.

Sứ mới đọc một câu hỏi rằng :

« Tự » 字 là chữ, cắt giáng đầu, chữ « tử » 子 là con, con ai con ấy ?

Đứa bé liền ứng khẩu cũng hỏi lại rằng :

« Vu » 子 là chung, bỏ ngang lưng, chữ « đinh » 丁 là đứa, đứa nào đứa này ?

Sứ-giả không biết đưa trẻ mặt mũi sáng sủa ở nhà hàng ấy chính là Nguyễn-Hiền vậy.

Hai câu trên này cũng là hai câu hỏi mà cũng hay cả. Câu của sứ-giả thì có ý khinh là bé con, mà câu của Nguyễn-Hiền thì có ý chống chọi mạnh mà lại khinh hơn. *Đưa* đối với *con* nghe có lực lắm, *cắt* đối với *bỏ*, *lung* đối với *đầu*, *này* đối với *ấy* thật là chỉnh,

139. — GIAI HỌ VƯƠNG — GÁI HỌ BẠCH

Xưa Vương-Toán nhà rất nghèo, nhưng học cực giỏi, thân đã hèn, lại muốn chòi mồi với quan, bắt mẹ đi hỏi cho được cô con gái quan đô-úy họ Bạch tên Lạc.

Quan đô-úy thấy truyện lạ, cho gọi Vương-Toán đến để thử tài, quan ra cho về câu đối rằng:

**Giai họ Vương, đầu đội nón trúc, tuổi hai
mươi, hà túc toán giã.**

Vương-Toán liền ứng khẩu đối rằng:

**Gái họ Bạch, lung thắt dây tơ, tuổi mươi
tám, bắt diệc lạc hồ.**

Về trên là lấy chữ Toán, tách ra mà đặt thành câu, chữ Toán 算 trên có trúc đầu 竹, giữa là chữ vương 王, nghĩa là vua, dưới là chữ chấp 扌 nghĩa là hai mươi (hai chữ thập 十 hợp một,) Bốn chữ « *Hà túc toán giã* » 何足算也 là chữ trong Luận-ngữ, và nghĩa là sao đủ kẽm vậy, và cả đoạn nói

người cứ khăng-khăng chấp nhất là người khi cục nhỏ mọn. (Đầu sao chi nhận hà túc toán giã = 斗筲之人何足算也.)

Về dưới cũng là tách chữ Lạc ra mà đổi lại. Chữ Lạc 樂 giữa có chữ bạch 白, hai bên chữ bạch có hai chữ ti 弟 nghĩa là tơ, dưới có chữ thập 十 là mươi và chữ bát 八 là tám. (chính là chûmoc 木 tách ra) bốn chữ « *Bắt diệc lạc hồ* » cũng là chữ lấy trong Luận-ngữ và nghĩa là chẳng cũng vui vậy.— Cả đoạn nói học mà lúc nào cũng được tập luôn thê là vui. Học nhì thời tập chi bắt diệc lạc hồ = 學而時習之不亦樂乎.

140. — CHỮ ĐẠI — CHỮ BÌ

Một ông quan có người con gái đẹp kén chồng. Cơ anh học-trò nhà nghèo, nhưng hay chữ, sang hỏi.

Ông quan muốn thử tài, bảo ra cho một câu đối, nếu đối ngay được, thì ông bằng lòng gả.

Câu rằng:

**Chữ Đại 大 là cả, bỏ một nét ngang, chữ Nhân 人 là người, chớ thấy người sang bắt
quàng làm họ.**

Ông quan ra câu này có ý lèn mặt là quan to, là « *đại-nhân* » mà bỉ một kẻ học-trò đã nghèo khổ lại không biết phận, chực những đũa mốc chòi mâm son để nhận người sang làm họ của mình.

Cái giọng ông quan khinh người thực!

Người học-trò liền đọc ngay câu đối lại rằng:

Chữ Bì 皮 là da, thêm ba chấm thủy, chữ Ba 波 là sóng, chờ thấy sóng cả, mà ngã tay chèo.

Người học trò đối câu này là có ý nói ta đây hiện tuy chỉ là một đứa bạch-định, một kẻ bần-sĩ nhưng phong vân gấp hội, đứa tài đua súc, ta đã há sọ gi ai. Cái văn học-trò khỉ-khai lầm!

Câu ra đã hay, vì phần trên là một chữ Hán tách thành chữ khác mà hai chữ nghĩa liền, dưới lại dẫn được một câu tục-ngữ như muốn quở người nghèo hèn rất có nhẽ.

Câu đổi cũng hay vì trên cũng tìm được chữ Hán, nhưng chữ Hán sau chấp lại thành chữ khác, dưới cũng tìm được câu tục-ngữ như tỏ rõ cái tiền đồ của mình còn dài, biết đâu chẳng có ngày rồi cũng được sang bẳng ai, hay hơn ai. Lại được cái âm ba, da đi theo nhau, câu đọc lên nghe giờ lầm..

141. — DI QUA — KHỈ CHẠY

移 Di qua ngọn lúa, 爭 Khi chạy đầu non, dời chân nhảy - nhót há miệng lắn-nhăn ăn đậu cành da. quả đậu.

Hai câu này cốt ở hai chữ Hán ở đầu câu. Chữ di 移 vốn nghĩa là dời một bên có chữ hỏa 禾 nghĩa là lúa, một bên có chữ đa 多 nghĩa là nhiều. Tách chữ di ra mà đặt câu nói chim di qua ngọn lúa bên này (qua chữ hỏa) mà (dời nghĩa chữ di)

chân nhảy-nhót sang đậu cành da bên kia (sang chữ đa).

Chữ khỉ thường khi còn đọc là khởi 豐 vốn nghĩa là há (nghĩa chữ khởi) trên có chữ sơn 山 là núi, dưới có chữ đậu 豆 chỉ một cốc-loại. Tách chữ khỉ ra mà đặt câu nói con khỉ chạy trên đậu non (chữ sơn trên) hù miệng ra mà ăn quả đậu (chữ đậu dưới).

Hai chữ di chữ khỉ đổi chơi với nhau được cả chữ Hán, được cả nghĩa chữ Hán, được cả các phần trong chữ như thế thật là khéo vậy. Cả bao nhiêu chữ trong câu như: qua đổi với chạy, đầu đổi với non, chân đổi với miệng, cành đổi với quả thật là vừa chơi nhau, hợp nghĩa, vừa lại theo đúng cả bằng, trắc nữa.

142. — BA SĨ — MỘT BÁCH

Ba sĩ 士 ngồi một kỷ Một bách 百 sách hai cung 几, đội đức đế Nghiêu 姀弓 đáng tài phụ bật 猬

Chữ nghiêu 姀 viết ba chữ sĩ 士 trên một chữ kỷ 几. Chữ bật 猬 viết chữ bách 百 ở giữa, hai bên hai chữ cung 弓. Một chữ nghiêu chia tách ra mà đối với một chữ bật cũng chia tách ra được như thế là khéo.

Khéo nữa là chữ Nghiêu chẽm-chệ như ba ông quan (ba chữ sĩ) ngồi trên một ghế, (chữ kỷ), rõ ra cái vẻ bậc đế vương có đức đáng tôn kính lắm.—

Còn chữ *bát* như một người sức khỏe bằng trăm người (chữ bách) hai vai xách hai cái cung, rõ ra quan tướng võ dũng tài giúp được bậc đế vương. (Phụ bát nghĩa đen là giúp giáp).

Những chữ đậm trong câu như: *xách* đối với *ngồi*, *đối* *đứng* đối với *đáng* *tài* dùng khiếu cho nên văn nền vè, thế cũng là khéo nữa vậy.

III. — CÂU ĐỐI CHỮ HÁN

TRIẾT — TỰ

143. — BÁT ĐAO — THIỀN LÝ

Một cô tiểu-thư con quan Tướng-công họ Bùi kén chồng. Tại chỗ phòng xem sách, cô có dán một vè câu đối rằng :

Bát dao phân mě phán

八 刀 分 米 粉

Câu đối ra như thế, là vì tên tiểu-thư là *Phán* 粉 mà chữ *phán* 粉 phải đệm chữ *phân* 分 vào chữ *mě* 米 thi mới thành. Chính chữ *phán* 分 lại vốn là hai chữ *bát* 八 và chữ *đao* 刀.

Đã lâu, văn-nhan tài-tử không ai đối được cả.

Sau ông Dương-đình-Chung (tức là Trạng Lợn) đến đối rằng :

Thiên lý trọng kim chung

千 里 重 金 鍾

Chữ *chung* 鐘 chính là tên ông ấy, mà trong chữ *chung* có chữ *kim* 金 và chữ *trọng* 重. Chính chữ *trọng* lại vốn là hai chữ *thiên* 天 và chữ *lý* 里 hợp thành.

Về mặt ý-nghĩa, thì vè trên rõ nghĩa là : « *Tám con dao chia cái bánh bột gạo* », còn vè dưới nghĩa là « *Nghìn dặm nặng chuông vàng* » thì khí mập-mờ, không hay. Ông Chung muốn nói đi nghìn dặm khó nhọc nặng nề như vác cái chuông vàng, hay vừa đi nghìn dặm, vừa vác cái chuông vàng ?

144. — AN NỮ — TÙ NHÂN

Khi ông Mạc-đinh-Chi sang sứ Tàu, người Tàu có ra cho đôi câu đối rằng :

« An, nữ khứ, thí nhập vi gia »

安 女 去 家 入 爲 家

Ông liền đổi lại rằng :

« Tù, nhân xuất, vương lai thành quốc »

囚 人 出 王 來 成 國

Câu của người Tàu ra giải nghĩa là: Chữ *An* 安 bỏ chữ *nữ* 女 là con gái đi (khứ), cho chữ *thí* 家 là con lợn vào (nhập), thi làm (vi) ra chữ *gia* 家 là nhà, Bỏ một người con gái ra lấy một con heo thay vào mà gác lên một nhà. Con heo đứng làm chủ! Cái nhà sao quý thế! Người Tàu có ý khinh bỉ sứ-thần của nước Nam chẳng?

Nhưng dù có thể, sứ-thần nước Nam nào có chịu.
 Câu của sứ-thần giải nghĩa là: Chữ *tù 囚* bỏ chữ *nhân 人* là người ra, đem chữ *vương 王* là vua lại, thì thành ra chữ *quốc 国* (1) là nước. Bỏ một thằng tù tội ra, đem một đứng vua lại mà dựng lên một nước. Vua cướp ngôi của một tên tù? Cái nước thế mới trọng!

Cái tài của ông Mạc đã đủ đối đáp được với cái thiêm của Thượng-quốc chưa?

Câu của ông hay thực, có phần hay hơn câu ra. Hai chữ *tù-nhân* cho dì với nhau có nghĩa hơn hai chữ *an-nữ*. Tim được chữ *xuất* đổi với chữ *khứ*, chữ *lai* đổi với chữ *nhập*, nhất là chữ *quốc* đổi với chữ *gia*, thật là phi bắc thiên tài, thì không sao tìm ra được.

145. — LỊ VI — CẦM SẮT

<i>Lị, vị, vōng, lưỡng, tú</i>	<i>Cầm, sắt, ti, bà, bát</i>
魅 魅 虬 魁 四	琴 瑟 琵 琶 八
<i>tiểu quỷ</i>	<i>đại vương</i>
小 鬼	大 王

Câu trên là của người Tàu ra, nhất bốn chữ *lị, vị, vōng, lưỡng*, trong có bốn chữ *quỷ 鬼* chỉ tên bốn thứ quỷ mà kết rằng bốn con quỷ nhỏ (tú tiểu quỷ).

(1) Chữ *quốc* viết 國 như thế là viết đơn. Quốc viết đơn nét là 國. Ngoài nước Tàu từ độ cách-mệnh đến giờ viết chữ *quốc* lại bỏ chữ *vương* đi mà viết chữ *民* thay vào 國 lấy ý rằng nước không phải là của vua, nhưng của dân, dân quốc công-hòa chính-thế vậy.

Câu dưới là của ông Mạc-đinh-Chi đổi lại. Ông lấy bốn chữ *cầm, sắt, ti, bà* trong có tám chữ *vương 王*, chỉ tên bốn thứ đàn, mà kết rằng tám ông vua nhơn.

Câu ra không có nghĩa lý gì sâu-xa, chỉ cốt ghép chữ lại cho thành câu. Nên câu đổi cũng vậy, không có ý từ gi lả-lùng, cũng chỉ nhặt cho đủ chữ đáp lại mà thôi. Nhưng muốn cho tim ra mấy chữ ấy, rồi lại làm thành câu ứng khẩu đổi ngay được thực cũng là tài tình không mấy người kịp được Trạng họ Mạc.

146. — THẬP KHẨU — THỐN THÀN

Người ta nói xưa có một ông quan, không rõ là ông nào, sang sứ Tàu đã lâu không được về nước.

Một hôm, các quan Tàu thấy ông ra dáng buồn-bực, mới ra cho ông một đôi câu đổi rằng:

Thập khẩu tâm tư, tư quốc, tư gia, tư phụ mẫu.
十 口 心 思 思 國 思 家 思 父 母

Ông quan liền đọc ứng khẩu đáp ngay rằng:

Thốn thân ngôn tạ, tạ thiên, tạ địa, tạ quân vương.
寸 身 言 謝 謝 天 謝 地 謝 君 王

Nghe đâu vì đôi câu đổi này, các quan Tàu tâu lại với vua Tàu, mà ông quan kia được phép về nước ngay.

Câu của quan Tàu ra nghĩa thẳng là : Mười miệng, bụng nghĩ, nghĩ nước, nghĩ nhà, nghĩ cha mẹ. Trong câu có bốn chữ *tư* 思, mà chữ *tư* 思 là chữ *thập* 十 (mười) chữ *khẩu* 口 (miệng) với chữ *tâm* 心 (bung) hợp lại mà thành.

Câu của quan An-nam đổi nghĩa thẳng là : Tác thân nói ta, ta giỏi, ta đất, ta đứng quân-vương. Trong câu có bốn chữ ta, mà chữ *ta* 謝 là chữ *Ngón* 言 (nói), chữ *thân* 身 (mình) và chữ *thốn* 尺 (tắc), hợp lại mà thành.

LINH — TINH

147. — TỬ NĂNG — THẦN KHẢ

Tử năng thừa phu	Thần khả báo quân
子能承父	臣可報君
nghịệp.	án.

Đôi câu đối này là của chính vua Tự-Đức làm, treo tại cung điện nhà vua, mà xưa nay các quan ai cũng tấm-tắc khen là hay. Hai câu nghĩa thẳng là — Câu trên : *Con hay nối nghiệp cha*; câu dưới : *Bằng tôi báo ơn vua*.

Người ta nói, một hôm, ông Cao-bá-Quát cầm bút đè vào bên cạnh, mấy chữ rằng : « Hảo hè! hảo hè ! phu, tử, quân, thần điện đảo » 好兮好兮父子

君臣顛倒 nghĩa là : Tốt vậy ! Tốt vậy ! cha con vua tôi lộn ngược ».

Vua Tự-Đức biết, cho gọi ông Quát vào, bắt chừa.

Ông liền cầm bút, không viết thêm chữ gì, chỉ ngoặc mỗi câu có một cái, rồi đem câu nọ sang câu bên kia. Hai câu thành đôi ra rằng :

Quân ân thắn khâ	Phụ nghiệp tử năng
君恩臣可	父業子能
báo	thùra
報	承

Đôi nhir thế này, cứ theo nghĩa nôm : *Ôn vua, bầy tôi khá báo ; Nghịệp cha, con hay noi*, thì nghe không thuận bằng câu của vua Tự-Đức, vì tiếng làm cho lộn nghĩa (complément) *on* và *nghệp* đem lên trên. Nhưng kể về chữ Hán, thì hai câu đối ra như thế, thật là rắn-giỏi, mạnh mẽ hơn nhiều. Lại đổi vế trên xuống làm vế dưới, vế dưới đưa làm vế trên, chữ *quân* đem lên trước chữ *thần*, chữ *phụ* đem lên trước chữ *tử*, thế cho là thuận cảnh : *quân trước phụ sau, nói quân rồi mới nói thần, nói phụ rồi mới nói tử*, cái trật-tự trong tam cương, ông Quát thật khéo giữ, khéo giữ đến cả trong đôi câu đối năm chữ (1).

(1) Vua Tự-Đức có câu rằng :

Văn như Siêu, Quát vò tiền Tống. — Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường.

Nên ông chữa lại thế khiến cho vua phải phục cái tài ông, chịu ông là giỏi, nhưng người ta nói cũng vì thế, mà tự đó khiến cho vua có lòng ghen ghét, không ưa được ông nữa.

148. — HOÀNG TRIỀU — TỬ PHỦ

Người ta nói khi ông Cao-bá-Quát đang ngồi huấn-dạo ở huyện Yên-phong (Bắc-ninh) ông có làm một bài câu đối dân ở học-dường rằng:

Hoàng triều Tự-Đức	Tử phủ Yên-Phong
皇朝嗣德	慈府安豐
quân vương thánh	huấn - đạo
君王聖	訓導臣

Về trên giải nghĩa là: Triều vua Tự-Đức là một bực vua thánh.

Về dưới giải nghĩa là: Thủ Tử (Tử-sơn), tôi là một chân Huấn-dạo ở Yên-phong.

Nghĩa thẳng thì thế. Nhưng đây ông Quát có ý nói vua Tự-Đức kẽ là một ông vua sáng suốt như thánh thần, mà sao lại để một người tài giỏi có chí như ông, là ông Quát, giữ một cái chức cỏn-con ở một cái huyện nho-nhỏ như thế! Có nhẽ vì những sự bực-tức ấy mà sau ông Quát mới nổi lên làm những sự quấy rối trong nước chăng?

149. — QUÂN TỬ — THÁNH NHÂN

Khi ông Hà-tôn-Quyền làm Thượng-thư bộ Lại, thì

ông Nguyễn-công-Trú còn làm một chức quan nhỏ. Ông Trú vốn có tính cương-trúc, nên ông Quyền sinh lòng ghen ghét.

Một ông, ông Trú đến hầu ông Quyền, ông Quyền bảo rằng:

« Tôi có ra cho trẻ trong nhà một bài câu đối, mà mãi chúng nó không sao đối được . . .

— Ông Trú hỏi: Bàn câu gì a?

— À câu ấy à? . . . Câu ấy là:

Quân tử ô kỵ nhân chi trú
君子惡其人之著

— Ông Trú gãi đầu nói: Bàn, hay để chúng tôi xin đối thử xem . . . Chúng tôi xin đối với câu:

Thánh nhân bất-dắc-dĩ dụng quyền.

聖人不得已用權

Ông Quyền nghe đối, đỏ mặt tía tai, nói lảng ra truyện khác.

Câu của ông Quyền ra là lấy chữ ở trong sách Trung-dung và nghĩa nôm là: *Người quân-tử ghét cái văn lòe-loet*, nhưng thực ông chỉ cốt ý lấy mấy chữ *Quân-tử ô* và nhất là chữ *Trú*, mà xoay ra cái nghĩa cho là người *quân tử ghét* ông *Trú*.

Nhưng ông Trú nào có phải vừa. Ông Quyền đã gọi hẳn tên ông ấy ra để trêu, thì ông ấy cũng gọi hẳn được tên ông Quyền ra mà chọc lại. Câu của ông cũng là câu lấy ở một bài bàn trong Tứ thứ,

nghĩa thảng tuy nói: *bực thánh-nhân băt-dăc-dĩ mới phải dùng đến quyền*, là *quyền đổi lại với kinh*, cũng như *biến đổi với thường*, nhưng thực cho quyền là ông Quyền họ Hà, hiện bảy giờ nhà vua có dung ông nữa, cũng là *bất-dăc-dĩ mà thôi*, chớ có quí hóa gi.

Băt-dăc-dĩ dụng, bốn chữ ấy đổi với *ở kỳ văn chi*, cho là không cân, nhưng lấy một câu chữ sẵn đổi với một câu cũng chữ sẵn mà đổi đáp với người vừa nhanh, vừa chơi lại như thế, thực là học rộng mà tài-tinh lăm vây.

150. — TÍNH THÈ ĐẢNG — TRUYỀN TỬ TÔN

Người ta kể, có một bác nhà quê làm nhà mới xong, đến xin cụ Nguyễn-Khuyến đổi câu đối về để treo. Cụ bảo: « Anh thi chữ nghĩa gì mà câu đối với câu đó! »

— Bác kia nói: Thưa cụ, con không được học nhiều, nhưng nhờ tò ăm cũng thông chút văn-tự.

— Cụ bảo: Ủ. có phải thông văn-tự, thi ta đọc ngay câu đối cho mà chép. »

Rồi cụ đọc luôn câu rằng:

Tinh thè đảng nhân 并 妻 等 因 vì gia trung 爲 家 中	Truyền tử tôn vĩnh 傳 子 孙 永 vi thế nghiệp 爲 世 業
--	---

và nghĩa là:

Về trên: cùng với vợ, nhân vi trong nhà.

Về dưới: truyền con cháu làm của giữ đời đời.

Mười bốn chữ này đều lấy ở những chữ sáo trong lòng văn-tự, câu trên ở đầu văn-tự, câu dưới ở cuối văn-tự.

Cụ Nguyễn-Khuyến bắt lấy ba chữ *thông văn-tự* của bác nhà quê rồi mượn ngay chữ trong văn tự làm ra câu đối ngay như thế, là tài nhanh lăm. Nhà làm là bảy giờ để vợ chồng ở với nhau, rồi sau để truyền cho con cháu mãi mãi, mừng một cái nhà mới làm xong đến như thế là tuyệt hay, có cái ý trung hậu bền chặt lăm. Nhưng ta mong cho bác nhà quê *thông văn-tự* kia đừng có gặp sự rủi ra mà phải *tả văn-tự* bán nhà, thì không còn hay, còn bền nữa. Ôi! cái lối học chữ Hán xưa chỉ cốt ở cái văn-tự, văn-khế, từ-hàn để làm văn bản cửa nhà, ruộng nương, làm văn kêu cầu khấn vái, thật là nực cười. Cụ Nguyễn làm đổi câu đối này hẳn trong bụng cụ cũng cười thầm cái lối học của nhiều người gọi là *có chữ nghĩa thuở trước*.

Toàn thể hai câu của cụ thật là được. Tựu trung phải chữ *đảng* đổi với chữ *tôn*, chữ *gia trung* đổi với *thế nghiệp* không được cân.

151. — NAM, BẮC — ĐÔNG, TÂY

Khi ông Dương-dinh-Chung (tức là Trạng Lợn) sang sứ Tàu, người Tàu có ra đổi câu đối rằng:

Nam bắc lai chiêu sâm (1) tè-tè.

南 比 来 朝 森 濟 濟

Câu này ý nói các nước phương Nam, phương Bắc lại chầu đông-dúc

Ông liền đáp ngay lại rằng :

Đông tây chí biện đồ hân-hân.

東 西 至 汗 欣 欣

Câu này ý nói người phương Đông, phương Tây đến kinh-dô trông ra vui-vẻ.

Cả hai câu này không có gì là đặc-sắc, nhưng đối đáp được như thế, là nhanh-nhẹn linh-lợi lắm.

Cứ theo truyện Trạng Lợn, thì câu của ông Chung xuất xứ như thế này : Nhân ông trông thấy lũ con gái Tàu săn quần, săn áo xuồng mò cá, ông trỏ tay bảo với phó sứ rằng : « Kia quan lớn xem : nong tay dí bẹn đồ hǎm-hǎm ». Ông phó sứ nghe thế nào mà lại biện ra là : « *Đông tây chí Biện đồ hân-hân* ». — Biện là *Biện-kinh* chỉ kinh-đô đời Tống, mà truyện Trạng Lợn, nếu có thực, thì lại vào đời Minh (?)

152. — NAM-BANG — BẮC-QUỐC

Trong sử sách có chép rằng về đời vua Thuần-tôn nhà Lê, có sứ Tàu sang phong vương. Vua sai

(1) Có bản chép là *da 多* nghĩa là nhiều. Chính chữ *sâm 森* cũng nghĩa là nhiều và đông.

Trạng Quỳnh ra tiếp sứ. Trạng Quỳnh xin lập cái quán ở bên kia sông, rồi triệu Thị Điểm ra làm gái bán hàng. Thị Điểm mặc cái quần lượt mỏng, làm ra bộ lảng-lo có ý trong ghẹo Sứ Tàu.

Sứ Tàu liền đọc bốn một câu rằng :

« Nam bang nhất thốn thỏ, bất tri kỹ nhân canh »

南 邦 一 寸 土 不 知 幾 人 耕

Nghĩa nôm là : *một tấc đất ở nước Nam, chẳng biết mấy người cày*, và ngữ ý chê là không hay một người đàn bà nước Nam chịu đựng được những bao nhiêu đàn ông.

Thị Điểm vừa cười, vừa đọc đổi lại rằng :

« Bắc quốc đại trượng-phu dai do thủ đồ xuất »

北 國 大 丈 夫 皆 由 此 途 出

Nghĩa nôm là : *bao nhiêu đại trượng-phu nước Tàu đều do đường này mà ra cả* và ngữ ý nói chưa rằng các bậc đại trượng-phu Tàu đều do ở đỗ An-nam mà ra cả (1).

Nhanh trí khôn lăm là Thị Điểm, tài tình lăm là câu đối của Thị Điểm ! Ra ngay đấy, đổi liền ngay đấy, tuy là một đôi câu đối tầm thường, nhưng cũng đủ khiến cho người đất Bắc phải thất thần mà kính phục người đất Nam, dù chỉ là một cô con

(1) Trong sách Hán Vũ-đế có câu chử liền : « *Sĩ, đại-phu, dai do thủ đồ xuất* » 士 大 夫 皆 由 此 途 出 nghĩa là : quan sĩ, quan đại-phu, đều ở đường ấy, tức là đường khoa cử mà ra cả.

gái bán hàng nước, mà hay chữ đến bực ấy! Nước Nam ta xưa không dám chơi với Thượng quốc về cái gì cả. Nhưng được một vài đôi câu đối chơi cả ý, chơi cả văn như đôi này, thì cũng gọi là một cách chơi mà chơi hơn người vậy.

153. — QUÁ QUAN — XUẤT ĐỐI

Khi ông Mạc-Đĩnh-Chi sang sứ nhà Nguyễn bên Tàu, ông đã hẹn trước ngày ấy, ngày nọ thì mở cửa ải. Chẳng may gặp phải mưa gió, ông sai hẹn. Người Tàu đóng cửa ải, ông nói sao, họ cũng không mở. Sau ông thấy tự trên ải, ném xuống một đôi câu đối, bảo có đối được, thì mới mở cửa. Câu đối rằng:

« Quá quan trì, quan quan bế, nguyễn quá khách
過 關 遷 關 關 閉 願 過 客
quá quan »
過 關

Ông Đĩnh-Chi liền viết ngay một câu đối lại và đưa lên rằng:

« Xuất đối đê, đối đối nan, thỉnh tiên sinh
出 對 易 對 對 難 請 先 生
tiên đối »
先 對

Người Tàu chịu ông là có tài ứng biến, bèn mở cửa đê ông đi.

Vẽ ra nghĩa là: qua cửa quan chật, cửa quan đóng, xin khách qua đường cù qua.

Vẽ đối nghĩa là: Ra câu đối dễ, đối câu đối khó, xin tiên-sinh đối trước.

Câu người Tàu ra hiềm-hóc là dễ thử tài sú-thần. Trong một câu có mười một chữ, mà chỉ một chữ quan nhắc lại bốn lần, chữ quá nhắc lại ba lần. Câu của ông Chi đối, trong cũng nhắc chữ đối đủ bốn lần và chữ tiên hai lần, mà lại được đủ nghĩa lý minh bạch gọn-gàng, thật là tài học đã cao mà cái chí ứng biến lại nhanh, chẳng đủ khiến cho người Tàu phải kinh phục mà vội-vàng mở cửa ra đón ru!

154. — NHẤT THÂN — THỐN TỊCH

Nhất thân kiêm phụ	Thốn tịch hữu triều
一 身 兼 父	寸 席 有 朝
tử, quân thân nhất	dinh, châu quận, thiên
子 君 臣 一	庭 州 郡 千
lộ công danh đáo	thu sự nghiệp trùng
路 功 名 到	秋 事 業 重
đê	kha i
底	開

Hai câu này là của cụ Nguyễn-Khuyển làm dán tại một rap hát tuồng.

Vẽ trên nghĩa thẳng là: Một mình kiêm cả cha, con, vua, tôi, một đường công danh đến tận.

Về dưới nghĩa thảng là: *Tắc chiếu đủ cả triều đình, cháu quan, nghìn thu sự nghiệp cùng mở.*

Câu đố đề rạp tuồng như thế là hay lắm vậy.

Vẫn có một người mà lúc ra vai cha, lúc lại vai con, lúc đóng vai vua, lúc lại vai bầy-tôi; — chỉ một tắc chiếu mà khi là triều đình vẫn vỗ đủ mặt, khi lại là cháu quan nhân nhàn đóng-đúc. Cái đường công danh của các vai đóng ấy thế mà lên đến tốt phẩm. Cái sự nghiệp của tích diễn ở trên sân khấu ấy thế mà lưu đến nghìn thu. Đóng vai phường chèo, phường tuồng mà công danh, sự nghiệp lừng lẫy, lâu-dài như thế, chẳng trách đời xưa vẫn cho những bác làm nghề ca-xướng đáng nhẽ cũng là vua là quan, là anh-hùng, hào-kiệt cả, nhưng không, vì mồ mả ông cha cất sai huyệt một chút mà chẳng làm nên công cán gì, anh đóng tuồng vẫn chỉ hoàn anh đóng tuồng mà thôi. Đến đời nay, lại bao nhiêu người muốn đóng vai tuồng, vai chèo tuy rằng bảo vì lòng mến chuộng Mỹ-thuật, nhưng tựu-trung, khi đóng vai nào nó cũng được vui cho mình về vai ấy một chút rồi lại được thiên-hạ vỗ tay khen trên sân khấu hay phê-bình tán-tung trên tờ báo, thì chẳng cũng là làm nên công-danh sự-nghiệp lừng-lẫy lâu-dài đó ru!

Ta xem đôi câu đố này, khiến cho ta lại nhớ đến một Câu đố về rạp hát tuồng kẽ cũng là tài tình hay lắm vậy. (xem mục Câu đố ở cuối quyển *Tục-ngữ phong-dao II*). Câu đố rằng:

*Hữu quân, hữu tướng vô hữu quyền,
Thiên lý nội hành bất xuất môn;
Phụ tử đồng thân, bất đồng tình,
Phu thê đồng tịch, bất đồng sàng.*

Và nghĩa nôm là:

*Có vua có tướng, không có quyền,
Nghìn dặm đi ở trong, không ra khỏi cửa.
Cha con cùng thân, nhưng không cùng họ,
Vợ chồng cùng chiếu, nhưng không cùng giường.*

155. — SĨ TÍNH CƯƠNG — MY SINH TIỀN

Ông Hòe (?) vốn có tính tương-nganh, lúc đi thi, chống chọi cả với quan trường. Quan Chủ-khảo thấy vậy, ra cho một đôi câu đố, bắt đố ngay:

**Sĩ tính cương, thiệt tính nhu, cương tính bất
齒 性 剛 舌 性 柔 剛 性 不
như nhu tính cửu
如 柔 性 久**

Dịch nghĩa thảng: Răng tính rắn, lưỡi tính mềm, tính rắn không bằng tính mềm bền lâu. Câu này như có ý muốn rắn bảo ông Hòe rằng cái mềm vẫn bền hơn cái rắn, như cái răng kia rắn thế mà vẫn rung trước, chứ cái lưỡi mềm thì lại còn mãi mãi. Đại ý giống như câu của Thường-Tung dạy Lão-Đam. (Xem *Cỗ học tinh hoa* quyển II trang 48).

Ông Hòe liền đáp lại rằng:

Mỵ sinh tiền, tu sinh hậu, tiền sinh bất
眉 生 前 鬚 生 後 前 生 不
nhược hậu sinh trưởng
若 後 生 長

Dịch nghĩa thẳng: Lông mày sinh trước, râu sinh sau, sinh trước không bằng sinh sau dài hơn.

Câu này như có ý muốn cự lại quan Chủ-khảo rằng: Cái sau kề không bằng cái trước, nhưng sinh ra sau mà dài hơn sinh ra trước như râu đối với lông mày, thì sau mà chẳng là hơn trước ư? Đại ý lại như câu tục-ngữ: «Lão ô bách tuế bất như phượng hoàng sơ sinh» (Quá già một trăm tuổi không bằng phượng-hoàng mới đẻ ra)

156. — SÚC NGĀ — ÁT DU

Người ta kề răng khi ông Mạc-đĩnh-Chi sang sứ Tàu, ông thường cưỡi lừa đi rong chơi các phố.

Một hôm đang nghênh-ngang trên minh lừa, bỗng ông chạm phải một người Tàu cưỡi ngựa đi tới. Người ấy tức mình, đọc một câu rằng:

Súc ngā ky mā, đông-di chi nhān giā,
觸 我 騎 馬 東 夷 之 人 也
tây-di chi nhān giā?
西 夷 之 人 也

Ông liền đọc đáp lại rằng:

Át dư thừa lư, nam phuong chi cường dư,
退 予 乘 驢 南 方 之 强 敵
bắc phuong chi cường dư?
北 方 之 强 敌

Câu của người Tàu dịch nghĩa là: *Chạm ta cưỡi ngựa, là người mọi-rợ phương Đông, hay người mọi-rợ phương Tây?*

Câu của Đĩnh-Chi dịch nghĩa là: *Ngăn ta cưỡi lừa, thì người phương Nam mạnh, hay người phương Bắc mạnh?*

Câu của người Tàu hỏi như thế là có ý khinh dể cho Đĩnh-Chi là kẻ mọi-rợ: lũ man-di sao dám vỗ lẽ chạm vào người văn-minh đang đi ngựa.

Câu của Đĩnh-Chi hỏi lại như thế là có bụng can đảm nói chúa chắc người phương bắc đã hắp là mạnh hơn người phương nam, mà dám ngăn đường người phương nam đang cưỡi lừa.

Ứng khẩu đối ngay, mà hay như thế, cái tài của ông Đĩnh-Chí thật là khiến cho người Tàu phải khiếp sợ, mà người Nam được vẻ-vang lắm vậy.

Câu của người Tàu ra từ chữ *đóng-di* đến chữ *giă* lấy ở sách Mạnh-tử, thì câu của ông Đĩnh-Chi từ chữ *nam-phương* đến chữ *dư* cũng lấy ở sách Trung-dung.

157. — THIỀN-HẠ — TRIỀU-ĐỈNH

Thiên hạ thanh hoàng	Triều đình chu tử
天 下 青 黄	朝 庭 朱 紫
giai ngā thủ.	tōng ngô gia.
皆 我 手	總 吾 家

Đối câu đối này dán ở trước cửa một hàng thợ

nhuộm. Nghĩa vẽ trên là : *Thiên-hạ xanh vàng đều ở tay ta.* — Nghĩa vẽ dưới là : *Triều-dinh dỗ tía gòp ở nhà ta.* Nhưng cái ý ngoại lai còn là : nhà ta đây thống-nhất được cả thiên-hạ, thu-thập được cả Triều-dinh. Cái sắc xanh, sắc vàng, thiên-hạ lấy làm trọng chẳng ở tay ta làm ra cả là gì ? cái sắc đỏ, sắc tía, Triều-dinh lấy làm qui chẳng họp cả ở nhà ta là gì ? Tay ta đây thật đã gây nên thiên-hạ, nhà ta đây thật đã họp được Triều-dinh.

Công đức lầm nghè thơ nhuộm ! Anh-hùng sao người thơ nhuộm ! Nhưng cái lối văn thế này, bất cứ là câu đối, là thơ hay là phú, ta vẫn thường thấy luôn, không lấy gì làm lạ. Như ý ta, thi ta thiết nghĩ cái lối văn ấy, nếu không phải là cái khẩu-khí tự-nhiên của những bực anh-hùng chân-thật, thi chỉ là cái lối văn chơi đùa, nhà văn sĩ hả bút viết, chẳng qua chỉ muốn nguêch-ngoac khoác-lá làm cho câu văn của mình như có giá hơn lên mà thôi. (Xem Nam-thi trang 49) — Chẳng thế mà có người làm đôi câu đối cho anh đi lấy phán, cũng còn nặn ra được câu rất hách rằng :

Ý nhất nhung ý, dởm 衣一戎衣擔	Đè tam xích kiêm, thu 提三尺劍收
thế-gian chi nan sự 世間之難事	thiên-hạ chi nhân tâm. 天下之人心

Anh-hùng lầm : mặc một cái áo nhung (áo nhà binh) làm những việc khó trong thế-gian. Đưa lưỡi

girom ba thước, thu hết cả lòng người trong thiên-hạ. Can-dảm thao-lược biết bao ! Nhưng có biết đâu áo nhung là áotoi, girom ba thước là cái đồ đẽ súc phán, việc khó trong thế-gian là việc lấy phán, lòng người của thiên-hạ là phán của thiên-hạ tháo ra vậy !

158. — TRƯỞNG TRƯỞNG — TRÀNG TRÀNG

Người ta kề truyện lại rằng trước có một người đi giáo Gia-tô, có ý muốn khich bác Nho-giáo, một hôm đến xin cụ Nguyễn-Khuyển một đôi câu đối để vè dán chuồng lợn. Chuồng lợn mà cũng dán câu đối, chữ của Thánh Hiền, cái ý sao mà khinh miệt quá ! Câu đối ấy lại xin chinh một nhà đỗ đèn Tam-nguyễn, nổi tiếng hay chữ, cái tâm thật là ngạo-nghẽ lắm !

Nhưng cụ Nguyễn-Khuyển không hề nói gì, cu vui vẻ cầm bút viết ngay cho hai câu thất-ngòn rằng :

Trưởng trưởng, tràng 長' 長' 長'	Tràng tràng, trưởng 長 長 長'
tràng, tràng, trưởng 長 長 長'	trưởng, trưởng, tràng 長' 長' 長
trưởng. 長'	tràng, 長

Hai câu thất-ngòn, cộng 14 chữ mà thực ra chỉ

có mỗi một chữ mà thôi. Chữ *trưởng* cũng là chữ *tràng* chỉ hơn nhau một cái dấu *nháy* ở trên. *Tràng* thì viết là : 長 còn *trưởng* thì nghĩa là : 長'

Tràng thì nghĩa là *dài*, *trưởng* thì nghĩa là *nhón*. Vậy cả hai câu dịch lọn nghĩa nôm là :

Nhón nhón, dài dài, dài, nhón nhón.
Dài dài, nhón nhón, nhón, dài, dài.

Chữ chỉ có một; nghĩa thêm được một nữa, là hai: nghĩa *nhón* và nghĩa *dài*. Câu đối dán chuồng lợn viết đến như thế là hay tuyệt. Lợn vốn là giống người ta nuôi chỉ cốt để ăn thịt hay bán thịt lấy tiền. Vậy người ta nuôi lợn, cốt mong ở cái gì? Nào có phải để câu cho vui tai, thích mắt, giúp đỡ được việc gì đâu, hay chỉ cốt mong cho nó *nhón*, cho nó *dài*, cho nó mầm-map héo tốt, nặng được nhiều cản là qui lâm rồi. Không nói, ai cũng lại biết lợn là giống cực ngu, cực bẩn, cả ngày chỉ ủn-ìn bè tha, uống ăn mặc sirc, hết rúc ở chậu cám bèo, thì gục vào vung do bẩn, ai còn bảo mong dạy lợn, cho khôn, cho khéo, cho hiếu được ý người hay tố lòng ân nghĩa với người bao giờ nữa! Bởi cái ý này, mà có người cho cụ Nguyễn-Khuyến lấy chữ *tràng* đây mà ám chỉ nhà dạy học của bên đạo. Hai chữ Nhà *tràng* sau ta mượn để chỉ trường học đâu vốn là chữ của bên đạo vậy. Cứ kẽ nguyên-ngữ thì chữ *tràng* hay trường 場 đây đi với chữ học 學 không đúng nghĩa.

159. — ĐẾ NGHIÊU, ĐẾ THUẤN

Một nhà giàu có vạn ức, có một cô con gái tuyệt đẹp, đến tuổi mà chưa lấy chồng. Ông bố chỉ muốn kén rể hay chữ. Ông ra một vé câu đố, bảo ai đối được thi gả con gái cho. Câu đố rằng :

**Đế Nghiêu, đế Thuấn, đế Vũ, Vũ, Nghiêu
帝堯帝舜帝禹禹堯
Thuấn, tam đế truyền hiền,
舜三帝傳賢**

Câu này nghĩa là : Vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ, ba vua Nghiêu, Thuấn, Vũ truyền ngôi cho người hiền (1).

Câu đối ra, hôm đầu có một bác thợ mộc đến xin đối rằng :

**Bào ra, bào, tách, bào xoi, xoi, tách
bào ba bào phạt mộc.**

Ông nhà giàu cho là không được. Câu này cứ kè có ba chữ *bào*, ba chữ *xoi*, *tách*, *bào* nghe được. Nhưng hiếm vì chữ nôm đối với chữ Hán có thể cho là không hay. Trong câu chỉ có hai

(1) Cứ theo Bắc-sử thì chỉ Nghiêu, Thuấn truyền hiền mà thôi. Còn Vũ, thì tuy muốn truyền ngôi cho ông Ích, nhưng dân không nghe, mới truyền cho con là Khởi, mà nói thực thì chỉ có Nghiêu, Thuấn là đế với Phục-Hi Thần-nông, Hoàng-đế gọi là Ngũ-Đế mà thôi chứ. Vũ thì là Vũ-vương.

chữ *phat-moc*, 伐木 là chữ Hán, nhưng *phat-moc* lại không ai dùng *bao* bao giờ.

Hôm sau, có thầy phù thủy qua, xin vào đổi rằng:

Lôi Thiên, lôi Tướng, lôi Bồng, Bồng, Thiên,

雷 天 雷 將 雷 蓬 蓬 天

Tướng, tam lôi trừ quỷ

將 三 雷 除 鬼

Ông nhà giàu cũng cho là không được. Ta không phải là tay ăn pháp giỏi, nên không rõ câu này hỏng vì đâu. Có ba vị *Lôi-thiên*, *Lôi-tướng*, *Lôi-bồng* thật không mà ba vị ấy có thật trừ quỷ được không.

Hôm sau nữa, có ông thầy thuốc đến, xin đổi rằng:

Hoàng cầm, hoàng bá, hoàng liên, liên cầm

黃 苞 黃 伯 黃 連 連 苞

bá, tam hoàng giai nhiệt

伯 三 黃 皆 热

Ông nhà giàu vẫn cho là không được. Ta không phải nhà nghề dao cầu, nên cũng không rõ hỏng vì đâu, Ba vị thuốc *hoàng-cầm*, *hoàng-bá*, *hoàng-liên* có phải cùng có tính nhiệt cả không. Ta chỉ nhận, hoặc có chữ *hoàng* 黄 (vàng) cho là đổi được, vì *hoàng* 黄 này đồng âm với *hoàng* 皇 này (vua) mà *hoàng* đổi với *đế* nghe được chẳng, nhưng ta ché chữ *nhiệt* là nóng đổi với chữ *hiền* là kẻ hiền thật không được chỉnh.

Cách mấy hôm sau không ai dám đến đổi nữa.

Mãi một hôm, có người học-trò kiết đánh liều đến xin đổi rằng:

Vương Văn, vương Khải, vương Thang, Thang,

王 文 王 啓 王 湯 湯

Khải, Văn, tam vương kế thánh

啓 文 三 王 繼 聖

Ông nhà giàu cho là được, và bằng lòng gả con, gái cho người học-trò.

Câu này nghĩa là vua Văn, vua Khải, vua Thang, Khải, Văn, ba vua nối Thánh. Vì ông nhà giàu cho là được, thì ta cũng cùng ông nhà giàu, cho là được vậy. Chớ về câu đổi này thật không đúng sự thực cũng như về ra không đúng sự thực vậy. Ông Khải là vua đầu nhà Hạ, ông Thang là vua đầu nhà Thương, ông Văn là vua đầu nhà Chu, mỗi ông cách xa nhau hàng mấy trăm năm thì gọi là kế Thánh sao được. Còn nói thực tam vương thì người ta thường cho là Vũ, Thang, Văn Vũ (tức là Văn-vương và Vũ-vương).

IV. — CÂU ĐỔI LIỀU

160. — THIỀN HẠ — ĐỊA TRUNG.

Mấy tên học-trò đến xin nhập trường quan Huấn.
Quan Huấn hỏi:

— Các thầy học đã được bao lâu rồi?

- Học trò đáp : Bầm đã được năm, bảy năm,
- Thế các thầy đã biết làm câu đối chưa ?
- Bầm đã.
- Út thế thi, thử đổi cho ta xem. *Thiên đối với gì?*
- Bầm Thiên đối với *Địa*.
- Hạ đối với gì ?
- Bầm, Hạ đối với *Trung*.
- Được .. Thế *quốc* đối với gì ?
- Bầm, *Cuốc* ấy ạ, ... cuốc xin đổi với *cày*,
- Được lầm ! Thế *gia* đối với gì ?
- Bầm, *gia* ấy ạ, ... gia xin đổi với *thịt*.
- Quan Huấn trầm ngâm : Bây giờ các thầy thử chấp liền bốn chữ của các thầy đổi với bốn chữ của tôi cũng chấp liền lại xem.
- Học-trò ngo-ngác nhìn nhau đọc : Bầm, *Địa trung cày thịt* của chúng con đổi với *Thiên hạ quốc gia* của quan lớn.

Quan Huấn bật cười. Học-trò không nhịn được, cũng phì cười.

Mà ta đây nghe câu chuyện, cũng không thể không sao không cười được. Cứ kẽ đối rời từng chữ, thì : *Thiên* là giờ đối với *địa* là đất, *hạ* là dưới đối với *trung* là trong hay là giữa, *cuốc* là con cuốc đối với *cày* là con cày, *da* là da dẻ đối với *thịt* là thịt xương, thì thật là hay, tưởng ông Bảng, ông Nghè cũng không sao đối hay hơn được nữa. Nhưng học-trò biết đâu

quan Huấn chơi khăm đã ra đối rời từng chữ, lại ra đối chấp liền cả câu, hay đã lấy bốn chữ liền, lầy từng chữ mà ra như chữ rời vậy. Ké bốn chữ của quan Huấn chấp với nhau, thì là :

Thiên hạ quốc gia

天 下 國 家

Bốn chữ này là bốn chữ Hán tuy không đứng lọn làm một câu, nhưng thường hay đi liền nhau. Vả chẳng hai chữ *thiên-hạ* 天下 dày nỗi với nhau làm một chữ, cũng như hai chữ *quốc-gia* 國家 cùng đi nối nhau làm một chữ, bây giờ ta có thể cho là danh-từ kép được. *Thiên-hạ* nghĩa đen là *dưới gầm giường* nhưng tức chỉ cả mọi người, cả nhân loại; *quốc-gia* nghĩa rời là nước với nhà, nhưng nghĩa hợp là chỉ một nước nào, lấy cái ý một nước tức là nhiều nhà họp lại mà thành. Bốn chữ nghĩa nó như thế, mà đem *địa trung* là giữa đất đối với *thiên-hạ* là nhân loại là đã phải cười rồi, sau lại đem hai chữ nôm *cày thịt* là con cày với thịt xương mà đối với hai chữ Hán *quốc-gia* chỉ một nước, thì ai là tài gi mà không cười được nữa.

Quan Huấn (1) ra câu đối hiềm-học thật !

(1) Có người cho bốn chữ này là do một quan Đốc ra để sát hạch bốn nhà danh-sĩ muốn xin vào thụ giáo, mỗi nhà đối rời một chữ.

Nhưng có người lại nói Quan Huấn đây chính là ông Dương Lâm, khi ông mới đến nhận chức Huấn-dạo ở một Huyện kia, bọn học trò đem lê đèn mừng, chỉ có một thùng

161.— THẦN NÔNG — THÁNH SÀU

— Thần đổi với gì nào ?

— Thần thì phải đổi với Thánh.

— Xứng lắm ! Thần, Thánh cũng là hực anh linh, chính-trực cả . . . Thế nông đổi với gì ?

— Nông thi đổi với sáu chớ gì ?

— Chọi lắm ! Nông, sáu trái hẳn nghĩa nhau . . .

Thế giáo đổi với gì ?

— Giáo tất phải đổi với gươm.

— Chính lắm ! giáo là đồ binh khí, gươm cũng là đồ binh khí . . . Thế dân đổi với gì ?

— Dân, còn gì hơn đổi với quan.

— Được lắm ! quan là người cai trị, dân là người bị cai trị . . . Thế nghệ đổi với gì ?

— Còn phải hỏi. Nghệ đổi với gừng.

— Hay lắm ! Củ nghệ đổi với củ gừng là hai củ cùng có vị cay . . . Thế ngũ đổi với gì ?

— Còn phải nghĩ. Ngũ đổi với tam.

— Giỏi lắm ! Ngũ là chữ ngũ 五 nghĩa là năm lại

gạo với một đôi gà, nên ông mới ra đôi câu đổi này để làm trò cười vậy. — Chúng tôi không biết có thực như thế không, vì hiện chưa có sách nào chép đến câu truyện này cả. Đây là chúng tôi chỉ lấy mấy chữ đổi ấy tưởng tượng mà đặt ra câu chuyện cho vui vậy.

đổi với tam là chữ tam 三 nghĩa là ba... Thế cốc đổi với gi cho được ?

— Cốc ấy à, Cốc, tôi đổi ngay với cỏ, cỏ chịu không nào.

— Chịu. Chịu lắm ! Con cốc đổi với con cỏ còn gì hơn được nữa. Thế đề bây giờ tôi thử chắp liền bảy chữ ra với bảy chữ đổi xem thế nào nhé ! Đây này :

Về ra rằng:

**Thần-nông giáo dân | Thánh sáu gươm quan
nghệ ngũ cốc. | gừng tam cỏ.**

Về đổi rằng:

Nào đã ngộ nhận ra chưa nào ? Bảy chữ về ra là bảy chữ Hán : *Thần-nông giáo dân nghệ ngũ cốc* 神農教民藝五穀 và nghĩa là vua Thần-nông (1) dạy dân giống năm giống (2) lúa. Thế mà về đổi là chữ gì và nghĩa làm sao ? Ba chữ Hán : *Thánh, quan, tam*, và bốn chữ nôm : *sáu, gươm, gừng, cỏ*. *Thánh sáu* là ông nào ? *gươm quan gừng* là ông ấy làm gì ? *Tam cỏ* là những cỏ nào ? *Thánh sáu gươm quan gừng tam cỏ*. Hay ! Hay tuyệt ! Cái âm đọc rất giòn, mà nhất là cái nghĩa không thể sao cắt được . . .

— Rõ ai biết đâu ! Trước tưởng ra từng chữ thì đổi với từng chữ, chớ ai biết là ra cả một câu liền. Ủ, thi bây giờ đổi câu liền ấy, thử tìm hộ một câu cho hay xem thế nào . . .

(1) *Thần-Nông* còn gọi là Viêm-Đế hay Liệt-Đế vua đời cổ bên Tàu dạy dân nghề cày cấy.

(2) *Ngũ cốc*: năm giống thóc này mỗi nơi nói một khác. Thường thi học là ; gạo, thúc, mạch, thử, tặc.

162. — BÂY GIỜ — LÚC NÀY

Người ta kể truyện rằng, một hôm, có một thầy đồ dốt đến tro tại một hàng cờm kia. Cô chủ nhà trọ là một người ăn nói giỏi-giang và lại có chút nhan-sắc. Thầy đồ ra ý muốn quyến-luyến, thành dẫn-dọc cả đêm không sao ngủ được.

Rạng đông gà gáy, chợt thầy nghe thấy tiếng cô chủ gọi réo lên rằng :

“ **Bây giờ gà đã gáy tan, anh đồ giở dậy
[mà toan tiền hàng].** ”

Đang lúc mơ-màng, thầy sực tỉnh dậy, thầy liền nghĩ ngay : « À ! con này hay chữ tệ ! Nó muốn thử tài mình, ra câu đối cho mình làm đây Nhưng khốn ! mình mít đặc, biết đối với gì bây giờ ? . . . Mà chẳng nhẽ mình lại chịu nó. Minh cứ đối liều quách. Nghĩ vậy, thầy lên giọng ngâm-nga đọc đối lại rằng :

“ **Lúc này lợn mới cắn vỡ, cô hàng đứng lên
[mà tính thóc họ].** ”

Cách đối liều của thầy đồ đây cũng như cách đối mấy câu trên. Nghĩa là bất luận nghĩa câu ra làm sao, thầy cứ lấy ra từng chữ và chọn từng chữ mà đổi lại. *Lúc này* đối với *bây giờ*, *lợn* đối với *gà*, ... *đứng lên* đối với *giở dậy*, *thóc họ* đối với *tiền hàng*, chắc không còn nhà văn-sĩ nào tìm được những chữ nào đổi chơi hơn được nữa. Nên mới nghe ai

chẳng phải chịu là thầy đồ giỏi, thầy đồ tài. Nhưng xem đến cái nghĩa câu của thầy, thì lại chắc không có một người nào, dù cho dốt đến bậc nào, cũng không sao không ôm bụng mà nhịn cười được. Chẳng nói gì, chỉ nói « *lợn cắn vỡ* » cũng đủ chết cười rồi ! . . .

163. — CẦN CÂU TRÚC — GỘC KÉO MAI

**Cần câu trúc câu con Gộc kéo mai kéo mẹ
cá gáy, trúc hoá long, chim gù, mai hoén hở,
gáy cũng hoá long. gù cùng hoén hở.**

Câu này cũng như mọi câu đối liều khác chỉ tim từng chữ đối cho chọi, rồi chắp lại, chứ không có nghĩa gì cả. Như *cần* thi đối với *kéo*, *còn* thi đối với *mẹ*, *cá* thi đối với *chim* v. v. — Cá gáy túc là cá chép.

164. — CHÙA NON NUỐC — PHỐ GIÀ COM

Chùa Non-nước, trên	Núi Già corm, trong
non, dưới nước, non	già, ngoài corm, già
nước nước, nhất	già, corm corm, ba
vui thay là phố	buồn nhẹ là phường
Văn-sàng.	Vũ mệt.

Về ra nói chùa Non-nước túc là chùa Thủ-son là một nơi thăng cảnh hiện ở giữa tinh-ly Ninh-bình. Cái tên Non-nước là do chùa làm ở trên

một hòn núi, mà hòn núi ấy lại ở giữa sông (sông Văn-giang), thật là trên thi *Non* mà dưới thi *nước* vậy. — Phố *Văn-sáng* là một phố tụ-hội ngay dưới chân núi Non-nước.

Còn về đối, mới thoát nghe, ai cũng phải chịu là hay, hay lầm. Thật là chơi nhau từng chữ một: *già* đối với *non*, *cơm* đối với *nước*, *ba* đối với *nhất*, *vui* đối với *buồn*, *nhẽ* đối với *thay*, *vũ* đối với *vấn*, *mẹ!* đối với *sàng*. Chữ chọn đâu, câu đặt sao mà khéo quá làm vậy. Nhưng kỳ thực thi, *phố Già cơm* làm gì có, mà *phường Vũ mẹt* cũng không có bao giờ. Chẳng qua là họ đổi liều, đổi lĩnh, đổi cho kỳ được, đổi cứ nhặt từng chữ rời mà chắp lại thành câu thôi.

165. — HAI HÀNG — MỘT NĂM

Có một mụ đàn bà, chồng vừa mới chết đến xin cụ nghè Tân (1) một đôi câu đối dán thờ chồng, cứ một rắng: « *Tôi thương chồng tôi* » hai rắng; « *Tôi đau-dớn lắm* ». Cụ Nghè liền viết cho đôi câu đối rắng:

Tưởng những khi ban	Nhớ đến lúc canh
sáng, rõ hai hàng	khuya, tóm một nạm
nước mắt chảy xuôi.	lông... vật ngược.

Kè cụ Nghè làm đôi câu đối này thì hay thật. Về

(1) Cụ Nguyễn-dinh-Tân ở làng Thượng-cốc huyện Gia Lộc, tỉnh Hải-dương.

trên rõ ra cái ý *thương*, vế dưới tố được cái nỗi *dẫu*, theo đúng như nhời của mụ đàn bà. Nhưng vì đổi khi tục và hơi liều, nên chúng tôi xếp vào mục Câu đối đùa nghịch vậy.

166. — CON CUA — CÁI DÙ

Một anh dốt đặc lại muốn xin vào làm rể một nhà kén người hay chữ. Ông chủ không hỏi văn bài gì, chợt trông thấy con cua đang bò, bảo rằng: « *Con cua đó* »! Đổi được ta gả con gái cho.

Anh kia lùng-tùng chợt nom thấy cái dù cầm tay đổi liền rằng:

« *Cái dù đây* » Tôi đổi rồi, ông gả cô ấy cho tôi. Ông cụ mắng là đổi lão, đuổi ngay ra khỏi cửa.

Anh kia ra về giận lắm. May gặp được cụ đồ hay chữ, bảo phải kiếm dù 50 quan tiền, thì sẽ đến giảng giải cho kỳ được vợ. Anh kia chạy dù số tiền.

Cụ đồ liền đưa đến nhà cô con gái, bảo với ông chủ rằng:

Câu đổi, anh này làm lúc nãy, thật là hay nhất trần đời, sao cụ bảo là đổi lão?

— Ông chủ nói: *Con cua mà đổi với cái dù là nghĩa lý gì? Sao bảo là hay được!*

— Cụ đồ đáp: Thế để tôi xin giảng cụ nghè: Cụ ra nôm là « *Con cua đó* » thì tất lại phải đổi nôm là: « *Cái dù đây* ». Nếu cụ lại cho là cụ ra chữ *Con cua*

tức là: «*Hoành hành hải ngoại*» (1) 橫行海外 thì câu nó đổi lại phải là chữ mà cái dù, nói chữ, tức là «*Độc lập thiên trung*» (2) 獨立天中. Câu đổi hay đến như thế, mà còn không gả con gái cho anh ta thì gả cho ai nữa.

Ông chủ nghe xuôi tai, bỗng lòng gả con gái cho anh kia?...

V. — CÂU KHÔNG ĐỔI ĐƯỢC

167. — DA TRẮNG

«*Da trắng vỗ bi-bạch*»

Câu này, tương truyền là của bà Thị-Điểm ra cho ông Cống-Quỳnh, mà ông phải chịu, không sao đổi được. Ông phải chịu, là vì câu ra tuy chỉ có năm chữ, nhưng chữ dùng đã oái-oăm mà nghĩa chữ lại kỳ-quặc. Nghĩa nôm hai chữ «*bi-bạch*» là chỉ tiếng kêu, nói khi ta lấy tay vỗ vào da (đùi về chả hạn), tiếng nó kêu nghe bi-bạch. Nhưng hai âm *bi*, *bạch* lại còn là hai chữ Hán *bi* 皮 và *bạch* 白. *Bi* nghĩa là da, *bạch* nghĩa là trắng, vậy hai chữ *bi* *bạch* đây đã có một cái nghĩa nôm, lại thêm một cái âm chữ.

(1) *Hoành*: ngang, *hành*: đi, *hải*: bờ, *ngoại*: ngoài, *Hoành hành hải ngoại*: Đi ngang ngoài bờ.

(2) *Độc*: một mình, *lập*: đứng, *thiên*: trời, *giữa*, *trung*: giữa. *Độc lập thiên trung*: Một mình đứng giữa trời

Ấy câu ra khó nghĩa, khó cả chữ như thế, nên kè muôn tìm một câu đổi cho xứng, tưởng nghĩ bao lâu vỗ đầu ra cũng không sao tìm được. Đến như Trạng-Quỳnh mà phải chịu, không phải là vừa.

Thế mà có người hậm-hụi vẫn không chịu, muốn trả cái tài hơn Trạng.

Người thi đổi rằng:

«*Giấy đỗ viết chỉ chu*»

Người lại đổi rằng:

«*Giึง nhở bé tinh tinh*»

Câu trước làm sở-đắc là ở hai chữ *chỉ chu* 紙硯 nghĩa là giấy đỗ, đáp được hai chữ *giấy đỗ* trên cũng như *bi bạch* là da trắng đáp được hai chữ *da trắng* trên vây. Sắc đỗ đổi với sắc trắng cũng cho là hay. Nhưng hai chữ *chỉ chu* dày chỉ cho là hai âm chữ Hán thi được, chờ lấy âm nôm, thì lại không có nghĩa là gì cả. Và chính cả câu dù cắt nghĩa nôm hay chữ Hán cũng không rõ ra làm sao, *giấy đỗ viết son đỏ* là thế nào? Nên không sao nghe được.

Câu sau lại càng tệ lầm. Chỉ được có một chữ tinh 并 nghĩa là giึง đáp lại với chữ giึง đầu câu mà thôi. Nhưng hỏi tinh-tinh vốn nghĩa là gì (tinh-tinh sương?) mà bé tinh-tinh là bé thế nào thì chắc người tim ra câu đổi ấy phải ngậm miệng mà không nói ra sao được.

168.—BÒ LANG

Bò lang chạy vào làng Bo.

Bò lang là con bò lông loang-lồ. Còn *làng Bo* chúng tôi chưa chắc rõ ở vào hạt nào.

Câu này khó đối là vì trên cất là chữ *Bò lang*, cuối lại đệm hai chữ *làng Bo*, mà *làng Bo* tức là tiếng nói lái của *bò lang*.

169.—GÁI TO'

Gái to' chỉ kén ngại quân-tử.

Câu này khó là ở bốn chữ: *to*, *chỉ*, *kén* và *ngại* đã dùng về cái nghĩa ở trong chữ, lại còn dùng về chính âm chữ nữa.— Theo nghĩa dùng trong câu, thì *to* là trẻ tuổi non măng,— *chỉ* là chỉ thế mà thôi,— *kén* là lựa chọn lấy cái tốt,— *ngại* là tiếng xưng hô người một cách tôn quý. Còn theo âm chữ, thì *to* lại chỉ to lụa, *chỉ* nói xợi chỉ may vá, *kén* là cái kén con nhộng nấm ở trong, *ngại* là con ngài tứ là con tằm. Nghĩa đi thế, chữ đi thế, tưởng tim cho ra một câu đối đáp cho đủ được các tư-cách, phi người có đại tài về văn nôm là không sao tìm được.

Câu này đã có người thử đối rằng:

« Giai râu mày chán mặt hồng-nhan ».

Kèm nghĩa, thì cắt nghe cũng xuôi-xuôi, và như ý muốn phản-đối lại câu trên. Chỉ là gái hóm kén

chồng những bức quân tử, nhưng ta đây bọn râu mày (tu-mi), ta không tra gái hồng-nhan (đẹp) đâu.

Nhưng chữ dùng thì chưa đủ đáp được với vế ra mấy chút. Tuy được bốn chữ: *râu*, *mày*, *chán* *mặt* cũng thuộc về bộ mặt đối với bốn chữ *to*, *chỉ*, *kén*, *ngại* thuộc về tâm to, nhưng nghe như dùng chữ khi ép, chữ *mày* đối với chữ *chỉ* không cần, chữ *chán* đây là *chán nản* viết *ch* mà lại truyền sang chữ *trán* là cái trán viết *tr* như sai lạc đi vậy.

170.—THẮNG QUỲNH

Người ta kể truyện một hôm ông Quỳnh mò đến nhà bà Thị Điểm chực tròng ghẹo bà. Bà biết, thả chó giữ cho nó xòng ra cắn. Quỳnh sợ cuống-quít, nhận thấy gần đấy có cây cậy, vội vàng leo lên trên ngồi. Bấy giờ, bà Điểm mới ra mặt, bảo ra cho đòi câu đối, nếu đối được, thì mới đuổi chó, tha cho xuống. Quỳnh ngồi trên cây gật đầu. Bà liền đọc rằng:

Thắng Quỳnh ngồi trên cây cậy, mặt (1)
[đỏ hồng-hồng,

Quỳnh nghĩ vỡ óc, không sao đối được, đành ngồi mãi đến tối, mới được ra về.

Câu bà Điểm ra cốt khó về chữ *cậy* và hai chữ *hồng-hồng*.

(1) — Có sách ghi một chữ bắn thay vào chữ « *mặt* » đây. Nhưng chúng tôi thiết nghĩ bà Điểm ra câu đối

171. — CHA CON

Cha con thấy thuộc về quê, gánh một gánh
[hối hương, phụ tử.

Câu này khó đối là vì đầu có hai chữ Nôm : *Cha con* cuối lại có hai chữ Hán : *Phụ-tử* nghĩa là cha con ; — trên có hai chữ Nôm *về quê* ; dưới lại có hai chữ *hối hương* nghĩa là *về quê*. — lại mấy chữ *hối hương, phụ tử* là tên hai vị thuộc vị *hối-hương* và vị *phụ-tử*.

172. — SONG SONG

Song 雙 **song** 簡 là hai cửa sổ, hai người
[ngồi trong cửa sổ song-song.

Câu này, người ta nói là câu của bà Điềm ra cho ông Quỳnh, mà ông chịu không tài nào đối nổi. Ông không đối nổi là vì, đầu câu đã cất hai chữ *song* là hai chữ Hán, *song* 雙 trước nghĩa là hai, đôi, *song* 簡 sau nghĩa là cửa sổ, cuối câu lại hả hai chữ *song*, là hai chữ Nôm *song-song* đi với nhau và nghĩa là sánh đôi với nhau.

không cần phải dùng đến một chữ tục như thế, và bà cũng không trông thấy mà nói làm vậy. Đề chữ *mặt* hay chữ *mắt* đây, hoặc có người bảo Quỳnh dã sơ, thì *mặt* xám, *mắt* xanh lại, chờ hồng-hồng làm sao được. Nhưng chắc qua một lúc đầu sơ chò, Quỳnh biết là bà Điềm chơi khăm mình, thì tất nỗi cơn giận bà mà mặt đỏ phừng-phừng hay mắt đỏ ngầu-ngầu lên ngay được.

173. — NHÀ NÀY — ?

Xưa có người làm một đôi câu đối mừng người bạn làm nhà mới. Tiếc chúng tôi chỉ nhớ được có một vế hẫy ghi qua đây, đợi sau hỏi được, thì xin ghi nốt ; vế ấy rằng :

Nhà này át hẳn trăm người chết, cha
[trước, con sau, vợ trước chồng.

Câu mới nghe tiêng như là rủa, nhưng nghĩ kỹ thì thật là cái cảnh thuận và lâu dài lắm vậy.

174. — LÈN PHỐ MÍA

Lên phố Mía, gấp cõ hàng mật, cầm tay kéo
[lại, hỏi thăm đường.

Câu này, người ta cho là của bà Hồng-hà nǚ-sử ra cho ông trạng họ Nguyễn mà ông trạng cũng phải cúc cung đành chịu. Chịu là đúng, vì làm thế nào cho tìm được câu đối lại, mà trong câu cũng có đủ bốn chữ chơi được với bốn chữ cùng một xuất-xứ, cùng một vị ngọt như bốn chữ : *Mía, mật, kẹo, đường* trong câu này !

175. — CON QUÊ

Con quê ở đất nhà quê, quê của, quê người,
[quê cả thoi.

Câu này khó đối, là vì trong câu, chỉ một chữ « *quê* » mà nhắc đi nhắc lại những năm lần.

176. — TÊN TÔI LÀ

**Tên tôi là Lê, con nhà thi-thư, gấp đời
[xuân-thu, thì phải dịch.**

Câu này khó khó, là vì chữ dùng trong câu gồm đủ cả tên năm kinh của đạo Nho (1) là: kinh *Thi*, kinh *Thư*, kinh *Lê*, kinh *Dịch*, kinh *Xuân-thu*. Theo nghĩa cả câu mà cắt, thì phải chữ *dịch* ở cuối cùng ý muốn nói gì không được rõ-ràng lắm. *Dịch* là đồi, vậy người tên là Lê đây phải đồi cái gì hay đồi thế nào !

177. — TÔI LÀ

**Tôi là con gái Nghi-xuân, tôi đi chợ Hạ,
[mua cá thu về, chợ hấy còn đông.**

Câu này khó đối là vì trong câu tuy nói *Nghi-xuân* là tên huyện Nghi-xuân (thuộc tỉnh Hà-tĩnh đã sản ra cụ Nguyễn-Du và cụ Nguyễn-công-Trí). — *Chợ Hạ* là tên một chợ ở về vùng Nghi-xuân. — *Cá thu* là tên một thứ cá bể mệnh dẹt và dài, thịt trắng và ngon, người ta hay mắm rồi bán, kẹp vào hai miếng gỗ. — *Chợ đông* là chợ có nhiều người họp, nhiều người mua bán, trái nghĩa với chợ vắng,

(1) — Sách Học thuốc Tàu cũng có Ngũ kinh,

nhưng cốt ý lại dùng bốn chữ *xuân, hạ, thu, đông*, để chỉ bốn mùa trong một năm.

178. — CÔ LAN

**Cô Lan bán giấy cửa đông, kẻ nam, người
[bắc, chưa bằng lòng cô.**

Câu này ra có hai cái khó : Một là tên người là *Lan*, mà chữ *Lan* 阪 viết ngoài có chữ *môn* 門 là cửa, trong có chữ *đông* 東 là phương đông, rồi dưới chữ *Lan* lại hạ luôn hai chữ *cửa đông*.

Hai là trong câu có ba chữ *Đông, Nam, Bắc*, chỉ ba phương giờ.

179. — CON GÁI

**Con gái bên đông, lấy chồng bên tây, cứ ở
[lòng ngay, chờ hờ nam, bắc.**

Câu này nghĩa thẳng giải ra thật rõ, tưởng tìm câu đối không có gì là khó. Nhưng cái phần khó, là trong câu có bốn chữ dùng chỉ bốn phương *Đông, Tây, Nam, bắc*.

Câu này đã có người thử đối với :

**Con gai phương cẩn, lấy vợ phương tốn,
[phòng khi thiêu thốn, đỗ lộn cản, khôn.**

Câu này chỉ cốt lấy bốn chữ: *cẩn, tốn, cản, khôn*, đối với bốn chữ: *đông, tây, nam, bắc*. Nhưng kê

không ai nói phuong cǎn, phuong tốn bao giờ
mà cả câu : *phòng khi thiếu thốn đồ lợn cản khôn,*
cái nghĩa cũng không rõ ràng ra làm sao cả.

180. — GÁI NHƯ-TRÁC

**Gái Như-trác xấu như ma, người ta thiết
[tha như ma như trác.**

Câu này khó đối là bởi bốn chữ *nhus trác*, *nhus ma* nhắc lại hai lần, mà mỗi lần có một nghĩa khác : hai chữ *Nhus trác* trên là tên đất hiện nay thuộc về huyện Nam-sang, phủ-Lý nhàn, tỉnh Hà-nam. Hai chữ *nhus trác* sau là hai chữ Hán 如琢 và nghĩa là như dũa vậy, — Hai chữ *nhus ma* trên là hai chữ nôm và nghĩa là *nhus ma, nhus quỷ*; hai chữ *nhus ma* dưới lại là hai chữ Hán 如磨 và nghĩa là như mài vậy. — Vậy bốn chữ *nhus trác, nhus ma*, trên là lấy về đằng nòm, còn bốn chữ *nhus trác nhus ma* dưới với cả hai chữ *thiết tha* 切差 là mượn ở chữ Hán. Vốn trong kinh Thi, có một bài dùng bốn chữ : như thiết, như tha, nói về đạo học, và bốn chữ : như trác, như ma, nói về cách tự-tu.

181. — HẸ CÂU NGHỆ

**Hẹ câu nghệ khóc gừng, rứe lác láng diềng
[ôm tôi.**

âu này sở-dĩ khó chưa ai đối được là vì trong

câu có đủ cả bao nhiêu đồ gia-vị hôi, cay, xưa nay ta vẫn ghép với nhau cho như thuộc về cùng một mộc-loại : nào *hế*, nào *nghệ*, nào *gừng*, nào *diềng* (riêng) lại nào *tỏi*, không thiếu thức gì !

182. — NGỒI CỐNG.

**Ngồi cống cao chàng, bắt chǎn chữ ngoě,
uống rượu thịt éch, eóe có tiền, lại nói ương.**

Câu này khó cũng như câu *He câu nghệ* (số 181) vì trong câu nhặt nhạnh đủ cả các tiếng chỉ về loài cóc nhái (batracien) chǎn chàng (trong câu chỉ có chữ chàng, cao chàng) ngoě, éch, cóc, ênh-ương (trong câu chỉ có chữ ương, nói ương).

IV. — CÂU ĐỐI KHÔNG GIẢI NGHĨA

CÂU ĐỐI TẾT

**183. — KHÔNG DUNG — CÓ NHẼ
Không dung xuân đến | Có nhẽ giờ nào
[chi nhà tôi. | [đóng cửa ai**

184. — TỐI BA MUOI — SÁNG MỒNG MỘT

Tối ba mươi, nợ
réo tít mù, ấy mới
[Tết!]

Sáng mồng một, rượu
tràn quý-tị, ái chà
[xuân!]

185. — NỢ CÓ CHẾT — GIÒI ĐỀ SỐNG

Nợ có chết ai đâu
đòi mà chi, giả mà
[chi, cha Tết!]

Giỏi đẻ sống lâu mãi
tiền cũng có, bạc cũng
[có, mẹ đòn!]

186. — CÓ LÀ BAO ! — UỐC GÌ NHỈ !

Có là bao ! Ba
vạn sáu nghìn ngày,
được trăm bận Tết

Uớc gì nhỉ ! Một
năm mươi hai tháng,
cả bốn mùa xuân.

187. — UẦY TẾT ĐẾN — KÌA XUÂN SANG

Uầy ! Tết đến rồi
đó, chẳng nhẽ dor
cùi cùng tuế nguyệt.

Kia ! Xuân sang đầy
nhỉ, phen này mở
mí với giang san.

— Câu này là của người học trò, Tết đến, cả nhà
chỉ có một quả bưởi, nên vịnh Tết như thế. Trong
câu có những tiếng dor cùi, mở mũi, túc là ám chỉ
quả bưởi.

188. — CŨ HAY — NẾP CÓ

Cũ hay, mới cũng | Nếp có, tè cũng
hay, tâm niệm kiền | có, cảm ơn dày
thành dâng Tồ Khảo. | phận khỏi long-dong

Hai câu này là của người hàng sáo dán Tết. Nhận
trong câu có chữ *nếp* chữ *tè*, chữ *tâm* chữ *cảm*. —
Kiền thành 虔誠 là kính thành.—Phải hai chữ danh từ
Tồ, *Khảo* nghĩa là ông cha, đối với hai chữ *long-dong*
là hai chữ phó-tử đi đôi không được cản.

189. — MỎ TOANG — KHÉP KHÍT

(Câu đối có Tư Hồng dán cửa)

Mỏ toang ra, toác | Khép khít lại, khìn
toạc toàng toang, nền | khìn khít khít, máy
Tạo-hóa chia ra | âm dương đưa đầy
[đòn mảnh] | [một then.]

Nguyễn-Khuyến (?)

190. — CHIỀU BA MUOI — SÓM MỒNG MỘT

Chiều ba mươi, công | Sóm mồng một, rượu
nợ rồi canh tân, | chè tràn quý tị,
ước những mươi năm | trông cho ba bữa
[dồn lại một] | hóa ra mươi

Nguyễn Công Trứ (?)

191. — TẾT CÓ GÌ — XUÂN THÌ CHƠI

Tết có gì, cũng
viết hoài, viết soái,
cũng chữ loài, dưng
với họ ra điều
[học hiệ.

Xuân thì chơi, nào
câu đối, câu điếc,
nào pháo phiếc, chán
cho đời những sự
[Tết tung

192. — GIỜI NĂM TÍ — ĐẤT HỘI SƯU

Giời năm Ti thế nào,
năm nay thế vậy, có
tai, có mắt,
nghe thấy cũng chẳng
xa, mười hai tháng
mới đổi một đương
niên, (1) năm tuy mới,
nhưng giờ vẫn cũ.

Đất hội Sưu ở đâu,
hội này ở đây, không
cánh, không chân,
bay đi đâu mà
ngại, muôn nghìn năm
biết bao nhiêu mại
chủ (2), ai rằng mất,
nhưng đất vẫn còn.

Đôi câu đối này là của ông Phạm-Thái làm về dịp
Tết. Thực, chỉ có một vế trên nói về Tết còn vế
dưới nói về ruộng, đất muôn bán. Nguyên cụ để
ra ông Thái đỗ Tạo-sĩ đời Lê, làm chức Tri-quan
cho quan Đồn-trưởng ở Trường-An, có đê lại ít
ruộng ở Trường-an. Ông Thái muôn bán, có người

(1) *Đương niên*: năm đang có, đổi với *quá niên*, *khứ niên*,
là *năm ngoài*.

(2) *Mại chủ*: chủ bán, đổi với *mãi-chủ* là chủ mua.

can rằng nên đợi, không nên bán e rằng thiệt.
Ông không nghe, cứ bán. Ta xem từ chữ «...Muôn
nghìn năm.., đất hãy còn, thi đủ biết».

193. — XUÂN MỚI GỌI — TUỔI CÙNG THÌ

Xuân mới gọi là
xuân; xuân thiếu
quang thực úc (1) xuân
xướng mậu huyền
hòa (2), ai chẳng mong
xuân mai đề vui
đời, kia xem nơi
kia đình, nơi nọ
đáo, nơi ấy điểm
đua, cõi người, kéo
hội, bắt chạch, gieo
đu, xuân năm ngoái
vui lắm, năm nay
lại vui ghê, muôn
xuân mai đề nhẫn
nhà (3) ngày tháng Bụt.

Tuổi cũng thì là
tuổi: tuổi phú
qui vinh hoa, tuổi
công danh sự
nghiệp, ai chẳng muốn
tuổi dài cho sướng
kiếp, nhưng mà ngày
nay cõi, ngày mai
bạc, ngày kia chè
rượu, quay đất, bài
phu, tồ-tôm, sóc-
đĩa, tuổi ngày trước
dại vừa, ngày rày
còn dại mãi, nhiều
tuổi chi cho tốn-
ái (4) nước non giờ.
Phạm-Thái

(1) *Thiếu quang thực úc*: bốn chữ này nghĩa là: bóng
sáng đậm-ám.

(2) *Xướng mậu huyền hòa*: bốn chữ này nghĩa là: nảy
nở tốt tươi, ám-áp.

(3) *Nhẫn nhà*: tiếng cổ cũng nghĩa như thong-dong.

(4) *Tốn-ái*: tiếng cổ cũng nghĩa như phao-phi,

194. — NGƯỜI TA NĂM — MÌNH TA TUỔI

Người ta năm Bính-dần, đầu tháng mười-hai tiết tân-xuân, giờ ấy mũi hẵn to bằng súng, như xuân thế một năm hẫu dẽ mấy, lạc thú kia nên náo-nức mấy ai oải sợ con sòng-sọc kịp theo chân (1), đưa thanh sắc để nhấn-nhe nơi thành-thị, hồn-hồn lấy tinh tinh vui với cảnh, sòng chơi dai cho không-khảnh dáng [trần gian.]

Mình ta tuổi Đinh-dậu, năm nay ba chục chừng nhì-lập (2), nghĩ mình đầu đã nhón tay thành, ví thân này nứa kiếp đã hẫu qua, phù sinh ấy khéo buồn tênh thay mình nhỉ! giận cái long-đong làm dở phận, không thanh danh cho lừng-lẫy áng bang gia (3), khư-khư ôm vinh nhục những cầm giờ, chết chôn kỹ kéo vẫn - vor hồn [hoạn thế]

PHẠM-THÁI.

(1) — Câu này ý nói sợ cái già nó chóng đến.

(2) — Bốn chữ « Tam thập nhì lập » của đức Khổng-tử trong Luận-ngữ.

(3) — Áng bang gia : nền nước nhà.

CÂU ĐỐI MÙNG

195. — TRÊN CÓ — DƯỚI KHÔNG

(Mừng em út mới lấy vợ)

Trên có mẹ, cùng	Dưới không em, đã
[anh, thú nhỉ.]	[vợ, vui thay.]

* Về dưới nói không em thì rõ ngay là con út.

196. — HAI CHỮ — NGHÌN NĂM

(Câu mừng cô Tư Hồng)

Hai chữ bao phong	Nghìn năm danh tiếng
[hàm Cụ lớn.]	[của Bà to.]

Câu này là của một vị quan làm mừng cô Tư — Cô Tư danh-giá vang lừng thật! Chẳng thế mà các danh sĩ thi nhau làm câu đối mừng cô, mà túc là để lưu danh cô lại cho hậu thế.

197. — CÓ TÀN — NÀY BIỂN

(Cùng câu mừng cô Tư)

Có tàn, có tán,	Này biển, này cờ,
có hương án thờ	này sắc phong cho
vua, danh giá vang	cụ, chị em hò
lừng mười mấy tinh.	dễ mấy lăm người.

NGUYỄN-KHUYẾN

198. — LẠ-LÙNG THAY — MAY-MẮN NHỈ
 (Lại câu mừng cõi Tư)

Lạ lùng thay! khôn
 ngoan chẳng lợ nhò
 chõng, ba nghìn đồng
 sắc tú Phu-nhân,
 người được như me
 [là ít có.

May mắn nhỉ! danh-
 giá đẽ dành cho
 cụ, bảy mươi tuổi,
 hâm phong Thị-độc,
 ai rằng sinh gái
 [eung như không.

NGUYỄN KHUYẾN

199. — NHỜ GIỎI — ÔN CHÚA

Nhờ Giỏi phù-hộ
 chõng tôi, miếng khoa-
 giáp ăn xanh phường
 [sī-tử.

Ôn Chúa yêu-vì
 bố nõ, nợ trấn-
 hoàn trang trắng mặt
 [nam-nhi.

Câu này người ta cho là của cụ Nguyễn-Công-
 Trú làm thay vợ đẽ mừng mình lúc đi thi. Ăn xanh:
 ăn đứt. — Trang trắng: rũ sạch.

200. — CHA THI ĐỖ — ÔNG NHÂN HIỀN

Cha thi đỗ, con | Ông nhân hiền, cháu
 thi đỗ, cha con | nhân hiền, ông cháu
 cùng thi đỗ, lộc | cũng nhân hiền, phúc
 nước hưởng đời đời. | nhà truyền kiếp kiếp.

201. — MÌNH NGHĨ — AI BẮNG

(Câu làm tụ mừng)

Mình nghĩ eung cù
 thay, khi rượu sóm,
 lúc cõi trưa, rượu
 rượu Lưu-Linh, cõi
 [cõi Đề-Thich.

Ai bắng đâu sướng
 thực, câu thơ kim,
 bài phú cổ, thơ
 thơ Lý-Bạch, phú
 [phú Tiêu Hà.

202. — THÔI THỂ — NÓI RA

Thôi thể thực duyên
 may, già sức khỏe,
 trẻ bình an, khuỷa
 sóm ngọt bùi ông
 [có cháu.

Nói ra chí sự
 ở, giàu vè-vang,
 sang lịch sự, đi
 về nương tựa chú
 [như cha.

Câu này làm mừng bạn mới lấy vợ, người bạn
 bố chết rồi, mẹ tái giá, phải ở với ông và chú.

203. — TÍNH ÔNG HAY — NHÀ ÔNG CÓ

Tính ông hay, hay | Nhà ông có, có
 tửu, hay tăm, hay | bàu, có bạn, có
 nước chè đặc, hay | ván cơm xôi, có
 nằm ngủ trưa, tuổi | nồi cơm nếp, bày
 ngoại sáu mươi còn | ra một tiệc thay
 [mạnh khỏe. | linh-dinh.

Hai câu này là của một ông cụ làm đè tự mừng
minh ăn thọ bảy mươi và khéo được một cái lá
mượn chữ ở những câu đồng-dao, phong-dao rất
hợp cảnh.

CÂU ĐỐI PHÚNG

204. — CON MẮT CHA — CÂY MUỐN LẶNG

(Con khóc cha)

Con mắt cha như | Cây muốn lặng sao
[chim lìa tồ. | [gió chẳng dừng.

— Vé dưới lót cái ý trong câu « *Thụ dục tĩnh
nhì phong bất định* » của thầy Tứ-Lộ.

205. — ĐỨC MẸ — LÒNG CON

(Con khóc mẹ)

Đức mẹ cao dãy, | Lòng con báo đáp,
thảm-thiết thơ ngây | ngậm-ngùi tae cỏ
[chín chữ | [ba xuân.

206. — NGOAO-NGÁN THAY — ĐAU ĐỚN NHẼ

Ngao-ngán thay ! một | Đau-đớn nhẽ ! năm
chị với hai con, | mươi mà trăm tuổi,
chén rượu cương | câu thơ lý
thường nhò cháo rót. | biệt mượn người đưa.

Câu này là của ba chị em khóc mẹ mất năm năm
mươi tuổi, không có con gai, lấy cháu làm kế-tự.

207. — XOĂN ĐUÔI — KHÉP MU

(Riêng người lấy Khách mà Khách chết)

Xoắn đuôi chuột, giờ | Khép mu rùa, ở
[về với mẹ. | [lại nuôi con.

208. — NGHĨ RẮNG — AI NGỜ

Nghĩ rằng rết lám | Ai ngờ cóc hết
chân, chị ngã, em truyện, quan tha, mà
nâng đành dâ vạy. | bắt biết làm sao.

Câu này là câu của hai chị em khóc chung một
chồng. Mà người chồng lúc trước phải tù tội, đến
khi được tha về, thi chết. Bởi vậy mới dẫn được
hai câu tục-ngữ. « *Chị ngã, em nâng* » và « *Quan tha
ma bắt* ». Xem rõ truyện ở quyển *Đề múa vui*.

209. — CHỊ THUA CHỊ — CON ƠI CON

(Vợ lẽ khóc chồng làm quan)

Chị thua chị ! Một | Con ơi con ! Ba
tiếng dùng nợ phù | đời dối gương thế
sinh quan lớn dâ | phiệt chúng bay coi
xong rồi, trị mà | lấy đó, vinh là
chị, loạn mà chị, | thế, nhục là thế,
kiếp nợ sống thừa | phen này chết đắng
[em với chị. | [mẹ cùng con.

210. — ÔNG ĐI — CHA KHÓC

(Cháu khóc ông nội)

Ông đi đâu, đi	Cha khóc lăn, khóc
dâu, bánh ngọt quà	lóc, đau tang, tóc
ngon, san-sẻ lấy	rối, bồi - hôi thẩy
ai vui vẻ nứa.	cánh ngậm-ngùi thay

211. — SỰ TRĂM NĂM — DUỐI CHÍN SUỐI

Sự trăm năm, chị	Dưới chín suối, ai
đã vẹn rời, trách	mà có hỏi, như
chị tình kia còn	ai duyên ấy vẫn
[hiểu nọ.]	[thân này.]

Hai câu này là hai câu em dâu viếng chị dâu còn chồng, mà chính mình thì hóa chồng. Nên về dưới có chữ *ai* tức là ám chỉ chồng mình có hỏi, thì đáp như thế.

212. — NHỚ TỪ KHI — BỒNG PHÚT CHỐC

Nhớ từ khi khuất	Bồng phút chốc trong
bóng nhà Huyền, ra	chừng núi Dĩ, quạt
đò vào nâng, sau	nồng ấp lạnh, sớm
trước chở-che nhờ	hởm chềnh-mảng túi
[có mẹ.]	[đàn con.]

Câu này là câu khóc mẹ già, mẹ mình đã mất rồi và hiện mình ở xa. — *Nhà Huyền, núi Dĩ* là những chữ dùng để nói về mẹ.

213 — ÔNG SAO ĐÃ — TÔI NAY VĂN

Ông sao đã vội	Tôi nay vẫn hagy
bỏ : bỏ vợ, bỏ	còn : còn giờ, còn
con, bỏ tiền, bỏ	đất, còn nước, còn
của, bỏ hát-bội, bỏ	non, còn anh hùng, còn
thầy-tu, bỏ hết	hào-kiệt, còn nhiều
trần-duyên trong một	vận-hội với năm
[kiếp.]	[châu.]

214. — THẤY XE — TƯỞNG SỰ

Thấy xe thiên cõi	Tưởng sự bách niên
xịch đưa ra, không	dừng nghỉ lại, náo
thân-thích nhẹ đâu	can tràng cho nên
[mà khóc mướn.]	[phải thương vay.]

Câu này, người ta nói, là của ông Quát làm viếng một người, ông không quen biết bao giờ, nhưng ông gặp đám ma, thì cứ làm câu đối phúng choi, đẽ tang chủ phải mời vào đánh chén.

215. — BÀ VUI — NHÀ TIẾNG

(Cháu khóc bà nội)

Bà vui lên cõi	Nhà tiếng thê không
Phật cõi Tiên, cõi	giàu không có, mẹ
với cháu nhớ thương	cùng anh lo liệu
[khôn siết kẽ.]	[những làm sao.]

216. — MỪNG THẦM — NGÁN NỒI

(Cháu khóc chú ruột)

Mừng thăm cháu cũng như cha, mọi việc nương nhờ còn siết [kẽ.]	Ngán nỗi cháu về cảnh phạt, xót tình thương nhớ biết bao [người.]
---	--

217. — XÓT TÌNH — TỦI PHẬN

(Cháu khóc chú ruột)

Xót tình trông cậy như cha, đứng dưới thềm lan sầu mọi [nỗi.]	Tủi phận thơ ngây là cháu, khóc đưa xe bạc thảm trăm [chiều.]
--	--

218. — TẠO VẬT — RẺ CON

(Con rẽ khóc bố vợ)

Tạo vật khéo trêu người kéo đám mây mù che núi Nhạc. Núi Nhạc, nhà Băng chỉ bỏ vợ.	Rẻ con không nhẹ nín, nỗi cơn gió lạnh thổi nhà Băng.
---	---

219. — ANH EM OI ! — CHỊ EM NHỈ !

Anh em ơi ! ông Nhạc đi đâu rồi, ô vây mệnh giờ [có thể.]	Chị em nhỉ rẽ con không nhẹ nín, kiếm lối giả nghĩa [phải chăng]
--	---

Hai câu này, có người bảo là của anh phường chèo viếng bố vợ. Nhưng ta không thấy gì là phường chèo. Ta chỉ nhận *kiếm lối giả nghĩa* mà đối với ô vây mệnh giờ không được cần.

220. — HẮP NGUYỆT — THẦM TÌNH

Hấp Nguyệt lái ông bà bột nhiên khứ [hỉ.]	Thầm tình khurom huynh đệ y dư ai [tai.]
---	--

Hai câu này là của anh lái lợn phúng cha mẹ người bạn đồng-nghiệp chắt cách nhau mấy tháng.

Trong câu có mấy tiếng lóng của các lái lợn : *Hấp* = bảy, — *lái* = hai, — *thầm* = ba, — *khurom* = chín. — Và tám chữ Hán : *bột* *nhiên* *khứ* *hỉ* : 勃然去矣 = vội chốc đi ngay. — *y dư ai tai* : 噎歟哀哉 = than ôi thương vây thay !

TẬP LIỀN

221. — CUỐC — GÀ

Cuốc xuống ao uống [nước.]	Gà vào vườn ăn [kẽ.]
-------------------------------	-------------------------

Chữ quốc Việt q có nghĩa là Nước (quốc-gia) chữ kẽ chỉ con gà. — Vé trên đã có quốc lại có nước ; Vé dưới đã có gà lại có kẽ.

222. — HAI QUANG — NĂM GIÁN

ai quang là một | Năm giàn nhỡ ba
[gánh. | [đôi.

Câu này, người ta nói, là của một ông Thủ-khoa
trời làng Bát-Tràng làm tự khi ông còn ít tuổi. Ông
n là người cực kỳ thông minh dĩnh-ngộ. Trong
u được hai chữ số *hai*, *một* đổi với hai chữ số
m, *ba* rất chỉnh Tiếng *giàn* dày là nói tiền giàn
đôi tiền chỉ có ba mươi sáu đồng. —

223. — GÀ GÁY — MGƯA PHI

a gáy năm canh : | Ngựa phi nghìn dặm :
“tác tác”. | “nhong nhong”.

224. — ĐẦU NON — MẶT NUỐC

ầu non lác - đặc | Mặt nước thung-thăng
[vài đôi yến. | [mẩy chách ngư.

Câu này đầu là của cụ Mặc-dĩnh-Chi vịnh cảnh
ang-son khi cụ qua đó để sang sứ Tàu. Có bản
ép hai chữ « *chiếc thuyền* » thay vào « *chách
jut* ». —

225. — ĐẦU ĐỘI — TAY KHUA

ầu đội vạc, chân | Tay khua vịt, mình
[đi đúng-định | [trong ấm-áp.

Về trên, cuối có chữ *định* 鼎 nghĩa nôm là vạc; —
đ dưới, cuối có chữ *áp* 壑 nghĩa nôm là vịt.

243. — SÔNG VỒ — GIÓ ĐUA

Sóng vồ cặc Bần | Gió đưa ghe Phú
[quay lảo-dảo. | [nhẹ bồng tênh.

Nai câu này, người ta cho là của một ông quan
người Đàng Trong và nàng Xuân-Hương đối đáp
với nhau. *Bần* = Bần-yên-nhán, ở Mỹ-hào, Hưng-
yên? — *Phú* = làng Phú-xuân tức là ở Huế bây giờ.

244. — TÂN VÀNG — THUYỀN RỒNG

Tân vàng tán tía, | Thuuyền rồng mui vê,
che đầu nhau đỡ khi | véն buồm lên rồi sê
[nắng cực. | [lộn lèo.

Hai câu này là của ông Chiêu-Hồ cùng nàng
Xuân-Hương làm đối đáp nhau có phần tục ở
hai chữ cuối câu nói lái lại.

245. — GIỜI CÓ MẮT — ĐẤT KHÔNG CHÂN

Giời có mắt, giời | Đất không chân, đất
chẳng xa, gươong giời | biết chạy, quả đất
[soi xét. | [xoay vẫn.

Câu này của ông Đặng-xuân-Bảng, được mấy
chữ *giời* đổi với mấy chữ *đất* thật chỉnh. Ý
nghĩa của cả hai câu cũng hay.

246. — TRẺ VUI NHÀ — GIÀU Ở LÀNG

(Tặng một bà vãi)

Trẻ vui nhà, già vui
chùa, xem tượng mới
[tô, chuông mới đúc.

Giàu ở làng, sang ở
nước, này người là
[ngai, của là duyên.

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

247. — CÂY GIỒNG — ĐÁ MỌC

Cây giồng trên đỉnh
núi, xuân, hạ, thu,
đông bốn mùa gió thổi.

Đá mọc giữa mặt
hồ, đồng, tây, nam,
bắc, bốn mặt sóng reo.

248. — NGƯỜI ĐỒ SON — KHÁCH CUNG NGUYỆT

Người Đồ - sơn
tắm nước Đồ sơn,
son son xuất,
anh-hùng tượng ngô.

Khách cung Nguyệt
lên chơi cung Nguyệt,
nguyệt nguyệt băng
thục - nử chi giao.

Câu này lấy được, vì có hai chữ sơn 山 thành
chữ xuất 出 và hai chữ nguyệt 月 thành chữ băng 朋.

249. — ĐỘNG ĐẾN CHƠI — NGHE ĐẾN HỌC

(Tặng người học trò lười)

Động đến chơi, mừng
như éch thấy hoa
bụt, nhung - nhăng
chạy ngược, lộn xuôi
trăm cấp thiên tinh
[vạn quỷ.

Nghe đến học, hoảng
như bò thấy nhà
tảng, láo - nháo
quanh đi, quẩn lại
một câu ngũ Đế
[tam Hoàng.

250. — VUÔNG TRÒN — MẶN NHẠT

(Cửa chỉ hàng bán bánh da)

Vuông tròn tinh cuộc
trăm năm, sắp ngừa
khôn lường tay Tạo-

[hóa.

Mặn nhạt chút tình
bán tử, mỏng dày
sao kín miệng nhân-
[gian.

(Trong câu có mấy chữ trăm năm, bán tử không
rõ là nói về điều-tích gì).

251. — THƯƠNG EM — YÊU ANH

Thương em bởi má
phấn răng đen, mình
yêu diệu thêm bộ
cánh trang-hoàng....

[đẹp !

Yêu anh vì mắt
bạc môi thâm, vai
so rụt lại bàn
đèn rực - rõ . . .
[sang !

252. — PHƯỜNG HAY — ĐỒ HỦ

Phường hay, phường
đồ, cũng phường
tuồng, ekó nghi
phường này như
[phường khác.

Đồ hủ, đồ
gàn, chừng đồ
búóng, đừng tưởng
đồ nợ với
[đồ kia.

253. — GÁI KHÁN-XUÂN — GIAI ĐÌNH-BẢNG.

Gái Khán-xuân, xuân
xanh tuổi mười ba,
khép cửa phòng xuân
[còn đợi nguyệt.

Giai Đinh-bảng, bảng
vàng treo đệ nhất,
chè khi chiêm bảng
[trúng khôi khoa.

Vẽ trên là cửa nàng Xuân-Hương họ Hồ quán tại làng Khán-xuân ra.— Vẽ dưới, người ta bảo là cửa một ông đồ tên là Đồ Bút (?) làng Đinh-bảng đổi lại.

Làng Khán-xuân xưa thuộc về Huyện Thọ-xương Hà-nội, bây giờ thuộc về huyện Hoàn-long, Hà-dông.— Làng Đinh-bảng hiện thuộc về phủ Từ-son tỉnh Bắc-ninh.

254. — THÔI CHẮNG NÊN — AI CHẮNG BIẾT

Thôi chẳng nên « công rắn cắn gà nhà », phong-lưu dương Tám, phú quý dì Tư, mây nỗi đã từng qua [trước mắt.]	Ai chẳng biết « hò voi bắn súng sậy », quyền thế bà Banh, thơ từ ông Hùng, gió đưa này những gác [ngoài tai.]
--	---

255. — BÉ CHẮNG VIN — CON HƠN CHA.

Bé chẳng vin, cả gãy cành, nên phải học ăn, học nói, học [gói, học mở.]	Con hơn cha, nhà có phúc, chắc hẳn có cầu, có được, có [ước, có thấy.]
---	--

(Câu này đầu của ông Đặng-xuân-Bảng dẫn thuận tục-ngữ, phong-dao khéo lắm.)

256. — CẨM ĐỊNH — CÓ BẦU

Cẩm định, cẩm đáo, cẩm pháo thăng thiên, cẩm tiền xóc ống, cẩm búng xa-quay, cẩm xoay thò-lò, [cẩm tuốt!]	Có bầu, có bạn, có ván cơm xôi, có nồi cơm nếp, có đẹp bánh chưng, có lung hũ rượu, [có gì!]
---	--

257. — TUỔI MỚI — NGƯỜI HIỀN

Tuổi mới giăng tròn, [dan-díu chỉ.]	Người hiền cảnh bé, [hép-hời xuân.]
---	---

Thích thực ở hai câu đầu bài phong-dao :

« Lấy chồng từ thuở mười lăm,
« Chồng chê tôi bé chẳng năm cùng tôi . . . »

(Xem sách Tục-ngữ phong-dao quyển II trang 124)

258. — THIỀM CUNG — MÄNH CHIËU.

Thiêm cung ăn bóng, [tên cao ngắt.]	Manh chiếu ơn vua, [một tiếng thùng.]
---	---

Câu này có người cho là của ông Trạng Bươi (?) thích thực ở câu phong-dao cõi ra :

« Cõi chết lại có minh-tinh,
« Thất nghiệp năm đinh, có trống cầm canh ». —

259. — TRÚ NĂM — TỈNH MỘT

Trù năm nhăm lẻ, | Tỉnh một cơn rồi,
[vừa ngang tuổi.] [đợi sẽ hay.]

Hai câu này là thích thực ở câu phong-dao :

« *Bảy mươi lấy gái mười lăm,*
« *Có năm cô rú, cụ năm cụ ho* »,

260. — LÚC NẤY — BÂY GIỜ

Lúc này bồi hồi | **Bây giờ thong thả**
[chàng muôn những.] [thiếp tha hồ.]

Hai câu này là thích thực ở bốn câu phong-dao :
« *Đương con lửa tắt, cơm sói...*

(Xem sách Tuc-ngữ phong-dao quyển II trang 90)

261. — NHƯ MÁC — TÀY MO.

Như mác cũng thua | **Tày mo ăn đứt**
[người vận đồ.] [chị môi son.]

(Hai câu này là phú đắc ở câu Tuc-ngữ : « *May hơn khán, Nhớn....* »)

HẾT

MỤC-LỤC

Số câu	Số trang
--------	----------

Tựa	3
Phép làm câu đối	19

I — CÂU ĐỐI TOÀN NỘM

Câu đối Tết

1 Thịt mỡ — Cày nêu	27
2 Duyên — Nợ	28
3 Thiên hạ — Nhân tình	29
4 Ai nấy — Ta nay	31
5 Thiên hạ đại — Ông nay khôn	32
6 Tối ba mươi — Sáng mồng một	33
7 Chiều ba mươi — Sáng mồng một	35
8 Bật cần nêu — Đùng tiếng trúc	36
9 Bầu một chiếc — Nhà hai gian	37
10 Lá phướn — Tiếng chuông	38
11 Doanh quan lớn — Tiết ba mươi	39

Câu đối mừng

12 Đám công danh — Nhờ phúc ấm	41
13 Mười mấy khoa — Năm mươi tuổi	43
14 Trên quan — Trong họ	44
15 Nhát cận thị — Sống ở làng	44
16 Gó tật — Đứt tay	46

Câu đối phúng

17 Kiếm một — Xin đòi	47
18 Giàu làm kép — Cá kè đầu	48
19 Mẹ sinh con — Con chở mẹ	49

Tr

Lú
[c

Nh

hor

II

20	Nghìn năm — Trăm tuổi	50
21	Đất chảng — Giới mà	51
22	Nhà cửa — Công việc	53
23	Thiếp kề từ — Chàng ở dưới	54
24	Trước cưng tưởng — Nếu có biết	55
25	Nhà chín rết — Bà dì đâu	57
26	Màn rùa — Nhẫn hỏi	59
27	Chữ nghĩa — Rè con	61
28	Hồi thương ôi! — Ở quái nhỉ	62
29	Giàu có — Sang không	66
30	Vừa mới — Thể mà	67
31	Cửa trai thiền — Đường tĩnh độ	68

Tập liên

Tự thuật — Tự thân

32	Trói chân — Rút ruột	69
33	Ba vạn — Chín lần	70
34	Tiền bạc — Công danh	72
35	Chị em ơi! — Giới đất nhỉ!	73
36	Chữ nghĩa — Râu ria	74
37	Nhà dột — Học trò	75
38	Một chiếc — Ba vòng	76
39	Nghèn cõ — Lủi đầu	78
40	Đường thanh xuân — Sân đan trì	80
41	Cũng may thay — Thôi quyết hẳn	82
42	Quan chảng quan — Già chảng già	86

Đè lặng

43	In như — Đem cả	89
44	Ra tay — Ngậm khói	90
45	Bán giàu — Buôn trăm	91
46	Nếp giàu — Việc nước	92
47	Thiếp vì — Khách muốn	93

III

48	Ngày ngày — Cuối năm	.94
49	Giang sơn — Văn vũ	94
50	Mở khép — Ra vào	96
51	Hai hụp — Ba bị	97
52	Gió dưa — Giăng nhòm	98
53	Đất e — Núi sợ	100
54	Gió quyến — Giăng lồng	101
55	Mùa xuân — Mùa hạ	101

Vịnh chơi

56	Gió tay — Xoạc căng	102
57	Đập cổ kinh — Xếp tàn y	103
58	Trạng-nguyên — Sứ-sự	105
59	Được thi — Ăn láy	106
60	Một và tuần — Ba mươi sáu	107
61	Ông lão — Tướng sĩ	109

Trào phúng

62	Giới sinh — Đất nứt	110
63	Áo đỏ — Dù xanh	111
64	Trạng đỡ — Khách quen	112
65	Nay đã — Rày thì	113
66	Quan Huyền —	114
67	Miệng kẻ sang — Đồ nhà khó	115
68	Nước trong — Giới nóng	117
69	Đá xanh — Ngói đỏ	118
70	Mười răm — Tháng chạp	119
71	Cung kiếm — Rồng mây	120
72	Ai công hầu — Thể chiến quốc	122
73	Đọc ba trăm — Hay tám vạn	124
74	Trên cây — Ngoài sân	126

Tục-ngữ

75	Góp nhặt — Nưng niu	127
76	Đã chót — Qui hò	128

77	Cô lô — Nhảy lên	129
78	Một mặt người — Mảnh chồng quan	130
79	Gái có chồng — Con có cha	130
80	Bán hàng — Hợp chợ	131
81	Ai lên — Nhắn nhủ	132
82	Nhất sĩ — Trên sur	133
83	Yêu nhau — Lấy dây	134

Linh-tinh

84	Tôi — Bác	136
85	Đầu gối — Tay mang	137
86	Chè — Xôi	137
87	Con ruồi — Cái kiến	138
88	Kiến đậu — Ngựa về	138
89	Phên đan — Nghé lội	139
90	Phượng-hoàng — Mâm thau	139
91	Lúa tám — Nồi tư	140
92	Đi đất — Ngồi gốc	141
93	Vợ cá — Quan thừa	142
94	Thánh tồ — Thần hồn	143
95	Con công — Con cóc	143
96	Con gái — Ông lão	145
97	Con ngựa đá — Thẳng mù nhìn	145
98	Ta nay quan — Tôi học-trò	146
99	Con gai — Con gái	148

II CÂU ĐỐI NÔM PHA CHỮ

Nôm chữ lẫn lộn

100	Ô ! — Xà !	149
101	Thủ thi — Hung hồ	150
102	Kê là gà — Ấu là trẻ	150
103	Chuồng gà — Cá diếc	151
104	Lộc là hươu — Ngư là cá	151
105	Dâu vương — Yả vãi	152

106	Lợn cẩn — Chó khôn	153
107	Đứng giữa — Dây trước	155
108	Học trò — Quan huyện	155
109	Con rẽ — Ông chồng	156
110	Lác dáy — Ý àm	156
111	Nước giếng — Lửa cầu	158
112	Lỗi người — Tư chủ	159
113	Chày chày — Hôm mai	160
114	Ao Thanh trì — Sông Ngân hà	161
115	Phu là cha — Mẫu là mẹ	162
116	Phu là chồng — Ngã là ta	162
117	Cây xương rồng — Quả dưa-chuột	163
118	Chân đi — Tay hái	165
119	Mù lồng gà — Áo cánh diệc	166
120	Bốn cù — Một dao	167
121	Huyện Tam-dương — Quan Tú-kỳ	168
122	Mặc áo — Làm đì	169
123	Thị vào hùn — Vũ cây mạnh	170
124	Cái là tượng — Tu là hổ	171
125	Bướm đậu — Gà ăn	173
126	Cốc cốc — Tùng tùng	173
127	Ông thông — Ông tú	174
128	Quản-tử — Không-Minh	175
129	Tú thời — Ngạn liệu	177

Nôm nira chữ

130	Con chim da — Con cá úc	179
131	Khách khứa — Trai chạy	180
132	Bữa sáng — Năm xưa	182
133	Người nước Nam — Nhà hướng bắc	182
134	Nirc cười thay — Thủ chay-en nhỉ	184
135	Cứu nhân — Khuyến thiện	185
136	Đội ơn — Nhờ đạo	186

VI

Triết-lý

137	Thằng quỉ — Con mộc	188
138	Tự là chữ — Vu là chưng	189
139	Giai họ Vương — Gái họ Bách	190
140	Chữ Đại — Chữ Bi	191
141	Di qua — Khi chạy	192
142	Ba sĩ — Một bách	193

III — CÂU ĐỐI CHỮ HÁN

Triết-lý

143	Bát đao — Thiên lý	194
144	An nữ — Tù nhân	195
145	Ly vị — Cầm sắt	196
146	Thập khẩu — Thốn thòn	197

Linh-tinh

147	Tử năng — Thần khả	198
148	Hoàng triều — Từ phủ	200
149	Quân tử — Thánh nhân	200
150	Tinh thê-dâng — Truyền tử tôn	202
151	Nam bắc — Đông tây	203
152	Nam-bang — Bắc-quốc	204
153	Quá quan — Xuất đối	206
154*	Nhất thân — Thốn tịch	207
155	Sỉ tinh cương — My sinh tiền	209
156	Xúc ngã — Át dư	210
157	Thiên hạ — Triều đình	211
158	Trưởng trưởng — Tràng tràng	213
159	Đế Nghiêu, Đế Thuấn...	215

IV — CÂU ĐỐI LIỀU

160	Thiên-hạ — Địa-trung	217
161	Thần-nông — Thánh-sàu	220
162	Bây giờ — Lúc nay	222

VII

163	Cần câu trúc — Gộc kéo mai	223
164	Chùa Non nước — Phố Giả cơm	223
165	Hai hàng — Một năm	224
166	Con cua — Cái dù	225

V — CÂU KHÔNG ĐỐI ĐƯỢC

167	Da trắng	227
168	Bò lang	228
169	Gái tơ	228
170	Thằng Quỳnh	229
171	Cha con	230
172	Song song	230
173	Nhà này	231
174	Lên phố mia	231
175	Con què	231
176	Tên tôi là	232
177	Tôi là	232
178	Cô Lan	233
179	Con gái	233
180	Gái Ngur-trác	234
181	He câu Nghệ	234
182	Ngồi cống	235

VI — CÂU ĐỐI KHÔNG GIẢI NGHĨA

183	đến 261. Tự trang 235 xuống đến trang	260
-----	---------------------------------------	-----